VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tưởng niệm nghiêm xuân hồng
huyền không ● nguyễn sỹ hưng
tường vũ anh thy
nhìn lại những trang viết cũ
thế uyên
gió, lửa, và thân phận sĩ phu
đoàn nhã văn
thưa thốt và dựa cột
hoàng nguyên nhuận

truyện
nguyễn thị hoàng bắc ● hoàng chính ● trúc chi
mạch nha ● hoài mỹ ● vũ đình kh.
trần cà mau ● hoài ziang duy

thơ
tường vũ anh thy ● phan nhiên hạo
viêm tịnh ● trần thảo lư ● trần thị laihồng
ngu yên ● lê cần sơn

171
THÁNG 7 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 171 ● tháng 7, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
HUYỀN KHÔNG	3	một ngọn đèn không tắt
TƯỜNG VŨ ANH THY	8	*tâm lung linh*
NGUYỄN SỸ HƯNG	9	nghiêm xuân hồng, một đời trăn trở xuôi về đọc kinh
THE ECONOMIST	14	hear the soulbird sing
THẾ UYÊN	19	nhìn lại một vài tác phẩm trong quá khứ
ĐOÀN NHÃ VĂN	25	gió, lửa, thân phận sĩ phu qua ngòi bút nam dao
SỬ MẶC (H.X.S.)	40	được mùa thơ
HOÀNG NGUYÊN NHUẬN	46	thưa thốt và dựa cột
PHAN NHIÊN HẠO	53	*trong những chiếc tàu ngầm*
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	54	phía hoa vàng
TRÚC CHI	59	hộp cơm chay
HOÀNG CHÍNH	67	cơn ghen cuối mùa
VIÊM TỊNH	78	*94 đã tới*
MẠCH NHA	80	sông lấp
TRẦN THẢO LƯ	87	*trời bataan mưa lâu*
HOÀI MỸ	88	một ngày có nắng
TRẦN THỊ LAIHỒNG	100	*thơ trần thị laihồng*
VŨ ĐÌNH KH.	101	ở thời chưa đánh mất
NGU YÊN	108	*một mình ở nhà*
TRẦN CÀ MAU	109	bên lề một chuyến âu du
LÊ CẦN SƠN	128	*giả dụ sau cơn liệt*
HOÀI ZIANG DUY	129	nhân gian một chỗ
VĂN HỌC	143	sinh hoạt văn học đó đây
VĂN HỌC	146	hộp thư, thư tín

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thư tòa soạn
Văn Học

Trong vài năm gần đây, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng là vị khách quí thường xuyên của Tòa soạn Văn Học. Mỗi chiều thứ bảy, không hẹn trước mà anh chị em thân quen của Văn Học lúc nào cũng được trò chuyện vui vẻ, chân tình với người bạn lớn. Không có biến cố 30.4.75, chưa chắc chúng ta đã có những chiều thứ bảy ý nghĩa như thế. Từng người, tuy không chủ động, nhưng được hoàn cảnh lịch sử "thanh tẩy" những cái phù phiếm vô ích trong cuộc sống, để vào lúc cuối đời nơi đất khách, chỉ còn lấy cái tâm thành mà đối đãi nhau. Có thể xem đó là những cuộc phục sinh nho nhỏ, và trong các cuộc chuyện vãn tự do thoải mái cuối tuần, lúc nào những ý kiến ngắn của nhà văn Nghiêm Xuân Hồng cũng làm cho đời sống trở nên dễ chịu hơn, dễ hiểu hơn. Văn Học dành những trang đầu tiên của số báo này để tưởng niệm một nhà văn đàn anh, với đóng góp bài vở của Thượng tọa Thích Mãn Giác (Huyền Không), nhà báo Nguyễn Sỹ Hưng và nhà thơ Tường Vũ Anh Thy.

Phần nhận định phê bình, Tòa soạn giới thiệu những suy nghĩ của nhà văn Thế Uyên về quá trình sáng tác của mình, đồng thời với hai bài điểm sách của Đoàn Nhã Văn và Sử Mặc (Hoàng Xuân Sơn) về hai tác phẩm mới xuất bản: tiểu thuyết lịch sử *Gió Lửa* của Nam Dao và thi tập *Một Chỗ Về* của Đức Phổ. Hoàng Nguyên Nhuận đóng góp thêm một bài luận về danh xưng các nhân vật lịch sử và văn học.

Phần sáng tác có thơ của Tường Vũ Anh Thy, Viêm Tịnh, Phan Nhiên Hạo, Trần Thảo Lư, Trần thị LaiHông, Ngu Yên, Lê Cẩn Sơn; và truyện, tùy bút của Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Trúc Chi, Hoàng Chính, Mạch Nha, Hoài Mỹ, Vũ Đình Kh., Hoài Ziang Duy. Đặc biệt là bút ký hết sức sống động về chuyến Âu du của Trần Cà Mau, rất thích hợp với những chuyến du lịch của quí bạn đọc vào mùa hè này.

Chúc quí bạn có một mùa Hè 2000 đầy hứng thú và bổ ích.

Một ngọn đèn không tắt

Huyền Không

Để tưởng niệm Đạo Hữu Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Đây chính là ngọn đèn cúng Phật của bà già nghèo, chắt chiu từ tấm lòng thành chiếm một góc xa xôi nơi vòng thành Tịnh Xá mà sáng hôm sau, khi tất cả tim đèn vua chúa đã lịm tắt hết, chỉ duy nhất ngọn đèn giàu đạo tâm còn rực sáng. Ngọn đèn đơn sơ mà nặng cảm xúc ấy, Ngài Mục Kiền Liên dẫu là vị thần thông đệ nhất vẫn không đủ sức làm lay chuyển ánh sáng ấy, càng cố tắt đèn càng tỏ rạng.

Nghiêm Xuân Hồng Tiên Sinh thời nay cũng vậy, cũng một ngọn đèn hiên ngang trước gió, âm thầm lặng lẽ mà bền bỉ di động chiếu sáng khắp nơi: từ Chùa Việt Nam Los Angeles, Chùa Trúc Lâm ở Santa Ana và cuối đời, điểm sáng tụ lại Chùa Liên Hoa, kết thúc một chuyển cảnh bất ngờ của đời người bên cửa Đạo. Yên lặng, thong thả, kiên nhẫn đi trên đường đời để giảng Pháp, tạo thành một phong trào học Phật, chỉ bày và hỗ trợ pháp tu cho mọi người không mệt mỏi. Có được tấm lòng thiết tha đó, phải chăng là trái chín của một nỗi niềm bắt gặp sau khi thấm cái hư ảo của thế đồ: những trang tôn kinh mà tiếng dội của pháp âm Phật khiến cho người chẳng còn thiết tha chi những mời gọi điêu đứng của thế gian âm. Tới gần được những lời Phật dạy để lại trong kinh điển rồi là mãn nguyện, là đã quá đủ cho những khao khát tầm cầu, là đủ hân hoan để truyền thụ những lời chân thật. Và thế là Cư Sĩ Tịnh Liên yên tâm đi trên con đường mới trải bằng hoa, hào hứng Nhập Pháp Giới, tương cảm với cuộc hành trình tìm Đạo của Thiện Tài Đồng Tử, vẽ ra nẻo thoát tâm linh hướng tới chân trời vô hạn của giải thoát.

Trở về hai mươi năm trước, vào những khi nhàn rỗi, Đạo Hữu Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng thường nhờ Đạo Hữu Nguyễn Hữu Bằng (bây

giờ là Thượng Tọa Thích Minh Chiếu, Trú Trì Chùa Việt Nam Seattle) lái xe đưa lên Chùa Việt Nam Los Angeles để cùng ăn cơm trưa với tôi. Bữa ăn thường là đạm bạc nhưng ấm áp, nhất là những giây phút chuyện trò. Khi thì say sưa đi tìm lại con đường xưa, lúc thì lặng yên trên những trang kinh cũ, thỉnh thoảng dừng lâu nơi một lời giảng của Phật. Một thời gian dài gặp nhau đã làm vỡ tung bao nhiêu thắc mắc, soát xét lại những tìm tòi khám phá, bổ chính những chỗ tâm còn nghi hoặc. Để chẳng bao lâu, tác phẩm *Lăng Kính Đại Thừa* có mặt với đời và tôi đã được đặc biệt viết đôi lời tựa. Thật như người xưa từng nói "Mê nhứt kiếp, ngộ nhứt thời". Tôi để ý tới nụ cười lành của Cụ Tịnh Liên, nụ cười không thể nào có được nơi mẫu người ngày nào còn say sưa với lý thuyết, còn sôi nổi đi tìm một căn bản tư tưởng, còn chật vật vào ra chỗ chính trường bụi bặm. Tôi biết rằng, nụ cười đó, chỉ có mặt sau khi đã từng..."đôi khi say mê đọc kinh và thường hay mơ màng hằng giờ trên những trang kinh xưa..." Điều chắc chắn xảy ra là, những trang kinh xưa đã đánh thức... tâm hồn Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng tỉnh dậy, mở mắt ra mà nhìn những chiêm bao của cuộc đời, đem chính tấm thân mình để chiêm nghiệm nỗi niềm nhân quả. Như người cùng tử - trong kinh Pháp Hoa đã bao nhiêu ngày tháng đói cơm rách áo lưu lạc phiêu bồng, bỗng một hôm thấy được ngọc báu trong chéo áo nghèo nát của mình. Những trang kinh xưa đó đưa Cụ về với buổi chiều chân thật của đời, thoáng thấy một buổi mai tươi sáng của trời nên vượt thoát thị phi phiền não mà đi lại say mê trên lộ trình chuyển pháp.

Cụ Tịnh Liên có những người bạn đàn đúm từ thời trẻ, cùng chọn chơi chữ nghĩa nhưng khác hướng suy tưởng, đến khi thành lão ông, đường đời và lối Phật bỗng nhẹ nhàng gặp lại. Có lần tôi kể cho cụ nghe mối duyên Đạo bất ngờ giữa tôi và tác giả *Thần Tháp Rùa*. Một năm nọ, sinh viên Đại Học Vạn Hạnh tổ chức tưởng niệm ngày Phật Thành Đạo tại Trường, nhờ tôi mời giúp một vị giáo sư vào cùng dự lễ và nói chuyện đạo lý với anh chị em. Phân vân mãi chưa biết mời ai, bỗng tôi thấy Giáo sư Vũ Khắc Khoan vừa bước xuống từ chiếc xích lô ngoài cổng, tôi vui mừng ngỏ lời. Anh Khoan từ chối ngay, viện lẽ không biết gì về Phật lý. Tôi nói thêm rằng, Anh là tác giả *Thần Tháp Rùa*, là kẻ đưa dẫn Thành Cát Tư Hãn tới giữa đời, có gì mà không hiểu? Giáo sư Khoan nhận lời với điều kiện là Thầy phải "gà" cho tôi. Tôi nói: "Theo Phật Giáo Nguyên Thủy, bốn lễ tưởng niệm lớn của Đức Phật đều cùng xảy ra trong một ngày Trăng Tròn tháng thứ Hai Ấn Độ: Phật Đản, Xuất Gia, Thành Đạo, Niết Bàn... Sự kiện trọng đại nào cũng gắn liền với một vầng trăng hiện." Được hé mở một chút lịch sử trong cuộc đời Đấng Tỉnh Thức như thế thôi

mà sau đó, Giáo sư Khoan đã vào Hội Trường, làm say sưa người nghe với cái đề tài đậm đà thơ mộng: "Đạo Phật qua Bốn Vừng Trăng Tròn". Cụ Hồng chăm chú theo dõi một mẩu nhỏ cố sự của bạn mình, đôi mắt già trầm xuống rồi bỗng chốc lại ngước nhìn xa xôi như hình ảnh Tô Đông Pha tỉnh ngộ ngày nào trên núi Lô Sơn chập chùng khói sóng:

Lô Sơn yên tỏa Chiết Giang triều
Vị đáo sinh bình hận bất tiêu
Đáo đắc hoàn lai vô biệt sự
Lô Sơn yên tỏa Chiết Giang triều

Thầy Mật Thể dịch:

Mù tỏa Lô Sơn sóng Chiết Giang
Khi chưa đến đặng hận muôn ngàn
Đến rồi, về lại không gì lạ
Mù tỏa Lô Sơn sóng Chiết Giang

Năm 1978, ngày tôi mới tới Hoa Kỳ, Gs Vũ Khắc Khoan đã là Hội Trưởng Hội Phật Giáo tại Minesota, đã mời tôi tới xứ Vạn Hồ làm Phật sự, ngắm địa cuộc xây Chùa Phật Ân và ăn bữa cơm chiều ngoài vườn phong rắc đầy lá rụng. Nhìn những đám lá còn tiếp tục rơi, giữa bữa cơm, tôi nói tôi rất ngạc nhiên khi thấy Vũ Khắc Khoan là Hội Trưởng Hội Phật Giáo. Ở đời có lắm chuyện bất ngờ mà có thiệt. Tình cảm của dĩ vãng nơi trường xưa tuy còn đầy nhưng rõ ràng là chúng tôi trong lần gặp gỡ nầy chỉ bàn bạc cùng nhau những câu chuyện Đạo. Thấp thoáng đâu đó, tôi thấy cái sân khấu của nhà viết kịch đã thay phông, tiền trường đã đổi cảnh và trong những lần tâm sự với cụ Hồng sau đó, chúng tôi đồng ý với nhau nên gửi cho anh Khoan những cuốn sách Phật mới in còn thơm mùi mực. *Lăng kính Đại Thừa, Nguồn Thiền Như Huyễn, Lăng Nghiêm Ảnh Hiện...* lần lượt vượt núi non đi về xứ tuyết nhưng anh Khoan thì lại vẫn còn chưa thì giờ để... đọc kinh. Gần cuối đời, anh Khoan đã chịu khó lấy những cuốn sách do Nghiêm Xuân Hồng tặng đã để yên trên bàn Phật từ lâu, đem phủi bụi và lần giở từng trang. Giờ phút khao khát cuối cùng ấy sao mà linh thiêng lạ, anh Khoan đã đi vào lời Phật dạy với tâm thanh tịnh của mình và sau đó, một tập sách mỏng đã ra đời: *Đọc Kinh*, chuyên chở biết bao nhiêu tinh hoa của Đạo đi ngang qua một tâm hồn lắng đọng trầm tư. Tình bạn của cụ Hồng đã đánh thức dậy một chút gì đã vùi thật sâu nơi người nghệ sĩ, dời bỏ cột mốc biên giới giữa mê và ngộ , tháo tung

những xiềng xích cũ và thong dong gặp lại mây trắng trời xanh. Mỗi khi nhớ cụ Hồng, tôi thường đem ra đọc lại đoản văn *Đọc Kinh* của Vũ Khắc Khoan, những dòng chữ cuối đời của họ Vũ đã dịu dàng gửi lại thế gian, cho những lớp lưu dân lạc mất quê hương và cảnh sống còn nhiều mê hoảng.

Nói tới tác phẩm cuối đời của anh Vũ Khắc Khoan, tôi lại nhớ tới thêm một người bạn của Cụ Hồng: anh Mai Thảo, nhà văn trụ cột của *Sáng Tạo*, đã có lần hứa với tôi rằng: "rồi sẽ có một tác phẩm cô đọng, đẹp như *Đọc Kinh*, trong như trăng Rằm, ngời ngời Phật vị". Đó là chút hừng tâm giữa cơn đau trong một đêm ướt mưa của Santa Ana tôi ghé thăm mà khi mạnh trở lại, vui với rượu canh tàn để quên cảnh đời cô quạnh, thì không còn nhớ gì nữa. Mai Thảo, đã một đôi lần tự cáo chưa thể tới gần mép rìa của "Lăng Nghiêm Ảnh Hiện", vẫn thấy kẻ cận mà xa xôi cái con người nghiêm túc cuối đời họ Nghiêm, nhưng qua mấy đoản văn như "bao giờ mây cũng ở trên cao" đăng báo Phật Giáo Việt Nam, Mai Thảo bỗng như đang ở trong một buổi chiều tạnh gió, yên lặng ngồi "khán hoa" nơi hiên chùa vắng vẻ. Tôi yêu mến vô cùng những đoản văn ấy, nên sau khi anh Mai Thảo mất, tôi muốn gom góp những gì anh viết cho báo Phật Giáo Việt Nam thành một tập chung để kỷ niệm Giỗ đầu. Tôi nhờ chị Nhã Ca liên lạc với gia đình anh để xin phép nhưng cho tới bây giờ vẫn chưa nhận được một tin tức nào. Hơn ai hết, Cụ Hồng, qua cảnh đời của đôi người bạn thân thiết, thấm thía hơn nữa những ngang trái của cơ duyên.

Nhớ ngày nào, Đạo Hữu Nguyễn Hữu Bằng (Minh Chiếu), cụ Tạ Sĩ Khâm (Tịnh Quang), Đạo Hữu Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng cùng đến Chùa Việt Nam Los Angeles làm một lễ cầu nguyện để cả ba giã từ Mỹ Quốc đi Paris xuất gia đầu Phật. Trước Phật Điện, sau lời cầu nguyện chân thành, tôi tặng ba người ba tràng hạt với lòng mong ai cũng sẽ vững chân trên đường Đạo. Rồi cả ba lên đường nhưng chỉ có hai người hội ngộ thiện duyên: "anh hùng mạt lộ bán qui tăng". Một người, phải về lại đời cũ, trước khi lâm chung đã than:

... Lạ thay! Mà thực lạ thay
Những chùm duyên nợ vẫn tay đèo bồng...
(Trên ngọn tử sinh, NXH)

Có lẽ là một người vẫn trọn đời chưa nguôi niềm mong có được sự dửng dưng trước sanh tử, cho nên Cụ Tịnh Liên đã không che giấu vẻ thích thú tâm đắc khi đọc hai câu thơ trong bài *Đạt Đạo* mà tôi đã đăng trên báo Phật Giáo Việt Nam:

... Ta từ sanh tử về chơi
Ngồi trên chót đỉnh mỉm cười với trăng...

Ngày cụ mất, trong Lễ Nhập Liệm, khi thấy Tịnh Liên nằm gọn gàng trong quan tài rồi, tôi đọc mấy lời Tiễn Đưa:

"Thế gian ly sanh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm
Viễn ly ư đoạn thường
Thế gian hằng như mộng..."

Tôi nghe âm thanh của tôi vọng lại, trải tới một cuộc đời dài chỉ còn thu gọn trong một chỗ nằm nhỏ nhoi: "thế gian hằng như mộng"...

Nhìn gương mặt bình thản như đang lặng lẽ cười, tôi nhớ tới dòng thơ, có lẽ cũng ở cuối đời: "Khi tâm trúng đạo buông tay vang cười". Tiếng cười ấy bây giờ của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng có khác gì tiếng hú làm "lạnh" cả không gian trên đỉnh núi Cô Phong của Ngài Không Lộ?

Nhưng Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng vẫn mãi là một ngọn đèn. Một Ngọn Đèn Không Tắt, vì dầu không bao giờ cạn.

Los Angeles, Mùa Vu Lan Canh Thìn, 2000
Huyền Không

Tìm mua , tìm đọc:
cuốn sách mới của nhà xuất bản **Văn Học**
thần, người, và đất việt
(bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây
dày 370 trang. Giá 18 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

Tâm lung linh

TƯỜNG VŨ ANH THY

Kính gửi Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

mặt trời soi pháp giới
trăng tròn nở hoa nghiêm
sóng nào vỗ đầu tiên
lên vách đá lăng già

đêm lấp lánh lấp lánh
tâm lung linh lung linh
thân người ta một cõi
giữa cuộc trần minh mông

sẽ đi đâu về đâu
đầu và chân không cùng
chập chùng sương và khói
nói chỉ là âm vang

quán tự tại bồ tát
tâm lung linh lung linh
như đèn xa lộ nối
lũng thũng mình mình mình

quán tự tại bồ tát
hồ khuya nở hoa khuya
cuộc hẹn chưa hề tới
tay với đổ vầng mây
phương tây ồ phương tây
hồng nghiêm sen một đóa
xuân vẫn còn đâu đây

tâm
lung linh
lung linh

Nghiêm Xuân Hồng
Một đời trăn trở xuôi về đọc kinh

Nguyễn Sỹ Hưng

Viết về Nghiêm Xuân Hồng, một nhà tư tưởng, một nhà văn, một nhà thơ, một luật gia, một nhà Phật học thì đã có nhiều người viết, nhưng còn một Nghiêm Xuân Hồng khác với Nghiêm Xuân Hồng mà đời thường đã gặp, đó là Nghiêm Xuân Hồng một nhà Cách Mạng đã có thời mặc áo Huyện Quan. Hết quan, lại tranh đấu, rồi bước vào chính trường vài lần làm tổng trưởng. Suốt cuộc đời trăn trở trong trò chơi lớn để cuối cùng xuôi về với "Lời kinh tiếng kệ" giải nghiệp sâu dầy, và an nhiên đi vào tịch diệt.

Nghiêm Xuân Hồng đúng là một đại diện cho trí thức Việt trong thời đại loạn, đảo điên cuồng nhiệt, vũ bão chụp đổ xuống thân phận nhỏ bé Việt Nam, một cơ hội cho hùng khí Dân Tộc Quật Khởi, cũng lại là thời cơ cho những âm mưu đen tối Quốc Tế giành giật miếng mồi Việt Nam. Không những luôn luôn thao thức về nghiệp mình, vận nước, mà cũng nhiều phen dấn thân xuất chính, với hy vọng đóng góp công sức gì cho Quốc Dân, nhưng đều là bất như ý, hay nói trung thực hơn là bất lực trước sức mạnh ngoại lai quá lớn.

Xuất thân trong gia đình Lễ giáo Nho phong của cuối đời Nhà Nguyễn, mà quan niệm của các Gia đình Nguyễn Nho là: "Tiến vi Quan, Đạt vi Sư". Dù thời của Nghiêm Xuân Hồng thì "Cái học nhà nho đã hỏng rồi. Mười người đi học chín người thôi" , Nghiêm Xuân Hồng đành phải "bỏ bút lông, cầm bút sắt", và cái ước vọng"học ra làm quan" đã thấm sâu vào tâm tưởng của người cắp sách đến trường, thành định lực của học trò, rồi trở thành lý tưởng nghiệp lực, mà Nghiêm Xuân Hồng cũng phải đi vào quỹ đạo đó.

Nhưng Nghiêm Xuân Hồng có cái duyên may là cùng học một lớp, một trường với Nguyễn hữu Thanh. Thanh là người cực kỳ thông tuệ, có nhiều ý kiến lạ, nhất là Tình Yêu Dân Tộc ở con người thư sinh này đã phát tiết ra ngay thời tiểu học. Nghiêm Xuân Hồng con nhà quan hiếu học thông minh trầm tĩnh, hai người thân thiết với nhau. Nhưng Nghiêm Xuân Hồng có nghiệp dĩ "đi học để làm quan", còn Nguyễn Hữu Thanh đi "học để làm Cách Mạng".

Dù không vứt bỏ sách vở đi làm Cách Mạng như Nguyễn Hữu Thanh, Nghiêm Xuân Hồng cũng là đồng chí với Thanh sau khi Thanh ở Trung Quốc về thành lập Đại Việt Duy Dân Đảng, mà Thanh trở thành Lãnh tụ Lý Đông A, người lập thuyết Duy Dân và là Đảng Trưởng. Một người cùng tuổi, cùng học, đã bỏ ngang, mà được Nghiêm Xuân Hồng một sinh viên ưu tú, sắp ra trường, được bổ làm Quan Huyện chấp nhận là lãnh tụ của mình, thì đủ thấy được giá trị của Lý Đông A ưu việt đến thế nào rồi.

Quan Huyện Nghiêm Xuân Hồng nhận chức không bao lâu thì đến thời 1945. "Phế Đế, Tàn Quan" Toàn dân đều xưng hô với nhau bằng "Đồng Chí". Ngay đến Vua Bảo Đại cũng được gọi là "Đồng Chí Cố Vấn Vĩnh Thụy". Cũng may Quan Huyện Hồng chưa có nợ nần gì với Việt Minh, nên cũng được gọi là "Đồng Chí". Mặc dù "Đồng Chí Hồng" là Duy Dân tử thù của các "Đồng Chí Việt Minh".

Trong các đoàn thể Quốc Gia thời đó, thì Lý Đông A là người biết rõ được thực chất thực tướng của Cộng Sản dưới cái vỏ Việt Minh, ngoài miệng rêu rao đại đoàn kết Quốc Gia, lập Chính phủ Liên Hiệp, nhưng thâm tâm ngấm ngầm tiêu diệt. Nên Duy Dân là đảng một mình không tham gia Liên Hiệp, mà đi tổ chức Chiến Khu đánh lại Cộng sản. Việc làm tuy đúng, mà thời thế chẳng ở phía mình, nên Chiến khu Nga My tại Ninh Bình bị không khí sôi sục của cuồng phong mê mù bởi mỹ từ "Độc Lập chống Việt Gian" cuốn phăng đi. Các Đồng Chí Duy Dân, lực lượng chân chính của Độc lập Dân Tộc tan tác, lẩn trốn vào khu Công Giáo Tự Vệ Phát Diệm của Giám Mục Lê Hữu Từ mà Hồ Chí Minh đã trót nhận là Cố Vấn Chính Phủ, nên chưa tiện ra tay tiêu diệt.

Nghiêm Xuân Hồng cũng về sống nương náu tại Phát Diệm, với đồng chí là Lê Quang Luật một chi bộ đặc biệt của Duy Dân Thiên Chúa Giáo, và được Đức Cha Từ che chở để cùng những nhân sĩ Phật Giáo tổ chức Phong trào Liên Tôn Chống Cộng. Hoạt động rộng khắp tại Bắc Việt, sau

khi Cộng Sản Việt Minh bắt tay với Pháp cùng tiêu diệt các lực lượng vũ trang của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Duy Dân

Nhưng tới khi Quân Pháp quyết định đổ bộ xuống Bùi Chu, Phát Diệm thì "tư thế Tự Vệ" của Phát Diệm mất ý nghĩa, Nghiêm Xuân Hồng chạy ra Hànội để rồi tiếp tay cho Lê Quang Luật khi làm đại diện cho chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tại Bắc Việt, chuẩn bị đón nhận một mối nhục là đất nước bị chia đôi 1954.

Vào tới Miền Nam cả Lê Quang Luật và Nghiêm Xuân Hồng đều ngao ngán về vận nước khắc nghiệt, tình đời chính trị bạc bẽo, cùng bỏ chính trường khoác áo Luật sư để sinh sống. Nhưng Nghiêm Xuân Hồng vẫn còn trăn trở vì tư tưởng ưu việt mà người bạn học cũ đã cưu mang chưa được đưa vào thực tế. Nên ông đã cùng các nhà văn tiền chiến như Nguyễn Đức Quỳnh, Lê văn Siêu, các nhà văn cùng trang lứa Vũ Khắc Khoan, Tạ Văn Nho, Mặc Đỗ và có người tuổi trẻ hơn là Nhuệ Hồng Nguyễn Hữu Thống...thành lập nhóm *Quan Điểm* tại Saigon. Từ nhóm này Nghiêm Xuân Hồng đã cho ra đời các tác phẩm: ĐI TÌM CĂN BẢN TƯ TƯỞNG, NHÂN SINH QUAN, LUYẾN ÁI QUAN...v..v.. mang nội dung Nhân Bản và Dân Tộc, đối nghịch hẳn với chủ nghĩa Duy Vật và Quốc tế Cộng Sản.

Nhưng đó chỉ là những cái mốc đánh dấu một quá trình hoạt động văn hóa, chính trị của Nghiêm quân trong một giai đoạn lịch sử của dân tộc, trước cuộc đấu tranh ý thức hệ khốc liệt Quốc Cộng trên thế giới: các lực lương dân tộc, các phong trào xuất phát từ đáy tầng của đất nước đã bị các trào lưu quốc tế tràn ngập và khuynh loát. Đất nước trở thành bãi chiến trường thử võ khí của các siêu cường và cũng là nơi đối đầu giữa các ý thức hệ ngoại lai.

Năm 1963 tưởng như cơ hội của Lực Lượng Đáy Tầng Dân Tộc đã tới, để tự vươn mình trong khí thế tranh hùng với các thế lực Phản Dân Tộc, mà cũng lại không. Vì sự chuyển biến tuy là đụng tới đáy tầng dân chúng, nhưng nó đã được dự mưu chặt chẽ nhằm Quốc Tế Hóa Chiến Tranh Việt Nam. Chiến tranh đã cuốn phăng đi tất cả, chủ yếu là lôi cuốn toàn bộ tuổi trẻ Việt Nam để dâng cho "Thần Chiến Thắng". Trong hoàn cảnh đó thì mọi thứ chủ nghĩa tuy được đề cao làm danh nghĩa chém giết, nhưng thực tế các thứ chủ nghĩa đó chẳng hề ăn nhập gì với chiến trường. Chiến trường chỉ có bom rơi đạn nổ, và phản ứng đánh trả với bên địch

đang đe dọa sinh mạng mình, chứ chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ tới việc khác.

Mỗi khi tuổi trẻ có chút thì giờ suy nghĩ thì mối đau đớn nhất là "chết thực vẫn chỉ là người Việt Nam, những chủ nghĩa lại dành phần thắng". Chính vì vậy mà phía Miền Nam kẻ bị nhận cuộc chiến không do mình gây ra, có Chính Nghĩa trong tay. Nhưng Chính quyền luôn trong tình trạng bấp bênh, những kẻ có điều kiện cầm quyền thì luôn luôn bị đặt trong tình trạng báo động vì kẻ khác sẵn sàng rình rập. Lo giữ ghế đã khó, làm gì còn nghĩ tới việc triển khai chính nghĩa để cho tuổi trẻ lựa chọn.

Một lần nữa Nghiêm Xuân Hồng quyết định tham chính, cũng tưởng đem tài ra kinh bang tế thế, nhưng với địa vị Bộ trưởng trong Nội Các của những người trong đầu chỉ biết hơn thua, tranh giành địa vị thì ông đâu có thi thố được tài năng. Hai lần "tiến vi quan" cả hai lần thảm bại. Đúng ra chỗ đó, ở thời đó không phải là chỗ của Nghiêm Xuân Hồng.

Sau năm 1975, Nghiêm Xuân Hồng may mắn thoát khỏi vòng cai trị của Việt Cộng. Nhưng với cá nhân ông thì ông luôn luôn cảm nhận được mình là một cây bị trốc gốc. Tuổi đời không cho phép ông làm lại từ đầu. Ông quyết thực hiện định nghiệp chót là "đạt vi sư". Sư đây là một vị tu hành xuống tóc giữ giới thực thụ. Nhưng một lần nữa Nghiệp Quả còn dầy. Cơn bạo bệnh đã giữ ông ở lại với hình tướng người thường, để đi trót con đường phải đi. Vốn là người uyên thâm Phật Pháp ông tuy không khoác áo nhà tu, nhưng ông phát nguyện đi giảng kinh tại các chùa Việt trên đất Mỹ. Có nghĩa là trên thực tế vẫn "đạt vi sư".

Trong Nhà Phật có nhiều pháp môn tu, nhưng rút lại có ba Tông chánh là: Tịnh Độ Tông. Mật Tông và Thiền Tông. Những người suy tư như Nghiêm Xuân Hồng thì thường có khuynh hướng đi vào Thiền Tông. Nhưng không, ông đã chứng nghiệm ở Tịnh Độ Tông, tức là chuyên về Tụng Kinh Niệm Phật, như một "bà vãi già" .Tuy ông chưa giải thích với ai về sự lựa chọn đó. Nhưng chỉ biết qua câu chuyện tâm tình ông thường nhắc là "Nghiệp Lực của Nhân Loại và Chúng Sinh quá nặng. Một ngày nào đó nghiệp lực ấy sẽ làm nghiêng lệch địa cầu và địa cầu bị tan vỡ đi". "Sư suy tư không thể giải được nghiệp, mà chỉ làm xuất hiện thêm nghiệp mới". "Chỉ có con đường đọc kinh mới làm vơi được Nghiệp chướng". Đây là một sự "chứng tín" của Nghiêm xuân Hồng. Ông không thuyết phục ai tin như vậy.

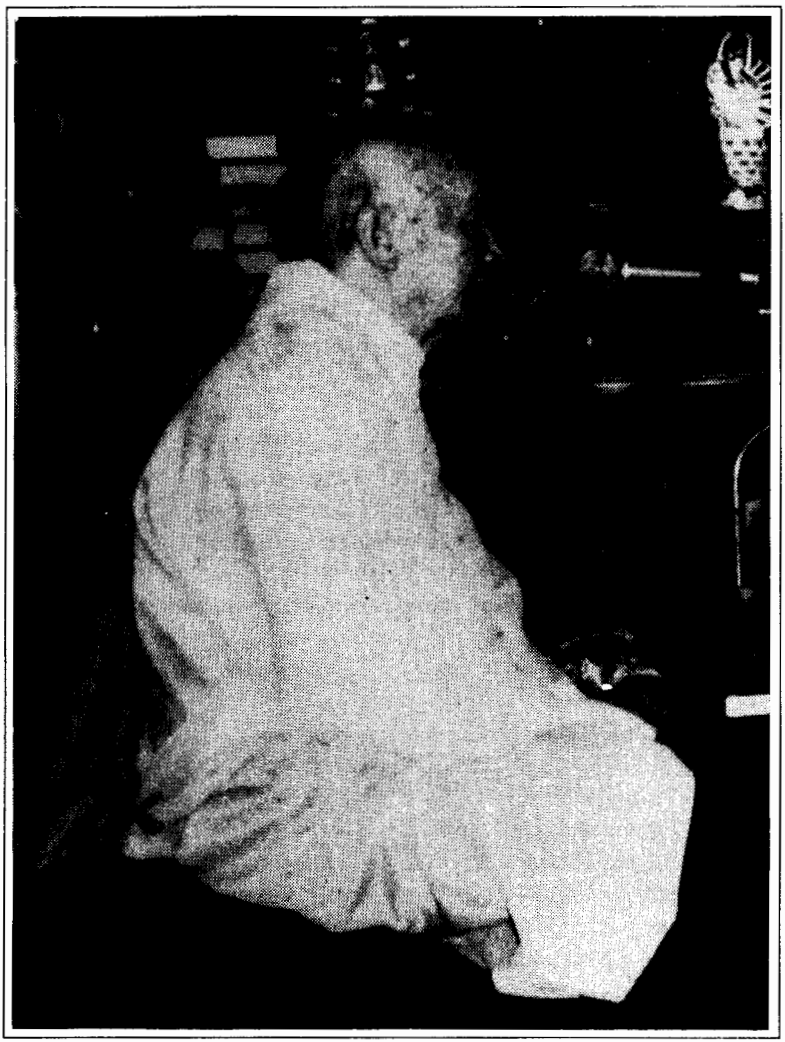

Chúng ta quý mến và tôn trọng ông, chỉ nên nói đúng về ông, không cần thêm bớt, vì chính cuộc sống của ông đã nói với chúng ta là: "Nghiêm Xuân Hồng một đời trăn trở xuôi về đọc kinh". Chắc ông đã đọc bài kinh quen thuộc không cần suy tư, để tự đưa mình vào giấc ngủ êm đềm ngàn thu giải nghiệp.

May 31, 2000.

Lắng tiếng hót của cánh chim linh hồn

(Hear the Soulbird Sing)

The Economist - Nguyễn Phúc dịch

Trên Tuần báo *The Economist* số June 10th 2000, có một bài viết ngắn nhưng rất quan trọng đối với những người cầm bút lưu vong Việt Nam. Quan trọng vì bài báo đề cập tới vị trí những nhà văn lưu vong Bắc Phi ở Châu Âu, trong nền văn chương chính mạch của các nước họ định cư. Văn Học hân hạnh đăng lại bài phóng dịch sau đây của anh Nguyễn Phúc, để chúng ta cùng suy ngẫm về sinh hoạt văn học của tất cả người Việt hải ngoại chúng ta.

Ước gì
có một cánh chim như chim trong thần thoại
đến quắp tôi
bay ngang trời
rồi thả tôi xuống nơi ấy
nơi mà thung lũng của hoa hồng
đã nuốt trọn thung lũng của nước mắt
Marocco của tôi
*mà tôi sẽ gọi là miền Levant của linh hồn**

Trên đây là mấy hàng thơ của Abdellatil Laabi. Thật khó mà liên hệ niềm đau chảy suốt mạch thơ của Abdellatil Laabi với con người ăn mặc chải chuốt, tóc óng ánh bạc, vừa nhâm nhi li bia, vừa trêu cô chiêu đãi, phong cách thoải mái trong tư thế một người trí thức của Paris. Nhưng đó là một niềm đau thực sự, có thật và cũng khó tan biến. Ông Laabi năm nay 58 tuổi và đã từng ngồi tù tại Morocco trong nhiều năm hồi thập niên 70 vì tội "âm mưu chống lại nhà nước" . Theo ông, thì nói đúng hơn đó là

"tội dám tự do phát biểu ý kiến". Tại Morocco, hồi đó quốc vương Hassan II chưa sẵn sàng chấp nhận những ý kiến "tiến bộ" của ông Laabi và những người cùng chung một quan điểm với ông trong hai tạp chí văn học *Souffles* và *Anfas* (tiếng Ả-Rập).

Có thể là với quốc vương Muhammad VI, con của vua Hassan II, nay tình hình sẽ khác. Vì hiện có một số chỉ dẫn rõ ràng là sáng sủa: nhiều tù nhân chính trị đã được phóng thích; bộ trưởng Nội Vụ Driss Basri, một cái tên gây khiếp sợ, đã bị cách chức tháng 11 năm ngoái; nhiều người Morocco sống lưu vong đã trở về nước trong số có một nhân vật chống đối gốc Do Thái là ông Abraham Serfaty năm nay đã 73 tuổi và gia đình của ông Ben Barka (ông Ben Barka là một lãnh tụ đối lập bị bắt cóc tại Paris năm 1965, có thể đã có sự đồng lõa của Pháp, rồi bị tra tấn cho đến chết).

Tiếng nói của Ben Barka đã im bặt. Nhưng những người như ông Laabi hoặc Tahar Ben Jelloun (tiểu tuyết gia) hoặc Mahi Binebine (họa sĩ và văn sĩ) hoặc bất cứ một văn nghệ sĩ nào khác lại không giữ im lặng. Họ rời bỏ Bắc Phi đã từ lâu, để sang sống ở Pháp vì thích hay là vì không có cách nào khác. Trấn áp các quyền phát biểu ý kiến là tình trạng chung ở Bắc Phi, dù là bịt mồm bịt miệng theo kiểu "mềm" như kiểm duyệt tương đối nhẹ tay ở Morocco và Tunisia hoặc giết chóc tàn bạo trong cuộc huynh đệ tương tàn giữa chính phủ và phe Hồi Giáo quá khích ở Algeria.

Điều oái oăm là tại Paris, những người trí thức lưu vong có được tự do tư tưởng, tự do phát biểu ý kiến nhưng đồng thời họ cũng bị nhốt vào một nhà tù tự tạo. Nói cách khác, người trí thức lưu vong tìm nguồn cảm hứng trong cội nguồn của họ, và chính điều này xác nhận điểm sau đây: họ trôi trong một giòng văn nghệ biệt lập hẳn với giòng "chính mạch" của Pháp. Thí dụ: *Les Cannibales* là một truyện dài của ông Binebine, vừa vui vừa thê thảm, nói về những người Bắc Phi tìm cách vào Pháp một cách bất hợp pháp; trong quyển *La Soumission*, ông Amin Zaoui, sống tỵ nạn ở Caen từ năm 1995, viết về thời thơ ấu của ông ở Oran; trong *Un Eté de Cendres*, Abdelkader Djemai, đã phơi bày tính chất phi lý, theo kiểu Kafka, của một nước Algeria mà ông đã rời bỏ. Ngay cả ông Ben Jelloun, sống ở Pháp đã 29 năm nay và đã từng được giải Goncourt năm 1987, giải văn chương được trọng vọng nhất của Pháp, với tác phẩm *La Nuit Sacrée*, vẫn luôn trở về với gốc Morocco của ông. **Người ta xem ông là một nhà văn Bắc Phi hơn là một nhà văn Pháp.** Dĩ nhiên cái đặc tính của họ, cái "thẻ căn cước Bắc Phi" này không quan trọng bởi vì đàng nào thì những đề tài ngầm sống trong tác phẩm của họ, như yêu thương, ghẻ lạnh, luôn là chuyện chung của con người trên khắp thế giới.

Tuy vậy, cũng có chỗ nhột nhạt khó chịu, như lời ông Laabi:" Tôi là một nhà văn Morocco. Mọi thông điệp chung cho con người khắp nơi, nếu tôi có nói đến thì tôi nói từ cái nhìn của một người Morocco. Vấn đề là chúng tôi bị giam trong cái thẻ căn cước này, cái căn cước hầu như là "dân gian" . Đây là một điểm đáng lưu ý. Lấy trường hợp Abderrahim, một họa sĩ hay vẽ những bức trừu tượng khổ lớn, ông này đã từng nói rằng không làm gì có cái gọi là hội họa của Bắc Phi ("xóa tên ký trên bức tranh thì tác phẩm đó có thể là của bất cứ một ai.") Họa sĩ Abdellatif Lasri, sinh ở Casablanca, đã phàn nàn rằng "người ngoại quốc luôn muốn xem những bức họa ngây ngô từ Morocco." Kể nói vậy cũng có hơi quá. Họa phẩm của ông Binebine được ưa chuộng ở Mỹ, ở Đức. Tranh của ông hiện đại lắm: từng vùng màu sắc đậm và nổi trôi trên đó mà những tấm mặt nạ người. Những bức họa đó dĩ nhiên là phản chiếu loại ánh sáng ở Marrakesh, nơi ông sinh trưởng và ở sa mạc Sahara, nhưng mà không ai gọi chúng có tính cách dân gian cả.

Ở đây, vấn đề quan trọng hơn là: phải chăng tình trạng "bị giam trong cái căn cước Bắc Phi" này có nghĩa là cô lập. Bởi vì khi nói đến giới trí thức ở Bắc Phi mà lại dùng đến những từ như "trí thức trong giới lao động, của dân quê" là một mâu thuẫn ngay từ trong từ ngữ. Trí thức tại đó chỉ có nghĩa là một phần của lớp ưu tú có học trong những nước mà từ một phần ba cho đến một nửa người lớn là mù chữ. Ông Ben Jelloun, lúc đầu qua Pháp để học môn tâm lý xã hội. Cha của ông Binebine trước từng là một cận thần văn hóa của vua Hassan II (...) Hồi Algeria còn là một nước theo xã hội chủ nghĩa, có rất nhiều văn nghệ sĩ nằm trong toàn bộ cơ cấu văn hóa do chính phủ kiểm soát, nhưng cho đến giữa thập niên 90 thì cứ nội cái việc một ai đó viết và nói được tiếng Pháp là cũng đủ để cho người đó bị nhóm Hồi Giáo chính thống sát hại.

Điều đáng buồn ở đây là tình trạng lưu vong thường có nghĩa là phải sống cách biệt, cô lập hơn cả khi ở trong nước: cô lập đối với "chính mạch" ở Pháp, cô lập đối với người Ả Rập của toàn vùng Levant. Như lời ông Laabi:"Họ cho là chúng tôi phản bội khi viết bằng tiếng Pháp." Trong khi đó thì chính những người Ả Rập ở vùng Levant lại hoan nghênh sự thành công của một tác giả thạo tiếng Pháp, gốc Lebanon là ông Amin Maalouf; và mỉa mai nữa là cô lập lập ngay cả đối với những người Pháp gốc Bắc Phi sống trong những khu nghèo nàn tại các đô thị.

Mới đây, ông Ben Beloun xuất bản một tác phẩm lấy tên là *"Le Racisme Expliqué à Ma Fille"*, một cuộc đối thoại tưởng tượng với con gái lên mười của ông. Nội dung nói về những nguy hiểm trong tương lai để cho con gái biết mà tránh. Ông đã thành công lớn với tác phẩm này,

nhưng liệu có nhờ vào tác phẩm đó mà người Pháp da trắng bớt có ác cảm đối với số người Pháp gốc Bắc Phi này không?

Có vẻ như không. Pháp là một quốc gia tôn trọng mọi biểu cảm văn hóa. Những người trí thức Bắc Phi như ông Ben Lelloun luôn thoải mái ngay cả với tầng lớp thượng lưu trong xã hội (tổng thống Pháp đã nhiều lần mời ông vào điện Elysée). Trường hợp hai ông Yamina Beguigui và Kader Belarbi cũng tương tợ như vậy. Kader Beguigui là một nhà đạo diễn và sản xuất phim, sinh trưởng ở Lille, cha mẹ là di dân từ Algeria. Ông Kader Belarbi múa ba-lê, gốc Algeria.

Nhưng trí thức là trường hợp ngoại lệ. Còn thì ở Pháp, nói đến người gốc Bắc Phi, nhất là thanh niên Bắc Phi, người ta thường nghĩ đến những kẻ học lực kém cỏi, sống trong các khu ngoại ô nghèo khó, không làm nghề gì nhất định hoặc thất nghiệp. Người Pháp gọi số người này là "beur", (do chữ arabe đọc ngược từ phải sang trái, đổi phụ âm "a"ở giữa thành phụ âm "eu")

(...) Đối với lớp thanh niên này thì hội họa không phải là những bức tranh linh động của Binebine mà là những hình vẽ bậy bạ, khi thì buồn cười khi thì thô tục trên các tường phố; ngôn từ của họ không phải là những lời hùng biện sắc bén của Ben Jeloun mà lại nhạc "rap" của những người như Cheb Mami; ngôn ngữ của họ là một thứ hổ lốn trộn tiếng Pháp và tiếng Ả Rập, khiến cho người ngoài không hiểu nổi, nhất là khi họ dùng đến một kiểu nói lái gọi là"verlan" ("à l'envers" đọc từ phải sang trái).

Thành thử, nhìn kỹ thì chính số đông nghèo nàn sống tại các khu ngoại ô mới mà những người bị cô lập, sống biệt lập thực sự. Ông Binebine có đùa rằng lấy được thẻ xanh cũa Mỹ còn dễ hơn là xin cư trú ở Pháp, dù rằng Pháp vẫn có truyền thống đón nhận họa sĩ ngoại quốc, (trường hợp Chagall và Picasso). Đa số kẻ nghèo gốc Bắc Phi thường bị cảnh sát kỳ thị, còn số đông người Pháp da trắng thì lại không có thiện cảm với họ vì nghĩ rằng chỗ nào có người gốc Bắc Phi thì tại đó có ma túy, trộm cắp, bạo động.

Điều này không có gì lạ. Hiện nay có đến một triệu rưỡi người Bắc Phi không có quốc tịch Pháp, và ít ra cũng còn có 170.000 người đã nhập tịch. Cứ cọng thêm con cái của họ nữa thì con số đích xác có thể tăng gấp đôi.(...) Chính số người gốc Bắc Phi ngày càng tăng đã đưa lại cho Mặt Trận quốc Gia (Front National) và nhiều phần tử cực hữu một lý do để biện minh cho một chủ trương bài ngoại có tính cách kỳ thị chủng tộc.

Đã có một vài cuộc thăm dó dư luận đi đến kết luận là có đến một nửa dân số Pháp là kỳ thị chủng tộc, chỉ vì họ sợ số người Bắc Phi ngày càng

đông.

Tuy nhiên, may ra thì đây là một mối lo sợ không đúng chỗ. Bởi vì, cứ như lập luận xác đáng của tờ *Marianne*, một tạp chí tả khuynh, thì người Pháp quả không có thói kỳ thị chủng tộc. Tạp chí này dựa vào kết quả của một số các cuộc thăm dò dư luận mà nêu ra ba điểm nổi bật: đa số lớn người Pháp chống kỳ thị, số cử tri hậu thuẫn cho Mặt Trận Quốc Gia đã giảm nhiều và hôn nhân hợp chủng nay là chuyện thường.

Đến đây, lại thấy có một tia sáng khác nữa: nếu những khó khăn nguy hiểm trong tình hình ở Bắc Phi có thể tạo cảm hứng cho thế hệ văn nghệ sĩ Bắc Phi lưu vong, thì rồi ra chắc chắn là những khó khăn nguy hiểm trong những khu ngoại ô nghèo khó sẽ là nguồn cảm hứng cho sáng tạo của những người Pháp gốc "beurs".

Tuần báo The Economist
(June 10th - 16th 2000)

*Levant là miền đất dọc bờ biển phía Đông Địa Trung Hải. Danh từ này do chữ *levante* trong tiếng Ý mà có và có nghĩa là đang lên. Trong lịch sử, Levant gồm tất cả các nước nằm dọc theo đông bộ ĐịaTrung Hải từ Hy Lạp cho đến Ai Cập. Người gốc Ý và Pháp sinh ra ở miền Levant có khi được gọi là Levantines. Sau thế chiến I (1914- 18) nước Pháp được giao quyền quản trị Syria và Lebanon mà người ta gọi là cac nước Levant. Cho đến bây giờ, thỉnh thoảng từ "các nước Levant" vẫn được dùng để chỉ riêng Syria và Lebanon.

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin tìm mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Nhìn lại một vài tác phẩm trong quá khứ

Thế Uyên

So với các bạn đồng lứa tôi bắt đầu viết văn hơi trễ, vào khoảng 1960, lúc 25 tuổi. Hoàn cảnh thúc đẩy cũng giản dị: Duy Lam và một số người trong họ nữa đã viết văn thì tôi cũng cao hứng viết theo. Truyện ngắn đầu tiên và kế tiếp "Những hạt cát" và "Giọt sương đêm" được đăng trên tạp chí Tân Phong do Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh chủ trương. Truyện ngắn sau được Phan Lạc Tuyên viết cho một đoạn giới thiệu khá dễ thương. Nhà văn viết gì tùy thuộc khá nhiều vào hoàn cảnh sống của mình, như tôi chẳng hạn, trong thời kỳ làm sinh viên rồi nhà giáo trong những thành phố an bình, tôi viết nhiều truyện tình và tình cảm đôi khi rải rác những tư duy triết lý về cõi nhân sinh. Những gì sáng tác trong thời kỳ này in thành hai tập truyện "Những Hạt Cát" (do nhà Thời Mới của Võ Phiến xuất bản lần đầu tiên 1962), "Ngoài Đêm" và truyện vừa "Mưa trong sương" (đều do Nguyễn Đình Vượng xuất bản - về sau tôi chuyển "Mưa trong sương" thành kịch, giữ nguyên tên và Thời Mới xuất bản).

Tôi đang dạy học ở Ban Mê Thuột thì nhận được lệnh động viên năm 1962. Đây là một biến cố có tác động ghê gớm lên văn nghiệp tôi. Sau khi đỗ Tú Tài II, tôi đã chọn con đường văn chứ không chọn võ, nhưng vì nhiều nam tính, tôi vẫn chủ trương sau này nếu có phải đi lính, thì đi cho tới nơi tới chốn. Bởi thế tôi đã chọn binh chủng bộ binh ngay từ lúc còn ở quân trường Thủ Đức, và khi ra trường tình nguyện đi trấn thủ lưu đồn tại Pleiku rồi Qui Nhơn, mặc dù có dư quen thuộc để đi những binh chủng "có chữ thọ to tướng", hay kiếm một chân sĩ quan văn phòng nào đó. Do thời kỳ này tôi viết ra những tác phẩm khác hẳn thời kỳ trước, thí dụ như "Mười ngày phép của một người lính", "Những ý nghĩ của bọt biển"... Rồi từ Qui Nhơn nơi tôi đang làm Trưởng Phòng vệ Kho Xăng ở Gành Ráng, tôi tình nguyện xin đi làm một trung đội trưởng rồi đại đội phó/ trưởng...

tại trung đoàn 7 sư đoàn 5 bộ binh, thời kỳ này không dài nhưng đủ cho tôi từ đó nhìn Vietnam War khác hẳn những bạn văn đồng lứa không đi lính, hoặc nếu có nhưng ngồi các văn phòng trong thành phố, thị trấn.

Trước khi đi lính tôi đã là nhà văn rồi và khi về sư đoàn 5 tôi đã dư số tác phẩm (theo tiêu chuẩn thời đó, chỉ cần có hai sách đã xuất bản) để xin chuyển ngành về Tâm lý chiến/Chiến tranh Chính trị, nhưng tôi không làm. Về sau có những bạn bè chức sắc ở binh chủng này ngỏ ý muốn "bốc" tôi về, tôi thường từ chối và đã trả lời, khá thành thực, là về những cơ quan tuyên truyền ấy, do nghiệp vụ, trước sau cũng phải viết những điều mình không tin hay không đúng với sự thực. Có lần về Bình Dương họp Tiểu đoàn, buổi trưa có một sĩ quan mở tạp chí *Văn Học* (do Phan Kim Thịnh/Dương Kiền chủ trương), mang một bài của tôi trong đó ra bàn và tán thưởng cùng bạn bè. Tôi ngồi trên đầu ghế bố ngay đó và chẳng hề để họ biết anh chàng thiếu úy đen xì và lấm láp ngồi đó chính là nhà văn họ đương bàn tới. Tôi giữ thái độ đó cho đến tận tháng 4, 1975: tôi làm lính với tư cách công dân Nguyễn Kim Dũng, không liên quan chi đến nhà văn Thế Uyên ngoài đời, mặc dù những tác phẩm của anh chàng này hơi nhiều chiến tranh, máu và lửa.

Tình hình cao nguyên bắt đầu gay cấn, thấp thoáng đe dọa cao nguyên có thể bị cắt ra khỏi Việt Nam cho một quốc gia Thượng riêng biệt, thủ tướng VNCH đương thời cho thành lập Nha Thượng vụ đặt trực thuộc Bộ Quốc phòng để phối hợp văn võ, chiến tranh và chính trị, bảo vệ phần lãnh thổ sinh tử này. Nha này lọc hồ sơ sĩ quan, thấy tôi có quá khứ dạy học Ban Mê Thuột nên ra lệnh "bốc" tôi về Sài Gòn. Tôi đang đứng trước đại đội võ trang đầy đủ cho trung đoàn trưởng duyệt trước khi đi hành quân thì lệnh thuyên chuyển tới. Trung đoàn trưởng cho tôi rời đơn vị ngay và chưa bao giờ tôi làm lễ bàn giao nhanh đến như vậy. Tôi đã thực sung sướng hô câu thủ tục: "Nhiệm vụ tôi đến đây là hết, xin bàn giao đại đội lại cho...". Sau khi chào lần chót đại đội và bắt tay chúc may mắn người thay thế, tôi đằng sau quay một cái rất đúng quân cách, phóng ra khỏi doanh trại kiếm xe về Sài Gòn.

Ban Giám đốc Nha Thượng vụ trao cho tôi làm Phó Phòng Nghiên cứu Kế hoạch, với nhiệm vụ là đọc tài liệu cả mật lẫn không mật, nghiên cứu tối đa tất cả mọi vấn đề của cao nguyên từ xưa tới nay. Tôi được tự do đọc và viết suốt ngày, bay lên bay xuống cao nguyên, ngập đầu trong cuộc chiến thầm lặng đầy đủ chết chóc máu lửa mà không một huy chương tưởng thưởng (làm sao gắn huy chương cho những quân nhân Việt lục hặc với CIA, hích thẳng cánh Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ để giữ lại Tây nguyên cho Việt Nam?). Vì được tự do đọc và viết như thế nên, ngoài

những văn bản do công vụ đòi hỏi (lắm lúc cũng chua lắm như khi VNCH bị FULRO kiện tới Liên Hiệp Quốc vì tội đã đánh chiếm quốc gia Kambuja của họ: Tôi phóng cái jeep lang thang hết những giá sách đầy bụi thời gian của thư viện này đến viện khảo cổ khác, mới viết xong bản văn cho Đại diện Việt Nam ở diễn đàn quốc tế bác khước cái "vương quốc huyền thoại Kambuja" ở Tây nguyên thời xưa), vẫn còn đủ thời gian cho tôi nhẩn nha viết xong truyện dài "Tiền Đồn", tập truyện ngắn "Bản Tình Ca Thứ Hai". Khi tôi quyết định viết biên khảo dài "Chiến tranh Cách mạng" thì đúng là các thượng cấp đủ loại đều tránh xa ra, kệ cho tôi đầy bàn sách vở tài liệu, một mình một cõi loay hoay với chữ nghĩa (Cuốn này về sau được trường Đại học Quân sự Đà Lạt sử dụng như tài liệu tham khảo chính cho các khóa sinh).

Theo qui chế động viên thời đó, ai đi hạ sĩ quan thì nhiệm kỳ 3 năm, sĩ quan thì 4 năm nên tôi được giải ngũ năm 1966 và trở về dạy học tại trường trung học Võ Trường Toản đối diện Sở Thú Sài Gòn, hàng xóm của trường Trưng Vương. Tôi đang sung sức viết và hoạt động, công việc của nhóm văn hóa *Thái Độ* đang bành trướng tốt đẹp thì xẩy ra trận đánh Tết Mậu Thân - lúc đó gia đình tôi về Đà Lạt ăn Tết với mẹ, chưa bao giờ vui và ấm cúng quanh nồi bánh chưng sùng sục giữa sân trong đêm lạnh miền núi đến như vậy. Lệnh gọi tái ngũ ban hành và chưa bao giờ mẹ tôi buồn như khi tiễn tôi trở về Sài Gòn đi lính trở lại - thế là ba con trai của bà lại đều là lính lần nữa. Nhưng lần này tôi được sử dụng làm huấn luyện viên quân sự tại Sài Gòn, hết đơn vị sinh viên Đại học Văn khoa lại đến các đơn vị Nhân dân Tự vệ, vất vả sáng tối nhưng cũng viết xong được "Đoạn Đường Chiến Binh". Từ lâu tôi đã khám phá ra rằng khi dịch sách, tôi chỉ phải sử dụng khoảng 50% khả năng của mình nên thời kỳ này tôi dịch khá nhiều, lắm khi đưa khóa sinh ra xạ trường, trong khi chờ đợi đến lượt ra thêm bắn, tôi chúi vào gốc cây bờ tre nào đó lúi húi dịch cuốn "La bataille de Dien Bien Phu" của Jules Roy dài ơi là dài, mà để rồi khi xong, chẳng một chế độ nào cho phép xuất bản.

Dĩ nhiên những biến cố lớn như ba năm cải tạo và chín năm lao đao trong chế độ Cộng Sản đều để lại những vết hằn, dấu ấn lên những gì tôi viết về sau. Sáu năm học và dạy học trong đại học Mỹ cũng vậy, làm tôi viết "Những người Mỹ chung quanh chúng ta", dịch một số truyện ngắn *erotic* của các nhà văn nữ Hoa Kỳ... và in dấu ấn rải rác trên những gì tôi viết trong thời kỳ này, rõ nét và hằn nhất trong tập truyện "Nhà Văn Già Và Cô Bé Gù"... Những năm gần đây tôi đã sống phân nửa thời gian mỗi năm tại Việt Nam, dĩ nhiên kiểu sống hai bên bờ đại dương ấy cũng tác động đến văn chương, chứng tỏ tôi viết cuốn "Hà Nội, Thập Niên Chót

Thế Kỷ 20"...

Nhìn lại những gì đã viết trước 75, tôi cảm tình nhiều với truyện dài "Tiền Đồn", tập đoản văn "Đoạn Đường Chiến Binh". Thường thường tôi thích những gì mới viết hơn, thí dụ như truyện dài "Khu Vườn Mùa Mưa". Ngoài lý do văn chương, còn lý do tình cảm: tôi đã tạo ra nhân vật nữ chính Bích Uyên trong truyện dài này từ Thúy Sơn, vợ tôi trong những năm đầu biết và lấy nhau. Và lúc viết những dòng này tôi vẫn yêu vợ (và được vợ yêu lại), vậy thì ta cứ "văn mình và vợ cũng... mình" luôn... Ai cười hở mười cái răng! Thỉnh thoảng bạn bè cũng chế nhạo tôi khá vui, thí dụ một lần tạp chí *Văn* số Xuân đã "tấn phong" cho mỗi nhà văn một chức vị, căn cứ vào một đặc tính trội bật của mỗi người. Nguyễn Mộng Giác là "nhà văn bắt mọi người đọc mình nhiều nhất" (tới hai bộ tràng giang tiểu thuyết, mỗi bộ 4 tập), Nhật Tiến là "nhà văn thích ở ngoài nắng, dưới nắng" (hồi đó nhà văn này còn tích cực hoạt động xã hội), còn Thế Uyên chỉ được tấn phong là "Cục trưởng Cục Gia cư", nghĩa là lo về nhà ở mà ngôn ngữ thông dụng trước đây của miền Bắc gọi vợ là "nhà tôi"...

Khi còn trẻ, tôi chủ trương nhà văn phải dấn thân, nghĩa là chấp nhận mình có bổn phận/trách nhiệm với dân tộc và đất nước mình. Quan điểm này không là mới mẻ với các nước Châu Á chịu ảnh hưởng Trung Hoa, như Việt Nam, Nhật, Đại Hàn, sau này thêm Đài Loan, Hong Kong, Singapore. Đã là sĩ thì đương nhiên có trách nhiệm và bổn phận thôi: với tư cách công dân cũng như với tư cách của người cầm bút. Chọn lựa "dấn thân" này của tôi, kiểu như Đỗ Phủ, Tô Đông Pha, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, sau này mới chịu ảnh hưởng thêm bởi những nhà văn Tây phương tôi thích như André Malraux, Jean Paul Sartre, André Camus, J. Lartéguy, John Steinbeck...

Giống như hầu hết những nhà văn tôi vừa nhắc trên, nơi tôi cũng có hai khả năng, khả năng trí thức và khả năng sáng tác, nên đã "dấn thân" tương tự như họ: anh trí thức viết tiểu luận đủ loại, anh nhà văn thì truyện ngắn truyện dài tùy bút. Qua các tiểu luận, anh chống những cái tiêu cực cái xấu của thời đại mình, và phối hợp với sáng tác, anh đưa ra những thị kiến những viễn mơ cho dân tộc mình. Thí dụ như tôi cuối thập niên 60 đã chủ trương thực hiện một cuộc cách mạng không Cộng sản (cho miền Nam trước, cho cả nước sau), đã lập nhóm Văn hóa Thái Độ, ra báo không xin phép, làm nhà xuất bản... để bước đầu thực hiện chủ trương này.

Và cũng y hệt những nhà văn dấn thân khác trên thế giới, tôi hay gặp những chống đối, đàn áp... xuất phát từ những thế lực bảo thủ trì trệ, của

cả phe quốc gia lẫn Cộng sản Việt Nam, ở nội địa, cũng như hải ngoại sau này.

Nhưng nơi tôi, ngay vào thời trẻ dễ quá khích, tôi cũng không cho chủ trương dấn thân là duy nhất đúng cho các nhà văn/trí thức; nữa là vào lúc này, tóc đã bạc. Nói cho giản dị, tôi thích cả Đỗ Phủ lẫn Lý Bạch, thích đọc cả J.P. Sartre lẫn Françoise Sagan, tôi là dấn thân Thế Uyên nhưng vẫn chơi và công nhận viễn mơ Mai Thảo, bây giờ vẫn cảm tình với "gìn vàng giữ ngọc" Doãn Quốc Sĩ nhưng thích đọc Khánh Trường, Trần Vũ, Đỗ Kh... Tôi vẫn nghĩ rằng một nền văn học chỉ tốt đẹp phong phú khi hiện diện cả hai dòng dấn thân lẫn viễn mơ: làm thơ phong hoa tuyết nguyệt hay làm thơ văn tranh đấu cho những lý tưởng, đều được cả, miễn là làm cho hay. Thời trẻ đã suy nghĩ như thế, bây giờ đang đi về mùa thu cuộc đời, tôi tất nhiên bao dung chấp nhận hơn nữa.

Nếu có điều gì để nói thêm về Thế Uyên tóc bạc thì bây giờ hắn trở thành nhân bản hơn và quốc tế hơn, chấp nhận hai căn cước, hai *identity*, vừa là Việt vừa là Mỹ một cách thoải mái. Hắn thay những thứ "bổn phận và trách nhiệm của những người cầm bút" bằng những tình tự liên đới nhẹ nhàng hơn. Không muốn thế cũng không được vì đã là công dân Mỹ, đương nhiên có những bổn phận trách nhiệm bình thường đối với quốc gia này (tôi có khá nhiều bạn bè đã để con trai và cả con gái nữa gia nhập Quân lực Hoa Kỳ, một số đã lên cấp tá). Tôi viết văn bằng tiếng Việt nên không có tác động tới cộng đồng Mỹ chính gốc nói tiếng Anh, và văn chương tiếng Việt của tôi (cho đến khi được dịch và phổ biến rộng trong thế giới Anh ngữ), thường chỉ có giá trị và tác động tới cộng đồng Việt hải ngoại và một phần nào cộng đồng Việt nội địa, do đó vấn đề trách nhiệm bổn phận của nhà văn mang những sắc thái khác, ít nhất là nhẹ nhàng hơn, khi còn ở trong nước. Thí dụ như vấn đề bất công giàu nghèo, vấn đề *homeless* ở Mỹ chẳng hạn, thì những kẻ có trách nhiệm và khả năng giải quyết là những người Mỹ chánh gốc chứ, cộng đồng Việt làm gì được trong khi không có nổi một dân biểu trong Quốc hội liên bang, thậm chí đến chức vụ khiêm tốn nhất là nghị viên hội đồng thành phố, hình như cũng chỉ mới có được một người ở California. Còn đối với nội địa, không những ngăn sông cách biển, biển này là Thái Bình Dương đâu có nhỏ gì, lại còn vướng chế độ Cộng sản bế quan tỏa cảng nữa, những điều ta viết và nói (qua VOA, RFI...) ở hải ngoại, ngay cho dù với Internet gần đây, chỉ vượt được hàng rào phong tỏa, bức màn tre, một cách hạn chế.

May một điều cộng đồng hải ngoại đã đông tới hơn 2 triệu, đủ và xứng đáng để viết lắm ố mặc dù nhà văn sáng tác vì thúc đẩy nội tâm trước đã nhưng cũng phải có một cộng đồng để cùng cảm thông, dù cộng

đồng này có nhỏ như một bộ lạc hay một làng nhân số một vài ngàn. Mai kia, không xa lắm đâu trong thế kỷ 21, khi hàng rào bế quan tỏa cảng về văn hóa bị hủy bỏ, thì những tác phẩm văn hóa phẩm hải ngoại sẽ trở về Việt Nam và sẽ được đọc nhiều, ít nhất trong hai thập niên đầu. Trong 23 năm qua, tôi có hoàn cảnh đọc hầu hết các tác phẩm chính của cả hai vùng và thấy rằng nội địa đông dân hơn hẳn nhưng bị đảng Cộng Sản kiềm chế nên văn chương, nếu không đồng bộ với những nhân vật gỗ tiền chế thì cũng thường buồn hiu phố huyện, trong khi văn chương hải ngoại, nhiều sáng tác không kém, đa dạng, mạnh mẽ và quyến rũ hơn nhiều.

Nếu có điều gì để nói thêm, chỉ là: Anh nhà văn hải ngoại tự do chọn lựa cho mình một liên quan, một trách nhiệm. Anh có thể tiếp tục làm "người đi trên mây*", thích "đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất*", anh có thể làm một nhà văn cho những "cây tùng trước bão*", cho những công cuộc phục quốc hoang đường, anh có thể viết để "đêm đông giữ lửa*" đề cao những người lính Quân lực miền Nam cũ hay chỉ để ca tụng một binh chủng, anh có thể viết để bênh vực nữ quyền, anh có thể viết để tạo cảm thông giữa hải ngoại và nội địa hay chỉ để chấm dứt một sự cô đơn, giải tỏa một nỗi niềm quá khứ, hay phát tiết những hận thù chưa trả đối với đảng Cộng Sản Việt Nam, và dĩ nhiên anh có thể viết chỉ vì thích viết, không viết đời kém vui hay không thể chịu được... Cái nào cũng được cả, tùy chọn lựa của anh. Vấn đề chính là nếu anh thành thực chọn lựa, sống và hành động theo chọn lựa đó, chứ không vì làm dáng hay theo mốt, là có được động cơ thúc đẩy để viết, còn sau đó văn anh có hay hay không, có giá trị tồn tại lâu dài hay không, thì làm sao biết trước được.

Anh hiện hữu và liên đới, đóng góp với cộng đồng nhỏ Việt Nam hải ngoại và cộng đồng lớn Việt Nam nội địa, với các dân tộc Mỹ Canada Pháp Úc Đức... anh đang sống bên trong và nới rộng ra cả nhân loại, bằng những điều anh viết anh vẽ anh hát... Như vậy không đủ vui và có ý nghĩa hay sao?

Thế Uyên

* Tên những tác phẩm của Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Công Thiện, Hoàng Khởi Phong, Phan Nhật Nam.

Gió, Lửa và Thân phận Sĩ phu qua ngòi bút của Nam Dao

Đoàn Nhã Văn

"Có tám cảnh thiên đường, chỉ cần bay có ba đứa là chẳng đứa nào trong bọn bay lên được vì thằng nọ đạp vào đầu thằng kia.

Có bảy tầng địa ngục, không cần ai bảo, bọn bay đứa này lôi đứa kia, rồi xuống đấy cả" (Trang 489).

Ai? Ai mà buông lời lớn lối, ăn nói ngạo mạn vậy?

Đây chính là một phần lời nguyền của hơn hai trăm năm trước trong phần kết của tiểu thuyết lịch sử *Gió Lửa* của Nam Dao.

Dựng tiểu thuyết *Gió Lửa*, Nam Dao mang một tham vọng lớn: muốn đặt lại giai đoạn lịch sử Trịnh tàn - Lê mạt, lên bàn giải phẫu. Với tham vọng đó, lúc trữ tình tha thiết, lúc lạnh lùng tàn bạo, ông đã đẩy ngòi bút của mình đến những chi tiết đầy gay cấn và gút mắc, tạo nên một sự lôi cuốn lớn. Cũng qua *Gió Lửa*, Nam Dao đã dựng lại nhiều giả thuyết lịch sử trong giai đoạn khốc liệt này. Tuy vậy, bài viết này sẽ không đào sâu vào những giả thuyết của Nam Dao, vì ông đã xác định ngay từ trang đầu:

"Tiểu thuyết là cách tác giả đối thoại với lịch sử. Tất nhiên đối thoại đó chỉ một chiều và chủ quan. Thậm chí tác giả không câu nệ bất cứ điều gì, kể cả đôi khi cưỡng bức lịch sử để thai nghén ra tiểu thuyết". (Trang ii-iii)

Gió Lửa bắt đầu từ con sông Mê và vấn đề giữ nước của làng Mê Thượng, mà họ Hà là tộc trưởng. Từ giữ nước của tộc này đến kíu nước của họ kia đã gây ra bao cuộc đẫm máu, mà lần cuối cùng, máu đỏ lòng sông suốt mấy ngày liền. Họ Hà sau đó phải lên núi Bùi Phong, tìm Nguyễn

Thiếp hỏi về phong thủy để tìm đất cho rồng bay lên, rồi xuôi Nam, sau khi bắt theo đứa con trai của Nguyễn Thiếp để làm con tin. Trong khi đó, Trịnh Sâm đang trên ngôi Chúa, vào những ngày tháng cuối cùng. Phía bên kia phủ Chúa, Lê Hiển Tông đang trên ngai Vua nhưng không một chút quyền hành. Trịnh Tông, con trưởng của Trịnh Sâm âm mưu làm phản vì có tin đồn Tuyên Phi Đặng Thị Huệ đang thuyết phục Trịnh Sâm nhường phủ Chúa cho con thứ, Trịnh Cán. Âm mưu bại lộ, đồng đảng của Trịnh Tông phải chịu chém đầu. Chính sử gọi đây là vụ án năm Canh Tý. Sau khi Trịnh Sâm mất, Đặng Thị Huệ cùng Hoàng Tế Lý nắm trọn quyền hành, dẫn đến việc lật đổ sau đó không lâu và nạn kiêu binh xuất hiện.

Ở Qui Nhơn, ba anh em nhà họ Nguyễn nổi lên làm Vua một cõi. Nguyễn Huệ đánh Nam dẹp Bắc, có lúc đem quân ra tận Thăng Long, có khi đánh xuống Hà Tiên, đuổi Nguyễn Ánh chạy trốn ra Phú Quốc. Đàng Ngoài tranh giành quyền lực; đất Qui Nhơn Nhạc và Huệ trong cuộc tương tàn; Đàng Trong Nguyễn Ánh chiêu binh mãi mã và đã cầu cứu Bá Đa Lộc, nhờ người Pháp giúp đỡ. Sau khi đánh thắng quân Thanh và vững vàng trên ngôi báu, Nguyện Huệ đột ngột ra đi. Không còn thế lực nào cản được bước tiến như vũ bão của Nguyễn Ánh khi ông dẫn quân ra Bắc. Những cuộc trả thù bằng máu bắt đầu. Học trò của Nguyễn Thiếp, một người phải tự kết liễu đời mình để tránh cuộc trả thù, một người phải hứng lấy lời nguyền của Chế Mân.

Lịch sử vốn khô khan và khốc liệt. Lịch sử đầy biến động trong giai đoạn này, dưới ngòi bút của Nam Dao càng khốc liệt hơn nữa. Máu và máu. Lạnh tanh và ghê rợn. Mỗi cuộc can qua là mỗi lần khốn khổ, đói rét dân tình. Mỗi âm mưu tranh giành quyền lực, là bao thân người ngã xuống. Mỗi đường gươm lóe lên, một chiếc đầu lăng lông lốc sau cuộc trả thù. Những cảnh chém đầu tội phạm, của những người chiến thắng, dĩ nhiên là để vinh danh chính nghĩa, hai trăm năm sau vẫn còn ám ảnh gã lữ hành Nam Dao.

Đây là vụ án năm Canh Tý (1780):

Ngày hành hình trong vụ án năm Canh Tý, nước sông Nhị lại thêm một dịp đỏ hơn trước và đàn quạ hôm sau không biết bay về đâu. Cho đến hết đời Tây Sơn, cư dân ven sông Nhị thỉnh thoảng lại nghe văng vẳng tiếng hát về những cánh chim.

(...)

Tối hôm chém đầu chín mươi bảy người tội phạm, mặt trăng không dám ló hết ra. Trăng mười sáu mang hình lưỡi liềm cứ lơ lửng treo giữa

trời đe dọa.

Hơn hai trăm năm sau mặt trăng ấy vẫn chưa tròn." (Trang 77-78)

Đây là vụ hành hình Ngô Thì Nhậm:

"Một tiếng bốp vang lên. Đó là tiếng cây côn đập vào đầu gối Nhậm. Nhậm cắn răng, chúi người ngã, nhưng lại cố đứng dậy. Lại một tiếng bốp nữa. Nhậm lại ngã, rồi xiêu vẹo, vùng người lên. Đến lần thứ năm hay thứ sáu, Nhậm không đứng được, nằm trên sân đá, nhưng không rên la, kêu ca gì cả. (...).

Tiếng roi, tiếng gậy lại vang lên. Trong hàng dân có kẻ la khóc. Vẫn tiếng chan chát, tiếng bôm bốp, và tiếng chim cuốc kêu lên thất thanh.

(...)

Nhậm bị đánh như vậy cho đến lúc thình lình cả đàn hàng trăm con chim cuốc vỗ cánh bay lên, không ngớt kêu quốc, quốc, và bay về hướng biển. Đúng lúc đó, Nhậm thở hắt ra, giẫy nhẹ, rồi bất động." (Trang 449-450).

Những tiếng chan chát, bôm bốp, cùng với tiếng chim cuốc kêu thất thanh mở ra một cảnh tượng tàn bạo, đập vào tim người đọc, từng chập, từng hồi cùng với tiếng gậy, tiếng côn. Chấm dứt cảnh hành hình với: *thở hắt ra, giẫy nhẹ, bất động* để thấy cái nhỏ nhoi của con người trước bạo lực. Hai hình ảnh đối lập nhau nhưng lại xoắn vào nhau. Phải có sự tồn tại song song của cả hai mới tạo được cái không khí dã man của buổi nhục hình.

Cũng là cái chết, cũng là những lần đi về bên kia thế giới, nhưng ở vụ án năm Canh Tý *những đàn quạ một đi không trở lại*, thì ở vụ hành hình Ngô Thì Nhậm, *tiếng chim cuốc kêu thất thanh bay về hướng biển*. Lúc Trịnh Sâm miệng thổ ra máu, sắp lìa đời thì *"cả trăm tiếng cú rúc ban ngày rờn rợn vang lên."* (Trang 142). Khi Trọng Thức, người học trò của Nguyễn Thiếp, tự mình quyết định đời mình để tránh cuộc trả thù bằng máu, chắc chắn phải đến, của Nguyễn Ánh, thì *"con chim bàng vẫn lượn đi lượn lại thảng thốt kêu tiếng kêu thương"* (Trang 469). Khoảnh khắc Toàn Nhật hứng lấy lời nguyền của Chế Mân, *"một đàn chim âu cả trăm con tung bay, cánh óng ánh màu lửa thắp sáng không trung."* (Trang 493). Dùng những cánh chim trong cơn gió lửa của lịch sử và dùng nhiều lần để gợi nên sự liên tưởng về từng nhân vật trong một tác phẩm, có thể nói Nam Dao là người đầu tiên, ít nhất là trong dòng văn chương Việt Nam ngoài nước. Điều này phản ánh cái tinh tế của Nam Dao ở thế nhìn, ở cách chọn lựa hình ảnh cho mỗi đối tượng và lối diễn tả để lồng vào tâm cảnh

của mình.

Dựng tiểu thuyết lịch sử không thể không nhắc đến những nhân vật lịch sử. Nhưng phải khắc họa nhân vật lịch sử như thế nào để bẩy lên được cá tính của họ mới là điều quan trọng. Ở *Gió Lửa* Nam Dao xây dựng nhân vật bằng ngôn ngữ sống trong đối thoại, vẻ nhân dáng bằng những hình tượng điển hình. Bằng cách này, độc giả cùng tham gia với tác giả trong việc đánh giá từng người từ chiều sâu tâm hồn, đến riêng tư tình cảm, sự nông sâu trong hiểu biết và nhân sinh quan của nhân vật đó.

Thì đây, hình ảnh của Nguyễn Nhạc:

"Trên chiếc ngai vàng có phủ da báo, Nguyễn Nhạc người to lớn, mắt lộ, môi dày, răng hơi hô, da sần sùi đen như củ súng, ngồi vắt chân chữ ngũ. Mặc một bộ áo màu vàng có đính kim tuyến, đầu đội mũ triều thiên, tay cầm một chiếc quạt ngà, Nhạc nhai trầu, nước ứa ra khóe mép đỏ lòm.

(...)

Hử một tiếng, Nhạc hỏi:

-Mi vào tệ quốc làm gì?

(...)

-Ta biết rồi, nhưng ta hỏi mi làm gì chứ không hỏi tại sao mi đến quí quốc.

Bỗng có tiếng cười khanh khách, rồi một giọng trong veo vẻo cất lên:

-Sao mi đến nước ta! Hắn nói quí quốc thì được, nhưng Hoàng huynh phải bảo là nước ta chứ." (Trang 224-225)

Một hình ảnh khác của Nhạc, trong những ngày tháng tương tàn, khi quân của Nguyễn Huệ từ Phú Xuân kéo vào, bao vây thành Quy Nhơn:

"Nhạc vô vọng, vào từ đường lạy tro cốt của tổ tiên, rồi lên mặt thành Quy Nhơn đứng khóc, kể lể tình anh em ruột thịt" (Trang 345)

Cứ nhìn cung cách vừa ngồi trên ngai vàng vừa nhai trầu nhóp nhép, sự vất vả với chữ nghĩa khi tiếp xúc giới sĩ phu, cùng cảnh rơi nước mắt của một vị Vua Tây Sơn, đủ cho thấy Nguyễn Nhạc không thể nào là một người nhìn xa trông rộng được. Dưới ngòi bút của Nam Dao, Nhạc không phải là típ người để làm "việc lớn", quá lắm ông chỉ đủ sức để làm lớn những sự việc nhỏ, mà bất cứ ông Vua nào cũng làm được.

Và đây là hình ảnh Nguyễn Lữ ở những giây phút cuối cùng, sau khi

phát hiện ra những người tập kích mình là người của Tây Sơn chứ không một ai khác.

"Bất thình lình, Lữ gỡ Vương miện trên đầu ném xuống đất, rồi cởi đai giáp, cởi bào, cởi ủng, đi đến cạnh xác viên đội chết cháy. Với tay lấy lá cờ đỏ, Lữ quấn vào hạ bộ làm khố, lẳng lặng nhìn bọn sơn nhân vây quanh Thuấn. (...)

Lữ rảo bước theo đám sơn nhân và thằng Thuấn đang lên dốc và dần dần khuất nẻo." (Trang 366)

Theo tôi, hành động cuối cùng của Nguyễn Lữ là một hành động khẳng khái và quyết liệt: đoạn tuyệt với quá khứ. Dám đoạn tuyệt với quá khứ là một hành động can đảm. Đoạn tuyệt với một quá khứ mà mồ hôi và nước mắt của chính mình đã đổ xuống để vun đắp cho cái quá khứ ấy, là một hành động không phải ai cũng làm được, nhất là những người đang hưởng bổng lộc của một triều đại.

Cờ đỏ xung trận. Cờ đỏ kiêu hùng. Cờ đỏ mở ra những chiến công nghiêng trời lệch đất từ Qui Nhơn ra đến Thăng Long; từ Thăng Long vào tận đất Hà Tiên. Cờ đỏ nhuộm máu anh em, máu đồng đội, máu của bá tánh. Tất cả thấm vào lòng đất, hòa trong màu cờ vì mục đích gì? Khi lòng người tỉ lệ nghịch với quyền lực; khi lòng người nhỏ dần và bị ngập ngụa bởi những lợi danh; khi giọt máu đào không khác gì nước lã, màu đỏ linh thiêng cũng chỉ xứng đáng để làm chiếc khố. Cờ đại nghĩa hôm nào dựng lên ở đất Tây Sơn, lấy của người giàu chia cho dân nghèo, rồi ra cũng chỉ là một thứ biểu tượng tranh giành quyền lực. Cho nên *"Lữ cũng vậy mà Thúc Khải cũng thế. Tao là con Hà công hay con Nguyễn Thiếp thì có khác chi nhau? Ảo cả, và cái có thật là cái khổ của kiếp phù sinh khốn nạn này."* (Trang 365-366)

Bằng một đoạn văn ngắn, Nam Dao đã gởi gắm vào đó biết bao điều muốn nói về một nhân vật, mà chính sử ít nhắc đến và dĩ nhiên, mờ nhạt hơn những tên tuổi lớn khác, cùng thời. Khi cần ít lời và dứt khoát, Nam Dao viết ngắn, vừa đủ, để ẩn chứa bao nhiêu nỗi niềm của nhân vật. Ở góc độ này, người đọc nhận thấy một sự cân nhắc của ông, cái thận trọng của một người "đọc lại" lịch sử và "nhìn" lịch sử dưới một lăng kính khác.

Trong hướng nhìn từ cái riêng ra cái chung, người đọc hiểu rằng: Nam Dao không khổ công dựng Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, rồi chấm hết. Vậy ông muốn ám chỉ ai đây? Ai ngồi trên ngai vàng, vụng về, khổ cực với chữ nghĩa, tầm nhìn không vượt quá khỏi lũy tre làng? Ai dám ly thân, không, phải nói là đoạn tuyệt hẳn hòi với quá khứ?

Cái bỏ lửng của Nam Dao là một cách mời gọi độc giả cùng tham gia với mình trong cách "đọc" lại lịch sử và liên tưởng một cách kín đáo về thời cuộc.

Bên cạnh Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ, còn có những Nguyễn Huệ, Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm, Đặng Thị Mai, v.v... được Nam Dao dựng nên rất sắc nét, phản ánh tâm tư và suy nghĩ của mỗi người về đất nước, cuộc sống, tình yêu, nhân thế. Thời đại nào cũng có những con người mang những trái tim nồng ấm. Thời đại nào cũng phảng phất hình ảnh và những hành động dã man của những kẻ như Đặng Mậu Lâm. Nhưng trong hơn trăm nhân vật của *Gió Lửa*, nổi bật nhất là Trọng Thức và Toàn Nhật, hai người học trò của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp.

Nam Dao đi vào từng ngõ ngách nội tâm của hai nhân vật này thật rốt ráo. Ông dựng nên những cảnh éo le, *tung* họ đến những môi trường khác nhau, đưa họ vào những tình huống khó xử, tạo cho họ có đời sống phong phú và phức tạp. Nhờ đó mà cá tính của từng người đậm nét, không thể lẫn lộn với hàng trăm nhân vật khác trong tiểu thuyết.

Trọng Thức, một người mang danh là gã thầy đồ bướng bỉnh nhưng biết nhìn xa, trông rộng, suy nghĩ về những vấn đề lớn, lớn hơn những tranh giành quyền lực, cao hơn những danh giá, nhiều hơn những của cải ngoài thân. Một người soạn tự điển nhiều ngôn ngữ, với *"cái chí đi tìm học ở Tây Phương chẳng những kỹ thuật mà còn cách tổ chức và cái tôn ti trật tự của xã hội của họ."* (Trang 298). Nam Dao đẩy Trọng Thức vào cảnh tù ngục ở Đàng Ngoài, bị giam cầm bởi Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, bị Nguyễn Ánh đẩy sang Pháp với trách nhiệm nặng nề. Nhưng nổi bật hơn cả là giai đoạn ông về quê hương, đã khẳng khái nói thẳng với Nguyễn Huệ *"Ngài đừng đợi đến lúc làm Vua rồi mới hỏi làm Vua để làm gì"* (Trang 380). Câu nói tuy đơn giản nhưng đáng giá ít nhất là một cái đầu. Chính câu nói này đã bộc lộ khí phách của người trí thức trước một kẻ hét ra lửa - Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ; một người đi giữa Thăng Long, đất của Vua và phủ của Chúa, vẫn ung dung tự tại; một người ngang nhiên bước giữa thành Gia Định - đất của Nguyễn Ánh, vẫn xem như vào chỗ không người. Đó chính là khí phách của người trí thức trước quyền lực. Đọc xong câu nói đó, tự nhiên ta thấy đã. Cái đã như lâng lâng vào từng mạch máu từng sớ thịt của mình. Câu nói bay bổng đó, là một phần nhỏ trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Nam Dao để làm nẩy lên cá tính nhân vật.

Toàn Nhật là một người nổi tiếng thẳng thắn, cương nghị và đầy tình cảm. Gươm rút ra khỏi vỏ là mạng người phải ngã xuống. Một kẻ ương ngạnh, nhưng biết nghĩ cho đại cuộc và biết sống vì người khác, đã từng

chống lại lệnh của Nguyễn Huệ, để tránh cho một cuộc đổ máu, tương tàn giữa ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ, dù biết rằng tội "phản Chúa" là tội đáng phanh thây.

Thử nhìn lại hình ảnh Toàn Nhật sau *Nhát gươm ăn súng*, hạ một mạng người, mà đó là người thầy đã đào tạo cho mình ba đường gươm tuyệt kỷ. Và đó cũng chính người đã nhờ Nhật lấy đầu của mình vì không muốn giao bí kíp đúc súng cho Vua, dù là Đàng Ngoài hay Đàng Trong, để gây thêm nhiều cảnh chết chóc kinh hoàng.

"Một nhát gươm lóe lên.

Đó là lần đầu tiên đường gươm thứ nhất Toàn Nhật phát ra mà mắt không có một chút căm hờn nào. Trái lại, nó đầy cảm thương. Đó cũng là lần đầu tiên Toàn Nhật chém đầu một người. Oái ăm làm sao, người đó lại là người Nhật đội ơn và yêu quí.

Đứng như tượng đất, vô hồn bất động cho đến lúc trời tối hẳn, Nhật mới định thần lại, òa lên khóc. Tiếng khóc ban đầu ấm ức trong cổ, sau to dần rồi vỡ tung ra thành tiếng gào, tiếng rú, tiếng sấm, tiếng sét. Vườn bên, trong đêm đen thăm thẳm, bỗng có tiếng mưa rơi lộp độp trên những tàu lá chuối." (Trang 104)

Trời đổ mưa hay lòng người úng nước? Lấy ngoại cảnh để diễn tả nội tâm một cách thấm thía lại là một khía cạnh thành công khác trong Gió Lửa.

Nam Dao đã đưa Toàn Nhật vào vị thế khó xử nhất trong cuộc đời: đối đầu với người cha của mình, Hoàng Tế Lý. Bỏ đi hay chặn lại? Nên tha hay nên giết? Tình riêng hay nghĩa chung? Sau đó, khi vào Đàng Trong, Nhật lại đứng ở giữa bờ vực, bên này là Nguyễn Huệ, bên kia là Thúc Khải. Vì Chúa hay vì máu đào của bá tánh? Đi thêm một bước nữa, Nam dao đã cho Toàn Nhật hứng trọn lời nguyền cay độc của Chế Mân. Như một kẻ sĩ dám hứng nhận trách nhiệm lịch sử cho dân tộc. Như một người trí thức, dám vượt qua hàng rào tôn giáo để mong tìm an bình cho quê hương.

Giai đoạn Trịnh tàn - Lê mạt là giai đoạn của bao nhiêu thế lực gầm ghè, dòm ngó ngai vàng, lăm le nuốt trọn phủ Chúa ở Đàng Ngoài, thế lực Tây sơn nổi dậy dựng đế vương ở Qui Nhơn, và Nguyễn Ánh gian nan vất vả ở Đàng Trong.

Nhìn ra bên ngoài, cùng một thời gian đó, châu Âu đang trên đà phát triển, xã hội đã làm quen với cuộc Cách mạng Khoa học. Nhiều nhà tư

tưởng đã đem ánh sáng khoa học soi rọi vào nhiều vấn đề liên quan đến Kinh tế, Chính trị và ngay cả cơ cấu Xã hội. Khi kiến thức về khoa học phát triển và được áp dụng vào sản xuất, điều kiện sống khả quan hơn, và ý niệm về Tự do, Dân chủ nảy nở, đóng góp phần lớn vào việc chấm dứt các thời đại Vua chúa sau này.

Một trong những nhà tư tưởng đã góp phần tạo nên hạt nhân Dân Chủ là John Locke (1632-1704) mà lý thuyết về công ước xã hội của ông đã được các nhà triết học ở châu Aạu và châu Mỹ sốt sắng nghiên cứu. Năm 1776 (năm Nguyễn Lữ đem quân đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định), các nhà cách mạng Hoa Kỳ đã dùng tư tưởng của John Locke vào bản tuyên ngôn Độc Lập rồi sau đó là bản hiến pháp Hoa Kỳ được viết ra vào năm 1787 (năm Nguyễn Ánh đánh Gia Định, Nguyễn Lữ về Qui Nhơn rồi mất sau đó).

Sau Locke, De Montesquieu (1689-1755), người được coi là nhà sáng lập ra ngành khoa học chính trị, đã cho rằng: tự do cá nhân phải được bảo vệ theo nhiều cách khỏi sự độc đoán của vương triều. Trong tác phẩm *L'Espirit des Lois* (Tinh Thần Luật Pháp), ông cho rằng một chính quyền sẽ tránh được các điều xấu nếu biết phân chia quyền hành thành các ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xa hơn nữa, việc cai trị của người cầm quyền không phải bằng cách duy trì sự sợ hãi mà phải bằng danh dự và phương thức đề cao nhân cách.

Sau đó, các tư tưởng mới được phổ biến một cách rộng rãi bởi các nhà triết học, sử học như Voltaire, Diderot và nhất là Rousseau. Rousseau đã viết *Le Contrat Social* vào năm 1762 (một năm, trước khi Trịnh Sâm lên ngôi Chúa). Theo ông, không luật pháp nào trói buộc mọi người dân nếu người dân không đồng ý. *"Ông đã đi xa hơn ý tưởng của John Lock về sự đồng ý giữa nhà cai trị và dân chúng. Theo Rousseau, một xã hội được căn cứ vào sự hiểu biết của tất cả mọi người và mọi người cùng chia xẻ các giá trị chung và các thái độ chung. (...). Các ý tưởng của Rousseau đã gây ra rất nhiều ảnh hưởng. Nhiều người đã đọc tác phẩm của Rousseau và tin tưởng vào nền dân chủ mà ông đã đề cập. Tư tưởng của J.J. Rousseau đã ảnh hưởng tới lối suy nghĩ của người Pháp, đã trở thành một trong các sức mạnh của cuộc Cách Mạng Pháp 30 năm về sau."* (1)

Giới trí thức châu Âu đã bước một bước nhảy vọt trong lĩnh vực gầy dựng hạt nhân và phát triển tinh thần Tự do, Dân chủ. Trí thức và sĩ phu nước ta trong thời kỳ này như thế nào? Câu trả lời khá đơn giản: một là nhập cuộc, chen vào chốn quan trường bằng kiến thức sách vở của Thánh hiền từ bao đời trước, để hưởng bổng lộc của triều đình; hai là rút lui, ở ẩn. Dù chọn cách nào đi nữa, tác động của họ vẫn không đủ lớn để đẩy được

vận nước đi lên. Lịch sử nước nhà cho thấy trong giai đoạn này giới sĩ phu nước ta còn chậm lụt khá xa về Dân Chủ, Tự Do, Bình Đẳng, những điều đã được phát triển khá mạnh mẽ bên trời Âu. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì sĩ phu Việt Nam có một truyền thống lâu dài gắn bó với làng xã. Kiến thức khoa học kỹ thuật chưa hề định hình trong suy nghĩ của họ. Chưa bứt ra khỏi tổ kén ngàn năm, nên giới sĩ phu của ta chưa bao giờ có những bứt phá ngoạn mục, những cuộc thanh toán hẳn hòi với truyền thống. Tuy nhiên, qua ngòi bút của Nam Dao, giới sĩ phu Việt Nam vẫn có cơ hội cập nhật hóa tư tưởng và ươm được hạt giống tốt từ phương Tây, qua nhân vật Trọng Thức, dù rằng bước đầu có những ngỡ ngàng.

Qua cuộc tiếp cận tư tưởng mới của Trọng Thức, Nam Dao cố ý tạo nên những xung đột trong suy nghĩ, không chỉ cho riêng mình Trọng Thức, mà cho cả những ai còn quan tâm đến hạt Tự do, mầm Dân Chủ. Ông viết khá nhiều về trường hợp này. Thử đọc qua một cuộc đối thoại ngắn trong thời gian Thức ở Sorbonne.

"- Một cái đầu gà, chúng tôi có thể chặt thành ba mươi sáu miếng, từ miếng to đến miếng nhỏ. Miếng to nhất dành cho tiên chỉ, thứ đến là loại có đỗ đạt, rồi lần lượt lý trưởng, trương tuần

- Như vậy, dân tộc anh là một đàn cừu có thứ bậc. Một tập đoàn nô lệ nhưng lại tôn ti trật tự! (...) Giá mà ngược lại, đàn cừu chỉ có mười phần trăm, còn lại làm giặc, nhưng không sắm khí giới, mà chỉ dùng lý lẽ thì xứ các anh sẽ khá hơn nhiều.

-(...)

-Cái ghê gớm nhất là sự nô lệ của mình với chính mình. Một thứ nô lệ nhưng cứ có ảo tưởng là chủ nhân ông" (Trang 302)

Tự ái dân tộc bùng lên! Nhưng cũng biết đâu vì thế mà vùng vẫy, mà bung ra khỏi ước lệ ngàn xưa. Và, cho đến nay, lịch sử cho thấy: ta cũng chưa hề dùng được lý lẽ, mà thay vào đó là sức mạnh. Khi sức mạnh đại diện cho tất cả, thì mọi thứ sẽ bị nhốt vào trong chiếc rọ, được quyền nhìn về phía trời xa mà mơ ước, chứ không thể bay nhảy tự do để thực hiện những ước mơ.

Cũng qua cuộc tiếp cận tư tưởng mới, Trọng Thức đã thấy được giới trí thức châu Âu *"không tị hiềm đố kỵ (...) và không hẹp hòi hợm hĩnh như những kẻ sĩ hám danh lợi Thức đã gặp suốt từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài."* (Trang 306)

Qua *Gió Lửa*, Trọng Thức là một-sĩ-phu-vượt-thời-đại, một con cá vượt bao trở ngại của suối, sông để tìm ra biển lớn. Cũng chính vì thế,

Trọng Thức cô đơn. Nỗi cô đơn của một kẻ không tìm ra tri kỷ, tri âm. Dựng Trọng Thức, là dựng lại cái bất lực muôn đời của trí thức (2). Dựng Trọng Thức, Nam Dao không những chỉ đưa ra một thách thức cho tầng lớp trí thức hôm nay, bởi hơn 200 năm trước còn có người dám nghĩ và dám chấp nhận cái mới, thì hai trăm năm sau không lẽ trí thức lại hững hờ hay vứt bỏ nó? Xa hơn nữa, đây còn là một câu hỏi nhức nhối cho mọi chính quyền, trước những điều xem ra đơn giản nhất: Tự Do, Dân Chủ và Bình Đẳng.

Gió Lửa mở ra bằng nhân vật Nguyễn Thiếp và đóng lại bằng hình ảnh của hai người học trò thân yêu của ông. Mở đầu bằng tư cách của sĩ phu, đóng lại bằng khí phách của người trí thức trước thời loạn, Nam Dao đã nhìn sĩ phu ngày xưa dưới một góc cạnh khác với những gì mà sách vở đã ghi lại về họ, rồi từ đó, đặt niềm kỳ vọng vào giới trí thức hôm nay. Hôm xưa, hai thế hệ sĩ phu vẫn dậm chân tại chỗ. Bế tắc vẫn trở về bế tắc. Hôm nay, Nam Dao vẽ lại những vòng tròn nhỏ nằm trong những vòng tròn lớn không ngoài một thâm ý: muốn đẩy xã hội đi theo chiều phát triển của nhân loại, mỗi người phải hiểu được vị trí và trách nhiệm của mình đối với xã hội, và cộng đồng. Người trí thức phải vượt lên được cái cần vượt, bỏ xa cái cần bỏ. Không dám bứt phá, con người sẽ tự nhốt mình trong vòng tròn nhỏ, và vòng tròn nhỏ bị vây khốn bởi những rào chắn khác, những vòng tròn khác, lớn hơn, bởi những thế lực khác, bên ngoài. Không dám bứt phá, lớp trí thức chỉ còn một cách: khom lưng hay rụt đầu. Một xã hội đi lên hay dẫm chân tại chỗ, phần lớn là tùy thuộc vào khả năng, hướng nhìn và trách nhiệm của giới trí thức, những người góp phần không nhỏ trong việc tạo dựng nền tảng cho quốc gia để chống chọi với mọi loại nghịch cảnh, mọi tác động bên ngoài và mọi nhỏ nhen dấy lên từ lòng người.

Nhìn lại giai đoạn lịch sử đã qua không ai không khỏi đau lòng. Nam Dao, người dám đọc lại lịch sử, càng đau lòng hơn, nên không kềm được lòng mình mà thốt lên rằng: *Một triều đại mà nọc kẻ sĩ của đất nước ra đánh là triều đại không thể khá được"* (Trang 450). Nhìn lại lịch sử cận đại, ta cũng không thể nào phủ nhận: Một thời đại mà người cầm quyền coi trí thức không bằng cục phân là một thời đại bi đát!

Gió Lửa không chỉ làm sống lại được rất nhiều nhân vật, đưa họ đến gần đời thường: sinh động hơn và điển hình hơn so với nguyên mẫu lịch sử mà ta hằng nghe, hằng đọc. Chữ nghĩa của Gió Lửa còn gợi lại được không khí lịch sử của một thời đại đã qua, một thời đại đầy những xung

đột, mâu thuẫn. Nam Dao gởi *Gió Lửa* đến người đọc là bằng một lối diễn đạt mạch lạc và đặc biệt ở nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Thông thường, các nhà văn rất đắn đo khi đặt từng con chữ cho mỗi trường hợp. Có kỹ càng và chắc lọc như vậy, chữ nghĩa mới ánh lên nét đẹp, đưa văn chương vào lòng người. Và ở những nhà văn cẩn trọng, "mỗi chữ đều soi bóng hoàn cảnh và tình hình xã hội lúc chữ ấy ra đời"(3)..

Ngôn từ trong *Gió Lửa* giàu hình tượng. Điều này đã tạo nên những ấn tượng mạnh mẽ, tác động sâu xa vào trí tưởng tượng và cảm nghĩ nơi người đọc. Dùng hình tượng để tạo dựng lại quá khứ là một chọn lựa kỹ càng. Chọn lựa kỹ phương thức, chưa đủ. Khi đã chọn phương thức để diễn đạt, không ai đi lấy cái yếu của mình để làm sở trường. Chọn lựa lối viết này, ngoài bề dày ngôn từ còn đòi hỏi sự độc đáo ở góc độ nhìn. Có như vậy, hình ảnh dựng nên mới lạ và đẹp. Nếu không, tự mình đưa mình vào thòng lọng. Ở Gió Lửa, Nam Dao đã làm chủ được ngòi bút của mình trong phương thức này.

Khi diễn tả sự vật hay âm thanh, ông thường dùng những cặp từ đôi hay từ láy, và dùng nhiều cặp từ như vậy cho một điều muốn nói tới.

"Căn nhà ba trái nằm yên ả dưới rặng chèm. Tiếng võng thỉnh thoảng kẽo kẹt nhịp cho tiếng quạt phành phạch phẩy gió. Không biết loài chim gì bay ngang, quàng quạc kêu làm vỡ bấy cái êm đềm một đêm nồm ngột ngạt" (Trang 3)

Những từ gạch dưới (là chủ ý của chúng tôi) cho thấy ba loại âm thanh khác nhau, tiếng võng, tiếng quạt và tiếng chim cùng phát ra, nhưng đều dẫn đến một mục đích: diễn tả một đêm nóng bứt, ngột ngạt. Cũng cái ngột ngạt, nhưng Nam Dao diễn tả khác hơn ở một không gian khác, trong phòng bệnh của Trịnh Sâm, trước những ngày cuối đời:

"Ánh sáng từ những ngọn bạch lạp để khắp phòng lung linh, chập chờn rọi vào những nét mặt căng thẳng, môi mím chặt, mắt nhìn xuống, im lặng. Tiếng khò khè bỗng to lên, tưởng sắp tắc nghẹn, rồi lại nhỏ xuống, rên rỉ, lê thê kéo dài ra." (Trang 139)

Những lối ví von, so sánh lạ và đẹp, cùng với góc độ nhìn bao quát mở ra sự liên tưởng phong phú.

"Tiếng trống canh vẳng lại, xa vắng, tắt lịm trong cơn gió thốc vào cửa thành Nội, nghe u ú như tiếng kêu bị sặc trong cuốn họng." (Trang 367)

Hay như:

"Từ lưng đồi nhìn xuống, hai nhánh đê trông hệt như một người ngã xoạc cẳng, lưng dựa vào sông Nhị đỏ ngầu mùa nước lớn, đầu gục vào nhánh phụ cuồn cuộn bọt trắng trôi về miệt Thái Bình." (Trang 79)

Bằng bạt trên những trang sách là những lối so sánh đẹp như thế.

Đẹp trong ngôn từ, lạ trong lối so sánh, sắc cạnh trong hình ảnh của nhân vật, cùng những sự kiện và tình huống đầy huyền hoặc đã kéo người đọc theo bước chân lữ hành của Nam Dao đi từ Đàng Ngoài đến Đàng Trong một cách thích thú. Nam Dao mở đường cho người đọc đi vào từng ngõ ngách, chi tiết của tiểu thuyết. Người đọc thấm những ý tưởng của Nam Dao một cách tự nhiên mà tác giả không cần phải cố công thuyết phục.

Nói thế, không có nghĩa *Gió Lửa* là một tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo. Ở *Gió Lửa*, thỉnh thoảng, ta bắt gặp những chỗ chưa hoàn bị như tác giả mong muốn, dù không nhiều, nhất là ở chương cuối cùng.

Ở chương cuối, Bọt nước sông Mê, Nam Dao lấy bài hát thời nay đưa cho một người thiếu phụ của hơn hai trăm năm trước hát trong lúc tiếc thương người chồng.

"Sương muối thấp thoáng ẩn hiện dần dà bốc lên lơ lửng. Thinh không bỗng nhầu nát quặn mình qua tiếng hát giọng đàn bà kéo dài dằng dặc. Hát rằng:

Anh nằm xuống
sau một lần, đã đến đây
đã bay cao trong bầu trời này
đã đi xa trong cuộc đời nàyà
Rồi nằm xuống
không nói năng (Trang 469).

Dù là lời hát hay, dù là tâm cảnh thích hợp nhưng cái mới vẫn là cái mới, từ ý lẫn lời. Cái mới trong lời hát làm vỡ đi cái không khí u trầm của quá khứ.

Với sức sáng tạo của Nam Dao, ông thừa khả năng dựng nên một bài hát khác, mang âm hưởng, hay ít nhất cũng chuyên chở ít nhiều không khí xưa cũ của quá khứ. Rõ ràng đây là một cố ý, cái cố ý lấy tâm cảnh làm chính. Nhưng có lẽ ông quên một điều: chính những con chữ là môi giới, là nhịp cầu nối liền người đọc với tiểu thuyết. Những con chữ được sắp

xếp một cách cố ý nằm cạnh bên nhau sẽ tạo nên một ý nghĩa riêng biệt, nhất là tâm cảnh của nhân vật. Mỗi con chữ có cái "giá" riêng của nó trong tổng thể, huống hồ gì là một bài hát chuyên chở bao nhiêu thương tiếc của người thiếu phụ mất chồng!

Những trang cuối cùng của tiểu thuyết, Nam Dao dựng nên lời nguyền của Chế Mân rất khéo léo. Đi trọn năm trăm trang sách để đóng lại bằng lời nguyền của Chế Mân là một sự sắp xếp nghệ thuật. Kết quả nhận được hôm nay là bởi lời nguyền hôm xưa dính chặc vào vận mệnh dân tộc. Gom hết mọi điều từ mấy trăm năm trước đến nay vào trong lời nguyền, cho nên lời nguyền quả cay độc và nặng nề, đúng như ý tác giả mong muốn. Lời nguyền không bỏ sót một thứ nào, từ quá khứ đến tương lai, từ vực sâu quyền lực đến đánh đĩ tâm hồn, từ nghi kỵ đến kiêu mạn, từ hiền triết đến anh hùng, từ chia rẽ đến dốt nát v.v.. Cũng chính vì thế, Nam Dao phải vùng vẫy trong nhiều chiều hướng. Ở một khoảnh khắc, ông nắm được chiếc phao "hiện tại" để đỡ lấy một phần lời nguyền. Nhưng không may, chiếc phao hiện tại không cưu mang được không khí quá khứ mà ông tạo ra trong tiểu thuyết. Tại sao?

Cuộc chiến 54-75 trên mảnh đất hình chữ S đã sản sinh ra nhiều khẩu hiệu tuyên truyền, những câu nói đao to búa lớn nhưng rất rỗng. Những "đỉnh cao của trí tuệ, lương tâm của loài người", "tiền đồn tự do", "vừa ra ngõ gặp anh hùng", "thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay" .v.v và v.v. , mấy mươi năm sau nhìn lại, giống như những trò cười của thời đại. Trong *Gió Lửa*, người đọc bắt gặp những ẩn thân của những khẩu hiệu tuyên truyền đó trong một phần của lời nguyền.

"Đã huyễn hoặc, bay lẩn quẩn tô vẽ ngay cả cái thảm họa chém giết lẫn nhau, tự lừa chính mình bằng cách kiêu mạn đòi làm đỉnh cao cái này, tiền đồn cái nọ. Ngoài sự hợm hĩnh không coi ai ra gì, tưởng mình hơn thiên hạ mà thật chỉ hơn ở chỗ lắt léo vặt vãnh, ta lại nguyền cho bay thêm căn bệnh anh hùng. Bởi anh hùng nên chỉ thấy sức mạnh. Chỉ thấy sức mạnh nên kéo dài thảm kịch chiến tranh chém giết. Bay không biết rằng một đất nước hạnh phúc có nhiều hiền triết hơn anh hùng. Một đất nước may mắn là một đất nước không có anh hùng. Không cần anh hùng. Nơi nào anh hùng quá nhiều, nơi ấy không dung kẻ hiền triết.

(...)

Thế là ha ha, anh hùng nhưng nghèo, đói và dốt. Vì thế nên nhục. Nhục lắm nên lại căm, lại hiềm, lại luẩn quẩn trò khôn vặt, chỉ đợi dịp là hò hét rủ nhau làm anh hùng. Dịp nào? Cứ đợi ngoại bang đến là đất nước bay sinh ra anh hùng. Anh hùng tập hợp bay lại. Bay đoàn kết với

nhau để đánh đuổi cho đến lúc ngoại xâm kéo nhau ra. Sau chiến thắng vẻ vang, bay hô hào xây dựng bằng năm bằng mười khi trước? Nhưng không, từ máu tham và sự mê đắm quyền lực, bay lục hặc, chia rẽ, kéo bè, kết đảng rồi sâu xé lẫn nhau. Kẻ bên ngoài thấy thế lại dòm ngó trục lợi. Chính vì lẽ ấy lại sẽ có ngoại xâm! Thế là tiếp tục loanh quoanh cái vòng đánh đuổi, nhưng không thoát ra được nghèo đói và dốt.

Tụng đi, muốn hóa giải căn bệnh anh hùng hảo huyền, mỗi đứa bay phải tụng một vạn lần kinh sám hối." (Trang 486-487)

Còn nữa, ở một đoạn khác, viết về sự hồi tưởng của Toàn Nhật:

"Đẹp thay, có biết bao nhiêu những người vô danh mang tình nhân ái đùm bọc con người. Hy sinh thân mình cho con người, kể cả những kẻ cùi hủi, sự hy sinh đó cao quí và thiết thực chứ chẳng mù mờ như là hy sinh cho quê hương đất nước, cho tổ quốc thiêng liêng, cho lập trường ý thức" (Trang 492).

Nam Dao lấy cái khốn, khó của hôm nay để dựng nên lời nguyền hôm xưa. Lấy những khẩu hiệu trong cuộc chiến cận đại, lấy "sự thật" não lòng của hiện tại, để lồng vào tiểu thuyết. Nhưng rất tiếc, từ ngữ "thật" đã làm nhạt đi sức thuyết phục của lời nguyền 200 năm trước. Những khẩu hiệu, vốn là những nhát chém lút cán, thẳng thừng giáng xuống thân thể vốn gầy còm của dân tộc Việt, đã làm loãng đi không khí cổ xưa, rất cuốn hút của tiểu thuyết.

Ngoài ra, Nam Dao còn "bình luận" những sự kiện xảy ra (Trang 450). Rồi ở phần kết thúc của chương cuối cùng, Nam Dao đã đẩy ý truyện, như một cú dứt điểm. Cái trớn đẩy quá mạnh nên chữ nghĩa cũng vụt theo quán tính. Ông rời hẳn ra khỏi vị trí kể chuyện, bứt ra khỏi chỗ đứng của luận bàn, để rồi bắt đầu nhấn nhủ. Điều này có thể thấy được ở những trang cuối của tiểu thuyết, và ngay cả những hàng chữ sau cùng, trước khi gấp sách:

"Huyền Trân là một nhân vật có thật trong lịch sử. Chế Mân cũng có thật. Vì thế những lời nguyền không phải là chuyện tưởng tượng mà là có thật. Thật như xác quyết rằng chỉ có sự tỉnh thức mới làm tiêu ma đi cái nghiệp chướng đã từ hai trăm năm qua vẫn cứ đâu đây ám ảnh." (Trang 493)

Giọng điệu này không hợp với giọng điệu tiểu thuyết mà Nam Dao đã tạo được từ đầu đến cuối. Nó hao hao giống với giọng văn của một nhà

chính trị trong những bài diễn văn nảy lửa. Đưa hình ảnh của những nhà chính trị vào tiểu thuyết có thể thành công, còn đưa giọng điệu diễn văn chính trị vào tiểu thuyết dễ tạo phản ứng ngược nơi người đọc.

Mười hai chương đầu của tiểu thuyết cho thấy sự cài đặt ý tưởng khéo léo. Người đọc cuốn hút theo những diễn tiến của lịch sử lúc gấp gáp, lúc yên tĩnh đến nghẹt thở. ý tưởng của tác giả thấm vào độc giả lúc nào không hay. Riêng chương cuối cùng, Nam Dao uốn ép nhân vật và cả ngôn từ nhiều quá, đã để lộ ý tưởng của mình. Hơn nữa, một người vừa kể chuyện, vừa luận bàn, vừa hướng dẫn, vừa nhắn nhủ, thì người đọc có thoáng lên trong lòng chút ngờ ngợ về những tư tưởng được gói ghém cẩn thận trong suốt năm trăm trang sách. Tuy nhiên, điều này cũng biểu lộ được sự chung thủy với tiên quyết của tác giả: phải đẩy lịch sử đi xa như vậy mới có cơ may cứu vãn hiện tại và mở sinh lộ tiến về phía trước.

Để dựng *Gió Lửa*, Nam Dao đã nghiên cứu và tìm hiểu khá kỹ càng về bối cảnh lịch sử, về địa lý, về nhân thể cũng như nhiều giả thuyết liên quan đến những sự kiện xảy ra và những nhân vật lịch sử trong giai đoạn Trịnh tàn-Lê mạt. Người đọc có thể không đồng ý với những cách sắp xếp sự kiện để dẫn tới những giả thuyết mà Nam Dao đưa ra, nhưng không thể không cảm phục một sự sáng tạo phong phú, sự nhập vai nhân vật rất đạt của ông và một cách nhìn hết sức mới mẻ về giai đoạn này.

Cái bận tâm của Nam Dao vượt xa những điều tủn mủn. Cái boăn khoăn của Nam Dao không còn là cơm áo thường ngày. Dựng *Gió Lửa* là sử dụng quá khứ để đối chất với thực tại. Dựng Gió Lửa là thách thức hôm nay để hướng về ngày mai. Cái lòng ấy, cái tâm ấy là nét đẹp ẩn thân sau một phong cách rất nghệ thuật.

Đoàn Nhã Văn
5/2000

Chú thích:

1) Phạm Văn Tuấn, *Cuộc Cách Mạng Dân Chủ Tại Nước Anh*,

2) www.vietnamdaily.com/tn tk/showtntk.cgi?n=database/pham_van_tuan/0014.dat, trang 3.

3) Chữ của Phan Huy Đường, theo *Vẫy Gọi Nhau Làm Người*, Hồng Lĩnh, 1996, trang 17.

4) Tô Hoài, *Công Việc Viết Văn*, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, 1985, trang 144.

Được mùa thơ

Sử Mặc

Lâu nay ở hải ngoại, thi ca là một ngành nghệ thuật khó nhá. Hình như ai nấy đều nói thích thơ mà thiệt tình thơ khó lòng tìm được một chỗ đứng nơi thị trường văn chương chữ nghĩa. Mặc nhiên thơ được in ra tự tiền túi tác giả, không có ma nào thèm rớ tới trong cái nghĩa buôn qua bán lại chi đó. Vậy mà thơ vẫn cứ được mùa!! Nhìn lại mấy năm gần đây, hết tập thơ này tới thi phẩm nọ rỉ rả góp mặt với đời. Ấy!! Vậy là thơ vẫn cứ được mùa giữa thời buổi văn chương bèo bọt! Thơ được mùa thì thế, nhưng Được mùa thơ e chừng phải ngó lại: Rằng trong ngàn ngàn cây lúa mọc, có phải thu được toàn giống tốt? Chưa vội nói chuyện thơ hay, dở; giữa hàng chục thi tập in ra, phần đọc được đã là hiếm quý. Giữa mùa thơ huê dạng sum suê ấy, một thi phẩm ra đời kịp lúc như trái chín cây, như rượu cất vừa tới: tôi muốn nhắc đến tập thơ *Một chỗ về*(MCV) của Đức Phổ, Sông Thu xuất bản năm 2000. Nhân đọc được cuốn sách hợp ý, ghi lại một vài suy nghĩ từ cảm tính, nếu không chuyên, xin vui lòng lượng thứ!

"Yên" hay "Eng" Đức Phổ? Thi sĩ quê làng Phụng, Thừa Thiên làm thơ đã lâu, dường như chỉ thích rong chơi hơn là va chạm với thực tế cuộc đời. Gần đây, người bỗng trở nên... hiện tượng. Qua mạn đàm với bằng hữu trên liên mạng, tôi gọi đùa Đức Phổ là thi sĩ "hot" nhất hiện nay. Quả tình như vậy! Cứ giở bất cứ một tập san văn học nghệ thuật nào vừa mới phát hành là ta thấy ngay sự hiện diện của chàng: Từ Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ, Chủ Đề, Văn Tuyển v..v.. thậm chí cho đến các đặc san hội ái hữu địa phương đều có đăng thơ Đức Phổ, thơ chơn chất làng Phụng, thơ da diết Huế.

Bên trời
chếch bóng sao mai
té ra, trăng
đã tàn
phai, lâu rồi
Giật mình
thấy
ngọn tóc rơi
trắng
màu tình phụ
cuộc tôi lỡ làng
(MCV- trang 53)

"Nóng hổi vừa thổi vừa ăn". Như rứa chàng thi sĩ "Huế mền" phải có biệt tài làm vừa lòng nhiều đấng chủ bút cẩn trọng: sự chọn lựa một bài thơ trình làng trên báo chuyên đề văn học không phải là một việc làm bừa bãi. Tài thơ Đức Phổ chắc chắn không phải tự trên trời rơi xuống, mà phải kinh qua một sự tinh luyện lâu ngày.

Dù tình yêu là một đề tài muôn thuở, Một Chỗ Về không hẳn thuần tuý là một tập thơ tình. Hãy xem Một Chỗ Về như dung lượng của những trầm tư cuộc sống, là nỗi niềm du tử đi tìm bóng dáng hạnh phúc suốt cuộc lữ một đời người:

Vạch tìm trăm nẻo mộng
đâu một lối quay về
bước mòn đời lãng tử
mộng bạt ngàn sơn khê
(MCV- trang 10)

Đời như giấc mộng lớn chập chùng khói sương. Đâu là mẹ, đâu là em. Đâu mùa tan hợp ngất thềm khổ đau?

Em đi
để lại cụm bông
cho anh ngắm bướm
chiều không làm gì
em đi
để lại bùa mê

cho anh lú lẫn
đi về nhớ quên
(MCV- trang 83)

Dường như định mệnh chia lìa vẫn đeo đẳng những người con xứ Huế. Sinh ra, lớn lên, đành đoạn dứt áo ra đi để rồi vọng cố hương, để rồi thắt ruột "chiều chiều ra đứng ngõ sau..."

ngày lớn lên ta kẻ trôi sông
lạc loài mãi. Một đời kiêu bạc
lúc nhớ mẹ ta buồn bã hát
"lòng mẹ bao la..." Lòng nối lòng
(MCV- trang 86)

Dòng thơ Đức Phổ là dòng thơ lang bạt kỳ hồ của kẻ hát rong. Dù mang thân lưu xứ, vẫn giữ lòng lạc quan cho buổi trùng phùng

thả vào đêm ánh mắt trăng soi
hãy lội vào nhau từng bước nhẹ
dẫu tim nát giữa đường dâu bể
vẫn gượng cười thắp ngọn đời vui
(MCV- trang 38)
...
Nụ hồng
em
chín
mọng môi
năm hai ngàn
hẹn
bên trời cố hương
(MCV- trang 113)

Đức Phổ nắm bắt được và sử dụng nhuần nhuyễn ngôn ngữ thơ: Sở trường của anh là *thơ lục bát...xuống dòng*. Vâng, một thể loại sáu tám ngắt đoạn, chia ý có dụng công tạo nên một nhịp điệu mới, khác với lục bát nguyên thủy :

Khi không
ở đậu quê người

giữa
cơn ấm lạnh
kéo trời che nhau
Nụ môi chia
phần xót đau
quê nhà đứt ruột
mùa ngâu
muộn màng
(MCV- trang 40)

Nhịp điệu ấy, buồn; lơi như câu hò lấp lửng trên sông bạt gió... Là những gợn sầu của sông nước đìu hiu

nửa đời
bỏ cuộc
đi hoang
về đây mượn đất
lót giường nằm chơi
không ngủ nên đêm không vơi
mượn chim
gõ tiếng ngậm ngùi
trăm năm
(MCV- trang 118, 119)

Nếu những câu lục bát xuôi dòng tràn đầy như ca dao, thì những đoạn sáu tám rời là hình tượng của nỗi niềm chia cắt, đòi đoạn. Ý rời không phải là cụt ý, và câu thơ xuống dòng càng không phải là cố ý kéo dài bài thơ như nhiều người vẫn nghĩ. Một khía cạnh nổi bật khác là thơ sáu chữ của Đức Phổ cô đơn và đẹp. Thơ sáu chữ ít người làm vì không cô đọng bằng năm chữ và kém đầy đặn để diễn ý như thơ bảy chữ, tám chữ. Tôi nghĩ thơ sáu chữ như một loại thơ an thường thủ phận, không đèo bòng quai, xách; nhịp vừa đủ để gói ghém tâm sự cho riêng mình: Âm trầm mà Ray rứt. Làm được thơ sáu chữ hay là tìm được chỗ Ngộ, một nơi cư ngụ cho mình. Thử đọc vài đoạn sáu chữ của Đức Phổ:

mai về thơm tho mùi đất
cổ áo cuối đời thinh không
phủi tay mãi đời không sạch
thôi đành ngoảnh mặt quay lưng

mai về cỏ cây ngó sững
hình hài bỡ ngỡ núi sông
thương gã từ quan chết đứng
ăn năn lệ vỡ thành dòng
(MCV- trang 17)
....
em vừa khoác áo mùa xuân
đêm đã hát thề nguyệt lạnh
pháo vui thở trắng cụm bông
chùm sao tủi niềm bất hạnh
(MCV- trang 132)

Đức Phổ không làm thơ bằng trí tuệ. Trong Một Chỗ Về không có những câu óng chuốt, sang, đẹp; không có thần cú, nhưng có những câu rất NGƯỜI :

Gánh đời bán mãi không vơi
rao khan phố chợ. Hoa cười. Môi em
cuối ngày gánh nặng, dầy thêm
ai vô tâm. Chất sầu lên gánh đời?
(MCV- trang 105)

Đường còn dài, chân đã mỏi? Xin mời bạn mở cửa vào hẳn vườn thơ Đức Phổ, qua Thư Nhà lai láng cảnh, tình; biết đâu ta tìm lại được Một chỗ về, giữa trùng trùng thất tán :

Mẹ bảo bao đêm hồn nhuốm lạnh
chuyển mùa mưa bão rớt lê thê
tuổi học, mây bay chiều tóc uá
thương đàn con lạc bước chân quê

Chị bảo mai không nở kịp tết
em không về kịp pháo đơm nêu
tháng giêng vẫn đợi hương trầm cũ
câu thơ khai bút chị còn treo

Em nói đông xuân làng Phụng uá
nước mặn tràn qua đồng. Thiên tai

gạo không tròn hạt, nếp thành lúa

Bạn nhắn làng ta còn dăm đứa
sống. Chỉ như thây đã chết rồi
đón xuân rượu để không đầy xị
mà vẫn yêu mê chuyện đổi dời

Làng xóm lạc loài câu mái đẩy
lửng lơ tiếng giã gạo đêm mùa
én về quên lượn chiều quay quắt
mây chảy không trôi mấy dặm nhà.
(MCV- trang 20, 21)

HOÀNG XUÂN SƠN
Roxboro,

phân ưu

Nhận được tin buồn
Cụ Antoine Nguyễn Thành Cả
thân phụ của Thi sĩ Nguyễn Khánh Hoà
Đại diện Tạp chí Văn Học tại Vùng New Orleans
đã từ trần ngày 25 tháng 5 năm 2000
tại Pensacola, Florida, hưởng thọ 72 tuổi

Ban Chủ trương Tạp chí Văn Học, cùng tất cả các văn hữu cộng tác xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Khánh Hoà, và cầu chúc cho linh hồn Cụ Antoine sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa

Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác, Thạch Hãn, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng, Võ Thắng Tiết, Thụy Khuê, Lê Khắc Phú, Ngu Yên, Hoàng Chính, Đức Phổ, Hoàng Xuân Sơn, lâm Chương, Hoàng Lộc, Phan Xuân Sinh, Quan Dương, Nguyễn văn Sân & Nguyễn thị Long An, Thu Thuyền, Nguyễn Trung Hối, Khải Minh.

Thưa Thốt và Dựa Cột

Hoàng Nguyên Nhuận

Trên một tờ báo hàng tuần ở Úc mới đây, một nhà phê bình văn học đã nói về một nhà thơ như thế nầy: ... *Kẻ này cũng được hân hạnh đọc trước bản thảo với ý kiến nhỏ là: chú mày "lội ngược dòng" vì hầu hết là thơ Đường luật.*/ Không thể gọi nhà phê bình này là xấc láo, mục hạ vô nhân hay hung hăng con bọ xít được, bởi nhà phê bình nầy cũng tỏ ra rất "hệ thống dân giai" gọi những người làm văn nghệ khác bằng cụ, bằng anh bằng ca sĩ hoặc bằng tên trổng... Nói thế khác, hai chữ *chú mày* không phải là một chuyện vô tình.

Nhưng công khai gọi trên sách báo một nhà thơ là *chú mày* như thế có chỉnh hay không? Tôi tự đặt câu hỏi đó và thú thật không biết trả lời sao cho phải đạo. Bởi nhiều khi chính tôi cũng phân vân lúng túng trong việc gọi tên trong phạm vi tôn giáo, lịch sử, và văn học nghệ thuật.

*

Người Việt có lẽ vì truyền thống đại gia tộc gắn bó nên có rất nhiều tiếng để diễn tả đầy đủ quan hệ thân sơ. Cũng vì vậy đối đầu với cách xưng hô của Pháp hay Anh, người Việt đôi khi bối rối không biết *frère/brother* là anh hay em trai, *soeur/sister* là chị hay em gái, *uncle/oncle* là cậu, chú, bác, hay dượng, *tante/aunty* là cô, o, thím hay dì, *grand père/grandpa* là ông nội hay ông ngoại, *grande mère/grandma* bà nội hay bà ngoại?

Chung chung thì người Việt thường gọi những vật không động đậy là cái, vật sống động là con. Như con chó, con giun, con người... như cái nhà, cái cọc, cái bánh... Tiếng Anh thì không thể gọi là con chó con giun mà là cái chó, cái giun với những tiếng *it* hay *its*. Chỉ có một tiếng người nói tiếng Anh gọi giống người Việt đó là con tàu với những tiếng *she, her,*

hers.

Trong tiếng Pháp hay tiếng Anh, *il/elle, he/she, vous/you, tu/toi/te*... giống như những cái mền trùm hết người lớn kẻ nhỏ, người sang kẻ hèn, người xa kẻ gần không chừa một ai. Chẳng bù với Việt Nam, người trong họ gọi khác, người dưng gọi khác. Chúng ta có nhiều tiếng để diễn tả vai vế tuổi tác địa vị những người không có liên hệ họ hàng huyết thống. Anh, chú, bác, ông, cụ, hay mày, mụ, thím, con, thằng, thằng cha, con mẹ, hay cái, đồ, va, qua, gã, hắn...

Nghe hay đọc là biết ngay, là có thể đoán được liên hệ gia tộc hay cảm nghĩ hay thái độ của người gọi đối với người được gọi. Cũng cô, nhưng là cô giúp việc, cũng chị nhưng là chị ở, cũng chú cũng bác nhưng là chú tài hay bác tài.

Cho đến bây giờ tôi không biết người Nam thật sự nịnh đầm hay vì lý do nào khác mà lại lấy tên đàn bà làm địa danh khắp nơi khắp chốn, đi đâu cũng gặp bà cả: Bà Quẹo, Bà Điểm, Bà Hom, Bà Cả Đọi... Cũng không biết người Nam lo sợ nịnh hót hay đều căng khinh thị khi gọi cảnh sát viên hay công an là *thầy chú*? Đã *thầy* lại còn *chú*, chú là em bố hay chú là em út mình, thầy là cha, là kẻ dạy dỗ mình hay là... thầy rằng, thầy chạy? Tôi không tin người Nam thích hít hà vuốt đuôi lạy cô, lạy thầy, lạy cụ ạ, hay thưa mệ, thưa mụ... Vì nhiều lý do... Trước hết, Nam phần là đất mới dinh điền được đón nhận những giang hồ hiệp khách kiểu Đơn Hùng Tín hay Thủy Hử từ Trung và Bắc vào cắm dùi. Thứ nữa, người Nam xa mặt trời viết không cần lách, mở miệng không cần đánh lưỡi bảy lần ngó trước ngó sau, vì được cái may là không gần vua quan như Huế, cũng không gần đàn anh khổng lồ như Hà Nội. Đàn anh nổi giận, đàn anh tràn qua biên giới sắp hàng hang đứng tè không thôi cũng đủ phiền rồi. Mặt khác, người Nam chỉ tiếp xúc với những người vì hoàn cảnh nên dưới cơ hơn mình như người Miên cắn răng ở lại để bị đồng hóa hay hay thuyền nhân tị nạn Mãn Thanh gọi là người Minh hương nhắm mắt ngậm miệng yên thân. Cho nên, người Nam thường mở đầu câu nói một cách rất sexism đó là chưa gì đã đòi làm bố ghẻ thiên hạ hay tỏ ra ta đây đã bố ghẻ mầy đó bằng mấy tiếng Do Majeur hay Đù Má Mày...!

*

Trong văn học, tiếng Bà đôi khi gây phiền toái không ít.

Như Bà Đoàn Thị Điểm chẳng hạn. Bà Huyện Thanh Quan thì may ra còn được vì ngoài bà còn ông Huyện Thanh Quan. Nếu gọi trổng Huyện Thanh Quan như kiểu gọi Hàn Thuyên hay Ôn Như Hầu Nguyễn gia Thiều thì có thể gây ngộ nhận là ông Huyện Thanh Quan cũng là nhà thơ mặc dù

ông không hề làm thơ. Nhưng bà Đoàn thị Điểm hay bà Bùi thị Xuân cũng thế, thì không khéo lại hơi thừa vì có thị nào mà không phải là bà? Đã thị thì chẳng cần bà. Ngoài ra, nếu đã Bà Huyện thì tại sao lại không Ông Hàn mà chỉ kêu trổng là Hàn Thuyên chứ không có gọi là Ông Hàn Thuyên?

Thứ nữa là Bà Hồ xuân Hương. Có phải người ta thêm chữ Bà cho Hồ xuân Hương vì sợ lầm với một Ông Hồ xuân Hương nào đó hay vì kính trọng nên mới thêm chữ bà? Nếu sợ nhầm mà thêm chữ bà vào thì may ra còn hiểu được. Nhưng nếu đã sợ như vậy thì tại sao lại không thêm chữ ông vào những tên như Hồ biểu Chánh, Nguyễn Tuân, Vũ trọng Phụng, Nguyễn mộng Giác? Đã không sợ ông lầm bà sao lại sợ bà lầm ông, đã kính trọng đàn bà sao lại không kính trọng đàn ông? Như vậy là kỳ thị hay nịnh đầm?

Thứ nữa, nếu kính lão đắc thọ mà gọi Bà thì tại sao lại không Cụ, không Cô? Nói chuyện tuổi tác, thì Cụ Cố khả kính hơn Cụ, Cụ khả kính hơn Bà, và Bà phải già hơn Cô chứ? Tại sao không kêu Cụ Cố Đoàn thị Điểm, Cụ Bà Hồ Xuân Hương, Cụ Thụy An, Bà Tùng Long và Cô Lệ Hằng? Nếu kính trọng và muốn đẹp lòng người được gọi thì nhiều khi gọi đúng tuổi tác lại cũng có thể bể dĩa hết vì có người già thích phải gọi bằng Cô, chứ không thích gọi bằng Bác, khoan nói là bằng Cụ hay Cụ Cố. Thật vậy, có người thượng thọ đến 80 hay 90 nhưng không muốn thiên hạ gọi mình bằng Cụ, Cụ Bà hay Bà mà là Cô. Cho nên một cụ bà 90 tuổi làm thơ thì được gọi là Cô X hay thi lão X, một cụ ông 80 tuổi biết chơi nhạc thì gọi là Bác Y, lão nhạc sĩ !

Dĩ nhiên, khi nói về, nói đến hay nói với những người còn sống, ví dụ trong các buổi tiếp tân, quan hôn tang tế, hội hè đình đám, hay trong các thư từ, vì lịch sự hay kính trọng, hay tránh khỏi bị mắng oan là xách mé, hỗn láo người ta phải dùng những tiếng đệm Cụ, Bà, Ông, Bác, Anh. Ví dụ Bác X, Cụ Y, Anh A, Chị B... Nhưng để gọi những người làm văn học nghệ thuật thì có thể nói Cụ nhạc sĩ, Bà nhà văn, Ông ký giả, Bác nhiếp ảnh gia, Anh họa sĩ không? Cũng như ngược lại, một người lớn thể nói: Thằng con ca sĩ, con cháu thi sĩ hay chú em họa sĩ, theo lối nói chú mày nhà thơ như đã trích dẫn trên không?

Tóm lại, có mấy cách để gọi một người làm văn nghệ. Trường hợp Hồ Biểu Chánh chẳng hạn thì có thể là :

1.Cụ (hay Bác, hay Anh) Hồ Biểu Chánh, nhà văn
2.Cụ (hay Bác,hay Anh) nhà văn Hồ Biểu Chánh
3.Nhà văn Hồ Biểu Chánh
4.Hồ Biểu Chánh

Lịch sử, văn học sử, phê bình văn học nên sử dụng cách gọi nào hay cứ gọi như gọi tên đường là tiện? Đường, hay Đại lộ, hay Hẽm Hô Biểu Chánh thế là đủ rồi.

Danh khả danh phi thường danh, Đạo Đức Kinh hay Nó đã ăn trộm, nó không phải là thằng ăn trộm, Sartre. Tên gọi, danh hiệu, danh nghĩa chỉ là một viễn tượng hay một khía cạnh của thực tại do khả năng trừu tượng hóa và tổng quát hóa của tâm trí mà có. Cho nên, trong viễn tượng - hay dưới khía cạnh văn học nghệ thuật và lịch sử, nếu lý tưởng của người làm văn học nghệ thuật và lịch sử là tên tuổi, là danh, là bảng vàng bia đá, là lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh, là phải có danh gì với núi sông...thì danh là đủ rồi. Theo nguyên tắc, người đời bắt buộc phải biết Lý Thường Kiệt, Nguyễn thái Học là ai, Nguyễn Du là ai. Nguyễn Du không cần đợi người ta gọi đúng việc làm của mình là nhà thơ, thi nhân, thi hào thì Nguyễn Du mới tồn tại hay hiện hữu như một nhà thơ của Việt Nam. Cũng như Nguyễn thái Học không cần phải chạy theo ai để bảo: Thưa (hay Này!), tôi là nhà cách mạng Nguyễn thái Học đấy nhá, hay thưa tôi đích thị là kẻ bị Pháp lên án phản loạn và chém đầu ở Yên Bái đây!

Đàng khác, cái danh của một người làm văn học nghệ thuật là tên người ấy đã dùng để ký vào tác phẩm của họ, chứ không phải tên cúng cơm, tên trên khai sinh, tên trong gia phả. Do đó Thế Lữ là Thế Lữ chứ không có chuyện tên thật là Nguyễn Thứ Lễ, Nhất Linh là Nhất Linh chứ không có chuyện tên thật là Nguyễn Tường Tam, Nguyên Sa là Nguyên Sa chứ không có chuyện tên thật là Trần Bích Lan như một số người vấp phải khi giới thiệu tác giả. Vừa thừa thãi, vừa vớ vẩn. Trừ trường hợp viết gia phả, làm thẻ kiểm tra hay chứng minh nhân dân cho Nguyên Sa hay Thế Lữ, dĩ nhiên. Nhưng viết văn học sử, lịch sử hay phê bình, giới thiệu văn học lại không phải là viết gia phả. Tên thật, tên cúng cơm chỉ là một ghi chú nhỏ trong tiểu sử của nhà thơ, nhà văn được nói tới. Thế giới chỉ biết Xuân Diệu, Nguyên Sa hay Homer, Dante, Voltaire, Racine, Shakespeare, họ ít khi quan tâm đến tên thật của những người này, lại càng không quan tâm chuyện những người đó là ông, bà, cô, bác, cụ, cố, cụ cố...!

*

Tôn giáo cũng có những trường hợp lờ mờ hết thuốc chữa, nhất là khi dùng chữ *Đức*.

Đức là để chỉ một người cao trọng, đáng tôn kính. Ví dụ như Đức Vua, Đức Hoàng Đế, Đức Chúa, Đức Phật, Đức Thánh Trần, Đức Thiên Y A Na.

Thế nhưng cũng có lúc chữ Đức được dùng loạn lên. Chỉ đấng tối cao

tối thượng thì có Đức Chúa Trời, hay Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, Đức Chúa Thánh Thần, xuống chút nữa là Đức Giáo Hoàng, Đức Hồng Y, xuống nữa là Đức Tổng Giám Mục, Đức Giám Mục, xuống nữa là Đức Cha, Đức Ông. Như thế là người nào cũng Đức cả, nhưng quý vị đó có khả kính ngang nhau không hay vẫn có vị trên, vị dưới? Nếu không ngang nhau thì tại sao lại Đức như nhau?

Người thường lại được kêu là Đức như thế nhưng các bậc thánh, các vị thánh lại không có Đức. Bằng chứng là người ta chỉ gọi Thánh Phêrô, Thánh Phaolô chứ không nói là Đức Thánh Phêrô hay Đức Thánh Phaolô, mặc dù có Đức Thánh Cha là tên gọi khác của Đức Giáo Hoàng và là đại diện của Thánh Phêrô.

Mặt khác, với người Việt, Trời là tối thượng, và theo một nghĩa nào đó là Đấng Tạo Hóa. Nhưng không ai gọi Đấng Trời hay Đức Trời như Đức Phật, Đức Chúa cả mà quá lắm chỉ gọi là Ông Trời. Ông có thấp hơn Đức không, và có thể cho Đức được không? Đạo Phật có khi nói đến ông Phật, ông Bụt nhưng đạo khác thì không thấy nói Ông Chúa, Ông Thượng Đế. Không thấy nhà thần học nào nói rõ chuyện nầy.

Có nhiều trường hợp còn tròng tréo xà nẹo khủng khiếp hơn nữa ví dụ ở Việt Nam, Linh mục thì gọi là Cha, Linh mục ngoại quốc thì gọi là Cố, nghĩa là hơn cha hai bực. Một trường hợp khác nữa là Con làm Linh mục gọi cha đẻ của mình là Cha, và cha đẻ gọi con ruột Linh mục cũng là Cha và xưng con. Mặt khác, cũng vì Cha không phải là cha mà vẫn là cha, con không phải là con mà vẫn là con nên mới có cảnh mới 45, 50 đã được hay bị gọi bằng Cố hay Cụ Cố. Như trường hợp người có con làm linh mục, linh mục là cha nhà thờ, nên cha của cha là ông nội, nhưng kêu ông nội mà không phải là... chồng của mẹ ruột mình thì cũng hơi ngượng mồm, do đó mà phong lên một cấp cho cha của cha là Cố hay Cụ Cố. Người Bắc, nhất là Bùi Chu Phát Diệm ngày trước thường có cảnh nầy. Ngày nay, đọc một số cáo phó liên hệ, người ta cũng còn có thể gặp những cảnh Cố, Cụ Cố tương tự.

Hoà Hảo, Cao Đài rất tiết kiệm khi dùng chữ Đức. Phật giáo có Đức Phật, Đức Bồ Tát, và Đức Đạt Lai Lạt Ma, Đức Tăng Thống. Hàng Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức không thấy có chữ Đức đứng đầu, ngay cả Hòa Thượng Thích Quảng Đức là người mà Phật tử tôn kính như thánh tăng.

*

Lịch sử là nơi mà tệ trạng thậm xưng xảy ra cũng hỗn loạn không kém gì trong văn học văn nghệ.

Các nhân vật lịch sử tiêu biểu như Hồ chí Minh hay Tôn đức Thắng

thì vừa Bác vừa Cụ. Ngô đình Diệm thì không thấy ai gọi Bác mà chỉ có Cụ mặc dù mấy người nầy xấp xỉ tuổi ngang nhau. Phan bội Châu, Phan chu Trinh... cũng chỉ có Cụ. Chưa thấy ai gọi Bác hay Cụ Nguyễn văn Thiệu hoặc Lê Duẫn.

Cái lối gọi đó hình như chỉ mới có sau nầy. Sử sách không thấy đâu ghi lại người xưa gọi Lý thường Kiệt, Trần thủ Độ, Nguyễn Trãi... là Bác hay Cụ. Chỉ trừ một trường hợp duy nhất đó là khi Hồ chí Minh gọi Trần hưng Đạo bằng Bác trong một bài thơ được coi là của Hồ chí Minh. Nghe thiên hạ gọi Hồ chí Minh, Ngô đình Diệm là Bác Hồ hay Cụ Ngô thì chỉ thấy khó chịu sơ sơ, nhưng nghe gọi Trần hưng Đạo là Bác thì lại nghe hơi khựng người. Không biết có phải vì thường khi đã nghe người ta gọi Trần hưng Đạo hoặc là Trần hưng Đạo trống không chứ không thêm râu thêm ria gì cả hoặc là Đức Thánh Trần một cách tôn kính, hay vì còn lý do nào khác?

Chữ Bác không thông dụng lắm nhưng chữ Cụ thì lại khá thông dụng. Gần như là bắt buộc nữa là khác. Gọi trống Hồ chí Minh, Ngô đình Diệm, Phan bội Châu không có Cụ - hay ít ra là Ông, đi trước có thể bị cho là xách mé hỗn láo, mất dạy chưa biết chừng. Nhưng như đã nói, sử sách không thấy đâu ghi lại người xưa gọi Lý thường Kiệt, Trần thủ Độ, Nguyễn Trãi... là Bác hay Cụ. Nguyễn thái Học đi vào lịch sử mới ngoài hai mươi, gọi là Bác hay Cụ đây? Tôi không thấy ai, sách vở nào - ngay cả những kẻ tự nhận là đệ tử hay thừa kế Nguyễn thái Học gọi Nguyễn thái Học là Bác, là Cụ cả. Vì Nguyễn thái Học chết trẻ hay vì hỗn láo, bất kính, thất lễ?

Cũng như văn học nghệ thuật, điều đáng kể của một nhân vật lịch sử là thành tích lịch sử của nhân vật đó. Lúc những nhân vật đó còn sống, có thể theo tuổi tác mà gọi Ông, Bác, Cụ... Hoặc nếu không thì cứ gọi là Thằng, Già, Tên, Lão tùy mức độ sân hận của mình cho sướng miệng. Nhưng nếu để kính lão đắc thọ mà dùng Bác hay Cụ để gọi Hồ chí Minh hay Ngô đình Diệm thì phải gọi Lý thường Kiệt, Trần thủ Độ, Nguyễn Trãi là gì là Cố, Cụ Cố hay gì nữa cho hợp với tuổi tác của họ? Cho nên, nếu không có một chữ gì để chỉ Trần hưng Đạo già hơn Nguyễn Trãi, Nguyễn Trãi lớn tuổi hơn Phan bội Châu, Phan bội Châu thọ hơn Ngô đình Diệm thì tốt hơn hết là trong lịch sử, văn học sử chẳng Ông, chẳng Bác, mà cũng đừng Cụ với họ cho công bằng?

Với những nhân vật lịch sử, lúc họ còn sống, để khỏi mang tiếng xách mé hỗn láo, mất dạy thì có lẽ nên gọi chức vụ của họ trước tên họ ví dụ Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu hay Chủ Tịch Hồ chí Minh, Thủ Tướng Phan huy Quát hay Ngoại Trưởng Nguyễn thị Bình, và khi cần phải dùng đại danh từ thì chỉ đơn sơ đó là Ông hay Bà vậy thôi.

Lại nữa, nói về thành tích lịch sử thì lại không có chuyện cụ, ông, bác, tên, thằng, lão, gã... mà chỉ có người tạo ra thành tích đó. Và đã là người thì phải có tên. Như vậy thì tên không thôi là đủ rồi!

Trường hợp nhân vật lịch sử cũng còn một tròng tréo khác đó là cách gọi tên các vua, nhất là từ khi nhà Nguyễn bày ra chuyện cữ tên húy của vua hay của tổ tiên của vua. Ai có tên hay họ là Hoàng đều phải đổi thành - hay gọi trại ra, là Huỳnh cả. Để tránh đụng đến Nguyễn Hoàng!

Vua chúa làm vậy, dân cũng bắt chước làm theo. Cũng kiêng cữ húy kị như vua vậy. Ông cố tôi tên Đồng. Mỗi lần họp đại gia đình cúng kỵ, các bà cô tôi, bà con cấp cao và cha mẹ tôi mỗi khi nói chuyện tiền bạc đều gọi là giấy chứ không gọi là đồng. Hai chục giấy là 20 đồng! Chỉ có con nít tụi tôi không nhớ nên cứ đồng là đồng chứ và nhiều khi trố mắt ra vì quên chuyện 10 giấy là 10 đồng! Cũng vì cái chuyện tròng tréo đó nên trong gia phả, các tiên tổ tôi họ Hoàng, ông nội tôi, bác tôi, cha tôi, các bà cô và anh em chúng tôi là họ Huỳnh. Sau năm 1945, Bảo Đại thoái vị, nhà Nguyễn không còn, chúng tôi thế vì khai sinh trở lại họ Hoàng!

Điều tôi ngạc nhiên là tại sao Hoàng cao Khải lại không cải thành Huỳnh cao Khải như trong Nam Huỳnh Phú Sổ, Huỳnh công Bộ, Huỳnh tịnh Của. Thế đó nhưng Hoàng cao Khải đã không bị vua trừng phạt mà lại còn làm to nữa!? Hay vua cũng ngán Hoàng cao Khải luôn? Băn khoăn đó, đến bây giờ tôi cũng chưa có dịp hỏi bố tôi. Mặc dù, tôi có thể đoán trước phụ từ hay bổ túc từ bố tôi dành cho Hoàng cao Khải. May là bố tôi không viết sử, không viết văn học sử hay ham thắc mắc chuyện ruồi bu... ngang bướng không chịu biết thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe như tôi. Xin hoan hỉ chỉ giáo...

Hoàng Nguyên Nhuận
Phong Trang, Thu 2000

một chỗ về

thi tập gồm 60 bài thơ của Đức Phổ
Sông Thu xuất bản - Tranh bìa, phụ bản: Nguyễn Trọng Khôi
Trình bày Sao Khuê - Phổ nhạc Tống Hữu Hạnh
Sách dày 140 trang - Giá 10 Mỹ kim
Phát hành tháng Ba năm 2000
Địa chỉ liên lạc: Đức Phổ
6945 Doncaster Rd. Jonesboro GA 30236 USA
Phone: (770) 487-9019 - E-mail: ducpho@juno.com

Trong những chiếc tàu ngầm

PHAN NHIÊN HẠO

Chúng ta sống trong những chiếc tàu ngầm dị dạng
săn đuổi bí mật và sự tăm tối của đại dương
cuộc hải hành đến những chân trời bằng nhựa dẻo
nơi sự giáp nối mơ hồ và không bao giờ chạm được
vào các ước vọng không kịp triển khai
trước khi cơn bão tiến đến và hiệu lệnh
báo động bắt đầu
đánh thức các ảo tưởng cuối cùng đứng dậy
mặc áo phao nhìn nhau cầu cứu

Có lần tôi đã ở chỗ đường xích đạo
cố gắng cắt trái đất làm đôi đọc theo đường đánh đấu
nhưng có người giữ tay tôi lại và bảo:
"Nếu bạn làm thế, nước sẽ rơi ra ngoài khoảng không,
và rồi con tàu của chúng ta,
sẽ không còn chỗ nào để lặn."

Phía hoa vàng

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Sáng, 7 giờ đồng hồ reo, xuống giường, xô cửa buồng tắm, chải đầu súc miệng, xuống bếp, bắc ấm nước chờ nước rú, tắt lửa, rồi ra mở máy xe. Động tác đều, không nhanh không chậm. Ngồi bên phía ghế hành khách, chờ. Trong nhà, có lẽ đã y phục chỉnh tề đang pha chế cà phê, cốc cà phê thơm lừng sẽ tỏa ngát theo bước chân bước ra xe. Lão sẽ đạp máy, de xe, mở nhạc, húp cà phê sì sụp. Sẽ nín thinh, tôi dõi theo kín đáo dù đã thuộc nằm lòng, ngày nào cũng từng ấy thứ, như thế, như thế, nhưng thà bổn cũ soạn lại mà yên thân. Lão mà nổi khác lên thì mệt.

Vái thầm luôn miệng, quãng đường rút ngắn lại cho mau tới sở, tôi nói nhỏ nhỏ qua loa cám ơn, nhảy xuống, rút thẻ, cạch, cái cổng mở ra, tôi vô vật lộn với công việc, còn hơn nín khe trong xe hàng giờ với lão già.

Tháng này công việc nhiều, bận rộn. Tôi đánh máy nhiều hơn, thở ra, chăm chú hơn, mắt mờ, ngón tay mỏi hơn, nghề đánh máy thuê cho tổ hợp địa ốc tưởng dễ mà không. Lâu lâu phải tiếp xúc lấy mối từ khách hàng Việt, họ hay hỏi chùa, cố vấn chùa, nhưng chi tiền cho công ty thì lại mặc cả kỳ kèo, hỏi một đằng lại mượn cò nhà ở đằng khác. Ngẫm nghĩ, có nghề gì mà dễ, có người nói tại tôi hay muốn dễ ăn, xuề xòa, qua loa, mì ăn liền, giả chết, thì phải ráng chịu. Sự đời không nên rắc rối khó khăn sinh sự, có sao chịu vậy, lỡ tính làm lại một lần thì đã hết hơi, xương sống hồi nào sụm hết, làm thêm gì?

Lách tách cắn hột bí, nửa hất vỏ xuống sàn nhà, nửa vứt vào tờ giấy hứng, đánh đi đánh lại vài đoạn ngắn ngủn, đi đi lại lại cũng vẫn là giấy khai thuế, giao kèo vay nợ nhà băng, giấy tờ thủ tục liên lạc với luật sưa Đã hết giờ trình diễn với khách hàng, không còn cần giữ bộ, tóc tai lem luốc chút đỉnh cũng không sao, giày tennis thoải mái vung vẫy hai chân dưới gầm bàn, đọc nhanh, nhưng dịch thì câu giờ. Hết việc sớm, xếp đã ra khỏi tòa nhà hay đi đâu vòng vòng với khách hàng, mớ sách huyền bí, tử

vi bói toán, tiểu thuyết tiền thân hậu kiếp đem theo, tôi lôi ra nhâm nhi với bánh bèo, nước mía, bột lọc tôm thịt. Bạn hàng xóm đi ăn trưa mua về hộ. Ăn chơi kiểu đó, no ngang, khi về tới nhà, vào bếp ngửi mùi thịt cá, tôi hết muốn nấu ăn. Nhưng vẫn phải nấu. Công tác chỉ định từ đời thuở nào, lão rửa chén, tôi nấu ăn, không cạnh tranh hiếp đáp ai. Mấy lúc sau này lão dở chứng, bỏ mặc chén bát qua ngày hôm sau không rửa, hoặc giờ ăn ở miết trên phòng, kêu gọi mấy cũng không xuống, tôi ăn một mình, rửa luôn chén bát phần mình. Lão xuống sau, ăn bằng dĩa chén giấy, muỗng nĩa nhựa, ăn xong, quẳng vào thùng rác. Nhưng xe còn phải đi chung một chiếc, người làm kẹt là từ phía tôi, từ ngày đụng nát xe trên xa lộ, tôi không còn dám chạy đường lớn, lão phải hằng ngày đưa đón. Kể như tôi đi quá giang.

Cái thời mới quen nhau thơ mộng, lão thường một tay lái xe, tay kia nắm lấy cổ tay tôi thủ thỉ, ai cũng có công việc riêng, anh với em kéo thêm thì giờ gần gũi nhau mỗi buổi, tôi thường nhũn người như sắp tan thành nước vì cái giọng Bắc lên bổng xuống trầm có ý của lão. Ôm siết hôn tay lão mấy lần khi nghe lão nói vậy. Thuở đó, cả hai còn nghèo, đi chơi chỉ có mấy miếng gà, khoai tây chiên cay Pope Eyes chuyền nhau khúc khích trong xe. Lần đầu tỏ tình, lão sành đời chở tôi ra bờ sông nhìn sông nước, tôi là dân núi, mỗi khi nhìn sông nước thường rất hoang mang chóng mặt, ai nói gì cũng lung tung gật đầu vâng dạ. Là duyên nợ ?

Bữa ăn chung ở nhà thỉnh thoảng mới có, thường im lặng qua mau, rồi ai rút êm vào phòng nấy. Đi ngang, tôi nghe lão rổn rảng nói cười trong điện thoại, lão hắc hắc, hí hí, có khi rì rầm thổn thức, vẻ giấu giếm che đậy, tôi không đoán được đầu đuôi gì, mà cũng không muốn đoán. Chỉ mong yên thân.

Chia nhau trả tiền nhà, tôi phải trả phần nhiều hơn vì tôi làm nhiều giờ phụ trội hơn, căn nhà bề thế, tiện nghi, không sang trọng gì nhưng quen thuộc. Vách tường lở, máy sưởi hỏng, buồng tắm trên lầu rịn nước, lão biết cách kêu thợ, biết cách mua đồ phụ tùng rẻ cho thợ sửa chữa, chưa kể ngày hai buổi phải chở tôi đi về, tôi không đòi hỏi hơn. Tôi cũng biết lão quái dấu tiền riêng chơi stock, kệ xác, thầy nào đó giảng, sống giả thì chết cũng giả, biết đâu về đâu mà tính chuyện về hưu, về già? Tỉ như già không đi làm nữa, thì ở nhà ăn lạt, vừa đỡ cao máu vừa đỡ tốn kém.

Mỗi năm hai mùa nghỉ hè, tôi thường tính toán sao cho ngày nghỉ của tôi với lão trùng nhau, hình như lão cũng biết. Lão lấy ngày nghỉ đi Seattle thăm bồ hay bạn, đi Cali thăm bà con, tôi cũng vội vàng xin nghỉ để được ăn một thân ngủ một mình trong căn nhà chung. Tôi lái xe đi vòng vòng loanh quanh mấy đường nhỏ trong xóm, mua bán chút đỉnh, cũng

ghé mấy tiệm áo quần, giày dép ngắm nghía. Khi nào quá buồn, vào quán Pizza gọi một cái pizza dòn, ly root beer, ngồi cả buổi ngó ra đường. Chủ tiệm và cả người hầu bàn tiệm Việt nam thường không mấy thiện cảm khi thấy đàn bà đi một mình vào tiệm, tại vậy tôi cũng ngán tiệm Việt nam mỗi khi buồn. Uống hết ly root beer thứ hai, rồi gói miếng pizza đem về, pizza mềm ẻo trong giấy dầu, nhưng nếu ghé qua Blockbusters rinh hai cuốn phim không cần biết là phim gì về ngâm nga, thì pizza nguội cũng không đến nỗi tệ. Lão vắng nhà, tôi không dám coi phim ma, ma Tàu, ma Lào, ma Việt, ma Mỹ, ma nào tôi cũng mê, thức suốt sáng, hai mắt đỏ ngầu vì phim mướn cuối tuần là thường. Lão có nhà thì sẽ xẹt ngang, liếc nhìn khinh khỉnh. Tôi tính toán, nói chuyện phôn như lão, vừa tốn tiền vừa không tránh khỏi lời qua tiếng lại. Hay lão tuy già mà trái gan còn trẻ dám liều mạng xông pha chăng? Tôi chỉ mê trai hai lần, hai lần đủ nản, không còn có gan thử thêm lần nữa.

Nghỉ hè, gọi cho Nicholas, hỏi nó có cần tôi tôi tới nấu ăn cho không, hoặc rủ nó đi ăn, mấy lần, thường chỉ có tiếng máy u u trả lời.

"Hoa vàng, coi kìa, có một phía phố toàn hoa vàng, cây bông đào chưa chịu nở, tại chưa đủ ấm, hi, chưa có tuồng cải lương Mùa Hoa Anh Đào. Bông vàng tên gì vậy con, daffodil gì, hả, à, forsythia, ngộ, con cái gì cũng biết. Chút xíu nắng là nở liền, chắc tại vậy mà phải ra lề đường nằm?"

Tôi nhảy nhổm nghiêng ngó ra lề đường. Má tôi nói gì lảm nhảm ba hoa, hoa vàng hoa đỏ, tại sao? Kỳ cục, hễ có dịp chở ổng hoặc bả đi, thế nào ổng bả cũng nói nhiều, nói tầm xàm, nhưng tôi xúc động, khó chịu, má tôi ngây ngô, kỳ cục, lại có thể làm khổ ba tôi? Hay tại ông già đeo đẳng, ưng chuốc họa vào thân?

Phố đông nhiều xe và cũng nhiều người đi bộ, tôi thường đạp thắng, phải chạy rề rề qua khúc quanh này, dăm ba tiệm cũ kỹ, thấp bé, bạc màu, không hợp với kiến trúc đồ sộ chồng chất hiện đại của vóc dáng thành phố thủ đô. *Ghetto cũ của dân nghèo*. Bãi rửa xe bằng tay, sáng nào cũng có một đám dân Nam Mỹ ở lậu ra đó chờ tìm việc, có xe ai trờ tới bốc, phụ hồ, phụ mộc, trồng cây, hốt lá, cắt cỏ, cất nhà, thợ vịn, thỏa thuận giá cả tùy mùa thì hốt lên xe đi, sáng làm chiều về. Ai không có, ở lại, hú họa chờ xin rửa xe.

Một bữa kẹt xe, tôi thình lình chú ý đến đứa con gái đứng cạnh một cái thùng gỗ lớn, gắn dính vào góc sân, treo tấm bảng *Used Clothes Collection*, thùng để chứa quần áo cũ cho mọi người vứt vào đó để lau xe? Cũng tình cờ, nó vẫn đứng nguyên mỗi sáng tại đó, một dạo trời lạnh, tôi

rùng mình không dám ngó, nhưng như cũ, lại phản xạ, tới đó tự nhiên xe lại chạy rề rề, tôi lại dán mắt vào nó. Cỡ bằng tuổi tôi, khi tôi thình lình thấy nó hồi mùa xuân năm ngoái, khi hoa vàng đã mấy lần nở tàn (ngạc nhiên, từ ngày do má gợi ý, tôi mới biết lề đường có hoa vàng,) mùa đông năm nay, đứa con gái xơ xác phát kinh. Hai gò má cao,hóp, trát vụng nhiều phấn, từ xa, vẫn lờ mờ những vệt nám lẫn lộn trắng đen. Bắp thịt tay và bụng nhão, trời lạnh mà cứ phơi ra hết khơi khơi.

Tối nay, ông già lại dọa chết! Hừ, hèn yếu như ổng thì khó mà tự chết được. Nhưng lại hay dọa! Và tôi sợ. Ổng lúc nào cũng mong đợi mọi người phải mạnh mẽ đưa vai cho ổng. Lúc còn ở trường, những buổi trở về sau bảy tám tiếng mệt đừ trong lab, tôi đứng tim khi thấy đèn điện thoại trả lời nhấp nháy. Quả nhiên, giọng ông già hấp hối thều thào, "Con đó hả con, con gọi liền cho ba," tôi ôm đầu, nghiến răng, ngồi phịch xuống, gân cốt cả người nhão ra, bàn tay run run nhấc cái điện thoại không nổi.

Tháng trước, lại bảo tôi, bác sĩ nói ổng có triệu chứng ung thư dạ dày, fuck, uống nhiều rượu quá không ung thư sao được? Nhưng mà may, chỉ là dọa hão, tôi chở đi bệnh viện, dọc đường, ổng hỏi số phôn sở của tôi, hỏi tháng này tôi được lên lương không, lương bây giờ là nhiêu, bạn gái là Việt hay Mỹ, là ai vậy, toàn những câu hỏi ngoài đề, chẳng ra đâu vào đâu. Tôi ráng cười trừ, lừ đừ chở ổng đi ăn phở, rủ luôn vợ ổng đi nhưng ổng luôn luôn gạt ngang. Lần nào đi với ổng về, tôi cũng thấy mệt, thấy ngại, và bức rức như mình như đang phạm lỗi gì, damn, what's the heck, là cái lỗi quái gì?

Má tôi bình luận hoa vàng, tại sao, có thể vì bả cũng là một loại hoa vàng mọc ở lề đường mà không tự biết? Con nhỏ điếm chuyên môn đứng bên thùng áo quần cũ, nó biết hay không, hay có thể biết nhưng cóc cần?

Ông già, dượng ghẻ, và nhiều người đàn ông khác, nếu biết, chắc có đồng ý câu nói của lão già lừng danh vì những hình vuông tròn vẽ khá đẹp đã đánh giá, có một loại đàn bà chỉ đáng để chùi chân, một loại khác đáng được đặt lên bàn thờ?

Thỉnh thoảng, vài lần, má tôi tới chơi, má xăng tay dọn dẹp rửa chén bát dơ tôi để hà rầm trong bồn khi rảnh mới rửa. Má chùi bếp, hốt giặt mớ áo quần lung tung vương vãi trong ngoài phòng ngủ, nhà tắm, phòng giặt. Má lăng xăng lấy xe đi chợ, mua thịt mua rau, luộc hột gà kho thịt, để tủ lạnh, dặn tôi nấu cơm ăn với dưa giá thịt kho. Vài tuần sau má ghé, thấy nồi thịt để quên không hâm mốc meo đen ngòm trên bếp, má đem đổ, rửa nồi, má hỏi, muốn má ở chơi một tuần dọn nhà không, tôi đáp thẳng thừng "không, không," mặt má bình thản nhưng có vẻ cam chịu một cách

khó chịu. Tôi không màng tới dượng ghẻ, tôi đắc ý với cái từ Việt này, hắn có bảnh bao đỏm đáng hơn ông già tôi cách mấy, hắn vẫn là một thứ ghẻ lở đối với tôi. Tôi chưa bao giờ nhìn thẳng vào mắt và cằm nhọn hoắt của hắn, nhưng lúc đó tôi mới mười ba tuổi, tôi thấy thương má quá, tôi đã dỗ dành:

"Sao má khóc hoài vậy, má ưng đi ở với ông Dũng thì cứ đi đi!"

Ý tôi muốn nói tôi sẽ không sao, ba tôi sẽ không sao.

Nhưng sau đó, má đã chờ đến khi tôi mười tám, tại sao mười tám, tuổi nào thì tôi cũng vậy thôi, lúc nhỏ, tôi không hiểu, lúc làm người lớn rồi, tôi hiểu gì thêm về người lớn trên mười tám tuổi? Thời học đại học, tôi không về thăm nhà, thật ra tôi không biết phải về nhà nào, tại sao tôi luôn luôn yếu ớt và rối trí? Má thường xuyên gởi tiền, gọi điện thoại hằng tuần, má làm vậy, tôi nhận, mà không thấy biết ơn. Chập chờn, nếu mọi chuyện cứ trở lại y như cũ xóa bài làm lại, ba má tôi vẫn bình yên ở với nhau như xưa nay tôi vẫn không để ý, không biết chuyện vui buồn gì đã xảy ra giữa hai người, nếu không có gì nổ bùng ra, tôi có vui hơn, có dễ chịu thoải mái hơn bây giờ không, tôi vẫn phân vân chập chờn.

Từ ngày má tôi lấy chồng, ông già ngày càng diện ra. Ổng cũng cưới một người vợ mới, mà theo thói bình luận linh tinh của má tôi là một người vợ trẻ, và theo ổng, một người vợ không biết nhậu nhưng biết nấu rành món nhậu. Có kỳ ổng lái xe khi đang nhậu thì bị cảnh sát bắt bỏ nhà tạm giam nhốt 48 tiếng, người bạn nấu nhậu bình tĩnh gọi tôi, cậu biết tiếng Mỹ, cậu kêu tòa thả ổng ra đi, tui đâu nói được, cảnh sát biểu ổng kêu về nhà cho tui, cũng như không hà. Sáng sớm đó, tôi nghĩ mình không đủ sức để gặp, để nói gì một mình với ổng, (tôi sẽ câm như hến, ổng sẽ rống lên khóc lóc kể lể, tôi sẽ mở nhạc rền trời trong xe để át tiếng lè nhè của ổng?) tôi đã gọi má để bà đi cùng với tôi.

Khuya nay, cuối tuần, có mấy thằng cùng sở rủ đi party, nhưng tôi sẽ đi bar uống rượu một mình, chưa say sẽ về ngủ. Có thể sẽ trở lại cái bar của bọn gay, nhạc hay và rượu cũng khá. Ban đầu, chỉ cho đỡ chán, nhưng từ từ cũng thấy đã. Có một thằng Nhật mặt mụn hay hay, hai bàn tay trắng muốt đã đặt lên đùi tôi mơn man, tán tỉnh. Rùng mình, tôi hơi nhột, nhưng nhìn thấy mắt nó trong veo chưa lòi ra trắng dã như mấy thằng chơi thuốc nặng, thình lình, tôi động lòng. Tôi đoán nó tử tế, qua vẻ trẻ con buồn bã.

Dẫu rằng trò chơi nào rồi cũng ngắn ngủn, ngán, cũng như cơn kích ngất, chỉ khoảnh khắc cũng đã tan, cũng đã phải làm lại, nhưng cứ thử ngắn hạn với nó xem sao.

Vấn đề của tôi, tôi không giải quyết được, có lẽ. Tôi không thấy thương ba cũng không thương má./.

Hộp cơm chay

Trúc Chi

Anh tom góp mấy dĩa bánh nậm, bánh bột lọc, đồ ăn chưa có đũa của một ai đụng đến, cho vào một cái hộp giấy rồi ấn vào tay tôi:

"Anh cầm về đi. Để lại thì chùa cũng không dùng. Lại đem đi đổ thôi."

Tôi lại chỉ dùng đến cơm chay khi nào cái bao tử nó khó ở sau những bữa tiệc cưới, tiệc đoàn viên quá thịnh soạn, quá nhiều cao lương mỹ vị, nhiều rượu. Chay lạt đối với tôi là một thang thuốc mà thỉnh thoảng tôi mới dùng đến. Thuốc cho cái tấm hình hài này thôi, chớ còn dược liệu để mà trị cái tham sân si trong người tôi thì quả tình, tôi cũng có thử nhiều thứ, mà có vẻ như chưa có thứ nào "hạp" với tôi cả, thành ra mấy chục năm nay, bệnh tình có vẻ không thuyên giảm. Nhưng mà cũng cám ơn tấm lòng tốt của anh bạn mà cầm lấy cái hộp thực phẩm chứa đầy lộc Phật.

Cái anh bạn này cũng lạ. Anh hơn tôi cỡ bốn năm tuổi. Thành công sớm trên chính trường và thương trường. Sau thời Đệ Nhất Cọng Hòa, anh đã từng dọc ngang một thủa. Giữa cái ảo ảnh ấy của đài vinh quang, bóng dáng anh đã từng ẩn hiện, khi thấp thoáng, khi chói lọi. Ngày tôi còn làm việc cho một hãng thông tấn nọ, anh vẫn là người mà tôi thường điện thoại để phối kiểm chuyện hư thực của rất nhiều tin đồn về sinh hoạt chính trị, tình hình quân sự trong nước. Nhờ anh mà tôi tránh được nhiều điều lầm lẫn trong những bản tin đánh đi từ Saigon, Đà Nẵng, Huế. Thành thử tôi mang anh một cái ơn. Khoảng chín mười năm nay, tôi hay gặp anh tại nhiều chùa ở đây. Nghe nói cái phần công quả của anh ở các cửa chùa không phải là nhỏ. Có nhắc đến thời còn hăng say với cái đam mê của anh hồi còn ở trong nước, anh chỉ lặng lẽ cười. Cái cười thản nhiên, không chua chát, không buồn đã đành mà cũng không hẳn là vui. Cái cười bình

tĩnh của một người sạch túi khi nghĩ đến một canh bạc sát phạt mà mình đã từng sống chết với nó từng giây từng phút. Về cái cuộc đỏ đen ấy, có vẻ như anh không có chi mà tiếc nuối cả. Có lần, qua tách cà phê sữa sau một bữa ăn sáng, chúng tôi nói chuyện lan man, nhắc lại một đôi điều trong lịch sử nước nhà, chúng tôi viết lại lịch sử bằng những cái "nếu". "Nếu" lúc ấy mà...thì bây giờ... vân vân. Thành thử, không thiếu đề tài trong câu chuyện. Nếu vua Quang Trung "đừng" chết vào năm ấy, nếu hoàng tử Cảnh không bị chứng đậu trời, nếu vua Minh Mạng, vua Tự Đức cũng sớm canh tân như Minh Trị Thiên Hoàng bên Nhật, nếu Mỹ không thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, nếu Pháp trả độc lập ngay cho mình từ hồi 1945, nếu ông Hồ Chí Minh đừng theo cọng sản...thì có lẽ chúng tôi đã không có dịp ăn với nhau hai bát tái gầu, được chủ hàng cam đoan không có bột ngọt, đầy đủ hành tươi nước béo trong cái quán đắt khách hôm ấy ở Bolsa.

Những cái "nếu" quả là vô bổ. Nhưng mà thiếu chi những điều mà tôi dư biết là vô bổ mà tôi vẫn nói, vẫn làm! Sau chừng nửa tiếng dùng vào công trình dựng lại lịch sử đất nước, vào lúc chúng tôi đang đặt lại một vài tiền đề cho bài toán Phật giáo dưới thời tổng thống Ngô Đình Diệm, tôi hỏi anh:

"Anh nghiên cứu Phật Học đã lâu chưa? Coi bộ anh rành lắm?"

Anh chậm rãi đáp qua một nét cười nở ra trên cái miệng rộng rồi tỏa dần lên đôi mắt sáng, thông minh dưới kính cận khá dày (cái miệng này, ngày trước đã từng hùng hồn thao thao trước máy vi âm của đài phát thanh, đài truyền hình):

"Cũng mới chín mười năm trở lại đây. Mình đọc lung tung chớ không có nghiên cứu chi. *Anh hùng mạt lộ bán vi tăng mà*. Cùng đường rồi thì khách anh hùng tạm ghé vào cửa Phật vậy."

Nghe anh nói, tôi nghĩ đến rất nhiều những kiếm sĩ, những hiệp khách mà tôi đã gặp trong mấy quyển chuyện Tầu ghiền tự ngày còn nhỏ. Có người gối đầu lên thanh kiếm gãy mà đánh một giấc dưới mái Tam Quan, để cho những bông tuyết phủ kín người, mong khí lạnh làm dịu bớt bầu nhiệt huyết. Có người lại rút phăng thanh bảo đao còn sắc đến độ "chém sắt như bùn" mà phạt ngang cái mớ tóc bạc phơ của mình trước khi bẻ đôi thanh đao mà quì xuống một tượng Quan Âm trong sân Thiền viện. Đó là chuyện bên Tầu không biết có thật hay không. Nhưng mà chuyện có thật và gần chúng ta hơn nữa là chuyện những ngày tàn của Hải Đạt Thiền Sư, tức là Ấn Đô Vương Trịnh Bồng, vị chúa cuối cùng của nhà Trịnh, những ngày sống lẩn lút lây lất đâu đó vùng Lạng Sơn Cao Bằng. Nghĩ đến, tôi nghe gợn lên trong lòng một chút hoài cảm, chút ngậm ngùi... Ngậm ngùi

cho thân thế của một cành vàng một lá ngọc tan nát trong buổi nhiễu nhương.

Tôi đã để ý đến chữ "tạm ghé" trong câu nói của anh bạn. Không biết anh nói giỡn hay nói thiệt. Đành rằng anh đã dùng chữ "tạm" để diễn đạt cái ý của mấy chữ "bán vi tăng" (làm sư một nửa thôi), nhưng tuy đã bỏ nghề cũ mà tôi lại cứ giữ cái tật ưa thóc mách những điều ở đâu đâu. Tôi hỏi anh:

"Anh tạm ghé thôi à? Còn định đi đâu nữa?"

Anh cười:

"Thì cứ tạm ghé vào chùa đã. Trước khi đi... đi về nơi... ai mà biết được."

Tôi cũng bật cười luôn. Tôi tưởng anh còn vướng víu với một đôi thứ ở cái "cõi Bolsa" này. (Nghĩ cho chín, thì Bolsa cũng là một cõi riêng của nó!) Té ra không phải. Cái anh bạn này kể có lạ thật. Như tôi, không tu được thì không nói làm chi, chớ còn đã đặt lòng tin của mình vào tôn giáo, bất luận tôn giáo nào, thì ít ra cũng có phải có một ý niệm rõ rệt về chốn ấy chớ! Nhưng mà, có lẽ anh bạn này tu thật, đã nghĩ nhiều về cái nơi mà anh mong sẽ đến, nhưng mà hình như đó lại là một nơi... nói không được! Chắc vậy. Để hôm nào có dịp, gặng anh thêm nữa về cái chỗ kẹt này!

Và như vậy là lại sắp sửa có thêm một hành động có vẻ vô bổ nữa. Tôi đang nghĩ đến một điều thuộc loại thường thức trong đại số học: một hệ thống hai phương trình, mà lại có đến những ba ẩn số thì con số của những giải đáp là... vô tận. Thử xông vào cõi vô tận xem sao.

Cõi chết đã là một ẩn số đã đành. Mà cõi sống, cõi sống sờ sờ ra đây, lại cũng là một ẩn số luôn. Tôi không muốn giảm giá công trình của các khoa học gia trên khắp thế giới, nhưng hiểu biết của con người về vũ trụ, nhờ vào những khám phá mới, chẳng qua thì cũng là chừng mười phân trong lối bò của một con kiến trên đường trèo lên một tòa nhà chọc trời. Cái ẩn số thứ ba chính là "cái tôi" đang ngồi nghĩ lan man về chuyện sống chết vì, nhiều khi, tôi cũng không biết tôi là ai nữa. Vậy với phiền. Giữa ba cái ẩn số của hai phương trình "đến" và "đi", thôi thì cứ coi nơi này như Cõi Tạm, giống như tên một tác phẩm của anh bạn nhạc sĩ thích uống rượu, tiện mà lại vừa đỡ nhức đầu.

Có lần, đang bực mình vì một chuyện gì đó, tôi không nhớ nữa bị một cú điện thoại quảng cáo phá rầy, hỏi:

"Ông là ai?"

Hỏi thì phải có đáp. Lịch sự thông thường là vậy. Tôi đáp:

"Đó là một câu hỏi mà thỉnh thoảng tôi cũng có tự đặt cho chính tôi,

nhưng mà cho đến giờ này, vẫn chưa tìm ra lời giải đáp."

Tôi đã nghĩ thoáng về những điều trên đây, về cuộc đời của anh bạn khi cầm hộp thức ăn ra xe ngồi chờ mấy người cùng đi đến chùa để dự buổi lễ cầu siêu cho ông thân sinh của một người cháu họ xa. Cảm cái thừa thãi của một Phật Tự đông đảo khách đàn việt khá giả, tôi đã nghĩ đến cái thiếu thốn của một cảnh chùa cũ ở Việt nam. Cảnh chùa rất quen thuộc với gia đình tôi mà tôi đã ghé thăm cách đây không lâu.

Ông Thầy trẻ tuổi, chừng ngoài ba mươi, dĩ nhiên không biết chi về liên hệ giữa các vị tăng trụ trì tại chùa trước đây vài chục năm và gia đình tôi. Nhưng khi tôi nói cho Thầy biết, Thầy vui mừng vồn vã mời tôi ngồi uống nước. Trà được rót ra từ một cái ấm sành có mấy vết rạn màu nâu thẫm. Mấy cái chén sành cũng đã sứt mẻ ở một đôi chỗ.

"Dạ mời bác."

Tôi nhấp chén trà lạt và nguội mà trong lòng bùi ngùi. Ngày trước, chùa có quẫn bách lắm, Ôn trụ trì cũng vẫn còn mời cha tôi được một ấm trà Kim Khánh hoặc Chính Thái hoặc Bướm Vàng, dù là trà vụn đổ ra từ cái bình thiếc có vẽ một đôi tuấn mã uống bóng chiều lung linh trên mặt giòng suối quanh co qua mấy gốc đại thọ.

Tôi nghĩ đến bữa cơm mà ngày trước Sư Viên Thành ở Tra Am "đãi" một người bạn chưa tu được nhưng mà đã có chút duyên với chốn Không Môn. Người khách ấy, chưa bứt hết được những sợi dây nó buộc mình vào rất nhiều thứ phiền não, một chiều mưa to gió lớn đã phải ngủ lại Tra Am. Am nghèo, một cọng rau đã không có mà cả đến một giọt tương cũng không còn. Vậy là sư Viên Thành mời khách dùng bữa tối với cơm và sữa đặc rót ra từ một hộp Nestlé rỉ rét mà chú điệu (tiểu) lục lọi mãi mới tìm thấy trong cái kho (!) thực phẩm của am. Một hộp sữa mà một thí chủ nào đó đã đưa biếu, nhưng chùa không dùng đến sữa, trừ những lúc có người đau ốm. Ngọt như vậy là đủ rồi. Thiếu mặn chắc là chỉ có muối. Cái đạt của người đạt đạo đôi khi nó lộ ra trong một vài điều nho nhỏ như vậy. Giữ cho cái thân tứ đại được mạnh khỏe mà tu hành, vậy thôi. Thực phẩm có chế biến có vẻ như không phải là mối quan tâm của sư Viên Thành. Bữa cơm chay có một không hai này quả là ấn chứng rõ rệt cho đạo hạnh cao sâu của sư Viên Thành. Con người ấy, trước giờ lâm chung, đã lấy tay mà vỗ vào cái bụng phình trướng vì một chứng bệnh trong nhục thể của mình, vỗ theo nhịp mõ của một lời kinh, con người đã bỏ được mọi cái chấp trong cõi đời này: mặn ngọt như nhau. Sữa ăn với cơm, với muối, không có chi là lạ cả. Một cõi lòng như vậy, nó có cái đẹp của nó.

Chỉ có riêng tôi, thích uống trà thật đậm, bây giờ ngồi trước chén trà thiếu cả hương lẫn vị, cũng hơi buồn. Nói của đáng tội, tôi cũng không

đến nỗi tệ lắm, tôi không đến chùa để tìm những thứ hợp với khẩu vị của mình, tôi rầu cho cái lưỡi của tôi thì ít, mà buồn cho cảnh chùa tiêu điều thì nhiều hơn. Cái giàu có thừa thãi của những người hoặc kín đáo, hoặc khiêm tốn, không khoe khoang, không hợm của, có khi tôi thấy họ giấu bớt đi được, chờ còn cái nghèo nàn thiếu thốn của bất cứ một ai thì không có cách chi mà che đậy được.

Chỗ tôi ngồi nói chuyện với Thầy bây giờ, ngày trước có một bộ trường kỷ chạm trổ tỉ mỉ. Ngày còn nhỏ tôi nghe nói là bộ tràng kỷ ấy là của cụ dược sĩ Phạm Doãn Diễm đem cúng chùa. Cũng không thấy bóng dáng mấy bức liễn có câu đối chữ Hán. Theo như chỗ tôi còn nhớ thì một trong mấy đôi liễn đó là của gia đình bác sĩ Bửu Hiệp tặng Ôn Trụ trì ngày trước. Chùa nghèo là phải. Bổn đạo cũ nay đều bỏ xứ cả rồi. Thí chủ mới lại không có thêm ai, mà có đi nữa, cũng còn phải lo bữa tối khi mới nhấm nháp xong bữa mai. Tiền đâu. À... lâu nay, cả cái nước Việt Nam của tôi bị nhiều thứ sâu mọt gặm thủng nhiều chỗ lắm rồi, cho nên tại ngôi chùa nhỏ này, mái có thiếu đi vài mảnh ngói, tường có lở mất mấy viên gạch... kể cũng không phải là chuyện lạ.

Tôi nhìn lên một khoảng trống trên một bức vách:

"Thưa, ngày trước, chỗ này có bức chân dung của ngài Bồ Đề Đạt Ma."

Thầy chuyên thêm cho tôi một chén trà:

"Dạ có. Mấy năm nay chỗ bức tường đó bị nước dột từ trên mái giọt xuống, tôi phải thỉnh ngài lên trên phía trước bàn thờ vong, phía sau chánh điện."

Đôi mắt sáng như điện của ngài Đạt Ma, đôi mắt đã từng nhìn xuyên qua cái vách đá lịch sử ấy suốt tám năm, đôi mắt ấy, từ bức vách này, dưới mái chùa này đã soi xuống rất nhiều những cái bóng thân yêu của ba thế hệ trong gia đình tôi... lâu lắm rồi. Bây giờ, cái nhìn bình đẳng của Ngài đối với chúng sinh đang hướng sang di ảnh của nhiều người đâu đó trong cõi chết, vốn cũng là nơi bình đẳng. Tôi thoáng nghĩ đến cái nhìn của Nguyễn Du trong bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh:

"Còn chi mà nói sang hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu"

Uống cạn chén trà, tôi đứng dậy, xin phép dạo thăm cảnh cũ. Trước khi bước vào chánh điện, tôi dừng lại ở bức vách đối diện bàn vong ngắm kỹ bức chân dung của ngài Đạt Ma. Mực có chỗ đã phai mà giấy cũng vàng một màu mốc, lấm tấm một đôi vết loang lổ, dăm điểm ố. Văn chương bóng bẩy gọi là màu thời gian. Cái nhìn soi chiếu vẫn còn. Quay sang bàn thờ vong có nhiều tấm ảnh nhỏ lớn khác cỡ, tôi chợt nhận ra di

ảnh của thi ông Ưng Bình Thúc Gia Thị, lừng danh với niềm xót xa trước hoàn cảnh của giang sơn đất nước dưới thời Pháp thuộc qua câu hò:

"...Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non..."

Cuộc đời của thi ông, nghệ sĩ lắm, đẹp lắm. Nẩy ra cái ý định vào Saigon sẽ tìm thăm người con gái hiếu thảo của thi ông là chị Hỷ Khương mà đã lâu tôi không gặp lại. Mới nghĩ đến thôi mà nghe trong lòng đã vui: một giọng ngâm, dăm vần thơ, nghe thêm được vài mẩu chuyện trong nếp sống rất nghệ sĩ của một nhà thơ vương giả. Thú lắm chớ! Chưa nói chi đến thi tài của một tâm hồn nghệ sĩ, nội cái nghệ thuật sống tỉnh táo, thanh nhàn giữa mấy cơn binh lửa nơi cố đô cũng là một điều cho tôi thấy nên học, cần học. Tôi không có khả năng buôn bán, kinh doanh, nhưng mà giả dụ là mình có, học được cách dưỡng sinh, dưỡng tâm, dưỡng tính cho nó khỏi tổn cái thiên chân, đem qua bên Mỹ mà hù những ai muốn tức thời giảm huyết áp, tất phải giàu to. Tôi dùng hai chữ "tức thời" để tạm dịch chữ "instant", thường vẫn được nhấn mạnh trong lời quảng cáo cho rất nhiều thứ giúp cho thiên hạ tiết kiệm thì giờ. "Giúp" thôi, còn thực sự có tiết kiệm được hay không là chuyện khác.

Sực nghĩ là tỉnh cờ mà tôi lọt vào giữa tai tia sáng. Một bên là cái nhìn của một nghệ sĩ tài hoa rất mực, một bên là ánh mắt của thiền sư, mà lại là bậc sư tổ của Thiền Tông nữa. Hai tia sáng ấy hình như nó làm cho lòng tôi dao động mạnh. Tỉnh cờ mà tôi đứng ở giữa nghệ thuật và tôn giáo. Đọc được tiểu sử trung thực của một số danh nhân trong hai lĩnh vực này, tôi phục họ. Rồi tôi phục luôn tất cả những người đã từng ném cả cuộc đời của họ vào nghệ thuật, vào tôn giáo. Không chồn chân, không lưỡng lự, chữ lưỡng lự hiểu theo nghĩa đen "suy nghĩ hai lần" của nó. Phục thì muốn bắt chước, muốn bắt chước mà lại không có tài, không có gan, thành thử đứng trước tôn giáo và nghệ thuật, cho đến tuổi này rồi mà tôi vẫn cứ chân trong chân ngoài, thậm thà thậm thụt. Nghệ thuật và tôn giáo mỗi bên có cái tuyệt đối riêng biệt, nhưng mà lại gần gũi với nhau lắm, thành ra, xét kỹ, chỉ có riêng tôi là vẫn loay hoay mãi ở những nơi chốn xa vời cái ngưỡng cửa dẫn vào hai con đường ấy. Cứ tự cho mình là "số còn nặng nợ má đào" cho ...nó vui!

Tôi thắp ba cây hương, bước ra ngoài chùa, cắm vào cái bát nhang trước mộ đứa em. Nó qua đời hồi mới có ba tuổi. Tôi nhớ trong nhà nói nó chết vì lên sởi rồi bị "lạm". Năm mươi mấy năm rồi, loạn lạc rồi nhà cũng không giữ được một tấm hình nên tôi cố mường tượng mà không "thấy" nổi khuôn mặt của nó. Tôi chỉ nhớ là nó gầy gò ốm yếu từ lúc sơ sinh. Nấm mồ nhỏ đúc bê-tông có chỗ đã nứt nẻ, mọc cằn cỗi mấy cụm cỏ dại.

Về chi là cảnh mọn/Mà cũng đến tang thương. Tôi móc túi lấy chùm chìa khóa cạo lớp rêu phủ kín tấm bia nhỏ. Thuận tay, tôi lấy cái chìa khóa vạch lại cái dấu mũ và dấu hỏi đã mờ trên tên nó mà người thợ đá đã không khắc kỹ. Tôi nghĩ thầm rằng may là bia khắc chữ quốc ngữ, chớ nếu viết bằng chữ Hán thì lại phải mất công giở Hán Việt Tự Điển ra mà tra bộ, tra số nét, vì cái chữ mang tên đứa em, tôi không biết. Mà rồi trong cái bận rộn của một chuyến về thăm nhà những cái tủn mủn như vậy chắc chắn là nó rơi tuột vào lãng quên. Rồi thì cái nấm rêu phong kia, không phải là mồ vô chủ mà sẽ thành vô danh, như một vài ngôi mộ xanh um trong cái nghĩa trang nho nhỏ này nằm trong đất chùa.

Trả lại đứa em cho giấc an nghỉ của nó, tôi bước chậm lên con dốc thoai thoải. Lối đi hẹp, xe hơi vào không được. Tôi vừa ra xe để lấy cái tẩu thuốc để quên, vừa nhìn cỏ dại lan ra gần kín mặt đường, vừa nghĩ đến một lối đi khác, dẫn vào một nơi tu hành khác:

Hồi tháng 2 năm 1975, tôi hụt mất một chuyến đi xem lại một thắng tích ở đế đô, cứ tiếc mãi. Đó là Tra Am, gần núi Ngự. Hôm ấy là ngày mùng Bảy Tết năm Ất Mão. Người dân Huế cảm thấy nhẹ nhõm vì Tết đã qua rồi mà không thấy "động tĩnh chi cả". Là vì cái ám ảnh của vụ thảm sát Tết Mậu Thân (1968) vẫn còn bao phủ lấy nhiều - quá nhiều - cái bàn thờ ở xứ Huế. Tôi đi nhờ xe một người bà con bên vợ lên Tra Am để xem Lược Ước Kiều, cái cầu ván lừng danh ấy. Nhưng mà đến An Cựu thì xe chết máy, mưa xối xả mà trời cũng xẩm tối. Đành phải quay về.

Tôi theo đoàn Phật tử của anh Tráng Đinh lên Tra Am lần đầu khoảng năm 1943- 44. Có thấy cái cầu gỗ con con, nhưng còn nhỏ tuổi quá, đối với tôi, nó cũng như mọi tấm ván, mọi cầu tre khác bên bờ ruộng, bờ ao. Mãi về sau này ở Saigon nhân một lần có dịp hầu chuyện thượng tọa Thích Trí Thủ, vốn là đệ tử của sư Viên Thành, tôi mới biết được ý nghĩa thâm trầm của mảnh ván tên tuổi ấy:

Lúc dựng Tra Am, sư Viên Thành đã cho bắc một tấm ván qua giòng suối nhỏ chảy ngang lối vào chùa. Cạnh cái cầu ván ấy là một phiến đá có khắc ba chữ "Lược Ước Kiều" . Khách thập phương có đến vãn cảnh thì phải bỏ xe và ngựa, bước qua tấm ván ấy mà qua bên kia suối. Khác với hai chữ "Hạ Mã" ngày xưa ở trước Phu Văn Lâu, buộc người ta phải xuống ngựa để tỏ lòng cung kính, Lược Ước Kiều là một lời mời. Mời người đã bước đến chùa, dù là không phải để ăn mày cửa Phật, thì cũng nên lược bớt đi, bỏ bớt đi những điều nó khiến cho mình quay cuồng mãi trong cái bận rộn của ngũ uẩn. Giảm bớt đi cho nhẹ lòng mà bước qua bên kia suối. Bởi vì đây là một lời mời rất đẹp. Một lời mời thiết tha mà giản dị thiệt. Một lời mời thật là tao nhã mà lại nhiều ý nghĩa. Tôi vốn không

hay nghiền ngẫm kinh kệ, nhưng nhớ hình như mấy chữ "đáo bỉ ngạn" có nghĩa đen là "đến bờ bên kia". Bờ bên kia... ở đây là giây phút tỉnh thức, là giác ngộ, nếu tôi hiểu không lầm.

Viết đến đây, suýt nữa thì tôi bật cười. Một người như tôi, đi dạo phố, thấy một cái cà-vạt hợp nhãn, còn dừng lại mà ngắm nghía; nhìn một đôi giày tốt, còn muốn thử xem nó có vừa cái gót phong trần của mình hay không; ngồi trong tiệm cơm, nhấp một hớp rượu vang hảo hạng đi kèm với một miếng phó-mátchép môi chép miệng mãi vì cái khoái khẩu; bắt được một ánh mắt tình tứ trên cái duyên dáng già dặn của một người đàn bà đã đứng tuổi gặp đâu đó ở Saigon, Hà Nội, còn xao xuyến mà định làm thơ; nghe được một tiếng đàn bầu nỉ non trên sóng nước thì cứ mở lòng ra mà hứng lấy từng giọt âm thanh nhẹ tênh mà cũng nặng trĩu.... tôi như vậy mà bây giờ lại xía vào chuyện tỉnh thức tỉnh ngủ thì... xem chừng cũng không được ổn, có chút gì nó hơi sai sái. Không xong!

Nhưng mà nghĩ lại, tôi chỉ thích nói đến cái đẹp trong chuyện tu hành của người khác. Chớ còn riêng tôi thì cứ chiều chiều mà lại vắng bóng cái màu cổ đồng ấy của một ly whisky Tô Cách Lan chính cống rất hợp với cái thoi thóp của màu tà huy hoặc thiếu mất cái sắc đỏ tim tím của một ly rượu vang cũng rất "đi" với màn trời đã bắt đầu sẫm tối, thiếu một chén độc ẩm như vậy là đã thấy buồn buồn, đã nghe cả cái vạn cổ sầu nó mon men đến mà đòi xâm chiếm lấy tâm hồn mình vào những phút ấy... vậy thì lấy chi mà tu với hành, lấy chi mà bàn tới chuyện Không Sắc, Sắc Không!

Thường tôi không có cái gan nói về những điều tôi không biết. Bây giờ, tự nhiên mà cao hứng xông thẳng vào chuyện đạo hạnh, chuyện tu dưỡng. Định xóa hết cả đi mà viết một bài khác, nhưng mà lại tiếc. Tốt hơn hết là cứ nhắm mắt mà gửi bài đi... rồi thì đến đâu hay đó. Kệ!

Đã tái bản bộ trường thiên của Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về:

Diệu Chi K. Nguyễn

PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA

Phone: (714) 894-8535

Cơn ghen cuối mùa

Hoàng Chính

"Chú chở giùm tôi đi, tôi phải làm cho ra chuyện." Người đàn bà vừa nói vừa dùng lược gỡ tung cái đầu tóc rối bù.

Hắn ngước lên, nhìn đăm đăm đôi vai mỏng mảnh của người đàn bà, nhăn nhó, "Trời ơi, chắc ảnh bận rộn mấy chuyện lu bu trong hãng đó, có gì đâu mà chị phải lo dữ vậy."

Người đàn bà ngưng tay lược, con mắt vén lên cái nhìn mỏng dính dưới lớp rèm tóc xõa ngang trán, "Chú bênh ổng phải không?"

"Thì chính ảnh nói với chị vậy mà."

Bàn tay người đàn bà lại thoăn thoắt chải tóc, "Ông ấy có đủ lý do để bào chữa, chú biết không."

Hắn vu vơ lật một trang trong cuốn sách nằm trơ vơ trước mặt, "Ảnh bận công chuyện gì đó trong hãng đó mà!"

"Công chuyện cái gì. Đàn ông mà chú! Tôi biết rành quá mà."

Hắn lại phải ngước lên, "Chị biết rành cái gì?"

"Đàn ông năm bảy lá gan, lá ở cùng vợ, lá toan cùng người mà."

Hắn phì cười, bàn tay đặt lên trang sách mát lạnh, "Chị có biết ca dao tục ngữ làm hại tụi tôi nhiều lắm không?"

"Hại gì chớ. Không có lửa thì làm sao có khói. Ông bà mình nói có bao giờ mà sai được hả chú."

"Chị chắc không?"

Người đàn bà lại ngưng tay lược, nhìn hắn chằm chặp, như người ta nhìn con dã nhân trong sở thú, "Chắc chớ. Chú cứ thử tìm câu nào ông bà mình dạy mà sai, đọc tôi nghe thử xem."

Hắn xoa cằm; cái cằm mới cạo râu hồi chiều - cho buổi hẹn hò - nên vẫn còn nhẵn nhụi, "Tôi tìm ra cho mà coi, nhưng mà tìm ra thì... chị chịu thua tôi... cái gì?"

Cái hăm hở của người thanh niên bỗng xịu xuống, như đang chạy ngon trớn mà những đầu ngón chân vấp phải cục gạch, làm giọng hắn yếu hẳn đi ở cuối câu. Người đàn bà chớp chớp đôi mắt, nhìn xăm xoi lên bức tranh chùa một cột treo trên tường. Thói quen từ thuở có trí khôn. Mỗi lần chị nhìn vật gì là nhìn chằm chặp, như thể tia nhìn có đóng đinh, bắt ốc. Giọng chị sắc lẻm, "Thua cái gì cũng được. Sợ chú thua thì có. Ông bà mình chẳng bao giờ nói sai đâu!"

"Chắc nhá!" Hắn hăm hở.

"Chắc. Nói đi."

"Cái vụ nhậu nhẹt của đàn ông đó, chị ghét không?"

Người đàn bà vừa hấp tấp gỡ những sợi tóc rụng vướng vào răng lược, vừa quăng tới tấp câu trả lời cứng như sắt nguội vào mặt hắn, "Tôi ghét đàn ông nhậu nhẹt, tôi thù đàn ông nhậu nhẹt. Đàn ông mê ba cái thứ tứ đổ tường là hỏng được..."

"Vậy chứ ai nói *nam vô tửu như cờ vô phong* vậy? Đàn ông không nhậu cũng như cờ không có gió, cờ rũ, cờ tang vậy. Ông bà mình nói chứ ai."

Vừa nói, người thanh niên vừa nhìn đăm đăm lên hai gò má đỏ hồng như thấm rượu của người đàn bà.

Chị lắp bắp, "Cái đó mấy cha bợm nhậu nói chứ ông bà nào nói."

"Chị thua rồi phải không?"

Người đàn bà quay lưng về phía hắn, giọng nói như miếng gương soi rạn nứt, "Thôi, chú chở tôi đi kiếm thằng chả chút xíu dùm coi."

"Chị tối ngày lo canh ảnh..." Hắn vừa gỡ những mép giấy bị cong ở góc cuốn sách vừa nói bằng giọng trách móc.

Người đàn bà quay lại, đứng lặng thinh nhìn hắn, rồi loay hoay tìm câu, tìm chữ, "Thì chú nghĩ coi, vợ chồng ở với nhau biết bao lâu mà bây giờ ảnh... thay lòng đổi dạ..."

Tự nhiên, người đàn bà xúc động.

Hắn bối rối nhìn chị. Và hắn thấy rõ đường viền con mắt chị đỏ lên như sắp sửa một cơn viêm cấp tính. Môi dưới chị hở ra một khoảng tối mờ lấp ló chiếc răng cửa trắng nhờ. Cái khoảng tối ấy, khi không, gợi lên cho hắn những xốn xang không tên gọi.

"Rán chịu cực với chị một thời gian nữa nghe Toàn!"

Người đàn bà dịu dàng gọi tên hắn. Giọng nhấn nhủ của chị nghe gần gũi như câu dỗ dành của người chị mà cuộc đời từ bao lâu nay đã gắn liền với những khổ đau, chịu đựng.

Hắn lắc đầu, thở dài gượng gạo, "Thì đi!"

"Tôi thay đồ rồi mình đi liền." Người đàn bà sôi nổi. "Chắc thằng chả

lại ngồi quán *karaoke* con Thúy chứ chẳng đâu xa. Mà chú có bận học bài thi tốp phô, tốp phiếc gì không vậy."

Hắn tần ngần đưa tay gãi cằm, "Không sao. Chỉ cần về sớm một chút..."

"Chi vậy? Bộ có hẹn với cô Hà hả?"

"Chị biết rồi còn hỏi gì nữa."

"Hẹn mấy giờ?"

Hắn ngập ngừng, "Khoảng... tám giờ."

"Ô-kê. Đi liền."

Người đàn bà lướt đi như chiếc bóng. Chiếc áo thun và chiếc quần *jeans* bó cứng thân người. Dáng đi uyển chuyển. Hắn nhớ người Việt trong thành phố vẫn khác nhau là chị có dáng đi mình xà uốn khúc. Bây giờ hắn mới thấy người ta nói đúng. Chia phòng, ở chung nhà; đi vào đi ra đụng mặt nhau một ngày không biết bao nhiêu lần, vậy mà mãi đến hôm nay hắn mới để ý thấy thiên hạ nói đúng. Thiệt tình!

Hắn đứng dậy, với tay lấy cái đồ bấm ti-vi. Một cảnh tình tứ rõ dần trên màn ảnh màu. Hai kẻ hôn nhau tưởng chừng không thể nào dứt ra được. Hắn lắc đầu. Thiên hạ yêu nhau bất kể giờ giấc mà hắn thì lúc nào cũng thấy mình lẻ loi, cô độc. Có cô bạn gái; có một chút tình mà vất vả như người cõng trên vai nỗi khổ tâm ngày này qua tháng nọ.

Vậy là coi phim không được mà học bài cũng không xong. Coi như là tiêu luôn buổi tối học bài thi cái bằng Anh văn mở đường vào đại học.

Người đàn bà thay đồ thật mau. Lúc bước ra phòng khách, tần ngần nhìn hắn lừng khừng khoác cái áo không ủi lên người, giọng chị bỗng pha loãng chút ngậm ngùi, "Áo gì mà sứt nút hết trơn vậy nè! Đưa tôi khâu lại cái nút đã. Không chịu lấy vợ nó khổ vậy đó."

"Khỏi chị Thảo ơi, để vậy cho nó có vẻ dạn dày sương gió." Hắn nhún vai, rồi cảm khái ngâm nga "*Áo anh sứt chỉ đường tà, vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.*"

Chuông điện thoại reo. Hắn cong người nhìn con số hiện trên mặt điện thoại. Số điện thoại của cô bạn gái hắn. Có tin mừng. Lòng hắn lao xao cơn vui trẻ con. Nàng nhắc nhở giờ hẹn. nàng quan tâm đến hắn. Đêm nay sẽ là đêm vui. Lâu lắm mới có được một hẹn hò.

Người đàn bà nhìn hắn, thấy cái bối rối trên những ngón tay chực hờ trên ống nghe điện thoại, chị hiểu ngay, "Nói cổ là chú bận công chuyện gì đó, về trễ chút xíu."

"Nói dóc cô ấy biết là cô ấy cho tui de liền. Cô ấy *lay-óp* tôi thì sao. Tôi bị cô ấy *phai-ơ* chị có chịu thế cho tôi được không."

Người đàn bà lắc đầu ra chiều ngao ngán, "Thiệt tình mấy người đàn

ông!"

Hắn bắt cái ống nghe điện thoại lên. Giọng cô bạn gái tíu tít. *Hello* anh đó hả. Em nè. Mai em có bài *test*. Thôi hẹn khi khác nghe. Em bận muốn chết. Học muốn điên luôn. Chân tay hắn rụng rời. Anh ở nhà học thi cũng tốt chứ sao. Hay là mở ti vi lên kiếm phim gì coi cho đỡ buồn. *Have fun* nghe cưng!

Nàng nói không kịp thở. Còn hắn; hắn chỉ biết thở dài. Vậy là có nguyên một buổi tối đi bắt ghen, tha hồ mà *have fun*. Hắn lẩm thẩm trong miệng.

Người đàn bà ái ngại nhìn những ngón tay run run của hắn lúc đặt cái ống nghe điện thoại xuống. Rồi chị nhìn lướt qua mái tóc rũ xuống vừng trán của hắn. "*Đứt* rồi hả? Thôi, đi công chuyện dùm chị làm phước đi Toàn à." Giọng chị đầy cảm thông, "Con gái ngoài kia thiếu giống gì, mắc mớ gì phải buồn..."

"Tôi có buồn hồi nào đâu! Hà bận học mà chị. Ngày mai cô ấy có bài *test* mà..."

Trời mát dịu. Bãi đậu xe loang lổ ánh đèn. Hắn mở cửa xe cho người đàn bà, đóng lại rồi mới qua phía chỗ ngồi của tài xế.

"Cám ơn chú!" Người đàn bà nhỏ nhẹ. Lớn hơn hắn dường như một hai tuổi gì đó, nhưng người đàn bà lúc nào cũng xưng chị với hắn. Chị với chú, chị với Toàn. Chị chị, tôi tôi. Nghe vừa gần gũi, vừa xa xôi.

Từ phút giây ấy, hắn như người mộng du. Đầu óc vất vưởng những ý nghĩ về cuộc hẹn đã lỡ tối nay với cô bạn. Bàn tay người đàn bà vẽ ngang vẽ dọc. Quẹo phải chỗ đó chú à. Quẹo trái chỗ ngã tư nghe. Ngưng lại. De lại chút xíu. Rồi, chạy thẳng. Chầm chậm lại chút coi, Toàn!

Hắn kiên nhẫn lái xe. Một lát, hắn thấy mình đang chạy trở lại con đường lúc ban đầu.

"Trời ơi, chị chỉ đường gì mà tới lui hoài có một khúc vậy!" Hắn chép miệng than lúc ngừng xe chờ đèn đỏ ở ngã tư.

"Lẽ ra chú chở tôi lại đó là tiện nhất!" Người đàn bà trách móc. "Đàn ông con trai gì mà tối ngày ru rú ở nhà học bài. Cho dù chú có lấy mười cái tốp-phô, thi đậu vào ngay cái đại học Waterloo này đi nữa thì lúc ra trường cũng chẳng tư cách nào làm nhiều tiền bằng ba cái đứa buôn lậu..."

Thấy hắn lặng thinh như thể bị xúc phạm, người đàn bà giả lả, "Hơn nữa, chú là đàn ông, chú biết mấy chỗ mà bọn đàn ông hay la cà đến, chú chở tôi lại những nơi đó tìm ảnh dùm."

Hắn vẫn lặng thinh. Những ngọn đèn đường xanh xanh đỏ đỏ. Thiên hạ dập dìu trước rạp hát. Thiên hạ níu kéo nhau hai bên lề phố buổi tối đầu mùa hạ mát rượi cơn gió.

Người đàn bà loay hoay sửa thế ngồi. Hắn vẫn không mở miệng. Bỗng dưng giọng người đàn bà như tẩm đẫm nước mắt. "Để tôi mua cà phê cho chú. Cần hút thuốc phải không? Thuốc hiệu gì? Trời ơi, lâu lâu nhờ chút chuyện mà làm khó làm dễ hoài..."

Hắn rà nhẹ thắng xe, "Chị... sao vậy?"

"Ghé bãi đậu xe rạp hát này xem sao Toàn à! Chịu cực với chị chút xíu đi mà!" Người đàn bà nỉ non.

Hắn đảo xe một vòng cho người đàn bà tìm xe của chồng. Thỉnh thoảng, chị nhắc hắn thắng lại để chị kịp đọc số chiếc xe cùng hiệu với xe chồng mình. Hắn ngoan ngoãn làm theo dù hắn biết chắc rằng giờ này cái người đàn ông ham làm giờ phụ trội ấy đang dài người ra mà kéo gỗ trong hãng đóng bàn ghế.

"Lại khách sạn *Downtown* đi chú."

Câu đề nghị của người đàn bà làm trái tim hắn thắt lại. Cơn giận dỗi dành cho người bạn gái hủy bỏ cuộc hẹn nãy giờ vẫn đeo theo hắn, bỗng dưng tan thành mây thành gió.

Hắn im lặng, xoay đầu qua nhìn người đàn bà, dọ dẫm.

Giọng nói của người đàn bà ướt sũng nước mắt, "Ông nào mà không có lúc đến khách sạn, phải không Toàn?"

Hắn chép miệng, khẽ lắc đầu, "Tôi chưa thấy ai ghen quá mức như chị!"

Nói vậy, nhưng hắn cũng chiều ý của chị. Hắn đậu xe trong xó tối, dưới bóng cây bạch dương xum xuê cành lá.

"Vào khách sạn không chú?" Người đàn bà hăm hở.

Hắn cắn môi, "Vào đó làm chi vậy?"

"Biết đâu gặp tụi nó."

"Làm sao gặp được?"

"Thì hỏi người quản lý khách sạn..."

"Chị ghen thấy sợ!"

Hắn thở dài sau câu nói.

Trong lòng xe, chìm vào bóng tối của đêm chớm mùa hạ, hai người lặng lẽ ngồi bên nhau. Hắn nghe được tiếng thở nhẹ nhàng xa vắng của người đàn bà. Gần gũi, thân thương mà vô cùng xa cách.

"Rán chịu cực với chị chút xíu đi!"

Hắn xoay qua, bắt gặp đôi mắt người đàn bà long lanh, "Chị ghen thấy sợ!"

"Ghen gì đâu mà ghen. Chuyện có thật chứ phải tôi bịa đặt ra đâu."

"Óc tưởng tượng của chị ăn đứt mấy ông nhà văn."

Người đàn bà không thèm trả lời hắn. Chị loay hoay đo đạc bóng tối.

Có bao nhiêu là xe giống hệt xe chồng chị. ơi cái bọn đàn ông hư hỏng, chọn kiểu xe cũng giống hệt nhau, làm chị mỏi mắt đọc bảng số.

"Thôi đi chỗ khác Toàn à!"

"Chị muốn đi đâu bây giờ?"

"Ở đây còn khách sạn bốn sao nào nữa không chú?"

Hắn ngẩn ngơ, "Sao phải là khách sạn hở chị Thảo?"

"Cứ chở dùm tôi đến đó đi."

"Chị ghen bóng ghen gió thấy sợ."

"Không có bóng gió đâu Toàn à! Bọn đàn ông nó khốn nạn lắm! Hôm trước tôi hút bụi xe thằng chả, tôi thấy mảnh giấy ghi chữ *Khách sạn bốn sao* bằng tiếng Anh. Tôi hỏi thằng chả, thằng chả nghĩ tôi không rành tiếng Anh thành ra nói lảng qua chuyện khác. Tôi phải bắt quả tang tận tay tận mặt..." Người đàn bà vật vã với cơn giận khô cổ khàn tiếng. Hắn lấm lét đón bắt những tia sáng long lanh trong đôi mắt chở đầy lửa hận.

"Chú chở dùm chị lại đó liền đi!" Giọng nói người đàn bà lạnh băng.

Hắn lặng lẽ đề máy xe.

Xe chạy vòng vo những con đường ướt át ánh đèn. Tới một khúc quanh, bỗng dưng người đàn bà chụp lấy cánh tay hắn, "Chú ghé cây xăng dùm tôi."

"Chị làm gì vậy?" Hắn giật bắn người làm tay lái chao đi. Tiếng còi xe lanh lảnh phía sau.

Người đàn bà chỉ về phía cây xăng ở góc đường, "Chú ghé cây xăng đó một chút đi."

"Chị tính mua cái gì?"

"Cứ ghé sát đó đi."

Hắn đậu xe bên cột bơm xăng. Một người đàn ông trong trạm xăng bước ra. Người đàn bà nhỏ nhẹ, "Chú nói nó bơm đầy bình đi."

Hắn miễn cưỡng quay kiếng xe xuống.

Người đàn bà lục bóp, lôi ra tấm giấy năm chục đồng, nhoài người qua phía hắn, đưa cho người đàn ông. Thân hình mềm oặt của chị đổ lên người hắn, nặng nề. Hai miếng ngực mềm, ấm áp, vạch lên thịt da hắn cái cảm giác rờn rợn.

"Chú chờ nó đưa tiền thối đi. Tôi chạy vào đây chút xíu."

Người đàn bà mở cửa xe, bước vội vã vào quầy hàng tạp hóa bên cạnh cây xăng. Hắn ngơ ngác nhìn theo những đường cong da thịt chợt gần chợt xa, ẩn khuất trong bóng đêm.

"Phải chú hút loại thuốc lá này không?" Người đàn bà vừa nói vừa đặt cây thuốc lá vào lòng hắn.

"Trời ơi, chị bày vẽ mất công quá!"

Hắn đưa hết cho người đàn bà cả tiền giấy lẫn tiền các người đàn ông bơm xăng vừa thối lại.

Câu chúc *have a good evening* của người đàn ông rớt vào lòng xe và tan nhanh trong vũng tối nhá nhem.

Xe chạy. Người đàn bà nhấp nhổm như ngồi trên tấm nệm cũ có đầy rệp.

"Ghé cái khách sạn bốn sao đó đi chú."

"Chi vậy chị?"

"Thằng chả ở trong đó chứ đâu."

"Sao chị biết?"

"Tôi biết mà!"

Hắn thở dài, rảo xe một vòng, tìm chỗ đậu.

"Rán chịu cực với tôi ít bữa đi chú." Người đàn bà pha đường vào giọng nói.

"Thì tôi đang rán đây chứ đâu!"

Xe đậu trong bóng tối một tàng cây xum xuê. Hắn hơi cúi ra phía trước, kéo cái cần điều chỉnh cho chiếc ghế bật ngửa ra sau. Hắn gài hai bàn tay vào nhau, chêm dưới cổ, ngước nhìn cái lòng xe tối thui. Cơn ghen của người đàn bà làm hắn chóng mặt. Bạn gái của hắn không biết có ghen đến như vậy không. Tưởng tượng phải sống suốt đời bên cạnh một người tối ngày canh chừng, rình mò, tra hỏi... hắn thấy lạnh cả người. Cô bạn gái của hắn chắc không thế. Nhưng mà biết Hà có thực lòng yêu mình không mà nghĩ ngợi vu vơ.

"Nghe chút nhạc nghe chị." Giọng hắn rời rạc như cơm nguội.

Người đàn bà dửng dưng, "Chú muốn nghe thì cứ nghe."

Hắn nhoài người ra trước, bật nút cát sét. Tiếng nhạc dấy lên, xoắn vào không gian như cơn lốc nhỏ. Người ca sĩ chưa kịp cất tiếng, hắn đã bấm nút thay băng nhạc khác.

Rồi hắn loay hoay thay hết băng này đến băng kia. Sau cùng dừng lại ở băng nhạc có bài "đời tôi cô đơn..." và bài hát nào đó có câu "anh yêu em như rừng yêu thú dữ..."

Người ca sĩ quen tên. Giọng hát nhừa nhựa như tẩm mật ong. Những ngón tay hắn gõ lạch cạch vào chỗ dựa cánh tay, đếm nhịp. Một lát, hắn thay đổi thế ngồi. Rồi lại tiếp tục gõ lạch cạch vào tay lái. Những ngón tay thừa thãi, không biết làm gì cho hết thời giờ.

"Chú mở bản nhạc nào khác được không. Trời ơi, rầu thúi ruột mà còn phải nghe hoài ba cái bản nhạc thất tình gì đâu!" Người đàn bà rầu rĩ.

Hắn lặng thinh. Người ca sĩ vẫn nỉ non. *Anh yêu em như rừng yêu thú dữ.*

"Ví von chi kỳ cục. Người ta là đàn bà con gái mà ví là thú dữ, nó hổng cho de sao được!"

Câu phê phán của người đàn bà làm hắn phì cười, đúng lúc cái miệng hắn quai ra để ngáp. Thành ra tiếng cười loang ra trong không gian, nhạt nhẽo chìm vào tiếng đàn guitar điện cuồng nhiệt.

"Buồn ngủ hả chú?"

Hắn lặng thinh.

"Rán chịu cực với tôi chút xíu đi mà!"

"Chị nói hoài có một câu đó!"

Người đàn bà quay hẳn người qua hắn, đôi mắt xoáy vào hắn cái nhìn lửa than, "Vậy chứ chú muốn tôi nói câu gì bây giờ?"

Hắn lại làm thinh.

Cái miệng làm thinh nhưng thân thể hắn bồn chồn như người ngồi trên chảo nóng. Hắn nhoài người ra băng sau lấy cuốn sách. Mùi tóc người đàn bà gây gây. Hắn nghiêng đầu sát cửa, cố đón chút ánh sáng nhá nhem, mờ ảo của ngọn đèn đường. Những trang giấy bối rối cọ vào nhau loạt xoạt.

"Học bài hở chú, sao hổng mở đèn lên?"

"Đèn sáng, người ta thấy hết trơn hết trọi."

"Tui với chú có gì đâu mà sợ."

"Lỡ anh ấy thấy thì sao."

"Thằng chả còn mặt mũi nào nữa mà thấy với hổng thấy. Chú sợ cô Hà thấy thì có."

"Thấy cũng đâu nhằm nhò gì tôi..."

"Nói nghe ngon dữ. Dời xe lại khúc có ánh đèn đi Toàn à. Rồi chú cứ việc học bài, để mình tui canh chừng được rồi."

Hắn quăng cuốn sách ra băng sau, chậm rãi đề máy xe. Chiếc xe đảo một vòng trong bãi đậu. Qua mấy chân cột có ngọn đèn *néon* thả xuống thứ ánh sáng trắng xanh, bằn bặt.

Rồi hắn cho xe đậu ở chỗ bóng cây tối mù.

"Sao đậu xa lắc xa lơ vậy?"

"Trời ơi, anh ấy nhìn xe tôi anh ấy biết liền chị à!"

Người đàn bà thở ra, "Thiệt tình!"

Không bận tâm đến câu thở than vô nghĩa của người đàn bà, hắn uể oải đưa tay tắt cát sét và bắt đầu kể lể một mình, "Mai mốt đi xin việc chắc tôi phải ghi vào lý lịch mấy tháng trời làm cái việc chở chị đi tìm chồng quá. Mà chắc phải ghi vào cái ô công việc thiện nguyện." Rồi giọng hắn trở nên rầu rĩ. "Riết rồi cái thân tôi, tôi không lo, tôi lo chuyện của chị ngày nọ qua ngày kia... Mấy tháng trời, tôi với chị đi qua không biết bao

nhiêu là phố phường; ngồi với chị trong không biết là bao nhiêu bãi đậu xe, bao nhiêu xó xỉnh tối tăm ngồi bên nhau... Chị cho tôi bao nhiêu là kỷ niệm, mà toàn kỷ niệm buồn..."

"Rán chịu cực với tôi một thời gian đi mà!" Người đàn bà ngắt lời hắn.

Hắn vẫn tỉ tê, "ở đâu tôi cũng vẫn cô đơn. Lúc đi bên cạnh Hà thì bao giờ cũng có sẵn một khoảng cách do cô ấy tạo ra, lúc ngồi sát bên chị cũng vẫn thấy xa lắc xa lơ... Tôi chia xẻ với chị những đường phố, những bãi đậu xe trong đêm tối, những xó tối ngồi với nhau trong lòng xe... những thứ đó để lại cho tôi bao nhiêu là kỷ niệm."

Người đàn bà lắp bắp cái câu cũ rích, "Thôi thì ráng chịu cực với tôi ít lâu nữa..."

"Tôi rán chịu cực với chị biết bao lâu rồi. Rình rập thiên hạ nhưng thực ra là rình rập chính lòng mình, chỉ sợ một lúc nào đó không kiềm chế được lòng mình. Tôi yêu chị từ lúc nào mà không hay."

"*What*?" Người đàn bà nhẩy nhổm như ngồi trúng ổ kiến lửa.

"Tôi yêu chị, chị Thảo à!"

"Chú ăn nói gì kỳ cục quá hà! Tui... tui có gì đáng... để chú... yêu... chớ!"

"Tôi tìm thấy ở chị sự nồng nhiệt cho tình yêu; tôi tìm thấy ở chị mẫu người theo đuổi sự thuỷ chung; tôi tìm thấy ở chị hình ảnh người đàn bà sống chết với tình yêu. Tìm đâu xa cho khổ. Yêu tôi đi. Tôi là người chung thuỷ. Theo đuổi, rình mò, tìm kiếm mãi làm gì. Đời người ngắn ngủi..."

Cùng với câu thở than đời người ngắn ngủi, bàn tay hắn đáp xuống trên đùi chị, nhẹ nhàng như chiếc lá rụng xuống thảm cỏ mượt mà. Cái miệng hắn không ngừng bài giảng thuyết của nhà truyền giáo đang cố đưa ra những giáo điều mê hoặc, "Bao lâu này tôi mơ tưởng được một người đàn bà ghen vì mình như thế mà không gặp. Tôi yêu cơn ghen của chị; cho tôi phần còn lại của cơn ghen đó đi. Quên anh ấy đi. Tôi có bà con ở Vancouver, hai đứa mình qua đó lập nghiệp. Cho tôi xin tình yêu của chị, cho tôi xin phần còn lại của cái ghen tuông mờ mắt của chị. Chị đã dành cho anh ấy quá đủ rồi. Anh ấy đã hưởng trọn vẹn cơn ghen đầu mùa. Chị cho tôi cơn ghen cuối mùa này đi. Tôi yêu chị mà! Chị yêu lại tôi nghe... yêu tôi nghe..."

Người đàn bà sửng sốt. Môi má chị nóng bừng. Nhưng trong cơn lốc nhỏ nhoi ấy, chị vẫn thấy được bàn tay đặt trên đùi chị ban nãy đã bò lên vai chị, nhường chỗ cho bàn tay kia đo đếm lớp vải quần trơn láng.

Chị khẽ ngọ ngoạy như muốn đổi thế ngồi. Cái miệng chị như mắc

quai, "Đàn bà con gái ngoài kia đầy nhóc ra đó chú à, mắc mớ gì mà lại thương tui chớ!"

"Đàn bà nhiều nhưng toàn đàn bà hời hợt, nông nổi..."

"Tui cũng nông nổi vậy."

"Nhưng bù lại chị có cái nồng nhiệt, thủy chung hiếm quý chị biết không."

Bỗng dưng người đàn bà lắc đầu hoảng hốt. Giọng chị đứt quãng. "Trời ơi, chú làm tôi sợ quá à! Kìa, hình như thằng chả với con nhỏ nào đó, trời ơi... Hai đứa nó quấn lấy nhau, tình quá, chú ơi..."

Cái hoảng hốt của người đàn bà có làm hắn tỉnh ra được phần nào. Nhưng hắn chỉ ngừng lại được vài giây đồng hồ.

"Ông ấy dẫn con nhỏ nào đó đi coi phim chú biết không?"

Hắn biết người đàn bà đang rối trí. Cái rạp hát nằm cách đây mấy ngã tư đường, cách nào chị thấy được chồng chị dắt bồ đi coi. Hắn hờ hững, "Con nhỏ nào?"

"Làm sao tôi biết được."

Hắn lại giũi vào người chị như con dế đào hang, "Thôi bỏ anh ấy đi chị à. Trời tối này cũng không ai thấy tụi mình. Cho tôi hôn... trên má thôi, cũng được nữa..."

Chị lịm đi trong cái cảm xúc mới mẻ nổi gai trên da thịt cho tới khi bắt gặp bàn tay hắn luồn sâu giữa hai miếng đùi non.

Miệng hắn vẫn nhai thật ngon, thật say mê những lời tỏ tình dẻo như miếng kẹo cao su đã nhuyễn, "Tôi hay đậu xe ở những chỗ tối hù không phải tại sợ anh ấy thấy đâu. Tôi làm gì phải sợ, chính chị nhờ tôi chở đi mà. Tôi đậu xe xa vậy để lỡ tôi có nổi cơn lên mà hôn chị thì cũng không ai trông thấy. Vậy thôi!"

Thân thể người đàn bà mềm nhũn. Toàn thân tê dại nhưng chị vẫn cảm được con sâu đo môi hắn bò miết trên má, trên môi.

Hắn ngưng một chút để nghe ngóng, để thở, rồi lại mê mải, "Bài hát *Đời Tôi Cô Đơn* tôi mở tới mở lui hoài trong cát sét không phải là tình cờ. Lời tỏ tình của tôi đó. Mà dường như chị đâu có thèm nghe, phải không chị Thảo? Chị đâu có thèm để ý đến thằng em này!"

Người đàn bà chìm xuống vùng cảm xúc lạ lùng. Thứ cảm xúc dường như chị đã bắt gặp một lần nào đó, lâu lắm rồi, cái thời còn con gái. Thân thể tê bại nhưng đầu óc minh mẫn. Chị thấy thấp thoáng những gì sẽ xảy đến đêm nay; chị thấy rõ cái khúc quanh phía trước của đời sống mình.

Thế nhưng cơn ghen còn dán cứng lấy đầu óc chị. Con mắt chị xoáy vào bóng đêm. Trong bóng tối nhá nhem, chị còn thấy bóng người đàn ông, không phải chồng chị, dập dìu với một người đàn bà, dắt díu nhau ra

khỏi cái khách sạn bốn sao của thành phố. Chị thấy rõ không phải rạp hát mà là cái khách sạn nguy nga đèn hồng viên cái tên rực rỡ trên cao. Người đàn ông cao nhòng, chắc chắn không phải chồng chị. Nhưng còn người đàn bà, trời ơi, đúng ngay chóc con nhỏ mà hắn yêu mê mẩn; con nhỏ lâu lâu vẫn tới tìm hắn mà đong đưa, hò hẹn. Con nhỏ mới hồi nãy hủy bỏ cái hẹn đi chơi với hắn vì bận học thi.

Vậy mà cái thằng đàn ông ngu muội vẫn vùi mặt vào tóc chị, có thấy trời trăng gì đâu!

Bỗng dưng, chị ôm chầm lấy hắn, vít cái đầu bờm xờm tóc tai, ép sát vào ngực chị. Chị không muốn hắn thấy cái cảnh não nề bên ngoài vũng không gian mát rượi của đêm đầu mùa hạ lấp lánh ánh sao. Hơi thở hâm hấp nóng của hắn luồn qua lớp vải ren của chiếc áo ngực làm người chị xốn xang.

Đôi nhân tình đi vào bãi đậu xe. Người con gái ngả đầu trên vai gã đàn ông. Cô ta nói cười tíu tít. Hai người tới ngay chiếc xe đậu sát cạnh xe hắn. Chị thấy rõ như đang coi cuốn phim tình cảm xã hội Hồng Kông. Còn hắn thì cứ giũi vào người chị như con chó mới đẻ - còn mù, lòa và điếc đặc - chúi đầu vào vú mẹ. Chị ấp hai bàn tay hai bên thái dương hắn; chị mầy mò hai cái vành tai nóng hổi của hắn. Chị bịt tai hắn lại để hắn khỏi nghe được cái giọng nói con gái văng vẳng vọng qua khung kính cửa xe mở hờ. Cái giọng nói quen thân với ngay cả chị.

Bị siết hầu, bóp họng vậy mà hắn vẫn ngọ ngoạy cái đầu để lắp bắp những lời vô nghĩa. Còn chị, tai đã muốn ù mà chị vẫn còn nghe loáng thoáng tiếng được tiếng mất của lũ ngôn từ rời rạc nham nhám trên da thịt, "Chị biết tôi sợ gì nhất không... Tôi sợ chị... từ chối tình yêu của tôi, tôi sợ lúc hôn... liều, chị sẽ đẩy tôi ra. Nếu biết chị cũng quý mến tôi như thế này, tôi đâu đến nỗi vất vả nghe ngóng mãi tới hôm nay..."

Phía bên kia, cô bồ của hắn hôn gã đàn ông thật kỹ làm người chị đang nóng bừng mà cũng phải nổi gai mà ớn lạnh. Tiếng đề máy xe hung hăng, rồi chiếc xe lao vút đi.

Mấy phút sau khi chiếc xe thể thao màu đỏ chót ấy mất hút trong bóng đêm, chị mới hoàn hồn.

Chị mạnh tay đẩy hắn ra. Khuôn ngực chị nóng hầm hập như đang trong cơn sốt. Hơi thở chị đứt quãng.

"Em... sao vậy?" Hắn ngơ ngác.

Chị lắc đầu nguầy nguậy, rồi cố làm ra vẻ nghiêm trang, nhìn hắn, "Toàn gọi tôi là chị nghe không. Thôi, chú làm ơn đưa chị về dùm..."

Hắn ngóc cái đầu bù xù lên, ngơ ngác, "Thảo... à... chị không...đi tìm... anh ấy nữa sao?"./.

94 đến nữa

VIÊM TỊNH

1. Nắng và mưa đều ở cùng ta
Treo lửng lơ nỗi nhớ
Gõ hồi chuông
đốt ngọn lửa nhỏ
Sưởi ấm khoảng trời nam tây phương
Khoảng trời không tưởng

2. Em vẫn côi cút bên kia bờ đại dương
Vẫn còn nén lòng hội ngộ
Với gam màu u ẩn
Bởi chúng ta đang sống cùng nhau
Mãi mãi

3. Rất tận cùng, ta không còn thời gian
Buổi chiều dài vô tận
Buổi chiều ở nơi này nối với nơi kia
đưa ta vào cõi luân hồi
Thêm bao nhiêu cuộc đời nữa

4. Ta vẫn chưa xa bờ Đông
Mà cũng chưa gần bờ Tây
Bến bờ nào ta đến
Hỡi em,xa xôi một đời

5. Ta đã hẹn em trong khoảng sơ thu
Chút mưa thơm lửng lơ đâu đó
Năm ngón tay
Năm lối mòn ngơ ngẩn
Đến với em phút giây có được
Chút hôm qua chút hôm nay tơ tưởng
Chút ngày mai thì đến bao giờ

6. Cõi ngoài cõi trong cõi nào ta gặp
Cõi tình thì sương khói lan man
Thử gieo một hạt nắm hoa dại
Trong cõi bạt ngàn
Màu em đưa ta vào tận cùng cuộc sống
Hương em hòa quyện hơi thở ta
Cho lời thì thầm yêu dấu

7. Chuyện đã qua chuyện ta đang có
Cũng không hơn một nụ cười
Em tặng ta trong một buổi chiều
ở góc hoàng thành hoang phế
Huế mù sương tháng ba

Rồi cũng chia xa
Một ngày cũng vậy.

Sông lấp

Mạch Nha

Sáng nay tự dưng trong xóm vắng lặng hẳn. Cơn mưa lớn lúc ban mai còn để lại trên sân trước những mảng nước loang loáng. Hơi nước thơm trong. Lớp gạch tàu được mưa xối rửa, nằm lồ lộ phơi rõ từng đường gân xi măng xám giữa các tảng vuông đỏ au.

Cốm đã dậy từ nảy giờ. Nó nhổng đít, ôm ghì cái gối nghiền trong lòng, nằm nghe ngóng chung quanh. Cái tích tắc bàng hoàng làm nó muốn khóc khi nhận ra bà ngoại đã đi chợ, bỏ nó thức dậy một mình đã lắng qua. Ánh nắng đầu ngày và dư âm cơn mưa sớm làm Cốm sảng khoái. Nó hếch mũi hít mùi thơm của đất ngấm mưa đang được nắng hong liu riu.

Ngày đầu hè mà đám trẻ con đi đâu cả. Ngay bọn con Lộc, con Mơ, thằng Xụ cũng chẳng nghe thấy tiếng. Cốm lồm cồm bò dậy. Nó khẽ rùng mình vì lạnh. Nhưng nó không đi tìm áo mặc thêm vào như mẹ nó thường dặn, nó lóng ngóng mò lại bên bàn. Cái lồng bàn bằng nhựa đã lủng lỗ lớn lỗ bé tứ tung rồi mà bà vẫn dùng. Thì cứ quen tay, bà úp. Chó treo mèo đậy, được miếng nào đỡ miếng ấy. Cốm lật lồng bàn, thò tay sờ thử một củ khoai lang luộc, thấy còn hơi ấm ấm, nó nhặt lấy, thó thêm một củ dong rồi quay trở lại đi văng. Bà thấy ăn trên đi văng bà sẽ mắng "Ranh con, ăn trên giường trên chiếu, kiến nó tha đi đấy". Nhưng bà đi rồi, Cốm ăn trên đi văng thôi. Có vẻ đó là nơi cho nó nhiều hơi ấm nhất lúc này.

Cốm luồn chân vào tấm chăn nhàu và áp củ khoai lên má. Chút hơi ấm và mùi khoai cháy rám làm nó thèm ăn. Nó bóc lớp vỏ mỏng tang, vứt bừa vào lòng cái quạt nang bên cạnh. Ngoạm chỗ khoai cháy trước tiên. Rồi thì bóc đến đâu cắn đến đó. Màu khoai lang Như Ngọc trắng tím, hiền và buồn hiu. Từng miếng khoai bở tan trong miệng Cốm. Bùi bùi.

Ăn hết củ khoai đã no, Cốm đút củ dong vào túi áo, đẩy cửa sau qua nhà chú Hiển tìm thằng Xụ. Nhà chú Hiển lúc nào cũng trống toang hoác. Từ dạo thím Hiển đi buôn hàng chuyến, căn nhà trở nên uể oải, hoang vắng. Lúc đầu cửa rào còn nửa khép nửa mở mong ngóng, sau dần màn, sáo cứ rời rã bay. Bây giờ vào nhà chẳng còn rào, chẳng còn cửa, cũng chẳng còn màn, sáo. Trống bất cần đời. Nhưng chú Hiển lúc nào cũng vậy, cần cù và vui vẻ. Chú cưa đục tối ngày. Trước chú đi bộ đội. Sau bảy lăm, hoay hoay thử sức mãi với một đống nghề vặt, rút cuộc chú khám phá mình có chút tài mộc. Xóm trong xóm ngoài, nhà ai có cái bàn cọc cạch, cái ghế lỏng đinh thì chú xách túi đồ nghề đến chữa. Có khi trúng mánh, chú lãnh đơn đặt hàng đóng hẳn cái giường hay cả cái tủ chè. Khi ấy chú hành nghề tại gia. Những hôm như vậy thằng Xụ vui. Vừa được xem bố làm việc, vừa sẽ được tiền ăn quà vặt sau đấy.

Cốm vào tận sân sau mới thấy chú Hiển. Không nghe tiếng đục gõ, Cốm đã tưởng chú đi vắng rồi. Chú Hiển mình trần trùng trục, hai cánh tay chắc, khoẻ đang nắm chặt cán xuống, xục trộn mớ than bùn nhão nhoẹt. Thấy Cốm lấp ló, chú cười chỉ tay ra hướng bờ sông:

- Nó đã mò ra đấy rồi. Chúng mày cẩn thận đấy, chơi sát ven sông, Hà Bá mà đánh hơi được, nó đớp tươi.

Cốm không sợ Hà Bá. Nó chỉ sợ chú Hiển vui miệng mách bà là nó theo thằng Xụ ra sông vặt bình bát. Bao nhiêu lần bà đã đay:

- Báu gì cái thứ bình bát, con nít ranh có ngày mất mạng.

Bao nhiêu lần bà đã mua quả na về dụ Cốm:

- Bình bát là na hoang đấy cháu ạ. Ăn quả na đàng hoàng này có phải ngon ngọt hơn không.

Cốm trêu:

- Thế bình bát không đàng hoàng hở bà?

Bà thì cốc vào đầu mà mắng:

- Tiên sư nhà mày, hỏi móc bà hử? Ừ, bình bát là con gái hư. Hư nên nó mới ra ở đầu bờ cuối bãi.

Cốm tội bình bát quá. Câu mắng của bà cho nó bao nhiêu là tưởng tượng về cuộc đời cây bình bát. Nó lại càng thích mò ra bờ sông.

Khi Cốm ra đến bãi đất trống bên sông thì thằng Xụ đang nhảy tưng tưng trên khuôn thềm lở.

Biết ngay thằng bạn bị kiến lửa nhá, Cốm cười hí hí, bước lại phủi kiến phụ.

Thằng Xụ hiền giống bố nhưng lại hay chù ụ giống mẹ. Bởi vậy nó mới tên Xụ. Nó học trên Cốm hai lớp ở trường tiểu học Bạch Đằng. Từ hồi mẹ đi buôn xa, nó ra bờ sông thường hơn. Có hôm rủ rê thêm được chị em

con Lộc, con Mơ và Cốm thì cả đám cùng chơi ô quan hay lò cò, nhảy dây, lùa vịt... Không thì nó thơ thẩn một mình với những đàn cá bầu, cá lòng tong, cá bảy màu bơi gần bờ, hay đám cỏ mực, mắc cỡ rối rắm, hoặc mớ lục bình phình bụng chứa mùi bùn mới lờ đờ trôi dạt trên dòng.

- Nghỉ hè, mày không đi thăm bố mày à? Trao cho Cốm quả bình bát còn kéo mủ, Xụ hỏi.

- Bố tao chuyển trại rồi. Không còn ở Long Khánh nữa.

- Đi đâu?

- Ai mà biết! Mấy ông bộ đội nói bố quậy, bị phạt, phải chuyển đi. Mẹ tao đi hỏi thăm rồi.

- Ê! Chưa ăn được đâu. Coi hườm hườm vậy mà phải giú ít nhất ba ngày đó.

- Ờ, biết rồi. Tao chỉ ngửi chơi thôi mà.

Cốm xoa trái bình bát bằng hai bàn tay nhỏ. Da bình bát láng mướt và chút gió mát ven sông làm nó bâng khuâng.

- Xụ nè, hôm qua mẹ tao khóc.

- Tại sao?

- Không biết. Mẹ nói chuyện với bà. Bà không cho tao nghe.

- Chắc mẹ mày nhớ bố mày đó.

- Thế bố mày có khóc khi nhớ mẹ mày không hả Xụ?

- Không. Bố tao bảo đàn ông không khóc vặt.

- Thế mày, mày có khóc không?

Thằng Xụ bẽn lẽn gật đầu:

- Bữa nào cúp điện, bố đi nhậu, tao nhớ mẹ tao thì tao khóc.

- Vậy một tuần mày khóc tới ba bốn lần lận hả?

Thằng Xụ không thích câu hỏi này. Nó gắt:

- Mày ngốc quá. Đâu phải lúc nào cúp điện bố Hiển cũng đi nhậu, mà đâu phải lúc nào bố đi nhậu tao cũng nhớ mẹ!

Sự bực bội làm mặt thằng Xụ xụ xuống một đống. Con Cốm gãi đầu ái ngại. Nghĩ mãi không biết làm sao cho bạn vui, nó cứ xoay xoay quả bình bát trong tay.

Chợt thằng Xụ chỉ vào túi áo Cốm:

- Mày chưa ăn sáng à?

Cốm á lên một tiếng vui vẻ:

- Của mày. Tao đem cho mày đấy.

Vừa nói nó vừa lôi món quà ra khỏi túi. Thằng Xụ bẻ củ dong làm đôi. Nửa dài hơn, nó đưa cho Cốm. Hai đứa lột vỏ, hú hí nhai với nhau.

Chín giờ sáng. Tiếng các bà đi chợ về chào hỏi nhau đã râm ran ra tới mé sông. Cốm nghe thấy tiếng bà ngoại nó than thở với ai đó:

- Thịt heo lại lên giá, bà ạ.

Cho nốt miếng dong vào miệng, Cốm chùi tay vào đít quần, đứng dậy. Thằng Xụ dặn:

- Chiều lại ra nhé.

Xụ dắt chiếc Dream ra cổng. Anh đề máy và lao vút đi, bỏ lại sau lưng một cách dằn dỗi tiếng phàn nàn với theo của mẹ.

Anh đón Cốm ở một góc tối, cạnh chân cột đèn xóm bên. Từ ngày thím Hiển chính thức lên tiếng phản đối việc anh cặp bồ với Cốm, anh không còn đường đường chính chính qua nhà chở Cốm đi chơi nữa. Anh hẹn Cốm ở cột đèn xóm bên. Lúc đầu Cốm dỗi:

- Làm như người ta là gái đứng đường không bằng.

Anh đem cây bình bát ra năn nỉ:

- Cây bình bát ngày xưa cũng đứng đường tối ngày, nhưng nó có giá trị trong lòng chúng mình, phải không?

Thương thì chín bỏ làm mười. Miễn còn có với nhau vài giờ riêng tư mỗi cuối tuần, Cốm không ngại bị chòm xóm bình phẩm.

Những giây phút đầu tiên gặp nhau lúc nào cũng vội như ma đuổi. Cốm hối hả leo ngay lên yên sau. Xụ hối hả sang số. Cả hai hối hả lao ra đường cái. Họ băng qua con hẻm mà như băng ngang hầm lửa.

Từ ngày thím Hiển bắt lại được liên lạc với người anh ruột, vốn là dân hoạt động nội thành, sau bị tù tuốt ngoài Côn Đảo , nay làm tới Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì thím làm cả gia đình đổi đời.

Chú Hiển thôi không nhận đục gõ lẻ tẻ nữa. Nhờ số vốn người anh vợ tặng cho, chú mở hẳn một tiệm kinh doanh đồ trang trí nội thất ngay trên mặt tiền đường Ngô Gia Tự. Ngày ngày, chú chỉ việc ra vào đóng vai ông chủ lớn, tươi cười đưa ca-ta-lô cho khách hàng, hối cô thư ký pha trà, đốc thúc thợ thuyền trong xưởng sau,v.v..

Thím Hiển thì có hẳn một chân trong ban quản trị một xí nghiệp liên doanh với Singapore, ngành hải sản.

Đã từ lâu, Xụ lớn. Hết rồi những chiều thơ thẩn ven sông vớt cá mùa mưa lũ và những buổi tối mò qua nhà Cốm xem tivi ké. Xụ trưởng thành trong sự phồn vinh bất chợt của gia đình. Cổng tường nhà anh bây giờ cao chắc, lại dát đầy mảnh chai để chống trộm. Hai ụ đèn tròn xoe đầu cổng mỗi sáu giờ chiều lại được bật sáng, soi rõ tấm biển trắng sơn xanh, ghi Coi Chừng Chó Dữ. Phòng riêng của anh, trên lầu ba, có hẳn ti vi màu bảy hệ, có cả đầu máy Sony, lại còn được lắp gắn máy lạnh.

Đôi khi Cốm tủi dỗi, trách anh không còn nhớ gì đến mảnh thềm hoang, nơi có những dây mướp đắng leo lét đơm hoa vàng bên mé sông

ngày cũ. Cốm trêu bây giờ chỉ có vàng bốn số chín làm mắt anh lấp lánh thôi. Xụ bảo chẳng phải tại anh thay đổi. Chỉ vì người ta đã xây nhà kín hết dọc bờ sông. Cây bình bát to thế mà còn bị đốn . Ao rau muống xanh ngút cũng trôi đi đâu mất, kể gì vài dây mướp đắng.

Anh chống chế và anh nghi hoặc chính lòng mình.

Cốm chưa bao giờ khó chịu vì sự thay đổi như phù phép của gia đình Xụ. Cô chỉ giận thiên hạ chung quanh. Người ta đã ngang nhiên cướp đi của cô và Xụ khoảng sông tuổi nhỏ. Người ta xởi lởi vuốt ve, cậy nhờ thím Hiển việc lớn việc nhỏ, để lại dè bĩu chú thím sau lưng. Người ta ném cho Cốm, và cả bà, cả bố mẹ cô cái nhìn e ngại lẫn khinh tội. Và người ta ráo riết theo dõi mối tình Xụ, Cốm, y như mải mê một bộ phim tình cảm Đài Loan dài tập.

Từ ngày bố Cốm được thả về từ trại cải tạo, bà ngoại không chăn cô sát sàn sạt như trước nữa. Bà bảo: Giao lại cho bố mày trị mày.

Mà bố thì giáo dục con cái theo chủ trương dân chủ. Bố tôn trọng quyền tự do hôn nhân. Bố lại rất nuông chiều Cốm. Bố chẳng nói gì chuyện Cốm đi chơi với Xụ. Bố chỉ nhìn, chỉ nghe và đốt cháy hết điếu Hoa Mai này tới điếu Đà Lạt khác. Mẹ cũng không nói gì. Mẹ yêu Cốm, hẳn nhiên rồi. Mẹ tủm tỉm cười khi thấy Cốm diện đẹp cho cuộc hẹn mỗi tối thứ bảy, và nhìn Cốm băn khoăn khi cô đi chơi về với nét mặt buồn.

Trong lúc đứng chờ Xụ tối nay, Cốm có linh tính bất an. Y như rằng, vừa ra tới đường cái, Xụ bảo: Mình ra xa lộ.

Vẫn vậy, mỗi lần có chuyện bất mãn, Xụ lại chở Cốm ra xa lộ, thẳng tuốt một lèo tới sông Thanh Đa. Một góc khuất trong một quán cà phê vắng, cùng nhớ thương về những nhánh bình bát gầy bên ven sông nhỏ ngày xưa.

Thực ra đó chẳng phải là một con sông. Chỉ là con kênh nhỏ, nước đen đục và hôi bùn vì từ lâu bị ô nhiễm, không được nạo vét. Nhưng trong ký ức hai đứa, đó là một dòng sông. Dòng sông tuổi nhỏ, rất mát, rất hiền, rất thân thương.

Trong những muộn phiền người lớn hôm nay, dòng sông yêu dấu ấy hiện về như bà tiên, như ông bụt, xoa dịu mầm mống dấy loạn, đạp đổ trong tâm hồn Xụ, Cốm, bảo bọc, nâng niu họ vào trong cõi riêng cách biệt, làm tình yêu họ thăng hoa, dù chỉ trong vài khoảnh khắc.

Chờ người bưng nước quay đi rồi, Cốm vuốt tóc Xụ âu yếm:

- Mấy ngày rồi chưa gội đầu đây? Rít trịt à.

Xụ đăm đăm nhìn ra mớ lấm chấm xanh đỏ những ngọn đèn xa bên kia sông. Anh thấy ghét chúng. Chúng làm không gian chung anh nhố nhăng, chật hẹp và nghèo nàn. Anh cau mày im lặng.

Cốm thò tay khuấy ly cà phê cho Xụ. Những viên đá đập vụn được khua động, cụng đầu vào nhau kêu lách ca lách cách. Xụ bỗng nắm lấy bàn tay Cốm, giọng anh gấp gáp, xúc động:

- Cốm cứ để đấy. Ráng học cho nhanh. Chờ Cốm ra trường, nhất định cưới.

Cốm bật cười khanh khách. Xụ vừa hoảng vừa quê, anh nhăn:

- Cười gì kỳ vậy?

Cốm vẫn cười, miệng con gái tươi tắn, hồn nhiên:

- Quấy cà phê thì mắc mớ gì tới chuyện học với chuyện cưới? Mà học thì học cho giỏi, học cho siêng, chứ học cho nhanh là học thế nào? Cốm chịu thôi.

Xụ im. Anh gạt mớ đá lổn nhổn, hớp một hơi cà phê dài. Rồi anh moi trong túi áo ra gói Con Mèo, rút lấy một điếu xong thảy lên bàn. Anh đốt thuốc. Anh đốt thuốc bằng cái quẹt ga có đầu con ngựa (anh tuổi ngựa) không biết ai tặng cho, có lần trông thấy Cốm đã hỏi, nhưng anh không tiết lộ. Cốm nghe mơ hồ lo sợ mỗi khi nhìn thấy cái quẹt ga này.

Kéo hết mấy hơi thuốc, mà Xụ vẫn không mở thêm lời. Cốm buồn bã. Cô trầm giọng á:

- Xụ đừng giận. Không phải Cốm không hiểu ý Xụ. Cốm còn đang không biết có kịp lấy bằng không nữa. Sáng nay có giấy gọi đi nhận xuất cảnh rồi.

- Vậy là Cốm nhất định đi?

- Ơ hay, thì chuyện đó đã nói với nhau xong rồi kia mà.

- ....

- Hôm nay Xụ có chuyện gì vậy?

-....

- Lại thím Hiển phải không?

-....

Thân nhau từ thuở bé, Cốm thấu đáo sự im lặng của Xụ. Cốm hiểu thím Hiển đã lại làm khó chuyện hai đứa. Nhưng tình thân yêu Cốm giành cho người bạn trai đầu đời tròn vẹn quá, cô không mảy may nghi ngại lòng Xụ thay đổi. Cô chỉ hoang mang khi hôn anh trước lúc chia tay đêm hôm ấy. Môi anh khô bong. Lưỡi anh đắng xát.

Hôm giận bỏ nhau, cả hai đều hung hăng. Cốm kẹp chặt cán cọ giữa những ngón tay, phết thêm một cái gai lên cành hồng, khẳng định:

- Hoa hồng này, vẽ để mừng sinh nhật bố Cốm. Cốm chấp nhận gai nhọn đâm mình, miễn bố Cốm vui quãng đời còn lại.

- Cốm yêu bố như vậy, không lẽ nào Xụ cứ cãi lời mẹ. Dòng sông của

mình thực ra đã bị lấp từ lâu rồi.

Thế là Xụ bỏ về. Thế là Xụ cưới vợ. Xụ đã không đợi được gia đình Cốm rời Việt Nam để thực hiện cuộc hôn nhân ấy. Đám cưới rềnh rang, như cố ý. Xụ đi rước dâu đúng giờ bà ngoại và mẹ Cốm đi chợ về ngang ngõ. Bà kéo tay mẹ, lôi đi, miệng thì thầm an ủi:

- Mặc nó. Cũng may con Cốm đi thực tập xa.

Khi gia đình Cốm lên máy bay vài tháng sau đó, vợ Xụ đã gần ngày sanh. Người ta lại tiếp tục được dịp hỉ hả tán:

- Gạo thổi thành cơm rồi, bất đắc dĩ mới phải lấy để tích đức đó thôi...

- Tưởng sao, bắt cá hai tay.

- Chọn đến là khéo, cũng con nhà quan quyền đấy, thêm vi thêm cánh.

.....

Số kiếp Xụ, Cốm hình như gắn bó với sông nước. Mỗi bước đi trong đời, ngay cả khi không còn nhau, họ đều bị sức hút sông nước chiêu gọi.

Vất vả bảy tám năm muộn màng trên xứ người, rút cuộc Cốm cũng mua được cho bà và bố mẹ cái nhà.

Tình thật, Cốm đã không coi trọng yếu tố căn nhà nằm cạnh bờ sông Seine khi chọn mua nó.

Vào ở nhà mới cả năm trời, cô mới phát hiện chính con sông đã thu hút cô. Chỉ vì một buổi chiều tình cờ, cô nhặt được vài hạt na ai vứt lăn lóc bên bờ sông. Những hạt na làm cô quên như tẩy cuộc sống hiện tại, kéo cô về khuôn thềm lở ngày xưa, cạnh gốc bình bát, thằng Xụ nhảy tưng tưng đuổi kiến.

Còn Xụ, anh cũng tranh đấu, cũng bon chen không ngừng và anh thành đạt: Giám đốc công ty xuất khẩu nông hải sản XY. Ngành anh theo cho anh nhiều cơ hội sống bên sông nước. Có phút giây nào trong những chuyến công tác, anh rảnh rỗi thoát tục nhớ về thế giới tuổi thơ, nhớ con Cốm nhỏ hay chia cho anh củ khoai, tấm bánh không, Cốm không rõ. Cốm cũng không có ý định tìm gặp lại anh để hỏi điều ấy trong chuyến về thăm quê hương, dự định vào đầu hè năm nay.

Mạch Nha

Khởi đăng từ số sau:

Trí Nhớ Suy Tàn

tác phẩm tiêu biểu cho văn chương thế hệ trẻ tại Việt Nam của

Nguyễn Bình Phương

Trời Bataan mưa lâu

TRẦN THẢO LƯ

1.Lòng trũng, bốn bề núi bọc kín,
Bataan, trời thấp nhiều mây,
lá vòng đai rừng lên xanh mướt,
sương kết viền trắng nhợt đồi cây,
nhà toa chạy lượn triền núi xoãi,
đường trói chân phong tỏa trùng vây.

2.Mây vần vũ trời xây xẩm mặt,
gió cầm chừng cắt buốt xương đa,
mưa rỉ rả rục lòng biệt xứ,
nước đổ liền bảy bữa không tha,
cây lở gốc đất chùi trơ sỏi,
đá trần mình ngước ngóng bao la.

3.Sóng gờn gợn lan trùm lối biển,
cống sụt sùi nước lửng đìu hiu.
Đất thối dậy bùn trơn xối mõ,
đường đi ngón bấm lún chân xiêu.
Lối nghẹn người về in dấu đá,
xa đời hoang dại cả lời kêu.

4.Nơi khuất tận nắng lười lui tới,
núi cao mây cũng ngại phiêu bồng,
bước khiên cưỡng khép đời đăng tử,
lối vô thường mở kiếp lưu vong.
Ngó thăm thẳm ngây ngô thiên địa.
Còn ai? Ta gọi thấu hư không?

5.Bataan mưa vùi dĩ vãng,
rừng im hiu hắt bóng tương lai,
cây lá lặng, manh lòng vọng động,
lưng đồi, thổi gió lộng thiên nhai.
Mây trắng theo ai về cố xứ,
đời ghi người cõi hạc vàng bay.

Một ngày có nắng

Hoài Mỹ

Nghiệp nhìn lên tấm lịch trên tường. 19. Chỉ còn năm ngày nữa Nghiệp không còn được làm chủ căn nhà này. Chàng và vợ con sẽ phải ra khỏi đây. Ngân hàng Gia Cư sắp sửa cưỡng bách bán đấu giá căn nhà của Nghiệp để trừ vào số tiền chàng đã vay mà không trả được nợ. Dù đã tiên đoán phần nào hậu quả, nhưng khi nhận được thư thông báo "biện pháp bất đắc dĩ" của ngân hàng, Nghiệp vẫn cảm thấy tối tăm mặt mày, tưởng như không còn đứng vững. Tuy nhiên tiếng khóc xụt xùi của vợ đã khiến Nghiệp lấy lại chút bình tĩnh. Chàng an ủi vợ:

-Em an tâm... rồi mình tính...

Nhưng rồi Nghiệp chẳng biết tính thế nào nữa. Từ dạo ngân hàng Gia Cư gửi thư cảnh cáo mỗi khi Nghiệp không trả nổi tiền vay, tiền lời đúng như giao ước, chàng thường nói như vậy. Nhưng rồi cho đến nay Nghiệp vẫn chưa tìm ra lối thoát.

Nghiệp ra phòng khách ngồi lặng lẽ hút thuốc trong khi vợ con còn ngủ. Bên ngoài cửa kính những giọt nắng đầu tiên của ngày lấp lánh trên các cành thông xanh tươi.

Nghiệp hồi tưởng, sau ngày cưới, vợ chồng chàng đi tìm nhà để mua. Chọn mãi hai người mới ưng ý căn nhà trong chung cư này. Địa điểm yên tĩnh, thuận lợi giao thông lại gần trung tâm thương mại, bưu điện, vườn trẻ. Khoảng một tuần lễ sau thì mọi thủ tục mua bán xong xuôi. Lúc nhận xâu chìa khóa nơi người đại diện chung cư, Nghiệp nghe như niềm hãnh diện dâng ngập trong người. Nghiệp đã thực sự làm chủ một căn nhà. Lần thứ nhất trong cuộc đời. Thi, vợ chàng dường như cũng cùng tâm trạng như vậy khi đột nhiên khoác lấy tay chồng. Tuy các gian phòng còn trống trải đồ đạc, nhưng Nghiệp đã cảm thấy thân quen. Vợ Nghiệp nói cười ríu

rít: "Chỗ này chúng mình kê bộ sa lông, anh nhé" - "Em sẽ may màn cửa mầu xanh da trời, nghe anh" - "A, anh ơi, làm gì thì làm, anh cũng phải dành một chỗ cho em đặt máy may đấy" - "Phòng ngủ của chúng mình đây, phải không anh..." Ánh mắt của Thi long lanh sau câu nói này. Nghiệp vui lây niềm sung sướng của nàng. Chàng hôn nhẹ lên má vợ.

Rồi tiếp đến là những ngày vui như hội lớn. Vợ chồng Nghiệp đi mua sắm đồ đạc cho căn nhà mới. Nghiệp để Thi tự chọn những thứ nàng thích, chỉ trừ cái tivi và dàn máy hát là chàng quyết định kiểu và nhãn hiệu. Dọn nhà xong xuôi, vợ chồng Nghiệp mời bạn bè đến "ăn tân gia". Những bức tranh, quà mừng còn kia. Các câu chúc, giọng cười, tiếng cụng ly như còn âm vang trong đầu óc Nghiệp:

-Đã an cư rồi nhé, bây giờ chúc ông bà lạc nghiệp!

-... và tha hồ đẻ con nữa chứ!

"Lạc nghiệp" thì chàng chưa từng được hưởng vì mấy năm nay Nghiệp vẫn không được một lần có công ăn việc làm chắc chắn. Còn về đường con cái thì đã hai đứa lần lượt chào đời trong căn nhà này...

- Sao anh dậy sớm vậy?

Tiếng Thi đưa Nghiệp trở về thực tại. Nghiệp không hay biết vợ đã đứng gần mình từ lúc nào. Chàng kéo tay Thi ngồi xuống cạnh. Mũi Nghiệp đón nhận ngay mùi gối chăn còn phảng phất từ áo quần của vợ:

- Mấy nhỏ còn ngủ à?

- Dạ. Đêm qua cu Tèo cựa quậy mãi mới chịu ngủ yên.

- Chắc tại hồi chiều nóng đầu.

- Có lẽ vậy.

- Em uống cà-phê không?

- Có. Cho em thêm tí đường.

Nghiệp pha cà-phê cho vợ. Các động tác của Nghiệp thong thả, khoan thai. Tuy vậy trong trí não Nghiệp thì ngược lại, tiếp tục đầy những ý nghĩ lẫn lộn. "Rồi mai này sẽ ở đâu?". Câu hỏi như mỗi lúc một tăng nhịp thúc bách, dằn vặt. Cái bề ngoài mang vẻ bình thản chỉ để cố che dấu một nội tâm rối bời của Nghiệp. Khi đưa tách cà-phê cho Thi, Nghiệp nghe tiếng vợ thở dài. Chàng hiểu ngay ý nghĩa của dấu hiệu này. Để tránh phải đề cập đến một đề tài mà cả hai vợ chồng đều không thể giải đáp được, Nghiệp vội nói với một giọng làm ra vẻ thản nhiên:

- Hôm nay chắc trời đẹp, em nhỉ. Lâu lắm mới lại thấy một ngày có nắng.

Thi nhấp nhấp môi trên thành tách cà-phê, không đáp lại. Nghiệp liếc nhanh về phía vợ, đủ để nhận được những nét đăm chiêu, tư lự trên khuôn mặt trái soan của nàng. Sau phút thinh lặng nặng nề, Thi quay nhìn

chồng:

- Anh à... hay là mình dọn tạm về nhà ba má?

Nghiệp dụi mạnh điếu thuốc cháy dở vào chiếc gạt tàn:

- Không bao giờ!

- Đến nước này mà anh còn tự ái.

- Anh đã nói với em nhiều lần rồi, ba má thì... không thành vấn đề, nhưng còn các em, nhất là anh Châu. Bộ em tưởng những người ấy vui vẻ lắm hả? Em không nhớ hôm thứ bẩy tuần trước...

- Nhưng ai mà chẳng hiểu hoàn cảnh của mình. Hơn nữa mình chỉ tạm dăm bữa nửa tháng, chứ có ăn đời ở kiếp đâu mà anh sợ.

- Một ngày anh cũng chẳng thèm!

Thi bĩu môi, chua chát:

- Anh kiêu ngạo vừa vừa chứ! Có giỏi tìm nhà khác đi!

Nghiệp đốt điếu thuốc khác để dằn cơn giận. Tay Nghiệp run run khi châm lửa. Giọng Thi đã bắt đầu có nước mắt:

- Cơ này... mẹ con em sẽ ra ngoài đường ở... cho anh mát bụng...

Nghiệp rất khó chịu mỗi lần vợ chàng vừa khóc vừa kể lể này nọ. Sợ không kềm chế nổi cơn nóng, vợ chồng lại to tiếng, Nghiệp đứng lên lấy áo khoác mở cửa ra ngoài. Đàng sau hình như có tiếng bật khóc của Thi.

Không khí lành lạnh quấn lấy Nghiệp, giúp chàng tỉnh táo lại. Mặt trời đã lên khá cao, trải nắng đầy trên các ngọn cây, mặt cỏ. Đâu đó tiếng chim ríu rít trên cành. Cảnh vật bừng sống. Trong khi đó tâm hồn Nghiệp rũ rượi. Nghiệp đi về phía khu rừng thông. Chàng kéo lê những bước ngắn, chậm chạp. Tiếng sỏi rào rạc dưới gót giầy.

Nghĩ đến Thi, Nghiệp xót xa. Hơn bao giờ hết chàng thấy tội nghiệp vợ. Chàng hiểu cũng vì lo lắng mà Thi trong thời gian gần đây vẫn thường gây gổ với chồng. Đôi khi chát chúa, kinh mạn. Lúc chán nản, tuyệt vọng. Khi bừng bừng căm giận. Phải, có người đàn bà nào lại có thể bình tĩnh khi biết rằng mái ấm gia đình của mình sắp sửa xụp đổ? Vợ chồng con cái rồi đây sẽ bị bắt buộc xách gói ra khỏi nơi mà nàng đã từng chắt chiu chăm sóc trong những ngày tháng qua. Mà rồi tương lai thì tối đen. Nàng bấn loạn hay có thể phát điên lên được nếu như không thấy được tia sáng nào. Tuần trước, hôm nhận được văn thư của ngân hàng Gia Cư ấn định thời hạn chót gia đình Nghiệp phải ra khỏi căn nhà, Thi đã khóc. Lúc đầu còn xụt xùi, sau nức nở rồi òa to. Những lời an ủi, trấn tĩnh của Nghiệp chỉ làm cho nàng giận dữ hơn. Nàng gào lên:

-Bình tĩnh! Bình tĩnh! Anh nói "rồi tính" biết bao nhiêu lần rồi? Chỉ giỏi cái miệng thôi!

Nghiệp đành mím môi làm thinh. Nhưng đến tối, nằm trong tay chồng, Thi lại trở về với bản tính cố hữu của một người đàn bà hiền thục:

- Anh à, hay là mai em lên văn phòng xã hội lần nữa... năn nỉ họ giúp đỡ.

Nghiệp lắc đầu, chán nản:

- Không ăn thua gì đâu. Em không nhớ là anh đã hết nước miếng với họ rồi sao? Ngay từ đầu anh đã đề nghị văn phòng xã hội tạm ứng cho một khoản tiền dưới hình thức cho vay, nhưng bà bảo trợ gia đình nhất định không chịu, lấy cớ hiện tình kinh tế quốc gia khủng khoảng, do đó vấn đề an sinh xã hội cũng phải chặt chẽ theo. Văn phòng chỉ giúp tiền ăn và trợ cấp một số nhu cầu thực tế cần thiết tối thiểu, còn các khoản khác thì thân chủ phải tự túc.

- Nhưng mình... thất nghiệp mà anh.

- Cũng vậy thôi, họ nguyên tắc lắm.

- Cứ để em thử. Biết đâu thấy em... đàn bà, họ dễ thông cảm.

Nghiệp ôm xiết vợ vào người mình, hôn lên môi nàng. Trong hương vị ân ái, Thi như đã quên hết mọi giông tố cuộc đời. Nồng nàn. Tận cùng.

Sáng hôm sau Thi vẫn nhất quyết lên văn phòng xã hội. Nàng đòi bế cả ai đứa con theo. Chồng cản, nàng cười cười bảo "để cho họ thấy... thảm mà thương!" Nhưng rồi khi từ văn phòng xã hội trở về, nước mắt Thi lại lưng tròng.

Nhìn Thi, Nghiệp xốn xang. Vừa đỡ con từ tay vợ, chàng vừa nói với giọng có vẻ bất cần:

- Mình cứ ở lì đây xem thằng nào làm gì được.

Thi buông thõng người xuống nệm sô-pha, mệt nhọc:

- Thôi đi anh, cảnh sát sẽ xúc đi chứ ở đấy mà lì.

- Muốn vậy phải kiếm cho người ta một chỗ ở khác.

- Đó là việc của mình, mắc mớ gì đến thiên hạ mà phải với không phải.

- Đồng ý, nhưng cảnh sát phải hiểu sở dĩ mình không trả nổi tiền vay ngân hàng là bởi không có việc làm, đâu phải do mình muốn bê bối. Thử cấp job xem, thằng này trả cái một!

Thi như không để ý câu nói của chồng, vẫn đưa mắt nhìn qua cửa kính, chép miệng:

- Em cũng nói với bà bảo trợ mình chỉ xin giúp lần này nữa thôi rồi chồng tôi sẽ cố kiếm việc làm.

- Bà ta trả lời sao?

- Còn sao nữa, cũng là kinh tế Na Uy bây giờ xuống dốc lắm, số người thất nghiệp mỗi ngày một gia tăng, ngân sách an sinh xã hội bị cắt

giảm nên văn phòng xã hội không thể thỏa mãn các nhu cầu riêng tư, chỉ giúp tiền ăn thôi... Nhìn mặt con mẹ ấy, em muốn sùng ghê vậy đó.

- Sùng là phải!

- Anh biết con mẹ ấy còn nói gì nữa không?

- Gì?

- Ơ... về bán nhà đi mà trả nợ ngân hàng...

- Nói vậy mà cũng đòi làm xã hội!

- Lúc đó em tức kinh khủng, muốn cho con mẹ ấy một bài học, nhưng may mà em dằn được. Em chỉ nói nếu vậy thì tôi đâu cần lên đây nhờ bà làm gì, rồi em... dắt con ra thẳng.

Nghiệp cũng nghe cơn nóng bốc lên mặt. Giọng khinh mạn:

- Bà ta phải biết nhà cửa hiện nay ở những nơi khỉ ho cò gáy như thế này đâu dễ bán ngon lành như trên thủ đô hay tại các thành phố lớn.

- Em thấy con mẹ ấy làm xã hội mà ngu quá trời! Bán nhà này lấy tiền trả ngân hàng rồi tiền đâu mua nhà khác ở? Không lý lại đi vay?

- Mà vay cũng không được nữa chứ. Không có việc làm, sức mấy nhà băng nào chịu cho vay.

- Em nghe nói tiền lời bây giờ lên cao lắm?

- Cao. Đâu như mười một phần trăm năm đâu, sau tăng dần đến bốn mươi hay năm mươi gì đó.

- Thế thì thèm vào. Gỡ cái tròng nọ lại chui đầu vào rọ khác thì cũng vậy.

Nghiệp ngồi xuống cạnh Thi, nắm nhẹ tay vợ:

- Em an tâm, nếu cảnh sát tới đây, tụi mình cứ đem con ra ngoài đường ăn vạ, bắt buộc họ phải giải quyết. Na Uy là nước dân chủ, không lý họ bỏ tù mình. Hơn nữa mình là người ngoại quốc tị nạn, chắc chắn cảnh sát cũng không dám làm mạnh, sợ mang tiếng kỳ thị...

Nhưng Nghiệp vội ngưng ngay câu nói vì chợt thấy hai dòng nước mắt đã lăn dài trên khuôn mặt vợ.

Nhiều lúc Nghiệp nghĩ giá Thi lấy người khác có lẽ đã sung sướng hơn nhiều. Tại số Nghiệp chẳng mấy khi gặp may mắn lâu dài. Phải chăng do định mệnh an bài mà bố mẹ đã đặt cho chàng tên Nghiệp. "Đã mang lấy nghiệp vào thân - thì đừng trách lẫn trời gần trời xa!"(*) Hồi nhỏ trong gia đình bẩy anh em, Nghiệp thường bị đòn nhiều nhất. Nghịch ngợm dại dột cũng có mà do các anh, các em đổ oan cho cũng có. Nghiệp không cãi, chỉ biết cắn răng nhận những lằn roi như đòn thù của ông bố nóng tính. Đi học thì bị bạn bè cùng lớp bắt nạt, ông thầy trù. Suốt thời gian cấp tiểu học, hôm nào Nghiệp ở trường về, nếu quần áo không rách bươm,

mặt mày thâm tím vì đòn hội chợ của lũ học trò tinh nghịch thì các đầu ngón tay của Nghiệp cũng xưng đỏ vì những trận mưa thước kẻ của ông thầy giáo già nghiêm khắc. Sau ngày miền Nam thua trận, Nghiệp bị đuổi học vì bố làm cảnh sát viên. Một người bạn của gia đình nhận Nghiệp làm lơ xe đò. Ba năm lăn lóc này đã giúp Nghiệp mạnh dạn và lanh khôn ra. Khi chiến dịch bắt thanh niên đi bộ đội lan tràn rầm rộ xuống thị trấn nơi Nghiệp ở thì chàng đành bỏ nhà cùng với mấy người bạn đồng trang lứa tìm đường vượt biên qua ngã Cao Miên. Cuối cùng nhóm Nghiệp cũng tới được Thái Lan sau những ngày cơ cực, đói khát, sợ hãi trong rừng rậm. Cả bọn bị cảnh sát biên phòng Thái tống giam để điều tra. Hai tháng trong tù khiến Nghiệp chỉ còn da bọc xương và ghẻ lở khắp mình mẩy. Sau đó Nghiệp còn kẹt lại trong trại tị nạn thêm hai năm, bảy tháng nữa mới được phái đoàn Na Uy chấp nhận cho định cư vì lý do nhân đạo.

Nghiệp tới cái xứ vốn được bạn bè gọi đùa là "chiếc tủ lạnh khổng lồ" này vào một chiều cuối thu. Gió lạnh buốt và mưa đẫm núi rừng. Cảnh vật ảm đạm buồn thiu, nhưng Nghiệp cảm thấy dù sao vẫn là thiên đàng so với đời sống địa ngục trong trại tị nạn.

Thấy Nghiệp có một mình, một nhóm thanh niên độc thân rủ Nghiệp thuê nhà ở chung. Nghiệp đồng ý liền với hy vọng sẽ được những người đến trước dẫn dắt trong lúc mình còn chân ướt chân ráo nơi xứ lạ quê người. Nhưng rốt cuộc, Nghiệp cũng không học hỏi được gì hơn nơi những anh chàng bất cần đời ấy, ngoài những tháng ngày dài bên tách cà-phê đen, ly rượu mạnh, trong khói thuốc khét lẹt hầu quên nỗi "hận đời đen bạc" và thân phận "xa quê hương - nhớ mẹ hiền"! Nhưng dù sao đối với Nghiệp quãng thời gian chung sống với những người bạn đó quả là những năm tháng đầy ắp những kỷ niệm dấu ái để đời.

Mỗi lần nghĩ tới những người bạn cũ, Nghiệp đều cảm thấy tâm hồn ấm lại. Nghiệp bỏ con đường mòn trong rừng thông, đi xuống chân đồi. Nắng chói chan trên cây cỏ. Những dãy nhà rạng ngời trên triền dốc, như đổi mới toàn khối dưới ánh mặt trời. Thành phố Nghiệp ở ít có được một ngày nắng chan hòa như thế này.

Chiếc xe buýt chợt tới. Nghiệp đứng nối đuôi sau những người hành khách. Trời đẹp và ấm nên người địa phương ùa ra với thiên nhiên. Những khuôn mặt tươi vui. Những bộ điệu linh hoạt. Những nụ cười rạng rỡ. Bất giác Nghiệp cúi nhìn mặt đường đen đúa, nén tiếng thở dài.

Trở lại chỗ ở cũ, lần nào Nghiệp cũng thấy tim mình xôn xao. Vẫn lối vào trải chiếc thảm nhựa cong tớn lên ở các mép và cáu bẩn. Vẫn hai bên tường loang lổ hình vẽ vá giấy dán. Nghiệp bấm chuông tới ba bốn lần cánh cửa cũ kỹ tróc sơn mới mở ra. Rồi tiếng mừng rỡ reo lên, đầy ngạc

nhiên:

- Ủa, Nghiệp! Vào đi! Lâu lắm mới lại thấy mặt mày.

Mùi khói thuốc quện trong mùi ngai ngái, hăng hắc đập vào khứu giác của Nghiệp. Thứ không khí quen thuộc của những căn nhà có các chàng độc thân ở. Mũi Nghiệp chun lại. Bên trong hắt ra chát chúa thứ âm nhạc kích động. Kẻ ra mở cửa cười, giải thích:

- Đang nhậu!

Nghiệp máng chiếc áo khoác lên móc, tròn mắt:

- Giờ này?

- Con nhà Vinh mới đi Đan Mạch về đêm qua, bắt được rượu rẻ với vịt quay. Chẳng thằng nào chịu nhịn đến chiều.

- Bộ tụi mày trốn sở hết à?

- Hôm nay thứ bẩy mà mày...

- Hả?...à... à...

Nghiệp theo bạn vào phòng khách, thấy lố nhố những người. Khói thuốc mù mịt lại vừa từ ánh sáng vào khiến Nghiệp không nhận ra ai. Bạn bè đón Nghiệp bằng những tiếng chửi thề thân quen, bằng những câu thăm hỏi thâm tình rồi bằng những ly "rượu phạt" cháy cổ họng. Bỗng có tiếng hỏi:

- Ê Nghiệp, nghe nói mày bị đuổi nhà. Sao vậy?

Nghiệp nhún vai:

- Thì không trả nổi tiền vay chứ sao!

- Nhiêu?

- Sơ sơ gần mười ngàn cả vốn lẫn lời mỗi kỳ, tổng cộng khoảng hai trăm ngàn. Thằng nào dư địa cho tao mượn. Bảo đảm tao sẽ trả đẹp trong vòng ba tháng.

Cười.

- Mày tính sẽ trúng vé số độc đắc hả?

Lại cười.

- Sao mày không xin "hoãn binh", Nghiệp?

- Rồi. Nhưng mấy năm tao nằm nhà không, ngân hàng Gia Cư bác luôn.

- Chạy đại lên văn phòng xã hội cầu cứu.

- Cũng rồi nữa. Vụ này tao kinh nghiệm hơn chúng mày nhiều... Nhưng kết quả chẳng ăn cái giải gì!

Rồi ồn ào những đề nghị này nọ. Mạnh ai nấy nói. Không ai nghe ai. Nghiệp chưa trả lời xong người này, đã phải quay sang kẻ khác. Nghiệp chẳng tìm được cái gì mới mẻ trong những ý kiến của bạn bè. Nhìn lũ bạn nói cười sảng khoái, tự nhiên Nghiệp thèm được trở lại dĩ vãng. Không

vướng bịu vợ con. Không bận tâm tiền nhà, tiền nợ. Không lo âu công ăn việc làm.

- Nghiệp, làm láng một cái đi chứ!

Nghiệp nốc cạn ly. Chất men bỗng trở nên đắng nghét. Nghiệp thấy lờm lợm trong cổ họng. Chàng đứng lên:

- Thôi, tao dông đây!

Đồng loạt ào ào lên tiếng phản đối. Nghiệp nại cớ phải về lo vụ nhà cửa. Một vài cánh tay cầm ly rượu giơ cao:

- Chúc mày may mắn!

Nghiệp vừa quay gót thì có tiếng gọi giật lại. Tiếng cười, tiếng nói đột nhiên lắng xuống. Thằng Vinh nhổm hẳn người lên, nói oang oang:

- Nếu mày chưa giải quyết được, mày có quyền đưa vợ con mày về đây ở. Tao nói thật đấy, chứ không phải rượu... phát ngôn dùm tao.

Nghiệp đưa mắt nhìn đám bạn đang hướng cả về phía chàng. Mãi sau Nghiệp mới ấp úng:

- Cám ơn tụi mày... Nhưng... để tao tính.

- Tính đếch gì nữa!

Ra tới đường, Nghiệp thấy dễ chịu hẳn. Tuy nhiên Nghiệp vẫn như thấy khói thuốc và mùi rượu còn bám đầy chung quanh chàng. Nghiệp hít thật mạnh cho không khí mát rượi bơm đầy lồng ngực.

Đó, bạn của Nghiệp như thế đấy, chàng không xúc động sao được. Nghiệp có cảm tưởng cứ lúc nào Nghiệp gặp đường cùng, chúng nó lại chỉ cho lối thoát. Như ngày Nghiệp mới yêu Thi, muốn cưới nhưng không dám vì chưa có nhà cửa. Không lý rước dâu về nhà bố mẹ vợ? Những người bạn đang thuê chung nhà với Nghiệp hiểu được hoàn cảnh, đã "giải quyết cái một":

- Khó quái gì mà mày phải suy tính cho tổn thọ. OK, tụi tao sẽ đi bụi đời cho mày hoàn toàn sử dụng căn nhà này mà trăng mật với vợ mày. Chừng nào mày có đủ điều kiện mua nhà, tụi tao sẽ trở về "tiếp quản" lại.

Nghiệp từ chối cũng không xong. Tụi nó đã tự lau chùi các phòng sạch sẽ, sơn lại tường rồi trang hoàng tranh ảnh. Mỗi đứa xách theo một túi quần áo đến ở trọ những người bạn độc thân khác, nhường nhà cho Nghiệp cưới vợ. Nghiệp không biết phải nói gì với đám bạn, ngoài cảm nhận rằng ít nhất trong cuộc đời chàng cũng có được một lần thực sự hưởng thứ tình người thấm đậm ngọt ngào.

Nghiệp lấy vợ, sau đó gần một tháng thì vay được tiền ngân hàng Gia Cư để mua nhà. Rồi cũng chính những người bạn đó hễ thấy đâu có việc làm là gọi Nghiệp. Chỉ tại cái số Nghiệp không may mắn thành thử làm đâu cũng không được lâu bền. Hoặc sở giảm nhân công. Hoặc xí nghiệp

phá sản. Riết rồi Nghiệp cũng nản, chẳng tha thiết nữa sự đi tìm việc. Trợ cấp an sinh xã hội hồi trước rộng rãi, dễ dàng. Ngoài khoản tiền ăn hàng tháng, Nghiệp còn được giúp đỡ thanh toán mọi hóa đơn. Nào ngờ có những xoay vần chính trị, kinh tế trong xã hội mà với kiến thức hạn hẹp, Nghiệp đã không nắm vững được thời cuộc để rồi nước đến chân, Nghiệp nhẩy không kịp.

Trong lúc đen tối này Nghiệp lại gặp được lũ bạn độc thân. Lời mời "mày có quyền mang vợ con mày về đây ở" đã cứu Nghiệp qua khỏi bước đường cùng. Ít nhất trong lúc nghiệt ngã này để Nghiệp có thể kiếm tìm lối thoát khác vững bền hơn.

Chân Nghiệp bước nhanh. Từ ba tháng nay giờ Nghiệp mới nở được một nụ cười.

Về đến chung cư, Nghiệp gặp bà Reidun mập lùn và ông già Larsen đang đứng nói chuyện ở hành lang, dưới chân cầu thang:

- Hei!

Cả hai người đồng thanh đáp lại tiếng chào của Hiệp: Hei! Rồi bà Reidun hỏi liền:

- Tại sao nhà của mày bị bán đấu giá vậy Nghiệp? Tao đọc thấy lời rao vặt hai ba bữa nay trên các nhật báo.

Nghiệp miễn cưỡng giải thích qua loa sự việc. Ông già Larsen tỏ vẻ bất bình:

- Như vậy là tàn ác, vô nhân đạo. Không thể coi đồng tiền trên hết. Bọn tư bản ngân hàng đều là những thứ cá mập chuyên ăn thịt các thân chủ nghèo. Nghiệp, nếu mày muốn, cả chung cư này sẽ viết thư phản kháng và nếu cần, sẽ biểu tình phản đối. Đứa nào muốn đuổi vợ con mày ra khỏi đây thì phải bước qua xác chết của tụi Na Uy chúng tao.

Nghiệp chưa biết cần phải nói gì thêm thì bà Reidun đã lanh chanh tiếp lời:

- Đúng đấy! Tụi tao thích gia đình mày ở đây vì người Việt nam chúng mày biết điều hơn cả, chăm quét chùi hành lang, chịu xúc tuyết ở lối đi chung, không mở nhạc lớn, không nấu nướng nặng mùi gia vị như bọn Thổ nhĩ Kỳ hoặc nhóm Hồi và Ấn Độ.

Nghiệp phải khách sáo cám ơn, chào rồi quay gót. Nghiệp đi được quãng xa; tiếng cụ Larsen vẫn vọng theo:

- Nhớ đừng đầu hàng, nghe Nghiệp!

Tiếp liền là tiếng cười. Không hiểu sao âm thanh đó làm Nghiệp nổi gai thịt.

Nghiệp đẩy cửa vào nhà. Thi đang lúi cúi ngoài ban-công. Nắng còn đậm. Nghiệp thấy hiện qua làn áo cánh mỏng những đường cong của hai

bên thân hình Thi. Hình như có cả hai đứa con đang chơi ngoài đó. Nghiệp chỉ nghe được tiếng cười của chúng.

Hoàn cảnh này mà Thi vẫn còn tâm trí chăm bón hoa với cây. Cứ như Nghiệp một là nhổ vứt đi hết, hai là bỏ mặc xác lại. Nhà còn không giữ nổi, tiếc gì rau, gì hoa. Nhưng Thi thì khác. Từ ngày về ở căn nhà này, nàng đã biến cái bồn đất trên ban-công thành một cái vườn nhỏ. Trừ mùa đông tuyết phủ, còn mùa nào thì cũng có hoa thích hợp mùa nấy. Đặc biệt vào hè, hoa đủ loại chen lẫn với rau thơm đủ thứ. Nào những hồng, cúc, nào lan, huệ, hướng dương... Nào ngò, húng, nào mơ, tía tô, thì là, ớt... Khung cảnh vì vậy nhìn vui tươi và rào rạt mầu sắc.

Nghiệp bước ra ban-công. Chàng vờ sà xuống chọc con, nghĩ có thể Thi vẫn còn giận mình. Nhưng không, giọng Thi rất tự nhiên:

- Anh ăn cơm chưa?

Nghiệp đứng lên, tiến lại sau lưng vợ:

- Rồi.

Không để Thi hỏi tiếp, Nghiệp nói liền:

- Em tiếc làm gì những cây hoa này.

- Không nỡ anh ạ. Với lại để cho ai đến ở sau này được hưởng. Nghĩ uổng công!

Giọng Thi nghe buồn buồn. Nghiệp vội vã nói, như sợ bị tuột mất cơ hội:

- Ngày mai mình có thể dọn nhà.

Trái với ý đoán của Nghiệp, Thi hỏi lại không mấy sốt sắng:

- Anh tính dọn đi đâu?

- Mình về tạm đằng nhà... tụi thằng Vinh.

Lúc đó Thi mới quay ngoắt lại; nét mặt hơi đanh và đôi mày cau lại:

- Anh tính vậy mà thấy được à?

- Chính tụi nó... mời.

- Bởi vậy mình mới không nên lạm dụng lòng tốt của bạn bè. Hồi xưa khác, vì dù sao anh cũng có phần hùn thuê nhà đó. Lại nữa lúc ấy chỉ có anh Vinh, anh Thông thôi, bây giờ thêm cả năm sáu người nữa. Không lý anh đòi cả bằng ấy người tránh đi chỗ khác cho gia đình anh ở? Chỗ phiền, anh không thấy phiền, chỗ không, anh lại chê!

Nghiệp đã biết Thi lại muốn ám chỉ gì rồi. Một dòng nóng đột nhiên ập đến, dồn lên lồng ngực. Nghiệp gằn giọng:

- Chẳng thà phiền bạn còn hơn quấy rầy anh em vợ.

- Bộ anh em của em là hủi chắc?

- Chẳng hủi thì cũng cùi!

- Ai đã làm gì anh chưa mà anh nguyền rủa anh em em?

- Bữa trước mới nghe mình bị bán đấu giá nhà, anh Châu đã vội nói xa nói gần, nào là cô chú ráng tìm nhà ở vùng ngoại ô mà mướn, nào là nhà bố mẹ chật quá, muốn sửa cái kho thành phòng ngủ mà hội Nhà Đất không cho phép, nào là các em đứa nào cũng cần một phòng riêng để học hành, nào là...

- Anh nói vậy mà không biết xấu hổ! Bộ anh Châu nói sai chỗ nào? Chỉ được cái nói thánh nói tướng thì không ai bằng! Thử hỏi trong số người Việt tị nạn ở thành phố này có ai bị đuổi nhà như anh không? Giá tài giỏi thì cũng đã có công ăn việc làm như người ta...

Cơn giận bốc lên cực độ. Chiều sâu tự ái của Nghiệp bị xúc phạm mạnh. Nghiệp nắm chặt hai tay để không xấn tới tát vào mặt Thi. Thay vào hành động, Nghiệp thét lên:

- Câm miệng!

Thi vứt cái kéo xén cây xuống sàn xi-măng, bỏ vào nhà. Hai đứa con khóc òa lên, gọi mẹ, mẹ. Đứa chạy, đứa bò theo.

Thế là cả buổi chiều, buổi tối vợ chồng Nghiệp giận nhau. Nghiệp ngồi ngoài phòng khách, mắt ngó mông lung ra bầu trời tối đục. Ngọn đèn trần treo thật thấp tỏa một vòng tròn ánh sáng vừa vặn ôm trọn mặt chiếc bàn sa-lông. Thỉnh thoảng có tiếng chân bước hơi mạnh gót trên sàn nhà tầng trên càng làm cho chung quanh thinh lặng và trống trải hơn. Đầu óc Nghiệp mệt mỏi chẳng còn nghĩ lâu được về một điều gì. Nếu không có điếu thuốc để thỉnh thoảng đưa lên miệng hít những hơi dài, có lẽ Nghiệp sẽ khổ sở vô cùng.

Thi và hai con từ chiều vẫn cố thủ trong phòng ngủ. Chỉ có một lần Thi mở cửa xuống bếp lấy sữa cho đứa nhỏ và bánh mì cho đứa lớn. Tiếng hai đứa trẻ cười đùa rúc rích hồn nhiên nổi lên một chập liên hồi rồi thưa dần.

Khi Nghiệp cảm thấy đói bụng thì dường như đêm đã quá khuya. Chàng định xuống bếp tìm thức ăn thì đồng thời cũng sực nhớ vợ từ chiều - và có thể từ sáng - đã chưa ăn gì. Nghiệm bồi hồi, thương cảm. Nghĩ lại hồi chiều, Nghiệp thoáng ân hận, cho mình thiếu tự chủ. Ừ, có lẽ Thi nói đúng. Nghiệp nghiệm thấy mình đoảng thật. Đã gần bốn mươi tuổi đầu, với chín, mười năm ở ngoại quốc mà vẫn không có nổi lấy một nghề hoặc một việc làm vững chắc. Chỉ sống bám. Như loài tầm gửi! Hoàn cảnh bi đát hiện tại hẳn là cái giá phải trả của một thái độ buông thả, dễ dãi bằng lòng đứng ngoài guồng máy sinh hoạt xã hội. Nghiệp chợt thấy mình như đốm lửa trên điếu thuốc đang tàn dần.

Nỗi xốn xang thúc đẩy Nghiệp đứng dậy. Sau giây phút do dự, Nghiệp nhè nhẹ đưa tay đẩy cánh cửa phòng ngủ. Ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn

bàn đủ để cho Nghiệp nhận ra Thi đang nằm quay mặt vào phía tường. Hai đứa nhỏ co quắp, ôm lấy nhau ngủ say trên chiếc giường kê sát trong góc phòng. Tiếng chúng thở đều đặn, khò khè. Nghiệp khẽ nằm xuống cạnh Thi, nâng nhẹ tấm mền đắp lên người. Bỗng Nghiệp nghe tiếng thở dài, rất nhỏ. Thì ra Thi vẫn chưa ngủ. Nghiệp đặt tay lên vai Thi. Và chờ đợi. Thi hất tay Nghiệp ra. Nhưng không mạnh. Bàn tay của Nghiệp ương ngạnh, trở lại vị trí cũ rồi từ từ di chuyển xuống các phần thân thể khác của Thi. Nàng vẫn nằm yên, không nhúc nhích. Nghiệp tiếp tục những cử chỉ mơn trớn, vuốt ve. Miệng không ngớt thì thầm:

- Anh... xin lỗi cưng...

Và cộng thêm những lời dỗ dành ngọt ngào, những câu yêu thương nồng nàn.

Hồi lâu Thi mới từ từ xoay mình lại, xụt xùi. Nghiệp hôn vợ. Tham lam để không cho tiếng nức nở kịp bật ra. Vòng tay Nghiệp ôm xiết vợ. Rồi những giây phút say đắm, cuồng nhiệt... Khi Nghiệp rời vợ, nằm xuống bên cạnh, giọng Thi vẫn còn vương vấn xao động:

- Anh à... lần này mình..."trúng" nữa rồi...

Nghiệp vô tình, hỏi bâng quơ:

- Trúng gì, cưng?

Thi úp mặt vào ngực chồng, ngập ngừng:

- Mình vừa có... đứa con nữa.

- Ủa, sao em biết. Chắc không?

- Linh cảm đàn bà mà anh!

Nghiệp hôn tới tấp lên trán, lên mặt, lên môi vợ, nói trong hơi thở phập phồng:

- Thế thì tuyệt. Em nhớ không, ngày mới đến ở căn nhà này, tụi mình có bé Ngọc, hai năm sau có bé Tiên. Nay bỏ nhà này, tụi mình có đứa nữa làm... kỷ niệm. Như vậy là hên đó em. Biết đâu mai hay mốt những nơi anh đã nộp đơn xin việc sẽ gọi anh đi làm. Đời mình chư đến nỗi... bế mạc đâu. Có thêm con là dấu hiệu hy vọng, thêm đức. Các cụ xưa đã nói vậy, không sai đâu cưng...

Thi cười thành những tiếng nhỏ, cắn nhẹ vào môi chồng.

Bên ngoài, hình như trời đã chuyển mình về sáng.

Hoài Mỹ
02.02.2000

(*) Thơ của Nguyễn Du.

Thơ Trần thị Laihồng

Mai
năm vừa roi rói tươi
Xuân rón rén mới len vào đời
cho Mai mỉm miệng cười

Hồng
vỡ vạt đất kim cang
vỗ về tảng vô sinh diệt thường
*lửa hồng vồng sắc nắng**

Chèo Bẻo
kìa con chim chèo bẻo
véo von vắt vẻo ngọn giây leo
hốt nhiên vút cánh vèo

Nguyệt
cửa ngoài cài cánh then
nguyệt nghiêng nghiêng ngấp nghé qua thềm
ngần ngại cải hương đêm

** Rainbow Sunshine chunk, tên một loại đá hồng vân vi vùng nam Hoa bang*

Ở thời chưa đánh mất

Vũ đình Kh.

Gửi Đoàn Nhã Văn

Tạo cùng vợ đi lang thang ngắm chợ Tết suốt buổi sáng.

Đã hơn hai mươi năm, Tạo mới được nhìn lại không khí chợ búa những ngày cận Tết ở quê hương. Người bây giờ đông như trong ngày hội của kiến, túa chật cả hai bên lề đường mua bán, trao đổi. Tiếng mời chào kêu réo của thời thơ ấu đã đánh mất nay hiện hữu trước mắt Tạo.

Anh như muốn rơi nước mắt khi thấy lại cảnh cũ và nhất là những nhánh mai vàng khẳng khiu vừa hé nụ, sau bao năm lưu lạc phương xa trở về.

Tạo nhìn quanh. Hai mươi năm qua, cũng vẫn chỉ những khuôn mặt đó, cũng chỗ ngồi cũ kỹ như mọc rêu đó, tuy bị thu nhỏ tóm gọn lại. Họ già đi nhiều hơn, nhanh hơn. Nhiều chỗ, anh không thấy chủ cũ của nó, thay vào đó những khuôn mặt trẻ, nét ngờ ngợ quen thuộc. Họ vẫy tay, tự giới thiệu và mời anh ghé vào. Đây là những đứa con nít cùng thời, hoặc nhỏ, hoặc lớn hơn anh sau bao dâu bể tang thương cuộc đời ở một thị trấn nhỏ giữa đường. Hình ảnh này gợi anh nhớ lại những tấm ảnh cũ kỹ thuở thiếu thời, đã nhạt màu nước thuốc theo thời gian được nhìn lại mấy hôm trước, khi mẹ anh lục trong tủ đem khoe sau nhiều năm giữ kỹ.

Tạo cố ghìm cảm xúc đang dâng trào. Anh gượng chào, kéo tay vợ đi nhanh vô chợ...

- Dì Hai. Cho hai tô bún cá! Ngồi đi em. - Tạo kéo cái ghế nhỏ, thật thấp thường thấy ở các chợ Việt Nam, mời vợ ngồi. Anh quen thuộc như chưa từng đi khỏi thị trấn nhỏ này bấy lâu năm dài.

- Trời ơi. Thằng Tạo đâu cá dô! Không! Bây giờ kêu bằng cậu mới

đúng điệu. Hai mươi năm mà cậu còn nhớ tui hén. Mấy hổm rày chị cậu nhắc mãi. Bởi vậy, mới thấy cậu, tui nhận ra ngay. Tui nhận cái trán của cậu trước!

Tạo gượng cười. Anh vuốt mái tóc rễ tre, kéo gọng kiếng cận như khỏa lấp sự sởi lởi của người đàn bà kẻ chợ. Nhiều người bắt đầu nhìn anh. Cái nhìn soi mói khác lạ, anh từng thấy mấy hôm nay.

- Ấy là thằng cu Tạo, con mụ Chín bán gạo ở xóm dưới đi vượt biên cách đây hơn 20 năm.

- Vậy ổng Việt kiều rồi.

- Còn phải nói nữa. Ổng về đã mấy hôm. Đồ ngu. Vậy mà cũng ăn với nói cho được!

- Tui chưa thấy mấy người Việt kiều nào ngồi ăn ở chợ như vợ chồng thằng cha này. Việt kiều nào cũng ăn ở khách sạn sang trọng có kẻ hầu, người quạt đi sau, ra đường xe đưa rước. Đây là Việt kiều rách. Việt kiều... đói. Nhìn cách ăn mặc của hai vợ chồng là biết ngay!

Tạo nghe tiếng xầm xì tự nãy giờ nhưng anh vờ như điếc, thản nhiên ăn. Thủy, vợ Tạo bắt đầu khó chịu khi nghe mấy tiếng "Việt kiều đói". Tạo nháy mắt ra dấu bảo vợ im.

Hai mươi năm đã qua đi, nhưng Tạo vẫn quen thuộc những lời đàm tiếu như một thói quen dân dã anh từng biết trước kia.

Mấy hôm nay dân trong xóm cứ xầm xì về vợ chồng và lũ con cái Tạo. Họ chuyền nhau rỉ tai bình phẩm, chê bai vợ chồng Tạo đi Mỹ hơn 20 năm, trở về quê hương vẫn không thay đổi và văn minh một chút mảy may. Vợ Tạo đi đâu nếu không cuốc bộ, cũng nhờ mấy đứa em chồng chở bằng chiếc honda cà xạch, cà tàng. Riêng Tạo với chiếc xe đạp cổ lỗ sĩ thuở đời nảo đời nao không về, không thắng, anh cứ đạp rong quanh thị trấn thăm bạn bè, chòm xóm...

Tạo vờ lơ đãng, vừa ăn bún vừa nhìn bâng quơ tránh chuyện. Anh nhìn mái đình cũ kỹ bên kia đường, thấy một khẩu hiệu làm anh bàng hoàng, sửng sốt. Anh chợt nhớ hơn 23 năm trước, dưới mái đình này là tấm khẩu hiệu: "Đả đảo giặc Cộng giết hại dân lành vào dịp Tết Mậu Thân!" Và bây giờ, cũng nơi mái đình xiêu dột ấy thay vào đó: "Kỷ niệm 30 năm ngày Tổng nổi dậy toàn dân dịp Tết Mậu Thân!", cùng bên dưới là cái loa vẫn ỏng a, ỏng ẻo, dai nhách suốt 20 năm trường không mệt mỏi, từ khi Tạo vẫn chưa đi vượt biên. Tạo nghĩ, đây là thói quen hay dân tộc tính của người Việt Nam về lòng căm thù?

- Nè. Có nhớ tui hông?

Tạo thoáng giật mình, ngước nhìn người đàn bà lam lũ đứng bên anh tự bao giờ. Anh ngờ ngợ và nhớ ra là một mụ điên trong thị trấn. Anh càng

bỡ ngỡ hơn. Hai mươi năm qua, mụ Nuôi vẫn như ngày nào. Mụ không già đi một nhĩnh! Cặp vú vẫn to đềnh dàng, vẫn vung cứng khiêu khích không bao giờ mặc nịt ngực, đã từng hại mụ bao lần trong nhà lồng chợ khi ngủ qua đêm. Cái may trời dành, mụ chẳng bao giờ chửa đẻ sau nhiều trận bị hiếp qua nhiều năm. Gọi là mụ, nhưng Nuôi chỉ lớn hơn Tạo năm sáu tuổi. Tạo còn nhớ, hồi nhỏ mấy ông anh của Tạo kể, Nuôi tên thật là Lệ Hằng, đang học thi tú tài 2 thì nghe tin anh Thọ - người yêu chị - vừa mới ra trường Võ Bị Đà Lạt chưa đầy hai tháng đã tử trận trong một trận công đồn của địch ở Cần Thơ. Chị trở nên điên từ đó, bỏ nhà đi lang thang. Người ta bắt đầu gọi chị là mụ Nuôi. Nuôi ở đây có nghĩa là ở thị trấn nhỏ này ai ai cũng nuôi chị được bằng những bữa ăn thừa. Tạo chỉ nghe vậy. Hồi đó anh còn ham chơi ít để ý đến mụ Nuôi.

- Cha! Chắc hổng còn nhớ tui chứ gì? Tui biết mà. Mấy ông bà Việt kiều ở bển về, làm gì nhớ tới mụ Nuôi này. Gặp tui là làm ngơ, là lánh mặt ngay, sợ tui xin tiền. Người ta bây giờ học đòi làm sang cho ra vẻ Việt kiều.

- Sao lại nói thế chị Hằng. - Tạo kéo cái ghế mời mụ Nuôi ngồi. Mụ vẫn đứng. Anh hỏi.-

- Chị biết tui là ai, mà chị nói vậy?

- Không biết lại tới hỏi thăm à? Không quen bắt quàng làm họ sao được hả cậu? Tôi còn biết cả tên tuổi cậu, biệt hiệu cậu nữa kìa. Tui nói trúng cậu thưởng gì nào?

- Chị nói trúng, tui cho chị tiền xài cho đã trong mấy ngày Tết!

- Thiệt hén. Cậu là thằng Tạo, còn có biệt hiệu: Tạo đầu cá trê, cá đồ phải hông? - Mụ Nuôi cười hè hè, tiếp - Ở thị trấn này có bao nhiêu người đi vượt biên trước kia, cậu còn nhớ? Này nhé: con Hồng, thằng Tư, con Tú, bà Ba Cao bán trầu... - Mụ Nuôi lượt kê một danh sách thật dài những người trong thị trấn đi vượt biên trước kia mà chính Tạo cũng không nhớ nổi, dù hồi đó anh đi cùng một chuyến, dịp nhà nước bán bãi cho người Hoa đi tự do.

- Ai bảo nó khùng! Nó khùng mà nhớ vanh vách không sót một tên ai trong làng, dù đã hơn 20 năm. Nó khùng khôn! - Một ông khách đang ăn nói.

Tạo kéo tay mụ Nuôi bắt mụ ngồi xuống cái ghế nhỏ. Anh móc ví đưa tiền. Mụ Nuôi đếm từng tờ, trả lại Tạo:

- Cậu cho tui nhiều quá. Hồi nãy cậu hứa cho chừng đó, tui chỉ lấy chừng đó. Không thừa, không thiếu một xu. Trả lại cậu!

Tạo đẩy tay mụ Nuôi. Anh kêu thêm tô bún cá. Mụ Nuôi ngần ngừ lấy tiền rồi mới chịu ăn.

- Khùng còn bày đặt sĩ! - Ông khách đứng dậy trả tiền, nói thêm.

- Ông nói ai bày đặt sĩ? - Mụ Nuôi đang ăn xì xụp, dằn mạnh cái tô xuống bàn đứng lên. Mặt mụ đỏ gay, tay chống nạnh, tay xỉa xói.

- Tui khùng, tui điên rồi tui không còn biết sĩ diện của con người chắc? Tui khùng, tôi điên rồi tôi thấy tiền mà tối mắt sao? Mấy người mới là những kẻ hám tiền, những kẻ điên. Có điên mới cúi gằm cái mặt xuống mấy chục năm trời nghe cái loa ong ỏng ngoài đình kia, sống qua ngày!

Nha Trang 1998 thật sầm uất. Ngày Tết xe cộ ngược xuôi chật các ngả đường thành phố. Tạo đứng trên ban-công, căn cao ốc, nhà người bạn nhìn ngắm khu Phước Hải - Mã Vòng. Hai mươi năm trước, chỗ này là một khu phố chật chội và dơ dáy nhất ở thành phố Nha Trang, vì gần bến xe lam và xe lửa. Ngày nay, Phước Hải - Mã Vòng mở rộng và sạch sẽ hơn. Tạo nghĩ có lẽ vì nó là cửa ngõ của thành phố Nha Trang từ Quốc lộ 1 đi vào. Người dân dạo này có cuộc sống thoải mái hơn, nếu biết chạy mánh mung, buôn bán. Tuy nhiên, những vùng nông thôn cách xa Nha Trang như thị trấn nhỏ nơi gia đình Tạo ở, đa số vẫn sống trong nghèo nàn.

Hiếu đứng chỉ tay, bảo kẻ ở khiêng mấy thùng bia ôcao cấpõ nhập cảng, đem ra ban-công nơi Tạo và mấy thằng bạn đang nhậu lai rai ngày mồng Hai Tết sau nhiều năm gặp lại. Hôm trước Tết, biết gia đình Tạo từ bên Mỹ về, mấy thằng bạn Tạo gọi nhau ơi ới trên điện thoại bỏ việc hẹn kéo về D.K., họp mặt lớp 12 C1, sau 20 năm tản mát khi vừa xong bậc trung học năm 76. Đứa ở Sài Gòn, đứa Ban Mê Thuột, đứa tận Cần Thơ hoặc ngoài Hà Nội xa xôi đều kéo về thị trấn giữa đường, mừng gặp Tạo - người đi vượt biên cùng năm đó nay trở về.

- Mày làm một tháng bao nhiêu mà tiêu xài lớn vậy? Tao biết chỉ hai thùng bia, hơn một tháng lương của nhân công bây giờ. - Tạo hỏi bạn.

- Thật ra, lương tháng bao nhiêu, giờ này tao cũng không nhớ nữa! Hồi trước thời bao cấp, mỗi cuối tháng lương cứ ngóng dài cái cổ cò chờ đợi tiền lương, có khi còn thiếu lên hụt xuống. Bây giờ thời kinh tế thị trường mở cửa, tao chỉ cần trúng một "vố" thầu đường xá là sống huy hoàng cả chục năm. Vì vậy, tiền lương có bao giờ tao để ý tới nữa! Thời buổi bây giờ muốn kiếm tiền không khó. Chỉ khó là mình có biết nịnh nọt chạy đúng chỗ không. - Hiệp khui chai bia đưa Tạo, nói.

- Hừm! Dĩ nhiên. Bây giờ là thời kinh tế thị trường, không như những năm trước kia. Anh nào ma lanh, khôn khéo, biết luồn lót chạy đúng chỗ là sống sướng như tiên, giống thời trước 75. Người ta phải giật lại những gì đã đánh mất trước kia, sống trong thời bị kềm hãm quá lâu. Thằng kỹ sư này bây giờ nó... ác lắm. Đường xá, nhà cửa nó muốn cất chỗ nào cứ

cắt, miễn thiên hạ chung tiền đủ! Dân có than trời than đất nó mặc mẹ người ta. Tiền. Ông lấy trước đã. - Thằng bạn bác sĩ, tên Hảo, chiêu ngụm bia ôcao cấpõ khà thật to và cười hô hố tiếp lời.

- Khéo nói. Mày cũng chả hơn gì tao. Một ca mổ mày chặt bao nhiêu tiền hở con? Giầu, mày chặt đẹp tao không nói. Nghèo, mày cũng chặt cho chết chí thôi. Mày thua đ.. gì tao, bày đặt lên mặt đạo đức giữa đường thấy bất bình xông mũi can thiệp! - Kỹ sư Hiệp cười hềnh hệch, trả lời.

- Bởi vậy, thằng Hiệp lúc nào cũng sát cánh bên tao! Phải biết thức thời để sống còn, để làm ăn chúng mày ạ. Chính trị ở thời buổi kinh tế này, chẳng mang lợi lộc gì cho đời sống vật chất bon chen bây giờ. - Trung tá Hiếu, công an Bộ Nội Vụ, gắp miếng thịt heo hầm măng khô nhai ngồm ngoàm, xía vào. - Hắn tiếp - Xã hội bây giờ chỉ có tiền với cây là trên hết.

- Tao biết hai thằng mày đâu dám để... môi hở răng lạnh thì đúng hơn, ăn cánh hơn. Mày biết thế chó nào về chính trị mà bày đặt bình phẩm, dù mang hàm trung tá công an. Tụi mày chỉ biết tiền như dân chạy mánh bọn tao. Như bây giờ đi đâu cũng nghe thiên hạ thường diễu: Việt kiều thua Việt cộng là thế! Chẳng hạn như thằng Hiếu đang ngồi trước mặt mày đây này, Tạo à. Nó bây giờ khối tiền, khối tình, khối đào nhí linh tinh vi vút. Mặc con vợ nó - bà Thủy lớp C2, mày nhớ không? Bà này ghen đến gầy đét cả người. - Tốn, tay chạy mánh chuyên nghiệp góp chuyện.

Tạo há mồm ngồi nghe."Xàm!"

- Gì vậy?

- Nó làm cái gì vậy? Thằng "mặt sắt" điên chắc!

- Tụi mày là những thằng chó dái trong một xã hội dái chó hôi hám không ai dám lại gần! - Thằng "mặt sắt" xô ghế đứng dậy, nhìn Tạo.

- Mày không chịu nghe tao, cứ đòi đến đây. Bây giờ mày thấy rõ những lời tao nói về tụi nó rồi chứ? Xã hội này, giờ đầy rặt những thằng chó dái như thế mọi nơi trên đất nước. Tụi nó ăn Tết, tụi nó nhảy múa trên xương máu đồng loại cơ cực.

Thằng mặt sắt vừa nói vừa đá thùng bia "cao cấp" mấy cái, ngoái đầu nhìn Hiếu như thách thức trước khi hầm hầm đi xuống lầu.

- Cứ bắt tao nhé Hiếu, nếu mày muốn. Tao chờ!

Tạo chạy theo thằng ômặt sắtõ mặc sự ngơ ngác của lũ bạn.

Tạo ngồi chồm hỏm, hai chân thu gọn trên chiếc ghế đẩu - kiểu ngồi cóc nhảy - Tạo thấy nhan nhản khắp nẻo đường Việt Nam, từ lúc bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất về tới Nha Trang. Hai mươi năm, con

người thay đổi theo chiều hướng nghịch. Kiểu ngồi "cóc nhảy" này, Tạo chưa hề thấy nhiều trước kia, ít nhất ở thị trấn này. Có chăng, là từ những người dân tộc thiểu số lâu lâu xuống núi ghé thị trấn ăn uống sau những trao đổi mua bán với người Kinh. Hồi ấy, mẹ Tạo nhìn thấy thường nói: ỏKiểu ngồi mọi rợ, rừng rú! Tụi mày không nên ngồi lối này!õ Tạo về mới hai tuần đã thấy quen quen, đôi lúc sơ ý anh cũng ngồi kiểu cóc nhảy khi thấy kẻ đối diện ngồi. Tạo nghĩ, quá khứ của một đời sống luôn luôn nghi kỵ, soi mói, rình rập trước kia đã tạo nên con người ở một thế ngồi khép nép, e dè gần như thành một quán tính xã hội bị tràn ngập. Anh bỏ đôi chân xuống, xỏ dép, nhìn Tánh.

Thằng "mặt sắt" vẫn thản nhiên ngồi thu lu, vứt tàn thuốc giữa nhà, lẫn lộn những hạt dưa vỡ vụn màu đỏ thắm, chiêu ngụm trà xúc sùng sục trong miệng, phun ra lề đường. Tạo nhớ, 20 năm trước thằng này từng có những ước mơ, hoài bão cao vun tới trời. Rồi đất nước thay đổi, vượt biên hụt nhiều lần và tù tội. Sống lây lất một thời gian ở nhiều nơi bằng giấy tờ giả. Giờ, hắn thản nhiên an phận làm ông chủ tiệm bán vật liệu xây dựng nhà cửa do cha để lại sau gần 20 năm gián đoạn, ngày ngày bán từng con bù-lon, cây sắt sống qua ngày. Hắn nói:

- Mày cũng thấy đó. Thằng bác sĩ Hảo, thằng kỹ sư Hiệp và cả thằng trung tá Hiếu, tụi nó bây giờ là một lớp thượng lưu trong nhiều tầng lớp thượng lưu khác ở xã hội hiện nay. Tụi nó sống phởn phơ, thản nhiên như tụi nó chưa từng sống qua một thời kỳ đau khổ mà cả một đất nước gánh chịu trước kia. Người ta dễ quên quá khứ đau khổ và đói nghèo khi cuộc sống hiện tại quá đầy đủ. Vì thế, hôm nghe tụi nó bô bô cái miệng tuyên bố sự làm giàu bằng cung cách ấy, tao đếch chịu được. Mày tưởng tụi nó tốt đến nỗi bỏ cả việc về thăm mày à? Mày lầm. Tụi nó về đây chẳng qua là muốn khoe cái danh, cái phận của tụi nó với mày - một thằng Việt kiều - Thế thôi. Tao ở đây có bao giờ tụi nó ghé thăm, dù có gặp mặt. Không một cái chào. Bởi vậy, gặp tụi nó tao nhìn chằm chằm vào mặt, xem có thằng nào dám nhìn thẳng vào tao. Tụi nó ghét, kêu tao là... thằng mặt sắt! Ở trong nước bọn nhà giàu này chẳng khác gì bọn con ông cháu cha, ăn ở đạp trên đầu thiên hạ. Còn ở ngoài nước, một số Việt kiều trơ tráo, lâu lâu về nước đem tiền bạc vung vãi khắp nơi, xây khách sạn cất nhà lầu đầy đường phố, dù mới đi vài năm không lâu. Đàn bà 50-60 chục tuổi bơm ngực, bơm đít, cắt mũi và ăn diện đỏm đáng giống lũ choai choai vị thành niên mới lớn, như để khoe về tính dục hơn là sắc đẹp thẩm mỹ. Đôi bên cứ học đòi đua nhau hơn thua, tạo nên một xã hội hỗn mang.

- Mày sao cay đắng quá! Cuộc đời này có gì hoàn mỹ? Nếu nó hoàn mỹ như điều mày mong muốn, tao nghĩ thế gian này nó không còn nghĩa

là cái thế gian ô tạp và xô bồ; mà nó là thiên đường không bao giờ có. Việt kiều cũng có kẻ tốt người xấu. Có kẻ về nước sống phởn phơ vung tiền qua cửa sổ không nương tay, chẳng qua là mặc cảm thua thiệt về đời sống tinh thần và vật chất ở xã hội bên đó. Xã hội nào cũng vậy, đồng tiền dễ kiếm là đồng tiền không trong sạch và ít tốn mồ hôi. Tao ở bên đó 20 năm, về đây tao cũng xài như vậy được! Nhưng phô trương để làm gì? Khi quyết định ra đi, tao có cái lý tưởng để ruồng bỏ quê hương này. Tao về, chẳng qua là tao đi tìm lại những cái gì ở thời chưa đánh mất trước kia. - Tạo cố gắng phân trần.

- Vậy mày đã tìm được chưa? Hay mày chỉ nhìn thấy sự khó chịu bởi cái mác Việt kiều? Cả cái thị trấn giữa đường nhỏ bé này đã, đang xì xào về vợ chồng mày nửa tháng nay, mày chưa thấy sao?

- Dĩ nhiên tao thấy vấn đề và tao bất cần những gì người ta phê phán về tao. Điều muốn kiếm tao đã tìm được. Nó không hiển hiện ở trước mắt bằng sự việc, mà nó được tao nhìn qua bằng những con phố, những góc chợ, những dòng sông, những mái đình xiêu vẹo; bằng trí tưởng tượng phong phú của tao. Hoặc những sự việc có thật như những thằng bạn là mày và ngay cả mụ Nuôi.

- Mày đúng là thằng mọt sách. Nói như thánh! Cái gì nhìn sự việc qua sự tưởng tượng phong phú?- Hắn lấy thuốc mồi, tiếp. - Mày đừng có nhìn cái kiểu ngồi thu lu của tao. Chắc mày ngạc nhiên? Bây giờ, ai ai cũng ngồi thu lu như cái kiểu ngồi cóc nhảy này. Kiểu ngồi này nó tiện vô cùng! Nếu mày đang ngồi, một thằng nào đó đánh mày nếu nó muốn, và mày không được quyền phản kháng. Vì vậy, chỉ còn cách ôm hai cái đầu gối, cúi đầu xuống. Nó muốn đánh, muốn đập mày bao nhiêu tùy ý. Đó là thời bao cấp trước kia. Lâu dần rồi thành thói quen khó bỏ.

- Thôi, cho qua chuyện dĩ vãng. Nói thêm buồn mấy ngày Tết! Mày phải sống cho hôm nay và ngày mai. Vì chắc chắn lịch sử sẽ thay đổi, như đã từng thay đổi. Thằng Hảo làm bữa tiệc chiều nay, mời vợ chồng con cái tao gọi là tiễn đưa về Mỹ. Mày có đi với tao lần cuối không?

- Thôi, cho tao xin. Tao không đi. Xuống đó chỉ thấy những điều chướng tai gai mắt của bọn chó dái. Chỉ bực mình, muốn chửi thề. Nhưng mày cần gì phải đi chứ? Mày đã chứng kiến những gì đã xảy ra tuần trước!

- Tao phải đi! Ngoài lý do trở về để tìm lại những gì ở thời chưa đánh mất, tao còn muốn có những cái nhìn xác thực hơn để trải lên trang giấy; về một đất nước sau hai mươi năm bị bưng kín và nay được gọi là đổi mới! Bực bội hay không là do cái Tâm của mình. - Tạo ngẫm nghĩ, đoạn nói - Hồi nãy, trước khi lại đây, tao đến nhà ông bác rủ thằng Biên cùng đi.

Một mình ở nhà
NGU YÊN

Khi em đi xa
căn nhà chồm hổm run trong nắng
Chó chờ dầu ngõ buồn sủa ra thơ
Cả xóm tối mờ như cúp điện
Điện thoại im lìm như dứt dây
Phòng lớn quá anh hát không đầy giường ngủ
Truyền hình buồn thêm ông cao bồi mất vợ
chết một mình
Cơm tối mì khô lâu rồi quên cách nấu
Bạn rủ nhậu, không đi, chê rượu sẽ làm vui
Anh là người có tâm tình hơi sến
Thơ khi buồn có nước mắt khô
Rồi khảy đàn, đàn kêu tịch mịch
Rồi lên giường, mền lạnh nhớ chân
Anh ngồi dậy qua hỏi hàng xóm
"Chồng bà đi xa, sao bà vẫn vui?"

Mày cũng biết ở thị trấn này ai chả biết ổng là tu sĩ. Khi tao đến, ổng bảo: "Sao con ăn mặc xuề xòa thế? Thằng Hảo dù sao cũng là bác sĩ". Vừa khi ấy một chiếc Toyota mới toang đỗ xịch cách nhà ổng ba căn, một bà Việt kiều sang trọng bước xuống xe. Ông nói: "Đó mới là Việt kiều!" Tao nhìn qua mới biết là mụ Tú, sống cùng thành phố. Mụ quậy cả thành phố ở bên đó tung hê, ai ai cũng biết. Mụ sống nhiều nhân ngãi, non vợ chồng bằng cách mở nhà hàng. Sau này nhà hàng mụ ế nhẽ, để câu khách, ông nào vô uống bia muốn rờ mó mụ thế nào chẳng được. Bởi thế, mụ đi bơm vú thường xuyên cho khỏi xệ xuống nhanh. Tao cũng chẳng muốn kể dài dòng chuyện của mụ cho ông bác nghe, vì tao biết ông ấy không tin. Tao chỉ nhỏ nhẹ thưa: "Bác ạ. Thằng Hảo là bác sĩ, bác là tu sĩ, còn con may mắn là văn sĩ, dù nghề tay trái. Mỗi người được trời ưu đãi dành cho mỗi chữ Sĩ! Nhưng chúng ta phải biết hành xử chữ Sĩ đúng chỗ. Và con người ta hơn nhau là ở chỗ Sĩ, chứ không hơn nhau ở sự giàu sang, sự hào nhoáng bên ngoài."

Thằng "mặt sắt" gật gù, kết thúc câu chuyện:

- Ừ. Vậy mày nên đi để trải nghiệm đời sống bên này. Khi về Mỹ, viết xong đoản truyện nhớ gửi tao.

Bên lề một chuyến Tây du.

Trần Cà Mau

Đi. Như một tiếng gọi bí mật thôi thúc trong lòng những kẻ có chút tâm hồn lãng mạn. Vả lại, nếu không đi khi còn khỏe mạnh, mai mốt già yếu, chống gậy thở phì phò, thì có đi cũng hoa mắt chẳng thấy gì. Những năm trước, chúng tôi nhịn đi nghỉ hè để tiền giúp đỡ những bà con bạn bè nghèo khó, khốn khổ nơi quê nhà. Cứ nghĩ một lần đi chơi của mình có thể giúp đỡ nhiều gia đình bên nhà sống trong một năm. Thế rồi chùn chân, và như kẻ hà tiện, không đi đâu cả. Nhưng năm ngoái, bà xã tôi gởi cho một người bà con 200 đô-la, thì nghe họ nhắn: " Ngày trước mới quý, chứ bây giờ thì có đáng gì". Chúng tôi cảm thấy mình "quê một cục", và nghĩ giá như có ai đó nổi hứng lên, cho mình chừng 50 đô la thì cũng mừng hết lớn. Nhân một anh bạn bị tai nạn tật nguyền khuyến khích rằng, nếu có dịp thì nên đi ngay, đừng chần chờ, vì biết đâu một ngày kia không! còn đi được nữa thì tiếc mãi, như trường hợp của anh. Bây giờ là công dân Mỹ, có tự do, muốn đi đâu cũng được, không hành xử cái quyền lợi đó, thì uổng lắm. Làm dân các xứ khác, có tiền muốn đi, nhà nước cũng không cho đi. Đi du lịch, thì bà xã tôi vì chìu chồng mà cắn răng theo, chứ chẳng hứng thú gì. Vì theo bà, nước Mỹ là nơi có đủ phong cảnh đẹp, có đủ tiện nghi, giá cả lại rẻ, mà chưa đi hết, còn đòi đi xa chi, cho tốn tiền, mệt nhọc, lo lắng và đủ thứ bất tiện. Vả lại, thiên hạ đồn rằng, Âu châu là một nơi đắt đỏ khủng khiếp, ăn một miếng bánh mì kẹp nhỏ bằng lòng bàn tay cũng 6 hay 7 đô, ăn một bữa cơm tiệm cho đàng hoàng thì cũng mất từ 50 đến 80 đô (lời một chị dạy Gia long cũ), tô phở bé tí teo chưa thấm miệng mà cũng 7 đô. Uống một ly nước lạnh thì cũng chém 5 đô. Thức ăn bên đó quý lắm, bà con có đãi ăn, thì cũng là một hy sinh lớn lao đối với họ. Cả áo quần, dịch vụ, cái gì cũng rất đắt, đụng đến là phỏng tay. Thêm vào đó, thì tiện nghi rất thiếu thốn, khách sạn có thể phải dùng

phòng tắm chung, nhà tiêu tập thể, và nhà tiêu thì không có giấy lót bàn cầu, không có giấy lau khi vệ sinh xong. Nơi công cọng không có nhà vệ sinh, có bà đã cuống cuồng ôm bụng chạy quanh, không biết xả vào đâu. Tiệm ăn thì đóng cửa buổi trưa cho đến 5 hay 6 giờ chiều mới mở .

Lại nữa, trộm cắp cướp giựt như rươi, hở một chút là bị móc túi, bị giựt xách tay, bị rạch áo quần. Có kẻ gian ăn mặc sang trọng giả vờ ngã vào bộ hành, tưởng người ta mắc bệnh bất thần , vội đưa tay ra đỡ, sau đó, thì cái túi xách không cánh mà bay, ví cũng không còn nữa, mất luôn tiền bạc lẫn thẻ chiếu khán. Có người đã giấu tiền kín vào bên trong áo, mà mất khi nào không biết. Người ta đồn rằng, có những cô gái rất xinh đẹp, ngực nở, hở hang, đến hỏi han cọ quẹt làm tâm thần nạn nhân mê man, rồi đồng bọn nhẹ nhàng móc hết ví tiền khi nào không hay, khi tỉnh giấc dê thì than trời không thấu. Có người còn bảo là con nít được tổ chức hàng hai trăm em, ào ra vây kín du khách và dựt ví tiền chuyền cho nhau, cảnh sát cũng đành chịu thua. Vợ tôi than, không biết vui chi mà đến những nơi ghê gớm như vậy?

Biết người biết ta thì đâu có ngán chi ai. Nhóm chúng tôi ba gia đình, gồm tám người, cùng mua chuyến đi của hãng du lịch Trafalgar. Ông anh bà con chuẩn bị kỹ nhất. Mang theo đủ thứ thức ăn như mì gói, cháo khô, cơm sấy, thịt chà bông, cá hộp, patê hộp, xúc xích, giò chả, bánh khô, thức uống khô đóng gói, ớt, tiêu, muối, xì dầu, chén bát nhựa, dao, thớt, máy đổi điện thế, lò nấu bằng điện, lò nấu bằng đèn. Anh bảo rằng có thể sống sót trong vòng một tháng mà không cần nguồn tiếp tế nào. Anh lại mang thêm cả chục cuộn giấy đi cầu, giấy lót bàn cầu, khăn khô, khăn hộp ướt, dầu nóng, thuốc đau đầu, thuốc đau bụng, thuốc nhỏ mắt, xà phòng, bàn ủi điện, đèm bấm, áo quần đủ các loại, khi cần có thể giặt ngay. Lại may thêm đủ thứ, túi ngoài, túi trong, máy báo động khi bị móc túi, dây nhợ, máy thu hình video, máy chụp hình, gối đỡ đầu khi ngồi ngủ trên máy bay, chất đầy trong vali và túi riêng. Phần vợ chồng tôi, thì cũng lo lắm, bà xã tôi mua hai cân thịt chà bông, mấy hộp cá, mấy hộp patê gan, bánh mì khô, bơ mặn Pháp, bánh bích quy mặn, cháo khô, mì gói và vài thức ăn khác. Thấy vậy, có người hỏi đùa là sao không may ruột tượng đựng gạo , mang chéo qua vai như cán binh Cọng Sản sinh bắc tử nam xâm nhập Trường sơn?. Tôi còn tập ăn bánh mì với patê gan và bơ mặn Pháp, để làm quen cho khỏi bở ngỡ vì mười mấy năm nay tuy gần bơ sữa, nhưng cứ đều đều ngày hai bữa cơm của vợ, không biết đến bơ sữa là gì. Để chống trộm cắp, tôi mua áo khoác gió, có túi trong, túi ngoài, túi bí mật. Vợ tôi còn may thêm mấy cái túi có dây khóa bên trong áo. Mua thêm túi đeo ngang qua nách như FBI mang súng, mua thêm túi mang vào

bắp chân, để giấu tiền, giấu giấy tờ quan trọng. Cái túi đeo vào bắp chân thì phải thực tập, mang cho quen. Nhưng khi tập mang, cảm thấy vừa nóng, vừa ngứa ngáy, không chịu nổi, đành phải bỏ đi. Bạn tôi mua thêm cái nịt hai lớp để giấu tiền vào đó, giấu thêm tiền vào đế giày, chẳng khác nào thời cũ đi vượt biên. Trong va-li, tôi nhét thêm ít tiền, đề phòng khi bất trắc. Sao chụp các thứ thẻ như thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng, bằng lái xe, ra làm nhiều bản, nhờ bạn bè giữ để phòng khi cần mà biết số, biết nơi, mà kêu điện thoại.

Sai lầm đầu tiên là chúng tôi không chọn phi trường lớn để bay thẳng qua London cho đỡ mệt. Chúng tôi tưởng phi trường nhỏ ít xe cộ, khỏe hơn. Nhưng lại phải bay vòng xuống Dallas, Texas, chuyển máy bay lên New York, rồi chuyển một lần nữa đi London. Vì chuyển máy bay nên vất vả, vì nếu chậm chân thì trễ chuyến bay, đôi lúc phải chờ chuyến bay dài cổ ra. Chỉ mới đến thấu New York thôi, đã mệt phờ, tôi nghĩ nếu thêm vài ba tuổi già nữa, thì e không đi nổi. May mà đi lần này. Nhưng khi ngồi trên máy bay lớn băng Đại Tây Dương, thì tôi thấy khỏe lại, máy bay êm như ngồi trong phòng tại sở. Tạm thời ngủ lơ mơ dưỡng sức theo lời khuyên của bà bán vé tại công ty du lịch. Đến phi trường quốc tế London, hành khách ngạc nhiên khi phải xuống máy bay, đi xe bus vào cửa quan thuế, không phải chui vào ống hành lang trực tiếp từ máy bay ra trạm kiểm soát. Luýnh quýnh xếp hàng đuôi dài như trò chơi rồng rồng rắn rắn, cái đuôi gập khúc năm sáu quãng. Chờ mãi rồi cũng tới phiên trình thẻ thông hành rồi đi tìm hành lý. Tìm mãi không có, chạy quanh hết quầy nầy qua quầy khác, bốn người chia nhau đi tìm. Thì ra hãng hàng không đã đem hành lý về quầy, vì không chờ được những người khách qua ngõ thuế quan chậm chạp . Theo cẩm nang chỉ dẫn của hãng du lịch, chúng tôi đi dần ra chờ đại diện hãng đón, ngóng hoài mà chẳng thấy ai, trong lúc đó, thiên hạ đi đón người quen dong bảng tên cả trăm cái. Chờ mãi không được, tôi dong cái bảng có tên hãng du lịch ngoắt trên không, một lúc sau, có người chỉ cho tôi cái quầy của hãng du lịch. Tôi đưa giấy tờ ra, họ chỉ cho tôi cách đi xe về khách sạn. Cái cảm tưởng đầu tiên của tôi với London và với nước Anh là sự cổ kính, xưa. Mấy ông cảnh sát vẫn đội nón như mũ đồng, sùm sụp, giống như hình vẽ trong sách Anh văn mà tôi thấy thời trung học 40, 45 năm trước . Xe taxi với hình dáng cổ lổ từ thời xe mới ra lò, tôi chợt nhớ đến các chiếc xe "lô" chạy đường Sàigòn Đàlạt thời tôi còn mũi nước lòng thòng. Nhà cửa, kiến trúc cũng cũ kỹ, màu gạch xám rêu phong, mái lợp đá chẻ màu xám. Phi trường xe cộ kẹt cứng, xe chạy bên trái, tài xế ủi đại xe tới, nhiều lúc tưởng tài xế đang say rượu. Hành khách thót lên nhiều lần vì tưởng tai nạn sắp xảy ra. Chiếc xe

như một con ngựa sút cương, chạy một cách hoang dại trên đường phố đông đảo, nhiều lúc qua khúc quành, cán lên lề đường của bộ hành. Không trách chi anh bạn tôi ở London đã 6 năm vẫn chưa có bằng lái xe. Anh nói rằng, lấy cái bằng lái xe còn khó hơn lấy cái bằng tiến sĩ. Vào khách sạn, chúng tôi kiểm soát ngay và ngạc nhiên thấy có phòng tắm riêng, phòng tiêu tiểu riêng, trắng tinh, sạch sẽ, và đủ giấy vệ sinh, đủ khăn lau, không thua gì một khách sạn hạng khá tại Mỹ. Mền chiếu cũng trắng sáng, đàng hoàng, không như lời đồn đãi của những người đi trước. Tắm rửa xong, thì chuông điện thoại reo, một người bạn tôi đang ở London đến đón chúng tôi đi xem phong cảnh. Vợ chồng anh bạn dẫn chúng tôi xuống xe điện ngầm, đi về phố chính. Đi thăm phố dành cho du khách . Ở đây, có nhiều ban nhạc tấu kèn, đánh nhạc, du khách tập nập đứng lại nghe, ném tiền vào nón. Tôi thấy tiệm Tàu, giá thức ăn cũng không lấy gì làm đắt như thiên hạ đồn, trung bình một món ăn cũng khoảng 10 đồng Mỹ kim. Một con gà xì dầu khoảng 20 đồng. Giá cả gần gấp đôi giá món ăn tại Mỹ. Nhưng không biết khối lượng nhiều hay ít. Chúng tôi bảo nhau rằng với giá đó, thì cần chi mang theo các thứ thức ăn lỉnh kỉnh cho mệt? Rồi chúng tôi đi thăm đi thăm các công viên nổi tiếng mà chim bồ câu bay rợp, đậu lên tay du khách đòi ăn. Đi thăm các dinh thự hoàng gia Anh quốc, thấy mấy ông lính gác nghiêm nghị trong lễ phục xanh đỏ như các anh hề. Hai anh lính cỡi ngựa trong thế nghiêm không nhúc nhích, mùi phân và nước tiểu ngựa xông lên khai nồng nặc, dưới chân hai con ngựa là bết bát bầy nhầy phân trộn nước tiểu. Tội nghiệp cho hai chàng lính trẻ mặt mày sáng sủa, đẹp như tài tử chiếu bóng. Du khách muốn chụp hình với kỵ sĩ cứ la toáng lên, hối người chụp bấm mau vì không chịu nổi mùi khai nồng. Điện Buckingham, Đồng hồ Big Bell, Cầu Tháp , sông Thame, những danh từ riêng thường nghe từ thuở mới bập bẹ học Anh văn, nay lại thấy tận mắt. Khi vào công viên, anh bạn khát nước mua một cây kem, cùng cỡ với cây kem nhỏ ở Mỹ, bị chém mất khoảng 5 đô, nếu tính theo tiền Mỹ. Bây giờ tôi mơ! Ôi thấy cái đắt đỏ, nhưng chỉ một lần đó thôi. Ngoài ra, giá cả thức ăn trong tiệm thì cũng không đến nỗi nào. Chúng tôi đi chơi, ban đầu ôm khư khư lấy ví tiền và thẻ thông hành, nhìn ai cũng thấy họ có vẻ gian xảo, như sắp cướp giật đến nơi, đi một hồi, không thấy cướp bóc, móc túi gì cả, mới thôi kè kè ôm túi áo, thấy mình thong thả hơn, nhưng cũng không quên đề phòng tối đa. Trên đường phố, nhìn qua thì đoán được ai là du khách, ai là dân địa phương. Dân địa phương thì ăn mặc lịch sự đúng phép, áo vét, giày da, thắt cà vạt, còn du khách thì ăm mặc lè phè, đi giầy bata. Nhà cửa thì hình như đa số dân chúng ở appartment, những căn nhà năm bảy từng có nhiều ô cửa sổ và trên nóc lố

nhố nhiều ống khói.

Tất cả 32 du khách đến từ Mỹ, Canada, Nam Phi, Ấn Độ, New Zeland, Úc châu, Mã Lai, Puorto Rico , được lên một xe buýt dài, cao, ghế ngồi thoải mái, có máy lạnh, chạy thẳng từ London đến eo biển Manche, đi qua Pháp bằng phà. Tàu phà rộng rãi, sạch sẽ, tiện nghi, có cả chợ tạp hóa lớn, nhiều quán ăn, uống. Khách qua phà được phát một cái phiếu để mua hàng hóa miễn thuế quan với số lượng giới hạn, như bia, rượu, thuốc lá, áo quần, thức uống, vật dụng. Bởi vậy nên thấy nhiều người lè kè ôm cả két bia tổ bố trên tàu phà. Hành khách qua phà đông đảo, rộn rịp. Phà đi qua biển Manche mất hơn một giờ, trời nắng, gió mát lồng lộng. Bên bờ phía nước Anh, nhiều núi đá sát bờ bị cắt thẳng đứng. Có lẽ kỹ nghệ khai thác đá cắt dần, không biết thời thế chiến thứ hai, những bờ nầy có giúp ích chi cho Anh quốc chận đứng hải quân Đức xâm nhập không! Không biết trận hỏa công mà quân Anh đổ dầu xuống biển, đốt cháy ngăn chận địch có phải ở vùng nầy không. Qua địa phận Pháp thì đổi xe và đổi tài xế, vì cách lái bên trái, bên mặt khác nhau. Xe băng qua Pháp để vào đất Bỉ (Belgium), đến ngay thủ đô Brussels. Xe que một phố hẹp, bỗng du khách trong xe nhốn nháo vì thấy trong các nhà bên đường, các cô gái ăn mặc hở hang, rất ít vải che thân theo lối nhà nghèo, có cô chỉ mang sợi dây vòng qua khe mông mà thôi, ngực để thổn thện, mặt mày son phấn bê bết. Suốt một con đường dài, nhà nào cũng có vài ba cô đứng ngồi ra vẻ nhàn cư lắm. Có cô, tuổi tác cũng trên năm mươi, đáng tuổi bà ngoại bà nội, mà vẫn ưa trưng bày cái thân thể đã nhão nhẹt, nhăn nheo. Chắc có lẽ để phục vụ các cụ cố thích đồ cổ. Nhiều tiếng đùa: "Lái xe chậm lại bác tài ơi", "Đi lại một vòng nữa đi". Các bà trên xe, thấy vui cũng cười dễ dãi khi thấy mấy ông chồng cười đùa huyên náo. Thành phố cổ Brussels có nhiều đền đài kiến trúc vô cùng mỹ thuật được xây từ nhiều thế kỷ trước, đường lát đá , nhà cửa xây cất hoa văn tỉ mỉ. Có quãng trường Grand Palace, xây dựng từ thế kỷ thứ 12 và 17 được vây quanh bốn bề bằng những kiến trúc đẹp mắt, mà văn sĩ Victor Hugo đã gọi là công trường đẹp nhất thế giới. Có lẽ thời nay không ai xây cất được nữa.. Ban đêm, nơi nầy được chiếu sáng bằng những đèn màu từ từng trệt lên đến chóp đỉnh, đèn chớp tắt từng vùng theo điệu nhạc vang động cả công trường. Hàng ngàn người đi chơi thưởng ngoạn nhạc và đèn mầu. Chung quanh công trường, bàn ghế của các quán ăn bày la liệt mà thực khách ngồi chen chúc, họ ăn, uống, nô đùa, chuyện trò trong ánh đèn đêm. Cả một vùng rộng lớn, các con đường lát đá dẫn đến quanh công trường, là quán ăn mà bàn ghế bày chật lối đi của bộ hành, nhiều đường cấm xe đi, vì khách ăn uống ngồi lan ra đường đông đảo. Nếu đem tất cả quán ăn vỉa hè của Sài

gòn cũ gom lại thì e cũng chỉ chưa bằng một phần tư của các quán trong khu nầy. Có người hỏi, ngày thường mà ăn nhậu, chơi khuya đông đảo như thế nầy, thì sức đâu mà ngày hôm sau vào sở? Đó là câu hỏi của những người du khách Mỹ. Chắc dân địa phương thì chẳng có thắc mắc gì. Anh bạn tôi kết luận, ham chơi thế nầy thì làm sao mà giàu được, ở Mỹ thì lo làm giờ phụ trội (OT) bở hơi tai, dân bên nầy chắc chẳng có cái màn làm một ngày mười giờ, mười hai giờ. Bây giờ thì tôi không còn thắc mắc tại sao một anh bạn VN du học tại Bỉ quốc, qua Mỹ ở vài năm, thấy đời sống buồn tẻ, vô vị quá, quay lại Bỉ, dù không có công ăn việc làm tốt. Đời sống vui như thế nầy, trách chi khi vua Bỉ già chết, nhường ngôi cho con, ông con nhất định không nhận, tội chi làm vua để bị lễ nghi bó buộc, không la cà uống rượu, ăn hàng ngoài đường, và đi chơi đêm mà chẳng ai dèm pha phê bình. Hoàng gia phải đi tìm người em gái của vua đem lên thay thế. Không biết có phải vì bà ham quyền lực, hay là bà không thiết đến cái phóng túng của bậc dân giả mà chịu nhận nối nghiệp vua anh. Bây giờ bà hoàng cũng già sắp chết, mà người được chỉ định để nối ngôi cũng lắc đầu "em chả". Lạ quá, làm vua mà không ai ham. Cái ngai vàng nầy mà chuyển qua cho dân Á Châu, thì có khối máu chảy vì tranh giành. Tôi bảo với anh bạn, nếu không ai nhận , thì tôi sẽ hy sinh nhận làm vua cho, tôi sẽ phong cho anh bạn làm thừa tướng, và phong cho tất cả dân VN tị nạn tại Bỉ chức quận công, bá tước , tha hồ mà nở mày nở mặt với thiên hạ. Tại Brussels, khi đứng trên lầu khách sạn, tôi thấy có hai tiệm ăn VN bên kia đường , mừng quá, tôi định buổi tối xuống ăn cơm VN tại Bỉ quốc, xem có khác gì không. Khi đến tiệm, thì thấy cả hai đều sạt nghiệp, đóng cửa, có bảng ghi bán tiệm. Tôi chuồi vào cửa mấy tờ tuần báo biếu bằng chữ Việt tại vùng Vịnh San Francisco, mà chị bạn tôi vô tình mang theo trong cái xách tay khi ngồi tại phi trường. Tôi ghi lên bìa: "Đồng hương đi qua đây, biếu chủ quán đọc chơi". Chắc mấy người nầy thích thú lắm. Ở cái xứ vắng vẻ nầy, mà có tờ báo chữ Việt, thì không có gì vui hơn.

Ngủ một đêm tại Bussels, hôm sau chúng tôi lên đường sớm đi Luxembourg. Trên đường đi, tôi thấy nhiều đồng ruộng, trang trại chăn nuôi và rừng phong ở chân trời. Hình như dân chúng sống nhờ nông nghiệp nhiều hơn kỹ nghệ. Khi đi ngang que Waterloo, tôi tưởng như còn nghe tiếng quân reo, ngựa hí, tiếng gươm đao san sát, và đại quân của Anh Quốc tử chiến với đoàn quân của Napoléon. Hai bên đang chiến đấu nghiêng ngửa, long trời lở đất , thì liên quân Phổ phục kích trong rừng phong tràn ra, làm thế trận xoay chiều, quân Pháp co cụm lại, xác chết ngổn ngang. Hoàng đế Napoléon thất thế, đứng bơ vơ giữa đám tàm quân, thây người ngổn ngang như cỏ dại, mặt mày ông phờ phạc. Tan tành tham

vọng, và chịu bị bắt đi đày cho đến chết. Tôi ít có cảm tình với những thứ anh hùng, đại đế với tham vọng điên cuồng, họ sung sướng trên nỗi đau thương khổ cực của dân bại trận và lạnh lùng trước xương máu của chiến sĩ thuộc quyền. Đến Luxembourg vào buổi sáng, xe đổ chúng tôi bên công viên Luxembourg, vườn cây xanh ngắt nằm dưới thung lũng sâu, có hoa cỏ muôn màu, như vườn thượng uyển. Có cầu móng vòm cao ngút. Băng qua bên kia đường là phố, có rất nhiều quán xá ngoài trời. Khách đông đúc tấp nập. Tôi lần theo tiếng nhạc đi đến một sân rộng, trên sân có khoảng hai chục cặp nam nữ ăn mặc theo lối xưa, đang nắm tay, sắp hàng nhảy múa theo nhịp điệu của một ban nhạc sống. Đàn ông, đàn bà, ăn mặc rất đẹp, sặc sỡ, áo trắng tay phùng, áo chẽn xanh, lưng thắt bản rộng màu đỏ, chân bó ghệt xanh, nhảy múa nhanh nhẹn, tuổi tác của họ từ 18 đến trên 60. Những nhịp chân yêu đời, vui sướng trong một xứ thanh bình, thịnh vượng. Hạnh phúc sáng ngời tỏa trên từng khuôn mặt họ. Hôm nay là thứ ba trong tuần, tôi thắc mắc, sao họ có thể rảnh rỗi trong giờ nầy mà đàn ca múa hát tập thể ? Hay những người nầy làm việc ca đêm chăng? Tôi cảm thấy như mình sống trong phim ảnh, một ngày vui, lạc chân vào chốn thần tiên. Các cửa hàng đông đảo khách ngồi ăn uống. Tại sao họ ăn uống vào giờ nầy nhỉ ? Ăn sáng thì quá trễ, ăn trưa thì quá sớm. Tôi mua được một ổ bánh mì dòn dài, đồn thịt nguội, để dành ăn trưa cho bốn người. Kể cũng lạ, một xứ bé tí xíu, mà thanh bình, sung sướng, đẹp đẽ, dân chúng vui tươi hạnh phúc.

Buổi chiều, xe băng về Thụy sĩ, xa xa bóng núi Alps chập chùng, xe đến thành phố Lucern vào khi nắng xiên khoang chiếu trên hồ xanh ngắt. Thụy sĩ là xứ nổi tiếng kỹ nghệ đồng hồ, và là xứ được thực sự hưởng trung lập qua bao cuộc chiến tranh nóng, lạnh giữa đông và tây. Chiều tà, bóng nắng, bóng núi , bóng hồ lồng vào nhau trong hương hè ấm áp. Hồ rộng, sạch sẽ, để tiết ra cái văn minh giàu có của một xã hội mà lực lượng trí thức đông đảo, không xứ nào có tỷ lệ cao bằng, và nơi mà các tỷ phú trên thế giới đến mua nhà cư ngụ tìm an lành tự do, và họ đổi lại bằng cách trả giá cao cho sinh hoạt xã hội. Hồ xanh ngắt nước trong sạch sẽ, chúng tôi tìm được một hình ảnh quê hương, có cây cầu dài lợp ngói, như "Cầu Ngói Thanh Toàn". Cây cầu nầy rộng rãi, dành cho khách bộ hành, giữa cầu phình ra, có nhà hàng buôn bán, ăn uống. Khách du đi lại trên cầu, dừng lại ngồi uống li cà phê, thưởng thức gió mát mơn man trên da thịt. Khách sạn chúng tôi ở nằm bên hồ, phòng ngủ, phòng tắm, sáng sủa, sạch sẽ, sang trọng hơn khách sạn bên Anh Quốc và Bỉ quốc nhiều phần. Phòng có ban công ngồi nhìn ra hồ, bên dưới là quán ăn, đặt bàn và dù che trên sân rộng. Ban đêm, chúng tôi ra ban công ngồi thưởng trăng sáng

vằng vặc chiếu trên hồ, và bóng núi bên kia có ánh đèn nhấp nháy. Trăng sáng, khí trời mát dịu , lòng người sảng khoái lâng lâng. Sáng hôm sau chúng tôi dậy sớm đi dạo bờ hồ, con đường ven hồ lát đá sạch và mát. Chúng tôi bắt xe buýt đi , dù không biết tiếng Thụy sĩ, anh bạn tôi cũng đọc và hiểu được chỉ dẫn trên vé xe: "Vé có giá trị trong 2 giờ, không có giá trị để đi qua vùng khác". Anh dịch thêm một tờ quảng cáo khác, và kết luận:" Tiếng Thụy sĩ dễ ợt, cứ viết tiếng Pháp pha tiếng Anh, viết sai bét sai be, thành ra tiếng Thụy sĩ". Tôi giật tờ quảng cáo trên tay bạn mà đọc, thì thấy nhận xét của anh bạn không sai chút nào. Con đường từ Thụy sĩ qua Ý là vùng núi non, dân cư sống thưa thớt trong các thung lũng, sườn núi. Đúng như câu thơ của Tú Xương: "Bồng bế nhau lên chúng ở non". Nhiều nơi không thấy có đường từ nhà dẫn ra lộ chính. Đi tị nạn mà được đến những vùng nầy thì có buồn mà thối ruột. Nhất là những ngày đông giá, tuyết chất chồng cao ngất.

Qua hơn 80 cái hầm xuyên núi thì đến thành phố Venice của Ý quốc (Italy) vào buổi chiều, sau khi nghỉ ngơi vài mươi phút, hướng dẫn viên du lịch đem chúng tôi đi chơi kinh "Tầu hủ ". Những con kinh hẹp, nhỏ chằng chịt, mà hai bên là nhà lầu gạch cao nhiều từng, để lòi móng rêu phong tiếp xúc với nước đục xanh lờ nhờ. Mỗi thuyền chở năm sáu du khách, có người chèo, đi thành đoàn. Chiếc thuyền trung ương chở thêm hai nhạc sĩ kéo phong cầm và một nam ca sĩ mà giọng hát trầm âm vang, vọng lớn giữa hai bức tường cao dọc theo kinh làm tiếng ca thêm khuếch đại. Họ ca những bài quen thuộc của Âu châu mà dường như ai cũng biết, như "Trở về mái nhà xưa, Hãy hôn tôi thật nhiều, Orpheu Negro..." Khách du trên thuyền ca theo và vỗ tay làm nhịp. Nhiều người trên bờ kinh dừng lại vẫy tay chào. Khung cảnh thơ mộng, hữu tình, vợ tôi nói rằng mới đi thuyền lần đầu mà có cảm giác quen thuộc như đã đi qua đây nhiều lần. Tôi cũng có cái cảm giác đó. Có lẽ qua phim James Bond, qua hình ảnh trong sách, trên truyền hình mà chúng tôi có cái cảm giác đó. Hướng dẫn viên cho biết thành phố nầy cất trên biển, vùng đất lầy, móng nhà được đóng cây lèn đất cho chặt như bên VN mình đóng cừ tràm, cừ gốc tre. Mỗi năm nhà lún xuống 6 li. Nghĩa là mấy trăm năm qua, đã lún xuống vài thước. Tiền nhân của dân vùng nầy, vì không chịu sống chung với bọn Rợ xâm chiếm, cho nên kéo nhau qua đây lập cư. Tiếng Rợ ở đây là dịch theo tiếng "Barbare" của hướng dẫn viên. Không biết để ám chỉ đế quốc Thổ nhĩ Kỳ, hay đế quốc Mông cổ. Có lẽ sau nầy, trong gia phả của nhiều gia đình tị nạn, cũng ghi tương tự rằng, tổ tiên không sống chung nổi với Rợ Cọng Sản, nên vượt biển ra đi. Thấy một du khách Đại Hàn, tôi hỏi ông ta phải trả bao nhiêu để đi thuyền trên kinh nầy, ông nói là 55 đồng Mỹ kim.

Tôi cho ông biết tôi chỉ trả có 31 đồng mà thôi, hướng dẫn viên du lịch của nhóm ông chạy đến nói rằng: " Giá vé mỗi xứ mỗi khác nhau,, không thể so sánh được". Tôi cười vui vẻ đáp: "Đúng, chúng tôi người Mỹ nghèo, nên chỉ trả 31 đô, còn người Đại Hàn giàu hơn, thì phải trả 55 đô, không có chi ngạc nhiên cả". Mấy ông du khách Đại Hàn cười hăng hắc. Ngày hôm sau, chúng tôi được đi chơi trong thành phố Venice nguyên một ngày, đi dạo trong các khu chật hẹp như khu bàn cờ ở Sàigòn, có quán xá san sát, đường lát đá tảng nhỏ, sông rạch chằng chịt, du khách tấp nập, thuyền bè rộn ràng. Khách năm châu tấp nập đổ về. Tại Venice, nhà thờ xây cất khắp nơi, nhà thờ nào cũng lớn, vĩ đại, kiến trúc cầu kỳ, điêu khắc tỉ mỉ rất công phu. Ngày hôm sau chúng tôi đến La Mã, xe chở chúng tôi chạy quanh thành phố, hướng dẫn viên chỉ cho chúng tôi những di tích danh tiếng. Hôm nay, chúng tôi được đi ăn tối do cơ quan du lịch đãi. Quán ăn lớn, chúng tôi được dọn riêng một góc vườn, hai nhóm du lịch ăn chung, có nhạc sĩ đàn đương cầm và hát. Người nhạc sĩ chừng trên dưới 50 tuổi, chăm chú đàn hát, trên bàn có cái lọ thủy tinh đựng tiền thưởng. Bạn tôi nhét 1000 đồng vào lọ và nói với tôi:" Mình chơi sang, cho nhạc sĩ 1000 đồng, nói ra không ai tin đâu" . Nghe thì khiếp, nhưng thực ra không phải vậy, vì khi tôi đi vào cầu tiểu, thì thấy bạc ngàn chồng chất trong cái rổ trước cửa nhà cầu. Tôi cũng vội vã móc túi, bỏ ra 1000 đồng. Nghĩ cũng hơi tục, mình vào nhà hàng ăn phải trả tiền, mà còn phải trả thêm tiền đi tiểu. Bà xã tôi nói đùa, lương mỗi tháng chúng mình e chưa đủ để trả tiền đi tiểu, đi tiêu trong một ngày. Tôi thì cảm thấy buồn khi thấy số tiền trong cái rổ trước cầu tiêu nhiều hơn vài chục lần số tiền trong cái bình thủy tinh của nhạc sĩ. Công khó biết bao nhiêu để luyện nên tiếng đương cầm du dương đó, và phải có thiên phú mới được lời ca trầm ấm kia. Thực khách có thể quên tiền thưởng cho nhạc sĩ, nhưng không dám không trả tiền nhà vệ sinh. Một bên là nhu cầu tối cần, một bên là nghệ thuật. Ở Ý, thì dùng nhà vệ sinh, phải trả tiền từ 500 đến 1000 đồng (khoảng 35 xu đến 70 xu Mỹ). Ban đầu thì tôi thấy hơi kỳ, nhưng khi nghĩ kỹ lại, thì thấy công bằng, có thế nhà vệ sinh mới được chăm sóc và tiện nghi hơn. Thà mất tiền, nhưng có nơi để tiêu tiểu, còn hơn là phải ôm bụng hốt hoảng chạy quanh. Bữa ăn chiều dọn ra, đầu tiên là một dĩa chiên, có cà tím, ớt bị, dưa leo, và các thứ quả khác, chiên dầu, có nhiều gia vị, ăn rất ngon miệng. Tôi tưởng chỉ có thế thôi, rán ăn cho sạch dĩa. Món thứ hai lại được bưng ra, dĩa mì Ý nấu chay, không có bóng dáng thịt thà chi cả, chúng tôi cũng rán nuốt hết, cũng ngon chứ không đến nỗi nào. Cũng tưởng thế là hết, nhưng một dĩa nữa bưng ra, cũng mì sợi, nhưng loại dẹp và màu xanh lá chuối, cũng chẳng nấu với thịt thà chi cả.

Nhưng cũng ngon, và chúng tôi quất sạch. Anh bạn tôi bảo rằng, không ngờ ở đây, La mã, đất Thánh mà lại còn ăn chay kỹ hơn cả mấy vùng đất Phật. Rượu nho được rót hết bình nầy qua bình khác, thiên hạ uống ào ào còn hơn uống nước lã. Ông bạn bên cạnh bảo tôi là rượu nho nơi đây ngon đặc biệt, mùi vị đặc biệt, thấm vào cổ họng, thấm vào từng thần kinh khẩu vị, chỉ có nước Ý mới có thứ rượu nầy. Tôi trả lời rằng, tôi thì thấy rượu nho nào cũng chua chua như nước đái quỷ, không thể biết được thế nào là ngon dở. Ngươi ta nói, rượu nho ở Ý còn rẻ hơn nước lã, tôi thì không có ý kiến. Sau vài chầu rượu, thì thêm một dĩa nữa dọn ra, lần nầy thì là thịt, không biết thịt gì, hình như thịt cắt mỏng và quấn lại thành một cục, ăn dai dai, vị đậm đà. Ngon, món nầy cũng rất ngon. Ăn xong, từng cặp ra sàn nhảy theo tiếng nhạc du dương. Đàn ông thì nhoi và lắc cái mông teo rí, trong lúc bụng trước thì ỏng xề mà cái nịt lưng chạy xệ vòng xuống gần háng. Đàn bà thì tuổi tác làm xề ra, tay chân múa vụng về , chân loạng choạng đỡ cái thân nặng. Một cụ già lụ khụ đi xe lăn, cũng được người con gái dẫn ra sàn , cụ chập choạng, đầu gối co lại như xuống tấn, cho khỏi té, hai tay cong cong đua ra, y hệt như trẻ con mới tập đi. Rối đến lúc nhạc trổi lên náo nhiệt, những người đang nhảy lôi tất cả thực khách dậy, người sau vịn vai người trước , sáu bảy chục người nối đuôi nhau lắc lư bước theo tiếng nhạc, làm thành cái đuôi dài như thời nhỏ chơi trò " rồng rồng rắn rắn". Anh bạn tôi vui quá, dậm mạnh chân mà thét lớn: "Cho xin khúc đầu - Cả xương cả xóc. Cho xin khúc giữa - Cả máu cả me. Cho xin khúc đuôi - Cả xuôi cả ngược". Đám Việt Nam chúng tôi cười ầm lên , trong lúc những người khác không hiểu chuyện gì. Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm vào thăm Vatican, chỉ cần đến chậm vài mươi phút là cái đuôi dài cả nửa cây số. Trong tòa thánh, có lính gác và viên chức mặc áo vét, cà vạt, để giữ gìn trật tự và hướng dẫn du khách. Các viên chức hình như quá chán ngấy với đám du khách hành hương hỗn tạp từ năm châu, mà hàng ngày họ phải chịu đựng, nên có vẻ lạnh lùng, mệt nhọc, không thiện cảm . Trong các phòng kín nhỏ, các linh mục đang nhận lời xưng tội của các con chiên sau bức màn. Một linh mục chưa có người xưng tội, đang rảnh rang, đem tiền ra đếm, những đồng tiền Ý màu sắc đẹp đẽ. Xa xa trong phòng riêng, một số Hồng Y già cỗi, nhăn nheo, chậm chạp, hình như họ đang nguyện cầu cho một hồng y khác vừa tạ thế. Tôi thầm thán phục họ, hiến dâng trọn đời cho Chúa, để mưu cầu sau khi rời thế gian, thì được mãi mãi về nước Chúa. Còn tôi thì kiếp nầy đây, vất vả lo còn chưa xong, đâu có dư thì giờ lo cho kiếp tới. Trong Tòa Thánh có rất nhiều tượng và tranh vẽ nghệ thuật mà không nơi nào khác có. Tranh của Micheal Angelo là những tác phẩm quý báu nghệ thuật mà không nơi nào có được.

Gồm những bức tranh cổ xưa, thu thập từ trước thời Chúa Giê su trong đó ghi lại sinh hoạt, phong tục của tiền nhân. Xin đừng ai xấu hổ vì dân Á Đông ăn thịt chó. Có bức tranh xưa to lớn, vẽ đám đông ăn mặc như các ông thánh đang xúm xít quanh một con cầy thui. Bà hướng dẫn xác nhận đúng là "Cây còn"! . Thêm cái phong tục bỏ tiền vào miệng người chết để hối lộ cho ma vương quỷ sứ trên đường đi đầu thai, không phải là VN học lóm của mấy ông Tàu. Vào thời trước Tây lịch, dân La mã đã có rồi. Những đồng tiền trưng bày trong thư viện Vatican nhặt được từ trong miệng các xác chết của các tín đồ Thiên Chúa chôn trong huyệt mộ bí mật từ khoảng năm 300 sau Tây lịch. Theo bà hướng dẫn, thì dù đạo Chúa không tin chuyện hối lộ khi về bên kia thế giới, vì tin có ngày phán xét cuối cùng và phục sinh, nhưng cứ bỏ tiền vào miệng người chết, lỡ ra cần thật. (just in case).

Nhiều bức tượng khỏa thân, để phơi mông phơi nguyên "bộ" ra ở chốn trang nghiêm, mà mặt mày tượng như cứ nhơn nhơn không nể nang ai cả. Một số tượng khác, thì trần truồng, nhưng chỗ kín thì được che bằng cái lá nho, trông đỡ sổ sàng hơn. Theo bà hướng dẫn thì tượng nguyên thủy không mang lá lay gì cả, nhưng đến một thời nào đó, người ta thấy không đẹp mắt lắm, nên làm lá nho trùm lên. Sau đó, có kẻ cho rằng lá nho làm mất vẻ tự nhiên, bèn gỡ lá nho ra, nhưng khi gỡ lá, thì nó sứt luôn cái "mầm quý báu nhất thế gian" (dịch nguyên văn lời nói). Cho nên có một số tượng háng bể nham nhở. Không hiểu sao, óc thẩm mỹ của dân Ý chuộng trần truồng, cho nên nhiều bức tượng to lớn đứng giữa công viên, trên đài cao, mà khơi khơi để phơi của quý ra ,trong lúc mang một tấm vải to lớn lòng thòng sau lưng. Đâu phải là thứ "của "có tầm vóc và hình dung đặc biệt mà đem ra khoe cho cam, cũng chỉ là thứ thường thường bậc trung, nếu không nói là dưới trung bình một chút. Không trách chi dân Ý ngày trước thường đông con. Một số ít tượng ở các xứ Âu Châu cũng ưa trình bày theo lối trần truồng. Tại Paris, quanh hàng rào thư viện quốc gia là đoàn tượng trinh nữ lõa lồ đội đèn, nhưng có chút vải bay che lấp một chút nơi kín đáo, trông nghệ thuật hơn. Duy chỉ có bức tượng tại công viên Bastille, đã trần truồng đứng trên đài cao, còn dạng cái chân đưa ra phía sau, đứng cái tư thế nầy, mà đức Khổng Tử thấy được, thì ngài xỉ vả cho ba đời cất đầu lên không nổi. Tượng "khoe của", thì chỉ có một pho tại Genève , Thụy sĩ, là đáng tuyên dương nhất. Pho tượng đồng là một người ốm o gầy còm dắt con ngựa, người và ngựa đều trần truồng, mà thấy cái của người gồ ghề lòng thòng, ăn đứt cái của ngựa. Đi thăm viếng quanh La mã, thăm hồ phun nước để ném đồng xu nguyện cầu, cả ngàn người chen chúc. Phải ném đồng xu cho đúng cách, và nguyện ba

điều. Cầm đồng xu tay phải, quay lưng lại ném qua vai trái, điều thứ nhất nguyện cho bản thân mình, điều thứ hai cho người khác, điều thứ ba nguyện được trở lại nơi nầy. Nhóm VN chúng tôi ném xu và nguyện. Điều thứ nhất mỗi người nguyện riêng, điều thứ hai thì nguyện cho đảng Cọng sản Việt Nam, mong cho các đồng chí sớm tiêu tùng để khỏi làm hại đất nước thêm nữa, điều thứ ba mong trở lại đây. Bà hướng dẫn hỏi tôi là Nhật Bản hay Đại Hàn, tôi trả lời là Việt Nam, làm bà ngạc nhiên. Bà nói rằng, bà đã du lịch VN 2 lần trong vòng 15 năm, và VN là một trong các xứ nghèo đói, tồi tệ nhất thế giới, vì đảng Cọng Sản độc trị. Tôi nói, xứ bà cũng có đảng Cộng sản vậy. Bà cười ha hả cho biết rằng cái đảng trưởng Cọng Sản Ý là một tên tư bản giàu có hạng. Buổi sáng chúng tôi bộ dạo quanh thành phố La-Mã, mọi người đề phòng móc túi cướp giật tối đa . Khi tôi và anh du khách người Ấn Độ dừng chân trước cửa hàng đổi tiền để chờ bà xã tôi mua hàng, tôi hơi ngạc nhiên thấy du khách đổi tiền nhìn chúng tôi e-dè lấm lét, có vẻ sợ hãi, có lẽ họ sợ chúng tôi cướp bóc chăng. Nhưng khi tôi nhìn lại anh Ấn Độ, thấy tướng dáng anh đen điu, to cao, tay chân lông lá, quần ngắn, áo không tay, giày da cổ cao. Thì thiên hạ nghi ngờ là phải, tôi kéo anh bạn dang xa tiệm đổi tiền cho du khách đỡ sợ. Rồi chúng tôi đi viếng địa đạo của thành phố Lamã, gọi là Catacomb, xây dựng khoảng 300 năm sau dương lịch. Các vua chúa La Mã thời đó bách hại giáo đồ Thiên Chúa, họ phải đào hầm kín để hành lễ, và chôn xác chết theo nghi thức tôn giáo. Địa đạo Củ Chi của Việt Cọng thường khoe ầm lên, thì chẳng nhằm nhò gì với hệ thống địa đạo nơi đây. Có nhiều từng, nhiều ngõ ngách, hàng trăm cây số, mà hai bên thành hầm là huyệt mộ của tín hữu. Địa đạo nầy mới khám phá ra sau nầy nhân súc vật bị sút chân sa vào một cửa địa đạo. Nhờ những kẻ hay viết bậy, vẽ bậy lên tường còn lưu lại trong địa dạo , mà người ta biết được một phần sinh hoạt và sự thật thời xa xưa đó. Muốn đi hết Lamã, thì cũng phải ít nhất một tuần lễ. Chúng tôi đổ về Naple, miền nam nước Ý. Đi thăm hải đảo Capri. Tài xế lái xe buýt loại trung bình chạy ào ào đưa chúng tôi lên đỉnh núi, con đường hẹp, ngoằn ngoèo mà một bên là vực sâu dựng đứng cao hàng trăm thước, tầm nhìn trên đường rất ngắn, xe chạy ngược chiều như đâm sầm vào nhau, xe nào cũng chạy với tốc lực cao. Xe quạch qua phải, quạch qua trái, lên dốc, xuống dốc, chẳng khác nào đi chơi hội chợ ! Ngồi trên các xe có đường rầy quanh co tạo cảm giác. Hành khách ôm ngực đau tim thon thót, và cứ chốc chốc nhổm đít lên vì sợ. Người hướng dẫn du lịch trấn an: " Xin các bạn đừng lo. Tài xế nầy ngày trước lái máy bay cảm tử kamikazé. Ở Ý không ai có bằng lái xe cả. Bằng lái xe mua ngoài chợ trời, không cần thi". Nói xong, anh ta làm dấu thánh giá, và vẫy tay ban phép lành cho hành

khách như các linh mục làm lễ trong nhà thờ. Khoảng 15 phút xe lên đến khu phố thị lưng chừng núi. Một người nói: "Chắc chúng ta, mỗi người cũng sút được vài ký. May không có ai yếu tim, nếu không thì chúng ta cũng có dịp đóng tiền phúng điếu". Hải đảo thật thơ mộng, thần tiên, cây cối xanh rờn, nhà cửa chênh vênh san sát và khang trang, sang trọng. Có lẽ chỉ những người giàu có mới mua nhà vùng nầy. Naple là một hải cảng quan trọng của Ý. Tàu bè thập phương tấp nập tới lui, ban đêm du khách không dám đi ra phố vì nguy hiểm. Khuya đó nằm trong khách sạn, chúng tôi nghe tiếng kêu gào rất lớn và rất lâu từ dưới phố vọng lên, tiếng của một người đàn bà nào đó, có lẽ là du khách người Nhật, thiếu thận trọng đi về giữa đêm khuya bị tấn công. Hôm sau chúng tôi ngược về Florence, thành phố có công viên Micheal Angelo nhìn xuống phố và nhấp nhô những tháp nhà thờ xa xa. Ghé lại thăm thành phố Pompei, một thành phố bị chôn vùi dưới lớp tro tàn núi lửa từ mấy trăm năm trước Tây lịch, và được khai quật sau nầy. Nhìn mới biết con người từ thời đó đã văn minh, đã xây dựng được những công trình mà ngày nay cũng khó mà làm được. Thành phố nầy, vào thời đó, đã thu hút thương nhân các quốc gia lận cận đổ về như từ Phi Châu , Hy Lạp, Thổ nhĩ Kỳ , Spain, và các xứ Âu châu khác. Thành phố được xây bằng gạch, đá cùng vôi hồ, mà tất cả các bức tường đều dát đá cẩm thạch trắng. Có đủ hội trường, khách điếm,, quán ăn, nhà vệ sinh công cọng, chợ búa, vận động trường, rạp hát lộ thiên có thể chứa cả chục ngàn người, tất cả đường sá đều lát đá cho xe đi và có hệ thống thoát nước. Trên nặt đường đá, có rãi rác loại đá phản chiếu, để dẫn đường cho xe đi đêm trong các ngõ. Khách thương hồ xa nhà đến buôn bán, có khi cả năm, chưa lần gặp lại vợ con. Cho nên thành phố có rất nhiều lầu xanh, nhiều gái buôn hương bán phấn. Trước cửa mỗi lầu xanh, có một hình tượng, mà khách thương đến bất cứ xứ nào, nói tiếng nào cũng có thể hiểu được. Đó là một bộ phận sinh dục đàn ông bằng đá, chỉa thẳng ra đường, đặt trên cửa chính. Ban đêm, thì các kỹ nữ chốc chốc hú lên như tiếng sói gào đực. Dù không đèn đóm, khách làng chơi cũng biết nơi mà mò đến. Trong lầu xanh, có nhiều bức tranh gợi dục lớn cỡ nửa bức tường, vẽ cảnh ái ân. Cảnh đàn bà trần truồng cỡi lên bụng đàn ông, cảnh giao hoan theo những thế lạ. Không biết có phải vì đọa lạc như vậy nên trời phạt, cho núi lửa chôn vùi xóa bỏ. Một số xác chết trong tro vẫn thạch hóa, được bơm thạch cao đúc khuôn lại, trưng bày trong lồng kiếng, nhiều khuôn mặt còn biểu lộ đau đớn. Không biết có kẻ nào dang hành lạc bị chôn vùi lúc đó không. Thì ra chuyện buôn hương bán phấn đã có từ thời ông bành tổ, chứ không phải nhân loại văn minh mới bày ra.

Hôm sau, chúng tôi hướng về Genova, (không phải Genève của Thụy

Sĩ) thành phố quê hương của ông Kha Luân Bố (Christophe Colomb), Thành phố trên triền núi sát biển, có tượng ông Kha cao lớn, tay cầm cái mỏ neo, bốn góc có bốn người đàn bà quỳ gối phủ phục. Ông nầy đã "khám phá " ra châu Mỹ, mà ngày nay tôi được đến ở nhờ. Tôi vẫy tay chào và tỏ ý cám ơn ông. Tôi lại sực nhớ cái bia đá lớn của một ông thuyền trưởng, từ nhiều thế kỷ trước, lần đầu tiên ghé lại vùng San Francisco ngày nay, đã dựng lên tấm bia khắc chữ lớn để xí phần cho nữ hoàng của ông: "Đây là đất của Nữ Hoàng...". Ông không thèm biết đến những cư dân da đỏ đang sinh sống nơi nầy cả ngàn năm, cứ cắm bảng xí phần cái đã. Đến Ý, mà không thử pizza nguyên gốc thì e khi về ân hận không kịp. Chắc chắn phải ngon hơn cái pizza lai căng nấu theo hương vị Mỹ. Đất Mỹ, món ăn xứ nào cũng có bán, nhưng đã pha chế theo sở thích Mỹ. Cá thịt thì nấu nhàn nhạt, không có gia vị, ăn như nhai giấy bồi. Tôi và anh bạn đòi ăn cho được pizza, trong lúc hai bà xã thì nằng nặc không chịu. Các bà nói rằng, pizza thì Mỹ thiếu gì, cả nước, muốn ăn khi nào không được. Cuối cùng, chúng tôi ăn Pizza. Thất vọng lớn. Pizza mềm xèo, nhão nhẹt, mùi vị không ra gì, thua thứ pizza hạng bét tại Mỹ. Chúng tôi cho là ăn không đúng tiệm, như phở ở VN mà ăn tại quân trường Quang Trung, thì không thể gọi là phở được. Anh bạn và tôi, mấy ngày sau, lén bà xã đi ăn thêm Pizza tại hai nơi khác nữa, cũng thất vọng não nề. May mà các bà không biết, chứ có mà căng tai ra nghe cằn nhằn.

Con đường vào nước Ý, núi non trùng điệp, đường quanh co khuất khúc. Tôi không hiểu sao ngày xưa, các quốc gia khác có thể xâm chiếm được nước Ý. Với hình thế hiểm trở nầy, cứ phục binh hai bên sườn núi, đánh chặn đầu chặn đuôi, rồi dùng hỏa công mà đốt, thì mười người không sống sót được một vài ngoe. Hay là nước Ý bị xâm lăng qua đường biển? Khi đến thăm tháp nghiêng Piza, nền lún không đều, làm xiên bè cái tháp như sắp đổ xuống. Vì tháp nghiêng nên thiên hạ khắp thế giới tò mò đến xem. Chúng tôi chụp hình đứng bên cạnh tháp như tất cả du khách khác. Tôi hỏi vợ rằng, em làm nghề công chánh, em có biết cách nào để dựng thẳng cái tháp được không?. Vợ tôi cười đáp: "Dựng nó dậy làm chi?. Phải để nghiêng như thế mới thu hút du khách đến chơi mà hốt tiền. Dựng dậy thì nó cũng tầm thường như trăm ngàn nơi khác, ai mà hoài công đến xem." Quả như vậy thật, lâu nay tôi vẫn nghĩ tại sao người ta không dựng thẳng tháp, thì nay mới nghĩ ra.

Trên đường từ Genova về Pháp, chúng tôi qua các vùng nghe quen tên như núi Mont Blanc, có thành phố nghỉ mát, cây cối xanh tươi, không khí dìu dịu, khách du tấp nập và nhiều lều trại trong rừng thông. Không trách chi các văn sĩ Pháp như Alphonse Daudet, Anatol France đã viết

những câu truyện liên quanh đến vùng nầy, làm độc giả hâm mộ , ước mơ một lần ghé lại. Xe vào Genève, Thụy sĩ, nơi mà hiệp định Geneve ký kết phân đôi hai Việt Nam, cho chúng tôi cơ hội sống thêm hai mươi năm khỏi bị ách đô hộ cực kỳ khắt khe tàn bạo của CS. Tôi không biết xưa kia ông Vũ Thành Minh ngồi đâu trên hồ Leman mà thổi sáo phản đối thực dân lẫn Cộng Sản? Tại đây, có tượng Jean Jacque Rousseau (mà người Tầu dịch là Lư Thoa , chẳng dính dáng chi với cái âm ngữ đó cả.) Tượng cao nghều nghệu, trên đài cao nhìn xuống. Ông nầy đã đưa tư tưởng tự do dân chủ vào chính trị. Trong công viên Genève, có nhiều tượng của các ông sáng lập đạo Tin lành, mà người Việt Thiên Chúa dịch ra là " bọn Phản Thệ" . Mấy ông Phản Thệ nầy có tượng hình chiếm nguyên một bức tường dài. Trong công viên nầy, tôi thấy có mấy người rất giống Việt Nam đang chơi cờ tướng Âu Châu, mỗi con cờ cao gần cả thước. Nhiều bàn cờ dọc ngang trên sân rộng. Tôi tưởng mình đến Genève thì lòng xúc động vô cùng, vì nơi đó dính liền với lịch sử Việt Nam qua hiệp định chia đôi đất nước kéo theo cuộc chiến tương tàn 20 năm do mấy ông cọng sản gây nên. Nhưng không, lòng tôi vẫn bình thường, không xúc động nào cả. Cũng như khi đi ngang qua Fontainebleau tôi cũng chỉ thầm nghĩ, nơi đây, ông Hồ Chí Minh đã ký hiệp ước đồng ý cho Pháp trở lại Đông Dương, mà nhiều người gọi là hiệp ước bán nước. Ông Hồ lấy cớ là đuổi kẻ thù gần là Tầu ra, kẻ thù xa là Pháp thì không ngại, nhưng nhiều năm sau, chính ông lại đón thứ "kẻ thù gần" đó vào nước, lãnh đạo các cuộc cải cách ruộng đất, và tôn vinh làm đại ca. Khi đến Paris, trong lòng tôi cảm thấy buồn thật sự, vì nơi đây, bản văn khai tử miền Nam Việt Nam ra đời, để cọng sản có cơ phá tan tành miền Nam, đầy đọa dân chúng, đưa đất nước vào lầm than thoái hậu, và tôi phải liều mình ra biển, bỏ lại quê hương. Khi vào biên giới Pháp, thông hành bị soát kỹ, có lẽ Pháp khó khăn hơn các xứ khác. Bởi vậy nên cách đây mười mấy năm, một anh bạn nhận việc của Liên Hiệp Quốc đi làm cố vấn kỹ thuật bên Phi Châu. Khi máy bay ghé Pháp, anh muốn lưu lại vài hôm thăm viếng phong cảnh, nhưng quan thuế không cho, buộc anh ngồi lại phi trường và sẽ tống đi Phi Châu vào chuyến bay sớm nhất. Anh đòi gặp cho được sĩ quan sở di trú. Anh nói với ông rằng: " Tôi học tiếng Pháp từ vỡ lòng cho đến tú tài một, tú tài hai, tôi thuộc lòng lịch sử Pháp, văn chương Pháp, trong đầu đầy ắp hình ảnh nước Pháp, tôi còn được dạy rằng tổ tiên tôi là giống Gaulois. Thế mà không cho ghé thăm đất của tổ tiên tôi thì thậm vô lý." Nghe cảm động quá, vị sĩ quan di trú cho anh qua cổng phi trường ra phố. Tôi định thưởng thức món ăn Pháp nấu tại Paris cho biết, nhưng người bà con của bạn tôi đến đón về nhà ăn phở. Giữa Paris mà phở ngon không

thua chi ngày xưa ngồi bên hè ăn phở Paster khi đêm về. Ông nầy cư ngụ tại Pháp trên 50 năm, đã hành nghề dạy học, rồi sau ra mở khách sạn, giàu có vào bậc triệu phú, nay về hưu. Ông lái xe đưa chúng tôi đi thăm những thắng cảnh có tên quen thuộc như Đài Chiến Thắng, Thư viện Quốc Gia, Thư viện Nghệ Thuật, Nhà Hát Opera, Grand Palais, Petit Palais, Công Trường Concorde, Điện Louvre, Mộ Napoléon, Viện Đại Học, Vườn Luxembourg, Đại học Sorbone, Khu Latin, Tuileries, Nhà thờ Đức Bà, Tháp Effeil. Những nơi nầy, tôi đọc nhiều trong văn chương, thơ phú, mà nay mới thấy và bước chân đến. Xe qua vài phố, có những tấm bích chương quảng cáo lớn cỡ 3x6 thước tây, vẽ những hình tục tĩu đáng ra không nên phô trương ra nơi công cọng. Không nên để trẻ con thấy, kích thích tính tò mò, làm mất cả cái thơ ngây của chúng. Điển hình nhất là bức tranh dâm ô trong nhà thổ tại Pompei v ẽ người đàn bà trần truồng cỡi lên bụng đàn ông. Thứ nầy không phải là tranh nghệ thuật, mà là tranh khích dục của người xưa tại thành phố bị núi lửa vùi lấp. Một tấm bích chương lớn khác, vẽ người đàn ông trần truồng quay lưng lại, sau lưng là đôi chân của đàn bà ngoéo chặt, có tiêu đề nhỏ là " Kama Sutra" . Bức quảng cáo nầy, làm cho một cô giáo già chưa chồng người Canada nhìn sửng sốt , khi xe chạy qua rồi, cô còn ngoảnh đầu lại, có lẽ cô chưa có kinh nghiệm đó, nên không biết "chúng nó làm cái trò gì mà lạ vậy". Tôi không dám hỏi có phải vùng phố nầy là khu ăn chơi, nơi cư ngụ của gái lầu xanh không? Sợ các bà hiểu lầm. Anh bạn chỉ cho chúng tôi một viện bảo tàng, gồm những đồ cổ sưu tập các di tích quý báu khắp Đông Dương, do mấy ông Tây thuộc địa đem về. Mới nghe thì buồn và giận, nhưng nghĩ lại, cũng may mà bị Tây nó cướp mang về cất , nên còn đó. Chứ lọt vào tay mấy ông Cọng Sản, thì cũng đã tiêu tan, thất tán và hủy hoại cả. Đồ đồng thì nấu chảy lấy đồng, vàng bạc thì đem bán, đồ sành thì đập vỡ nát. Cả Việt nam, Lào, Miên, những thứ lãnh đạo gốc ba đời bần cố, thì làm sao thấy được chuyện bảo tồn văn hóa, di tích lịch sử. Chúng tôi chỉ ghé chụp hình, nhìn sơ qua phố xá. Tối đó , ông đưa chúng tôi đi khu Montmartre, chạy xe quanh quanh tìm không ra chỗ đậu. Ở đây, chạy xe cũng loạn xà ngầu, bất kể luật lệ, còn tệ hơn tình trạng lưu thông tại Phố Tàu San Francisco, ai muốn chạy ra sao thì chạy. Chúng tôi chạy quanh mấy vòng mà vẫn không tìm ra chỗ đậu xe. Có khi tôi hỏi nhỏ : "Hình như anh chạy ngược chiều ?" Anh cười đáp: "Thì cứ giả như mình không biết, rồi cũng xong". Có lúc anh đậu lại, tôi nói: "Hình như có bảng cấm đậu". Anh thản nhiên rằng: "Biết chứ, nhưng lờ đi cho xong chuyện". Rồi anh kết luận: "Tây nó có câu, nếu không dám làm những điều cấm đoán, thì chẳng làm được việc chi cả". Nhờ vậy mà chúng tôi đậu được xe, và theo xe dây, kéo lên

khu Monmartre. Người đi lại tấp nập, phải chăng đây là nơi đào tạo được rất nhiều nghệ sĩ chết trong nghèo đói lạnh lẽo? Nhiều người ôm mãi mộng ảo nổi danh mà suốt đời bán chưa được một bức tranh. Tôi chợt mừng cho mình, ngày xưa khi mới xong trung học, tôi ôm mộng thành họa sĩ, anh tôi khuyên rằng nên học cho có cái nghề nuôi miệng trước đã, rồi sau đó muốn vẽ vời chi cũng không muộn. Từ ngày có nghề nghiệp đến nay, tôi không hề cầm cọ vẽ được một bức tranh nào. Thật là may. Khu Montmarte cũng có rất nhiều họa sĩ gốc VN hành nghề vẽ truyền hình. Không biết họ có chịu những hệ lụy của áo cơm không? Đi đến khuya mới ra về. Tôi hỏi ông bạn sao dân Âu Châu thích ăn chơi, thích hưởng thụ nhiều thế? Anh nói rằng: "Chúng tôi nghèo, nhưng chúng tôi sống đời đáng sống hơn, vui hơn, hạnh phúc hơn. Các anh ở Mỹ, chỉ có đi làm việc, rồi về nhà ngủ, đời sống phí đi uổng lắm". Khách sạn tôi ngụ nằm bên bờ sông Seine. Bờ sông cũng khá sạch sẽ, không phải toàn đầy phân chó như bạn bè cho biết. Sông Seine cũng cỡ kinh đào Đông ba Huế, hoặc kinh băng qua cầu Công Lý cũ. Cũng không có gì gọi là thơ mộng như trong trí tưởng tượng. Có lẽ nếu trẻ lại thời hai mươi lăm tuổi, rồi buổi chiều vàng nào đó, nắm tay một em gái "tóc vàng sợi nhỏ" dung dăng dung dẻ dạo bên bờ sông mới thấy lại được cái thơ mộng chăng? Chúng tôi viếng nhà thờ Đức Bà, cũng không có gì đặc biệt, có lẽ vì đã thấy quá nhiều nhà thờ to lớn, huy hoàng bên Ý, La Mã, nên không còn hứng khởi nữa. Điều tôi nhớ nhất ở Pháp là chầu phở rất ngon, nấu tại nhà một người đã cư ngụ tại Pháp trên 50 năm , và một con gà quay độn thịt rất đậm đà, không có một chút mỡ nào, vị ngon rất lạ. Ở Pháp, chúng tôi cũng ấm ớ nói năng chữ được chữ mất, vì sau hơn ba mươi năm không dùng lại, nói tiếng Pháp mà cứ chen tiếng Anh vào ngang xương, giống như hồi mới qua Mỹ, nói tiếng Anh mà khi bí thì tiếng Pháp tự nhiên thay vào rất gọn. Tôi nhớ buổi trưa kia, tại một siêu thị ở Ý, bạn tôi thấy cà tím nướng ướp gia vị. Bạn tôi hỏi cô bán hàng có biết tiếng Anh không, cô không nói. Bạn tôi hỏi có biết tiếng Pháp không? Cô trả lời là biết chút chút. Anh bạn liền nói: "Trois cent grammes de cazailler, s'il vous plait". và nhìn vào chạn kiếng thức ăn. Bà bán hàng cân ba trăm gram cà tím. Tôi phục bạn quá, bỏ lâu ngày mà còn nhớ tên cái thứ khó khăn và ít khi dùng đến như là cà tím. Tôi thắc mắc, không biết chữ "cazailler" ở đâu ra, đem hỏi, thì bạn tôi cười bảo là " Cà dái dê " ấy mà, đọc ra tiếng Pháp là cazailler. Phải dạy cho dân Ý học đôi tiếng VN chứ". May mà bà bán hàng người Ý không rành tiếng Pháp nên mới hiểu được bạn tôi muốn gì. Tôi sực nhớ một anh bạn kể chuyện tại Pháp, khi một phái đoàn Việt Cọng qua Pháp công tác, đến ở khách sạn. Người thông dịch kiêm hướng dẫn có việc cần,

khi ra đi hẹn sẽ trở lại dẫn đi ăn. Nhưng quá giờ cơm rồi mà chờ mãi không được. Đói meo, mấy anh trong phái đoàn định liều xuống quán kiếm gì ăn tạm. Một anh cán ngố nói rằng "Ngày xưa tôi đi giữ trâu, nghe con địa chủ học tiếng Tây, bây giờ còn nhớ chút chút, cứ thêm chữ *la*, chữ *lơ* vào tưới lượi thì ra tiếng Tây chứ gì khó. Chúng ta vượt Trường Sơn còn được, thì nói tiếng Pháp không được sao? Thôi thì xuống phòng ăn, tôi kêu thức ăn , chứ đói quá rồi, chịu chi thấu". Sáu anh cán ngố dắt nhau xuống phòng ăn. Bồi bàn là một ông Tây già mũi lõ đưa tấm thực đơn đến, anh cán ngố dõng dạc hô: "La thịt gà, lơ heo xào, lơ bánh mì, la trà tàu". Anh bồi bàn ghi chép, rồi bỏ đi. Một chốc sau dọn lên đúng thịt gà, heo xào, bánh mì, trà tàu. Anh cán ngố rung đùi sung sướng thấy mình thông minh quá, và hãnh diện với bạn bè.! Khi ăn xong trả tiền, mấy ông cán ngố cố tình quên tiền "boa", "boa" theo tiếng Việt Cọng, (pour boire theo tiếng Pháp, tiền "tip" theo tiếng Anh). Ông bồi bàn lẩm bẩm bằng tiếng Pháp " Tiên sư mấy thằng Việt cọng, tao mà không đi lính lê dương, và không lấy vợ Việt Nam thì tụi bây đói chẩu mỏ".

Cuộc Âu du của chúng tôi, xem như thành công. Hãng du lịch lo hết về di chuyển, khách sạn và một phần các bữa ăn. Được đi xem nhiều nơi đáng đến, đáng xem, đỡ mất thì giờ tìm kiếm thắng cảnh, khách sạn, tìm kiếm phương tiện lưu thông, nếu đi tự túc thì không chừng phải tiêu tốn nhiều hơn. Có người tự đi lấy, đêm ngủ trên tàu, sáng dậy đi chơi, cũng khổ nhọc như thời hành quân trong rừng già. Mệt lắm, tuổi không còn trẻ nữa để chịu ngủ ngồi gà gật, đau xương sống, mất sức. Vả lại, ngủ nhưng phải tỉnh táo mà canh chừng hành lý, không thì " bừng con mắt dậy, thấy mình tay không". Đi chơi thì phải thoải mái, thong dong. Nói về đắt đỏ, thì Âu Châu đắt dỏ hơn Mỹ nhiều, nhưng nếu chỉ ăn uống những thứ bình thường như bánh mì thịt, mì xào, cây trái, và các thứ bình dân khác thì cũng chẳng có gì là đắt. Nếu không thì giới bình dân làm sao mà sống, sinh viên làm sao mà có ăn?. Bởi vậy, nên thức ăn chúng tôi mang theo đều đổ hết, không có dịp dùng đến . Khi đi được nửa đường thì phải tống khứ đi hết các thứ như giấy đi cầu, giấy lót bàn cầu, thức ăn, đồ uống, cho khỏi nặng hành lý. Còn trộm cắp và cướp bóc, thì có lẽ chúng tôi may mắn, chưa ai bị gì. Có lẽ nhờ đề phòng kỹ, nên không bị mất mát. Nhưng tình trạng trộm cắp cũng không đến nỗi ghê rợn hãi hùng như đã nghe trước khi đi. Một ông bảo rằng, cứ chờ các cô ngực nở nang đến cọ quẹt (để móc túi) mà chờ mãi chẳng có ai cả. Đi hoài mà cũng chẳng ai thèm cọ quẹt mình. Phần tiện nghi, thì có lẽ nhờ được ở các khách sạn bốn, năm sao, nên tiện nghi không thua chi tại Mỹ. Không hề có cảnh phải tắm chung, đi cầu chung. Nói chung, các thành phố Âu Châu đã thành lập từ

ngàn năm trước, đường xá nhỏ hẹp dành cho xe ngựa , nay xe hơi dùng thì phải chịu đông đúc chật chội, không có chỗ đậu. Nhìn những cung điện lâu đài nguy nga, kiến trúc đồ sộ công phu, những nhà thờ vĩ đại, những pháo đài kiên cố của các lãnh chúa, nhan nhản khắp Âu Châu, tôi bỗng cảm phục lòng nhân từ của các vị vua Việt Nam xưa, thương dân, không nỡ nhìn dân khổ để xây dựng những lâu đài huy hoàng tráng lệ, với mồ hôi, máu và nước mắt của dân. Những công trình vĩ đại đó, chỉ cấu tạo bằng đá, gạch, hồ, gỗ, và sức người. Đá thì sẵn trên núi, gỗ thì sẵn trên rừng , chỉ còn đủ cái tàn nhẫn bắt dân đóng mồ hôi và máu nữa mà thôi. Chỉ cần thêm lòng tàn bạo là xây dựng được những thứ vĩ đại. Nhiều người chê Việt Nam không có những kiến trúc vĩ đại, không có những công trình của tiền nhân để lại như Đế thiên Đế Thích, như Vạn Lý Trường Thành, như cung điện nhà Minh bên Tầu... Không có là nhờ lòng nhân từ của các bậc vua chúa, thương dân như thương con, có những vua như Lý thánh Tông, Lê Nhân Tông... Không như vua Lê Tương Dực, bạo chúa, bắt dân xây lầu trăm nóc, để sau khi bị giết, lầu bị đốt cháy, để làm gương cho các vua đời sau.

Dân Âu châu có hình dáng thon thả gọn gàng hơn dân Mỹ, ít thấy những tấm thân bồ tượng như các bà tại Mỹ. Đàn bà con gái, thân thể thanh tao, mặt mũi có đường nét mỹ miều đẹp, dễ nhìn. Đàn ông thân thể đa số cũng rắn rỏi, chắc chắn, ít có bụng nước lèo . Có lẽ họ ít ăn thịt hơn dân Mỹ. Cách ăn mặc cũng lịch sự, nghi lễ hơn. Cứ nhìn ông tài xế lái xe cho chúng tôi thì biết . Ăn mặc áo quần lịch sự như đi dự hội nghị quốc tế, với khuôn mặt sáng sủa, có râu quai nón vàng chải chuốt, mang kiếng trắng, cử chỉ khoan thai, đứng đắn, trông có dáng dấp của một nhà bác học , không có dáng tài xế xe buýt. Nhưng lái xe thì khiếp, không thua ai. Tôi nghĩ, nếu phải lái xe nầy tại Âu Châu , thì trong vòng chưa đầy nửa giờ, là bị còng tay đem vào tù. Đi về, có người hỏi, vợ tôi đáp rằng, đi thì vui, xứng đáng đồng tiền, nhưng không nơi nào đẹp bằng quê hương (Mỹ) cả.

Để kết luận cho bài nầy, tôi xin kể câu chuyện của một bà từ Úc qua California thăm con. Được đón từ phi trường Nam Cali khi gần sáng, để về Bắc Cali. Suốt ngày xe chạy trên đường liên bang số 5. Khi đến nơi bà nói: " Tưởng California nông nghiệp kỹ nghệ giàu có lắm, thì ra chỉ có đồi khô cỏ cháy, và chăn nuôi thì lèo tèo. Thôi con dọn qua Úc ở với mẹ".

Có lẽ tôi cũng chỉ là một kẻ mù sờ voi như bà khách Úc Châu nầy thôi./.

Giả dụ sau cơn liệt

LÊ CẦN SƠN

Bắt đầu từ một buổi sáng
Khi những viên kẹo tan đường
Thấm vào máu xương
Làm kẻ liệt biết tung tăng
Trên những đoạn đường xa hàng giờ lái xe
Chỉ cần nhìn mặt nhau
Rồi giã từ bằng những nụ hôn gió
Như bụi đường
Như sương sớm
Và sau cùng ai biết được
"Thiên địa phong trần ..."

Và cũng bắt đầu từ một buổi sáng
Nỗi buồn có thể kéo dài chết được
Nhưng khi nghe con chim hót ngoài vườn
Chào mừng mùa xuân
Chiếc CD cũ không còn tha thiết nghe lại
Bên ly cà phê instant mỗi sáng
Trên đoạn đường nhàm chán
Cuộc tình sao như đóa quỳnh nở
Và cuộc chia tay
Âm thầm, tàn nhẫn, thật ngắn
Nhưng không giết được ai
Và sau cùng ai biết được
" Hồng nhan da truân..."

Nhân Gian Một Chỗ

Hoài Ziang Duy

Tôi không biết bắt đầu từ đâu cho một nỗi nhớ. Tôi không biết bắt đầu từ đâu nói lại cảm giác nầy. Đôi khi trong những đêm thức giấc lặng lẽ, tôi nghĩ đến một cái chết thật dịu dàng, chưa biết thế nào, nắm níu người thân rồi cảm thấy sợ hãi. Điều nầy ở thời tuổi nhỏ, hay vài năm trước đây tôi chưa hề nghĩ tới. Phải chăng tuổi già đã đến hay chính tâm tư mình đã luống. Nó chợt đến chợt đi mơ hồ những lúc lòng trống không, không chút gợn đục sau giấc ngủ. Điều đó có nghĩa, khách không mời vẫn cứ thỉnh thoảng lừng lững bước vô trong đời sống tĩnh lặng nầy.

Hôm qua trên xa lộ 495, tôi rẽ vào exit 6 như lệ thường. Khi trở ra đường chính, mở mắt nhìn cảnh vật , tưởng như đang vào con đường làng, hai hàng cây rợp bóng ở buổi chiều xuống. Tôi không biết mình ở đâu, mơ hồ không phân biệt chốn nào. Chiếc xe vẫn giữ tốc độ, lướt qua cảnh trường đại học cũ, rồi khi nhận diện được, lạc đường. Tôi chợt hiểu mình đã thiếp ngủ đi một thoáng lúc nào không hay trong lúc chiếc xe vẫn tề chỉnh chạy bình thường. Quá khứ như những tàn đọng, như một giấc ngủ không hề có chuẩn bị. Nỗi nhớ thâm sâu một lúc nào đó cơ hồ sống lại.

Tôi nghĩ có thể mình trở lại chốn nầy lần cuối rồi thôi. Tuổi thơ tôi gắn liền ở đó. Nơi nầy mỗi ngày tôi có đời sống bên cha tôi. Ngôi trường được xây cất ở phần trước ngôi miễu Bảy Bà, nơi thờ phượng đã có hàng bao lâu không biết. Mùa hè vắng bóng trẻ nhỏ. Tôi đứng lặng một mình, bâng khuâng nhớ về ngày cũ. Cái khoảng sân rộng ở buổi đầu, mỗi năm vào mùa nước, những tấm ván nối liền bắt cầu cho học sinh vào đến sân miễu. Tôi không hiểu sao ngôi miễu to lớn nầy lại chịu nằm khiêm nhường, chấp nhận cho phần tiền đường và hai bên trở thành các lớp học phục vụ cho dân cư quanh vùng. Người dân ít đến đây cúng bái, đa số là dân nghèo

sống chung quanh. Do vậy mà phần thu nhập tu bổ, tiếng thiêng liêng đồn xa không có để thu hút bá tánh thập phương. Nhưng hàng bao lâu ngôi miễu vẫn ở vị thế đó. Tiếng chuông vẫn vọng ngân xa, cái không khí trầm mặc lặng lẽ cô quạnh như để chỉ sống cho chính mình.

Thuở nhỏ tôi theo cha đến trường. Cái cảnh gà trống nuôi con. Con gà con là tôi chỉ biết ngồi trên nhìn xuống. Những người bạn lớn tuổi hơn tôi đang thu mình ở dưới, nhìn lên bảng phấn, giơ tay trả bài. Cái thước bảng của cha tôi gõ vào tay, đánh vào đít họ. Ngồi coi buồn chán, tôi trèo xuống chạy vào phía trong. Đó là thế giới của riêng tôi thu nhỏ lại. Cái chánh điện rộng lớn lạnh lẽo với nhang khói, mỗi ngày tôi đã nhìn lên biết bao lần. Miễu thờ bà Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Thánh Nương và Thiên Y A Na Thánh Nương cùng năm bà biểu tượng của Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hai bên còn có hai cậu con theo hầu. Những người lập miễu không phải là người địa phương. Nghe đâu miễu đã có từ cuối thế kỷ 17, do người dân Quảng Bình theo làn sóng xuôi Nam định cư lập nghiệp; hình ảnh thờ phượng chính từ di sản tín ngưỡng của người Chiêm Thành. Người dân ở đây có lẽ qua nhiều thế hệ cha ông, giọng miền Trung không còn nữa để phân biệt, họ sống hòa đồng, lần hồi trở thành người bản xứ. Không thấy sách vở nào ghi chép để tra cứu, chỉ biết đến ngày mùng bảy tháng bảy mưa ngâu là ngày hội cúng, tổ chức từ bang hội tề, chiêng trống lễ nghi, sắc phong thần, bài văn tế từ các bô lão trong vùng, dân chúng đến cúng bái. Những ngày lễ lạc qua, các phòng học phía trước vẫn ê a giọng đọc. Phía trong tiếng chuông ngân xa, nhang khói quyện tròn lơ lửng. Người gần gũi mỗi ngày trò chuyện phía trong với tôi, chính là vợ chồng ông Từ, bà Từ, cái danh gọi người coi sóc nhang khói. Đời sống giản dị ở người sống theo chùa, miễu, yên phận với nỗi bình yên ở chính mình, nên trông ông bà già đi trước tuổi. Thế giới trẻ thơ tôi thu hẹp ở đó, quanh quẩn một mình. Tôi chỉ theo học cha tôi trên bàn viết thầy giáo, ngồi kề bên cha tôi mỗi ngày. Tôi học theo các lớp học cha tôi đang dạy, học theo bọn trẻ đàn anh ngồi ở dưới. Hình ảnh sân trường ngập nước, mấy mảnh ván làm cầu nổi, như một thứ cầu tre lắc lẻo cho bọn trẻ, cho tôi những thử thách bước vào cuộc đời. Tấm lòng tôi, tiếng chuông mỗi ngày, hình ảnh chánh điện phía trong, cái không khí tĩnh lặng, phải chăng ít nhiều đã gieo vào tâm trí mình nỗi lặng lẽ sau này.

Tôi bước lên mấy bậc thang, thế đất bây giờ đổ cao hơn trước. Phòng học đã có nhiều đổi thay. Chỗ nầy, cái ghế, vị trí nầy có thể là chỗ ngồi của cha tôi năm xưa. Tôi lướt nhìn chung quanh. Không ai để ý đến mình. Tôi trở ra bên hông cửa. Bây giờ đã thêm phòng thuốc từ thiện, với một

vài khách đang đợi đến phiên mình. Người đàn ông đang bốc thuốc, tôi nhận được ngay. Cái khuôn mặt quen thuộc của anh Năm, lớn hơn tôi khoảng năm sáu tuổi.. Thấy tôi. anh mừng lắm, ngưng khách, anh hỏi ngay:

- Đi đâu vậy? Chú mầy hành nghề theo Tây y, có bao giờ uống thuốc nầy.

Tôi đáp cho đỡ ngượng:

- Có đâu! Tôi biết anh mát tay mà. Chẳng qua đi ngang đây, ghé thăm chốn cũ. Anh biết, hồi xưa có khoảng thời gian ba tôi dạy học ở đây.

- Biết chứ, tôi biết thầy mà. Mới đây mà đã mấy chục năm qua rồi.

Tôi hỏi thăm anh khi thấy miếng vải nhỏ màu đen anh cài trước ngực. Ai vậy? Vợ tôi mất rồi, mới đây thôi. Tôi nói chia buồn với anh... Vợ chồng lớn tuổi không con, một tay chị bán buôn gồng gánh cho anh yên phận làm cái nghề thầy thuốc nầy. Đã hơn bảy năm qua anh phục vụ cho người nghèo, không mang đến một lợi tức nào cho gia đình. Vợ anh nuôi anh. Anh làm cho bá tánh, lấy đức ở đời. Tôi phục anh lắm, những người thầy thuốc chỉ có tâm nguyện giúp đỡ người dân nghèo quanh vùng. Thuốc uống hết bịnh hay không, chắc không bổ bề ngang cũng tốt cho bề dọc. Theo anh các thuốc nam bị rẻ rúng, chính từ cái tính miễn phí, làm thấp đi giá trị người thầy thuốc. Chuyện đời mà. Cái gì có trả bằng tiền thì họ mới quí. Những loại lá cây cỏ, khi thì người đi núi hái giùm , khi thì chính anh tìm kiếm trong đời sống hàng ngày, được phơi khô, chế biến theo tính cách thủ công, để dành trong các hộc tủ. Với anh, cái nghề nầy, hầu như chỉ thực tập theo tính cách gia truyền hay truyền khẩu, thấy kết quả thì giữ đó mà theo, chỉ có bộ mạch lý thì anh theo học từ chính cha mình. Anh nói mạch là làn sóng của khí huyết, trong mỗi một mạch tức, đều có sự huyền bí của âm dương. Nếu người xét mạch mà tâm thần không lĩnh hội thì làm sao thấu được cái phảng phất đó. Hỏi anh thế nào để nghe hiểu. Anh cười cười nói: *Dĩ ý hội, bất khả dĩ ngôn truyền*. Nghĩa là tự mình nghe hiểu, khó mà giải thích. Anh nói về ngũ tạng lục phủ, vọng , văn , vấn , thiết. Nào là trời nuôi người ta bằng năm khí, đất nuôi người bằng ngũ vị. Học làm thầy thuốc, trước hết hãy học để chữa mình, chữa cho người nhà mình trước đã. Tôi hỏi về phần chị thế nào. Anh cười buồn. Lực bất tòng tâm mà. Mạng số, không làm gì hơn được. Cứu người chứ không cứu mạng được. Bao năm qua anh đã yên phận làm theo ý anh, giờ thì không được rồi. Tôi hỏi sao lại không được. Anh cười buồn:

- Chắc phải nghỉ thôi. Cứu người, giúp đời, nhưng không ai cứu đời sống thực tế mình. Một thân một mình, dễ thật , nhưng không làm ra tiền làm sao mà sống được. Trong lúc chỗ nầy cái gì cũng miễn phí.

Câu nói của anh, ý định ở anh làm tôi thấy ngỡ ngàng quá. Bài học thực tế ở cuộc sống cho thấy người ta mua danh, làm việc xã hội khi đã có đầy đủ, không vướng bận gì khác, còn những người dù tâm thành đi nữa, muốn làm cũng không biết làm sao hơn. Thân còn lo chưa xong nói chi đến chuyện cứu đời. Tôi an ủi:

- Anh được tiếng là người thầy tốt, nhân đức.
- Có tiếng tốt mà không tiền, làm sao có cơm ngày hai buổi.
- Thế thì chỗ nầy?

Như hiểu ý tôi muốn ám chỉ gì. Anh chận lại:

- Coi sóc ở đây bây giờ là ông Từ Con.
- Ông Từ Con? Là thế nào? tôi hỏi lại.

Ông Từ Con, thật ra chính là con ông Từ.

Người đàn ông anh Năm đề cập đến, thật ra không ghê gớm như tôi tưởng. Dáng người gầy ốm, hiền hậu, anh ta mừng vui hơn khi nghe tôi nói về một vài kỷ niệm thuở ấu thời tôi còn giữ được về ông Từ Cha. Anh nói với tôi: Kể ra chúng ta như cùng một gia đình. Nghe anh nói vậy, nhưng thật ra tôi vẫn cảm thấy có một chút e dè. Cái khoảng cách làm tôi thấy e dè bởi anh là một bộ đội phục viên trở về. Tôi không phải là người đứng chung hàng ngũ với anh. Thân phận chúng tôi khác nhau. Có chung là chỗ nầy, nơi thân thiết một thời của cha tôi. Cái bàn, cái ghế, theo thời gian đã đổi thay. Tôi chỉ nhớ với chút tình ngày cũ, khác với lần đầu trở về nơi mộ người, tâm hồn tôi chùng xuống với nỗi thương tâm. Bao năm qua rồi tôi vẫn nhớ, vẫn tưởng được hình ảnh người cha, một mình nơi tảng đá nhỏ dưới gốc cây sân nhà. Khi tôi ra đi, người ngồi đó. Suốt khoảng thời gian dài trong trại tập trung, mỗi sáng mỗi chiều, người ngồi đó ngóng trông ngày tôi trở về. Cuộc đời có biết bao nỗi chờ đời biệt tăm vô vọng, nhưng người ta vẫn sống với niềm tin mong manh qua ngày. Tôi còn nghị lực sống tới ngày trở về. Tôi muốn yên phận với đời sống mới, dẫu có buồn khó quên, cũng thế mà thôi. An ủi chính mình: đời lên voi xuống chó mà. Lên voi thì chưa lên , chứ đạp cứt voi thì suốt thời trẻ nhỏ tôi đã vui chơi đạp mỗi ngày.

Ngôi nhà tôi ở là một khu phố biệt lập cho công chức. Cùng dãy trong khu vực là Ty túc mễ. Thời đó chưa có những loại xe tải hạng nặng. Voi được dùng như phương tiện chính để tải gỗ từ miền núi về. Ở bên hông sân Ty túc mễ là chuồng voi có bốn con. Gọi là chuồng, thật ra đó là khoảng sân rộng nền cao, phía dưới thấp bao bọc bởi những cọc thép nhọn, để voi không thể bước ra ngoài được. Trẻ hàng xóm chúng tôi

thường tụ tập chơi quanh đó, cho voi ăn mía, ăn bắp. Voi lớn con, sợ con sâu nhỏ lẩn trong thức ăn. Voi nặng, nên voi sợ di chuyển qua cầu bắt ngang sông. Cứ trông thái độ chần chừ dọ dẫm ở bước đầu, voi sợ sập cầu thật tội nghiệp. Voi hiền lành so với tấm thân bồ tượng mốc meo những ngày đi núi về, để yên cho người nài tắm rửa, kỳ cọ bằng cái bàn chải xơ dừa.Voi đùa giỡn bằng cái vòi hút nước rồi phun lên thật cao. Voi ẵm con giùm một chút cho các bà mẹ có trẻ khó nuôi. Họ đưa trẻ vào, voi dùng vòi cuốn vào bụng ôm ấp một lúc rồi đưa ra trả. Họ tin làm vậy đứa trẻ sẽ khỏe mạnh như voi. Ở đây voi quen mặt chúng tôi. Câu chuyện về voi thời tuổi nhỏ tôi được nghe nhiều, từ người nài voi, có khi gọi là quản tượng. Điếu thuốc rê se tròn, liếm nước miếng, quấn bằng hai tay xoa vào nhau. Khói thuốc quyện tròn, thổi đi. Đó là lúc người nài thoải mái nói về những hiểu biết trong nghề nghiệp mình cho chúng tôi nghe. Nói thật nói hơn, bọn trẻ chúng tôi làm sao biết dược, chỉ có nước ngồi nghe, thật cảm phục. Ở rừng voi là con vật hung mãnh sống theo bầy. Khi bị tấn công, cả bầy xông tới phía trước càn phá. Khi một con bị chết đi, cả bầy quật cho cây cối ngã, phủ lấp làm hố chôn, trước khi rống lên thảm thiết bỏ đi sau cả ngày quây quần ở đó. Người ta bắt voi bằng những hầm đào sâu, ngụy trang trên mặt đất, trên đường voi đi qua, thường là những con đi sau cùng, lạc bầy quanh quẩn kiếm ăn, lọt xuống hố không lên được, rồi dùng giây quấn từ chân voi nhà kéo lên áp tải đưa về. Lúc đầu voi rừng bỏ ăn, rống tiếng kêu thương lạc bầy. Lần hồi gần gũi bên voi nhà bầu bạn, thuần tánh nhập bọn. Người nài bảo chỉ có cùng loại mới trị lẫn nhau, như người mới sợ người , ma mới sợ ma, hiểu nhau mới biết cách ứng phó mua chuộc. Họ bảo đạp cứt voi để không bị đau phong thấp sau nầy. Thời đó tôi không biết nhức mỏi phong thấp là gì, chỉ nghe nói sau nầy gót chân mịn trơn không bị nứt nẻ là làm theo, đạp loi choi trên cái bã dơ kia, cũng may nó được thải ra từ con vật tượng trưng cho tình bạn hữu.

Năm tháng qua đi kỷ niệm một thời ấu thơ còn đó. Gặp ông Từ Con dĩ nhiên tôi có chút ngại ngần. Anh không phải là người tôi tìm kiếm trong kỷ niệm ngày cũ. Nhưng biết tôi là người có thời gian ở đây, anh có vẻ thân quen hơn. Ông Từ Con nói với tôi, cái giọng miền Nam có hơi hướng giọng Bắc:

- Tôi trở về đây Ba má tôi đã mất cả rồi.

- Tôi không hiểu sao anh trở thành ông Từ Con thế nầy.

- Anh ngại cũng phải, khi tiếp thu, tôi cũng đã lãnh đạo cơ quan. Bây giờ có tuổi tâm trạng lại khác. Một người hoạt động như tôi không vợ không con có gì phải cần thiết . Anh không hiểu được tôi , chính tôi tôi cũng nản với chính mình, có những điều không thể nói được. Tôi có mấy

con bò, miếng đất đàng sau bên kia sông. Tôi muốn họ nhường chỗ nào chả được, chẳng qua gần chỗ nơi mình ăn ở cho thuận tiện. Anh Năm đây, người thân tình của tôi, tôi muốn gần gũi bầu bạn, khi tôi bắt đầu thì anh lại muốn bỏ cuộc.

Tôi nhìn ông Từ Con khi ngồi xuống đối diện. Cái bàn tròn, ly trà, điếu thuốc lá anh bập trên môi. Khuôn mặt xương, hai gò má cao. Tôi thấy gì ở người đàn ông đó? Ít khi người ta nhìn thẳng vào mặt nhau thế nầy. Anh vén áo, chỉ vào mấy vết sẹo ở bụng. Nó đây nầy. Tôi nghĩ cứ nghe anh ta nói. Mỗi người có một quãng đời riêng. Tôi không hiểu sao anh thích kể lại vào lúc nầy, cho anh Năm nghe hiểu anh , hay cho chính anh, cái tâm tình giấu kín nhiều năm..

...Thuở nhỏ tôi là một đứa trẻ thế cô, bị hiếp đáp nhiều. Sau lần được ông bác sĩ trưởng y tế mổ ruột dư , trong lòng tôi ông như một ân nhân, một người mà tôi hết lòng cảm phục. Tôi làm việc nhà cho ông, mọi chuyện vặt vãnh ông sai bảo. Đôi lúc ông nhìn tôi, khen tôi lanh lẹ trung hậu, thằng nầy có tương lai. Tương lai của tôi là như thế nào? Học hành thì không tới đâu, chỉ là thằng đi ở đợ. Gia đình vợ ông nghe nói ở Sài Gòn, ông chỉ về thăm nên tôi không biết mặt. Kể ra vậy cũng tiện, khỏi ai chia sẻ cái tình thân quen giữa ông và tôi lúc nầy. Ông hay nói với tôi về lý tưởng lập thân. Tôi không hiểu nhiều, đại khái lo cho cái chung trước, giúp đở bảo vệ giai cấp nghèo khổ. Tôi không đi chăn trâu, được gần gũi ông bác sĩ là tốt lắm rồi. Cho đến một đêm ông bảo tôi: chúng ta phải đi thôi. Đi đâu hả? Tôi hỏi lại. Ông đáp ẩn thân đi cứu nước, bỏ hết đi đừng hỏi nhiều từ từ sẽ hiểu sau. Có người đón chúng tôi chuyển đổi xe nhiều chặng, cuối cùng phải lội bộ vào rừng sâu. Cho đến lúc nghe tiếng pháo binh nổ đâu đó, càng lúc càng xa khu vực dân cư, lúc nầy tôi mới hiểu là đang bỏ trốn. Muốn quay về cũng không được. Ông nói về là sẽ bị bắt bị tù. Sao vậy? Tôi hỏi. Ông nói chúng ta làm phải, cứu dân cứu nước họ không cho, chống đối là bị tù ngay. Ông bác sĩ là người có học, nói gì không đúng. Tôi đi theo ông từ đó. Tôi tập làm người lớn với mớ lý luận chính trị, tập làm người hùng với sa bàn trận miệng , trước khi đi cầm súng gài mìn. Phải nói là cơ khổ. Quanh năm chỉ có cái quần xà lỏn, lưng trần. Có bộ đồ thì cuộn lại giấu trong nóp chỉ để dành đi họp. Hồi đó họp hành thì tôi khoái lắm, chửi đã cái miệng, càng chửi càng nghe hùng hồn. Ở ngoài tôi có chửi được ai bao giờ. Tự do là ở chỗ đó. Tôi có liên lạc với mẹ. Bà chỉ khóc, bảo tôi trở về. Lỡ rồi làm sao được, chỉ có nước đi tù. Ra ngoài tôi cũng phải đi lính. Đàng nào cũng rời xa gia đình. Ở đây tôi có sức khỏe. Họ bảo chịu khó vài năm, ngày hòa bình tới bản thân tôi sẽ có

tất cả, chung cái chung của dân tộc. Cho đến sau nầy đôi lúc nghĩ lại, gác bỏ mọi chuyện cơ nghiệp ở đời, tôi thấy mình có lỗi với mẹ cha. Nơi quê nhà, ông bà chỉ quanh quẩn nơi vùng đất nầy, tổ tiên mấy đời vào đây lập nghiệp. Tôi ít khi có dịp liên lạc gia đình, thêm nữa khỏi để phiền phức người ở ngoài. Tôi hoạt động thế nào thì dài dòng lắm nói ra chẳng thú vị gì. Một lần, một lần.... Anh dừng lại hỏi tôi:

- Trước có đi lính pháo binh không?

- Không có. Tôi đáp.

- Không lính nầy cũng lính kia, cứ trông cái tuổi nầy. Anh nhún vai.

Tôi có hơi khó chịu một chút. Mấy năm qua rồi ai hỏi gì, cứ nói hồi trước mình làm lính cho tiện. Còn gì để nói, muốn được yên thân thì cứ giả mù sa mưa là qua mọi chuyện. Anh muốn nói gì thì nói.

...*Cái hôm đó*. Tôi không biết có gì quan trọng mà mãi cứ *cái hôm đó*. Anh chần chờ nữa như muốn nói, nửa như muốn ngừng lại..

Chúng tôi ba người như người bạn cũ ghé qua thăm ông bạn trung úy pháo đội trưởng pháo binh. Thật ra ông ta là người hoạt động nội tuyến từ trước, nằm yên cho đến ngày hành sự. Bọn lính đâu biết gì. Cứ thấy ông thầy cho phép nhậu đãi khách phương xa, thì cứ theo lệnh làm theo. Chắc ăn hơn thì súng cá nhân thu lại, sẵn dịp nói là kiểm tra trước khi có đơn vị sửa chữa vũ khí đến ngày hôm sau. Cho đến lúc giữa chừng buổi tiệc, nội bất xuất ngoại bất nhập. Súng chúng tôi chìa ra uy hiếp. Cả bọn ngơ ngác trước hành động của ông thầy pháo binh. Tất cả nằm úp mặt xuống, chỉ chừa hai tên ra khẩu nạp đạn quay nòng súng pháo 105 ly về hướng tiểu khu. Cùng với tiếng nổ phía ngoài, trong nầy chỉ cần một tràng ria ra là đủ làm sạch. Có tên tà lọt miệng kêu van ông thầy. Nghe giọng điệu nó mà phát ghét. Tôi hùng hổ phạch ngực xông tới. Nó nhìn lấy tôi ngờ ngợ. Cái vết sẹo ở bụng phơi bày trước mặt, tôi nghe tiếng kêu . Trời ơi anh Phạch, em là Sẻo đây. Tôi chưa kịp định hồn. Nó là con dì ba của tôi. Một tiếng nổ sau cùng từ họng súng của ông thầy. Cái đầu nó ngoẽo sang bên , mắt trừng trừng trong cơn co giật. Sự việc bất ngờ quá. Cái loạt đạn đầu tiên chính tay tôi bắn xả vào cả bọn mà. Mọi việc phải nhanh gọn. Bắn vào Tiểu khu một chốc thế nào cũng bị phát hiện, máy bay thế nào cũng lên quan sát. Kiểm tra xác, hình như thiếu một thằng. Có thể nó lợi dụng lúc đi đái mà chuồn. Không kịp nữa rồi, khịa hai tên sau cùng, phá hủy súng trước khi rút đi. Về tới căn cứ hậu cần ở Mo So, lần đầu tiên tôi nằm thao thức, hình ảnh thằng Sẻo chết tức tưởi như một ám ảnh khôn nguôi. Câu ca dao lúc nhỏ mẹ hát ru tôi còn nhớ. *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều. Trông về quê mẹ chín chiều ruột đau*. Tôi không biết cái vết sẹo trong đôi

mắt thằng Sẻo lúc nầy làm tôi đau hay cơn đau bao tử hành hạ mình. Mẹ tôi sẽ nghĩ thế nào? Dì tôi sẽ nghĩ thế nào, một mai khi biết có tôi. Nỗi đau, ám ảnh thật ra chỉ giữ trong lòng. Nói ra thì sai quan điểm, đối với địch thì ta phải dứt khoát, kẹt nỗi nó là thằng em mình. Trước đây tôi không vấn vương điều gì. Sau nầy theo thời gian có tuổi, sự đời lắng xuống làm mình nghĩ suy hơn về chuyện đã qua, nhất là chốn nầy khi tôi muốn tìm một chổ yên thân trú nắng mưa, không gì tốt hơn quay về cảnh cũ ở thời tuổi nhỏ. Lần hồi tôi mới giác ngộ một điều, ai cũng có nhân tính, tôi cảm thấy khổ tâm khi thỉnh thoảng nhìn thấy vợ thằng Sẻo, thấy con nó. Lúc đầu tôi thấy tội nghiệp, lần hồi tôi thấy thương. Có phải là tình yêu không? Tôi không nhận biết, nhưng xa thì nhớ, lại gần thấy vui vẻ hơn. Tôi không biết mở lời thế nào. Nó có trách tôi không? Tôi có cái lý của người chiến thắng. Sống ở đây cũng từ tình cảm. Có gì ngon nó kêu mình một tiếng. Tôi không có làm gì nó hết nghe anh Năm, thấy vậy mà trong trắng, còn giữ quan điểm lập trường lắm đó. Tôi không dám nói sự thật. Tôi dám nói anh Năm nghe, bởi anh Năm là người lớn, chú em mầy cũng từng thời lính tráng, dể hiểu thời loạn ly, đâu thiếu cảnh bẽ bàng.

Anh dừng lại ở đó, hỏi tôi biết núi Mo So không? Có ở đó không? Tụi nầy gọi nó là Ma Thiên Lãnh. Cái núi lớn lắm, gần đó là núi Sơn Trà, mọc đầy cây trái thanh trà chín mong. Rừng hoang, cây hoang , mặc sức mà hái bán, nhưng chốn nầy có ai dám vào. Núi thì là loại núi đá vôi, rất bén ở mấy bề cạnh đá, leo lên bám vào dễ bị cắt chảy máu. Ở lòng trong núi, chao ôi đứng ở dưới ngó lên cao ngút đầu. Thạch nhũ lơ lửng buông thõng từ trên bám rớt xuống. Mấy cái hồ nước bên trong lạnh hơn nước đá. Rời chỗ nầy tôi tiếc lắm, nó là căn cứ huấn luyện, là bệnh xá nghỉ chân, như một giang sơn riêng hùng vĩ. Địch bao vây cả năm trời không làm cách nào tiến vô được, bởi chung quanh bao bọc là thế đất lung, càng đi càng quậy, sình càng lún rồi chìm luôn. Cho đến lúc bị bao vây mấy nút chặn tiếp tế từ biển vào, không thực phẩm cuối cùng phải bỏ, mặc cho chúng tràn vào sau cuộc giao tranh. Thế mới biết, thắng tụi nầy chỉ cần chận đường tiếp vận là xong, theo chi hành quân tìm diệt càn quét, chỉ đánh cái ngọn, mà đâu thấy gốc..Tôi nghĩ vậy nói vậy, trong ruột dĩ nhiên phải rõ ràng hơn bên ngoài. Lý tưởng bây giờ đạt rồi, đường đi tưởng không đến đã đến. Tôi ngồi một mình, cái trước đây không có bây giờ đã có, dĩ nhiên không thể nào buông.

Nghe anh kể tôi thấy buồn quá. Tôi không thích nhắc lại chuyện cũ, bởi đó là nỗi đau nghẹn uất. Nhưng thực tình mà nói, cho dẫu thế nào, cái máu chiến chinh vẫn là gốc rễ bám chặt lấy con người mình. Đó là khoảng thời gian tôi đã lập thân. Tôi nhìn ông Từ Con, nghĩ đến người đàn bà

vướng víu trong tâm hồn anh. Kể ra anh cũng có mối tình muộn oan khiên sau cùng. Trái đất tròn, thật ra có duyên cũng dễ gặp. Cái núi Mo So mà anh nói..... Tôi nhìn lên trần nhà. Giọng ông Từ Con còn đó. Anh Năm vẫn ngồi đó chia sẻ cái tình yêu "có nên không" ở anh. Còn tôi cái cảm giác bồi hồi ngày cũ, cái tình yêu gái trai ở buổi đầu vẫn là nỗi nhớ khôn nguôi của một thời đã xa. Tên gọi một người tình cũ, là Thiều...

Trời đêm mênh mông đằng dặc tối. Cả một màu đen bao phủ, mỗi gốc cây trần trụi nhô lên chỉ đủ cho một người ngồi, chung quanh là nước bủa vây. Gió từ biển thổi vào mát lạnh. Gần tuần lễ nay, ngày tiến đánh đêm ngồi ngủ như thế đó. Bước chân xuống là sình lầy ngang tới bụng. Trước mặt là núi Mo So. Đạn pháo binh ầm ì bắn phá rót vào. Cái miệng hang để đến chân núi, lại có thêm một hòn núi nhỏ chắn trước mặt che lấp. Làm thế nào để bắn đạn cầu vồng lọt giữa hai mặt núi mới là khó. Câu thơ nào đó. Anh rót cho khéo nhé, không lại lầm nhà em.. Đâu phải nhà em chốn nầy. Lúc đêm xuống lạnh lẽo, mắt nhìn trừng về phía trước, thèm một hơi thuốc cũng không dám hút. Hôm đầu tiên đổ xuống mặt trận, từ con đường trải đá nhìn vào phía trong xa, cái mục tiêu là đó, bằng mọi giá phải chiếm cho bằng được, để đạn pháo của địch không bắn vào đây, không bắn phá vào công trường xi măng Hà Tiên nầy. Mượn chỗ từ ủy ban hành chánh xã Dương Hòa, trải rộng phóng đồ hành quân, những dấu chấm bằng bút chì mờ chỉ điểm mục tiêu. Em ngồi đàng xa ở chỗ bàn viết len lén nhìn. Hơn nửa năm nay, biết bao đơn vị thay đổi nhau thanh toán mục tiêu nầy. Nó vẫn còn đó, người dân ngao ngán ở những điều không chắc thắng được. Địa thế địa hình hoàn toàn bất lợi cho hướng tiến quân. Buổi cơm đơn sơ ăn vội. Buổi làm quen khi em dúi vào tay tôi mấy tờ báo văn nghệ. Anh cầm lấy có buồn thì lấy ra đọc. Tôi hơi bất ngờ ở lần em dạn dĩ. Em muốn gởi gấm điều gì? Không đâu, trận đánh ở đây dai dẳng quá. Em có thằng em ở trong đơn vị anh, anh giúp giùm coi sóc nó. Em nói ít mong anh hiểu nhiều. Em sống ở đây em biết, khó lắm. Tôi nói mỗi người một số mệnh. Tôi tin điều đó, phó mặc cho trời, sá gì bản thân. Đừng sợ đừng nghĩ đến. Cái chết có kề cận, cứ tin một điều không phải đến phiên mình. Hình như chưa phải đến phiên tôi thật. Lần nào kéo quân ra mặt lộ nhận tiếp tế thực phẩm đạn dược, Thiều cũng đến gởi gấm thằng em.. Khu vực ở đây nhỏ bé chỉ có mấy trục lộ chính, người ở đây hiền lành . Cái tình Thiều đối với tôi cũng mộc mạc dễ biết, không kiểu cách, làm dáng. Thời gian ngắn ngủi gặp gỡ rồi đi, hứa hẹn gì? Để sau rồi tính.

Cả mấy ngày không giải quyết gì được, khi mà địch cố thủ từ núi, chung quanh là đồng nước mênh mông, càng vào sâu, lung sình làm khó khăn di chuyển. Tiến tới đâu, chỗ trú quân chỉ là mỗi người một gốc tràm

co ro trong gió lạnh. Cho đến ngày thay đổi kế hoạch hành quân. Các nút chặn rải đều ngăn đường tiếp tế, cô lập từ biển vào. Sau cuộc họp, mỗi đại đội lấy ra hai người lính cảm tử trang bị mặt nạ ngừa hơi độc, súng cá nhân gọn nhẹ, tình nguyện mở đường xâm nhập vào núi trước làm đầu cầu. Trong số nầy có Sĩ, em Thiều xung phong. Tôi chỉ biết lặng lẽ, không ai biết trước điều gì sẽ xảy ra cho mỗi phận người, kể cả chính tôi..

Đêm tối. Khi những chiếc máy bay vận tải thả từng mảng lưới bung ra, hàng loạt phuy xăng rơi xuống. Rồi hàng loạt vỏ xe cao su trút xuống. Bốn chiếc trực thăng quần quần bắn rốc két tiếp theo. Cả ngọn núi bừng lên với lửa. Lửa thắp sáng mịt trời, lửa cháy lan ra theo từng hốc kẹt núi, mùi cao su khét lẹt mù mịt bốc lên. Khung trời gió lộng bây giờ chỉ còn có lửa, đêm yên tĩnh bùng lên với lửa. Không có tiếng súng lúc nầy. Cả đơn vị mang mặt nạ phòng thân nín lặng chờ đợi sự xâm nhập từ toán cảm tử quân. Khi có tiếng súng chống trả, ở ngoài từ mỗi gốc tràm, ba hướng tiến quân băng qua khoảng sình nước ngang tới bụng tràn vào. Tiếng nổ ầm ì từ pháo binh yểm trợ, từ hướng phòng thủ của địch chống trả. Một người ngã, hai người ngã. Chúng tôi chấp nhận cái khoảng trống trơ trọi bất lợi từ ngoài xông vào. Thưa mẹ Việt Nam, phút nầy đây không ai còn nghĩ đến bản thân mình nữa, chỉ có tình đồng đội, chỉ có chiến đấu cho sự sống còn của đơn vị. Phải trái hai bên, dàn hàng ngang xông vào. Sống hay chết lúc nầy chỉ có một nghĩa như nhau. Màn đêm rực sáng từ đạn hỏa châu, rực sáng từ những ngọn lửa cháy bừng bừng.. Gió biển lồng lộng thổi. Tiếng rên của những người lính bị thương nằm rải rác ở đường tiến quân, ở chân núi. Tiếng la hét, tiếng đạn, tiếng pháo. Tiếng trực thăng phành phạch hạ cánh bốc thương binh ở phía sau, đèn pha rọi sáng một vùng. Giữa cảnh trời đêm thê lương, sình nước phủ vây trong cảm giác lưng chừng tiến thoái, chưa bao giờ trong đời tôi cảm nhận được trận đánh hỏa công đầy nét hào hùng bi thương, nhưng không kém não nùng nầy.

Cái chết đứng sững ở Sĩ làm tôi đau lòng không ít. Dĩ nhiên sau nầy tôi không dám gặp Thiều. Tôi biết tôi nợ nàng . Biết làm sao hơn . Ngọn cờ kéo lên trên đỉnh núi Mo So. Pháo địch từ đó không còn bắn ra. Làng xóm đời sống dân chúng trở về êm ấm. Thiều vẫn còn ở đó. Mỗi ngày từ con lộ nhỏ nhìn vào ngọn núi sừng sửng bên trong, nàng nghĩ gì? Vết đau, niềm oán hận đổ lên tôi. Cũng đành.

Cái vết sẹo của ông Từ Con. Niềm nhớ ở tôi không hẹn mà gặp, cùng dấy lên chung cùng một điểm hẹn. Bao năm qua rồi đời sống cũ một thời chiến chinh, nó tiềm ẩn lặng yên, chực hờ thức dậy khi có người đánh thức.

Có tiếng chân người đi vô cắt đứt giọng nói của ông Từ Con. Tôi nhìn lên, cái màu áo tím điểm mấy chấm bông, dáng người đàn bà có da thịt, khuôn mặt dễ nhìn.

- Về ăn cơm nghe anh Từ. Mấy anh họp ba miền hả?

- Có đâu, khách lâu ngày gặp. Chuyện cũ nhắc lại cho vui mà.

Anh Năm nhìn tôi ngầm ra hiệu vợ thằng Sẻo trong chuyện vừa nhắc đến. Ông Từ Con lảng sang chuyện khác.

- Dạo nầy mưa nắng bất thường, coi vậy mà thấy nhức mình nhức mẩy, bứt rứt.

Giọng anh Năm:

- Nếu hư và thực đã biết rồi thì thanh nhiệt mát huyết trước đã.

Ông Từ Con nói với tôi:

- Bả ở gần bên nầy. Trở về đôi lúc có họ hàng chăm sóc đỡ khổ.

Quay sang chị ta, anh kêu:

- Em nầy, anh Năm tính nghỉ chỗ nầy rồi đó.

Tôi thấy giữa hai người hình như có sự mật thiết gắn bó hơn câu chuyện vừa kể. Cái nhìn của chị về hướng ông Từ Con, đôi mắt đắm đuối như muốn nói bao điều chất chứa.

Chị hỏi:

- Anh bỏ chỗ nầy làm sao sống?

- Chứ trước đây tôi có sống từ chỗ nầy đâu. Ông Từ Con thì có phụ cấp nghỉ hưu, còn tôi giỏi lắm chỉ mấy cây trái của thập phương, thật tình mà nói, có chị mới mang qua đây nhiều thôi, chị có tâm thành vậy cũng tốt.

Chị an ủi:

- Ừ thôi vậy cũng được, chỗ nầy thanh tịnh, thiếu anh lâu ngày thấy buồn.

- Có rảnh qua đây cúng bái có anh Từ giúp chị một tay.

Giọng chị nũng nịu:

- Mốc xì, ảnh làm được gì. Cứ đứng đó mà gõ chuông lấy đức.

Tôi xen vào:

- Lúc nầy mà làm được việc thiện như anh Năm, anh Từ đây tôi thấy cảm phục. Chỉ tiếc cho anh Năm thầy giỏi mà không có đất thi thố.

Mắt chị ngời lên như hiểu ra điều gì, chị góp ý:

- Bây giờ thời buổi khó khăn làm cái nghề không vốn, không phải dễ. Hay là thế nầy, theo tôi anh có thể làm cái nghề nầy, nhàn rỗi mà sống được.

Anh Năm hình như thích thú thấy có người quan tâm đến mình. Anh hỏi tới:

- Chị có kinh nghiệm của người buôn bán, giúp tôi thì hết ý rồi.

Ông Từ Con ngắt lời :

- Nghề gì nói mẹ ra cho rồi, nói lòng vòng nóng cả ruột. Người ta đang cần, giúp được thì giúp.

Giọng chị:

- Có tốn hao gì đâu mà nóng vội .

Tôi chờ nghe, biết đâu có thể học theo để có nghề kiếm sống. Ở đời cứ mãi bôn ba, đôi khi có những việc nhỏ mà mình không thấy.

- Thì làm thầy cúng. Giọng chị nói tỉnh bơ.

Ông Từ Con như chưa hiểu. Anh Năm nín thinh. Giọng chị:

- Anh chỉ cần sắm cái mõ, cái chuông, học thuộc kinh cầu siêu , cầu an, có đám mời là có việc. Đâu hao tốn bao nhiêu, nó cũng không bó buộc mình nhiều. Anh vẫn sinh hoạt bình thường. Trước đây anh làm nghề cứu người , bây giờ độ người là hợp lý. Người ta cũng phải trả tiền công cho anh. Ai bảo thời buổi nầy không cần? Thời nào không cần cái hình thức cứu nhân độ thế, không dạng nầy thì dạng khác thôi. Xét bên ngoài nhiều quá không tốt, thấy vậy mà không phải vậy.

Ông Từ Con hình như vừa cảm phục, vừa khó chịu với ý chị đưa ra. Anh Năm như sợ mất lòng. Anh ậm ừ:

- Có ý vậy cũng được, để coi.

Chị kéo ghế ngồi xuống quên hẳn chuyện kêu ông Từ Con về ăn cơm, vui vẻ với anh Năm:

- Anh coi mạch lại giùm tôi coi.

- Trong người chị thế nào vậy?

- Đêm ngủ cứ nằm mơ hoài.

Chị vén áo đưa cổ tay ra. Cái cườm tay trắng trẻo. Tôi nghĩ chắc chị không vất vả bao nhiêu trong đời sống. Tôi phục chị thiệt, có chút nhan sắc mà vẫn ở vậy nuôi con.

Anh Năm tĩnh tâm một chút, nghe đi nghe lại :

- Huyết hư sinh bồn chồn. Huyết ứ làm hỏa khí bốc lên nên buồn bực, ngủ hay mơ màng sợ hãi, hay chiêm bao là do trái tim có bệnh. Tâm sinh huyết . Can tàng huyết là thế đó.

Chị cãi:

- Chắc tôi nóng trong mình thôi, chứ tim đâu thấy gì. Hôm nào có mối chạy hàng nhiều, mới cảm thấy mệt, ngồi nghỉ một chút là khỏe thôi

Anh Năm ậm ừ:

- Chị uống nước lạnh nhiều cho nó mát trong người. Uống lúc sáng sớm lúc vừa thức dậy, nín thở uống một hơi, cho nó ép xuống đường ruột, giúp tiêu hóa tốt.

Hình như chị đồng ý với lối giải thích đó. Đến lúc nầy ông Từ Con mới giới thiệu tôi. Anh Năm nói tên ba tôi. Chị vui vẻ:

- Em biết thầy chứ, lúc cái trường dời qua phía bên kia em có theo học. Mình chung xứ sở mà, lòng vòng trước sau cũng biết.

Tôi hỏi thăm gia cảnh chị. Không trả lời tôi, chị còn vướng bận trong đầu mấy chuyện thuốc thang với anh Năm.

- Anh Năm nè, không phải tôi chê mấy hộc thuốc của anh, thật ra mỗi lần tôi nhìn thấy nó, tôi phát sợ, phát nhớ từ chuyện năm xưa tôi đi nhận xác chồng. Cũng mấy cái thùng dài dài kéo ra từng ngăn để xác ướp lạnh...

Ngừng lại một chút, chị nói

- Mấy anh không biết lúc đó.. Nó trơ trọi bơ vơ đau khổ mọi bề. Có ai chia xẻ nỗi đau cho mình lúc nầy. Anh ấy chết không nhắm mắt, mà linh thiêng thật, khi tôi vuốt mắt, cái tình chồng vợ an ủi ảnh phần nào nên mới đi yên. Lúc ấy tôi có mang thằng con bây giờ. Ai nấy nói nó còn nhỏ phá đi, còn lo cuộc đời mình nữa. Nhưng mà nghĩ tới ảnh tôi thấy tội nghiệp, nên nó mới còn đến ngày nay. Vợ chồng coi vậy có gần gũi được bao nhiêu đâu. Mỗi người được cấp một căn nhà trong khu gia binh mà tôi có ở đâu.

Ông Từ Con nói:

- Sao ngu vậy, có sẵn nhà cửa ở không tốn mà còn chê.

Chị nói:

- Thấy thì thấy vậy, nhà nhiều mà đâu có bao nhiêu người chịu ở, bỏ không thôi, ai muốn làm gì thì làm, chứ theo sống thui thủi ở đó mà chờ lương nuôi à, lấy cái gì cho mai hậu, đâu ai chịu bỏ ruộng vườn mắm muối chỗ mình làm ra. Đứng núi nầy mà trông núi nọ, cơ khổ.

Tôi thấy chị nói đúng. Đôi khi có những cái đầy đủ đặt không đúng vào hoàn cảnh chỉ bằng thừa. Cái làng cái xóm cái tình thân , mơ hồ vậy mà khó bứt rời. Nhưng tôi không đủ nghị lực ở lại để sống cho chính gia đình mình.. Không riêng gì tôi, nói ra ai cũng có thể đổ thừa cho hoàn cảnh. Tất cả bỏ lại, kể cả mộ phần cha tôi làm thế nào mang đi được. Mưa trên trời đổ xuống chứ có bao giờ chảy ngược, đâu ai tránh được một lần nước đổ xối trên người mình.

Tôi xin phép ra về cùng lúc với anh Năm. Buổi trưa đúng ngọ là lúc người ta cơm nước nghỉ ngơi, cái quyền tự do của mỗi gia đình ít ai dám phiền nhiễu. Đời sống ở dây nhỏ bé hiền hòa như một công thức không đổi. Không ai tiễn ai, một nơi mà đến đi tùy ý tùy lòng. Một nơi mà tâm trạng mỗi người đến với bao điều muốn giãi bày, quyện tròn với nhang khói đức tin. Tôi đến chỉ muốn nhìn lại kỷ niệm, gặp lại ông bà Từ . Tôi

đến để sống lại với cha tôi thời tuổi nhỏ. Trong thâm tâm, biết đến khi nào, biết có còn không cái cảm xúc bất ngờ dẫn dắt nầy. Nói tiếng ra về ,vậy mà khi ra cửa tôi lại đảo một vòng quanh quẩn phía sau. Mấy bụi cây kiểng, mấy bụi rau thơm, rau đắng mọc lẫn chen chân . Trời nắng gió thổi mát rượi, ước gì lúc nầy gối đầu dưới bụi tre ngủ gục một giấc, có tiếng ru của ngọn cây bụi cỏ..

Hình như có tiếng động xô lệch bàn ghế. Qua khung cửa lá sách, một người đàn ông, một người đàn bà quấn lấy nhau ở thế đứng.. Màu áo tím có chấm mấy bông trắng. Cánh tay của người đàn ông đang đẩy một thân thể sát vào tường, Nàng níu kéo rồi ghì chặt xuống, giọng lạc đi:. Đừng mà.. Mới hôm qua đây bây giờ còn đòi nữa, để mai.... Không có tiếng của người đàn ông, Chỉ nghe tiếng thở, hai giọng thở.

Tôi bỏ đi, tự dưng ái ngại. Có thể nào như thế được. Không thể phê phán vào lúc nầy, ai cũng có quyền tự do sống cho mình. Tôi nhủ vậy. Mỗi người có một đời sống tâm tình riêng. Không ai phải làm theo những điều mình muốn nghĩ.. Cứ giả dụ sống bên nhau là để trả thù nhau, hay ngây thơ tưởng như không biết. Tuồng nhân gian chỉ như câu nói: Thấy vậy mà không phải vậy.

Chắc không từ hình ảnh đó, hay ở đó không có ai cả, chỉ là hình bóng từ trí tưởng mình. Chắc gì người đàn bà đó là vợ thằng Sẻo. Chắc gì ông Từ Con là con ông Từ. Không có tiếng chuông lúc nầy, có nghĩa không ai bận bịu từ tiếng tĩnh tâm, chỉ có mình thấy ở chính mình, một tâm tình gợn đục.

Tôi bước ra cửa trước. Cứ cho là không có gì xảy ra, lấy cái tôi của câu chuyện ra khỏi cái tôi của đời mình. Cái chất liệu nếu có chỉ như một màu vẽ đậm chết, một bức tranh treo ngược không hiểu là gì, để lòng thanh thản hơn. Chuyện có thật hay không thật, lúc thoáng qua, bỗng chốc đâu ai ngờ. Phải. Tôi không ngờ mình vẫn yên ổn ngồi đây trên chuyến xe lăn bánh lạc đường nầy. Tôi không nghĩ mình vẫn ngồi đây mỗi sáng, nhìn ra khung kính cửa, lòng trống không. Cha tôi cũng ngồi vậy đó, trên cái bục xi măng dưới bóng cây mỗi ngày mỗi buổi ngóng con về. *Chim xa cành còn thương cây nhớ cội.* Câu ca dao tiếp theo thôi đừng hát. Không có giọt nước mắt cho lần hạnh ngộ. Bóng chim tăm cá vẫn biền biệt cho đến ngày người nằm xuống.. Năm xưa người ngồi chốn cũ. Bây giờ tôi ngồi đây. Đâu ai chia xẻ, một hình ảnh hai cuộc đời chung cùng nỗi lặng./.

Hoài Ziang Duy

Sinh Hoạt Văn học

Ra mắt tập Thơ văn Hải ngoại năm 2000 tại Montreal

Trưa Chủ Nhật ngày 28 tháng 5 năm 2000, vào lúc 14 giờ, tại Thính Đường Maison Bellarmin, trước khoảng 200 khán thính giả, nhóm *Việt Thường* đã ra mắt *Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000*.

Nhóm *Việt Thường* gồm 6 nhà văn, nhà thơ hiện cư ngụ tại Montreal: Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Song Thao và Trang Châu. Tất cả là thành viên của Trung Tâm Văn Bút Quebec. Nhóm này trước đây đã in tập thơ đầu tiên của Bùi Giáng tại hải ngoại, tập *Thơ Bùi Giáng*, vào năm 1990.

Tuyển Tập dày 664 trang do *Văn Mới* xuất bản, bìa của Họa Sĩ Nguyễn Trọng Khôi. Đây là một tác phẩm có bề dày lẫn chiều sâu, trình bày trang nhã, mỹ thuật. Tác phẩm qui tụ 67 người viết ở khắp nơi tại hải ngoại: 11 nữ, 56 nam gồm 30 nhà thơ, 36 nhà văn và một nhà phê bình.

Sau lễ chào quốc kỳ và mặc niệm các chiến sĩ và đồng bào đã bỏ mình vì lý tưởng tự do, nhà văn Hồ Đình Nghiêm, đại diện Nhóm *Việt Thường* chào mừng quan khách tham dự và trình bày tiến trình thực hiện *Tuyển Tập*. Trong số quan khách hiện diện, đặc biệt có nhà thơ Chân Phương đến từ Boston, Hoa Kỳ.

Nhà thơ Trang Châu, sau đó đã giới thiệu phần Thơ của *Tuyển Tập*. Về tuổi tác ông ghi nhận nhà thơ trẻ nhất ở vào tuổi 46, nhà thơ cao niên nhất ở vào tuổi 68. Như thế rõ ràng có một khoảng trống lớn ở những lứa tuổi 20, 30. Về mặt địa lý, ở Âu Châu có 3 người, Canada có 10 người và Hoa Kỳ có 17 người. Về mặt nội dung, nổi bật lên những chủ đề sau: tinh thần hoài niệm, thân phận lưu vong, những suy tư trước cuộc đời và cuối cùng là tình yêu. Trong phần kết luận, nhà thơ Trang Châu ghi nhận: 25 năm ở hải ngoại, trong lãnh vực sáng tác, có những nhà thơ đã nỗ lực đổi

mới hình thức lẫn nội dung thơ như khai thác đến tận cùng nhạc tính, nhịp ngắt, thay đổi ngôn ngữ và cấu trúc thơ. Ông Trang Châu nhìn nhận hiện nay người đọc còn khá bỡ ngỡ trước một lối thơ gọi là thơ hậu hiện đại hay thơ tân hình thức. Nhưng ông hy vọng, với thời gian, độc giả sẽ quen và sẽ yêu mến như trong quá khứ chúng ta đã từng từ bỏ thơ Đường để đi vào Thơ Mới rồi xa dần Thơ Mới để đi vào thơ Tự Do.

Nhà văn Song Thao giới thiệu phần Văn của *Tuyển Tập*. Về mặt tuổi tác nhà văn trẻ nhất ở vào tuổi 38, nhà văn cao niên nhất ở vào tuổi 65. Về mặt địa lý, có 1 ở Úc, 6 ở Canada, 8 ở Âu Châu và 22 ở Hoa Kỳ. Những chủ đề sau đã được các nhà văn đề cập tới: tù cải tạo, ám ảnh về cuộc chiến, tâm trạng mất quê hương, thực tế bẽ bàng của cuộc sống và những khúc mắc của tình yêu. Trong phần kết luận nhà văn Song Thao khiêm tốn nói ông chỉ làm công việc "đếm những con thuyền đậu trên bến mà không bắt được những cánh buồm no gió rong ruổi trên sông nước". Bởi vì ông thú nhận đã không trình bày được "những chở chuyên, những tinh túy, những thần sắc của các áng văn trong Tuyển Tập". Phần "bắt cái hồn của mỗi truyện", ông xin dành cho người đọc.

Trong Lời Vào Tập, nhóm Việt Thường nêu "mục đích khiêm tốn và nhỏ nhoi" của họ khi thực hiện *Tuyển Tập* là để giúp các thế hệ mai sau phương tiện để gìn giữ và hãnh diện về tiếng mẹ đẻ của mình tại hải ngoại. *Tuyển Tập* còn là một lưu niệm: "Những độc giả hôm nay có thể đánh giá những bài viết trong *Tuyển Tập* theo cái nhìn chủ quan của mỗi người. Nhưng những độc giả của các thế hệ mai sau chắc sẽ không khen chê mà chỉ sẽ, qua những trang sách, bồi hồi mường tượng lại tâm hồn, nhân dáng của lớp người đi trước mình". Và Nhóm *Việt Thường* ước mong *Tuyển Tập* sẽ có "một vị trí tốt đẹp trong thư viện, trong những tủ sách gia đình để 'sống', để làm bạn đồng hành với những thế hệ mai sau".

Buổi ra mắt *Tuyển Tập* đã bế mạc vào khoảng 18 giờ cùng ngày sau phần trình diễn ca nhạc vui tươi và đặc sắc do các ca nhạc sĩ quen thuộc của thành phố Montreal đảm nhiệm.

Lâm Chương ra mắt "Lò Cừ" ở Boston

Đêm Lâm Chương ra mắt "Lò Cừ" do nhóm thân hữu văn nghệ Boston tổ chức lúc 07 giờ đêm 27-05-00 tại nhà hàng Ba Chuông, thành phố Boston. Đến với Lâm Chương, có đông đủ giới cầm bút Boston, một số văn nghệ sĩ các nơi, giới truyền thông báo chí và rất đông những người mến mộ văn Lâm Chương tại địa phương và những vùng phụ cận. Bằng giọng nói trầm ấm, nhã nhặn của một nhà mô phạm, một nhà văn xứ Huế,

anh Trần Doãn Nho giới thiệu tác giả Lâm Chương với tác phẩm *Lò Cừ* đã đưa cử tọa đi vào chương trình ra mắt sách Lâm Chương một cách thân tình và sinh động.

Xen vào chương trình là tiệc rượu thân mật và văn nghệ với những tiết mục ca hát, ngâm thơ chọn lọc. đã kéo dài chương trình đến gần nửa đêm. Một cuộc họp mặt thân hữu văn nghệ đã diễn ra sau đó tại tư gia nhà văn Lâm Chương. Tại đây, anh đã nhận được rất nhiều điện thư và điện thoại của văn hữu khắp nơi gửi về chúc mừng sự thành công của anh trong lần ra mắt tác phẩm thứ hai tại hải ngoại.

Đêm Lâm Chương trở thành đêm không ngủ để "Lò Cừ Nung Nấu Sự Đời"... Rất mong chờ những tác phẩm mới của nhà văn Lâm Chương, của các bạn văn, để chúng ta còn được gặp gỡ nhau bằng những thăng hoa tuyệt diệu của tâm hồn.

phân ưu

Nhận được tin buồn

Cụ bà Nguyễn thị Thêm

Pháp danh Tâm Ngạn

thân mẫu của Anh Châu văn Thọ
Chủ nhiệm Tạp chí Văn Học
Giám đốc Nhà Xuất bản Thanh Văn
đã từ trần tại Huế ngày 30 tháng Năm năm 2000 (tức ngày 27 tháng Tư năm Canh Thìn), hưởng thọ 89 tuổi.

Ban Chủ trương Tạp chí Văn Học, cùng tất cả các văn hữu cộng tác xin thành thật chia buồn cùng Anh Chị Châu văn Thọ, và cầu chúc cho hương hồn Cụ Bà sớm về Cõi Phật.

Ông Bà Mai Kim Ngọc, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Lê Thọ Giáo, Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Đinh Cường, Ông Bà Võ Thắng Tiết, Ông Bà Lê Tất Luyện, Ông Bà Nguyễn Khắc Phú, Ông Bà Nguyễn Hiền Tiên, Ông Bà Nguyễn Khoa Kha, Ông Bà Võ Phiến, Ông Bà Tôn Thất Kỳ, Ông Bà Tôn Thất Khoát, Ông Bà Trương văn Hùng, Ông Bà Nguyễn Đức Quang, Ông Bà Tôn Thất Ngự, Tôn Nữ Tiết, Phùng Nguyễn, Tạ Chí Đại Trường.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Hoài Ziang Duy (Annadale VA), Lê Trung Định (Atascadero CA), Ngô Bút (Oak Hill VA), Phan văn Diệp (đổi địa chỉ, SF CA), Lan Anh Nguyễn (Santa Cruz CA), Đào Minh Châu (Whittier CA), Xuân Phương (SLC UT), Bernard D. Nguyen (Dallas TX), Phạm văn Minh (Bardwell Park NSW Australia), Bùi Ngọc Tô (San Jose CA), Lê Đình Quý (Cerritos, đổi địa chỉ), Library of Congress (Washington D.C.), Hoàng Lam Giang (Seattle WA), Võ Trọng-Hoàng Huy Khánh (Roslindale MA), Xương Nguyễn (Great Falls, VA; đổi địa chỉ), Y Rick Thuận Nguyễn (Rochester MN, gia hạn & đổi địa chỉ), Anh Ho (San Diego CA), Saigon Times (Rosemead CA), Nguyễn Nam An (Irvine CA), Hao Phan (đổi địa chỉ về San Jose CA), Dinh Hoang Phan (Grand Prairie TX), Nguyễn Cương (Houston, TX), Trang Nguyen (Tustin, CA)

Bài nhận được trong tháng:

"Quen thuộc" gửi từ Alameda CA), "Voice Mail" gửi từ Renton WA, "Rủ nhau ta về" gửi từ San Jose CA,"Vài vị thầy học trong đời tôi" gửi từ Thụy sĩ,"Một khi", "Thi đua để tiến bộ" gửi từ Palawan Phi luật tân, "Mỹ từ cho một ánh trăng", "Tình yêu" gửi từ Roxboro Canada, "Hai lần gặp gỡ" gửi từ Garland TX

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện.

Trong tháng Sáu 2000, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được những bài:

Bất hoại (thơ), Slow Dance (thơ), Tâm lung linh (thơ), Tường thuật (sinh hoạt), Tham khảo bài vở về Truyện kể năm 2000 (sinh hoạt), Thông báo của PHD, Phạm Quỳnh (tiểu luận), Trao đổi về cách đọc thơ (sinh hoạt), Phượng tím và Solzhenitsyn (tùy bút), Giật mình tỉnh mộng...(thơ), Thinh không, Giả dụ sau cơn liệt (thơ), Santa Barbara bài con cá (thơ), Langbian hay Lâm Viên vẫn là nhân kiệt (tùy bút), Phải chăng em (thơ), Thơ Dư Bao Đồng (nhiều kỳ gửi).

Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

Đính chính:

Anh Tạ Chí Đại Trường nhờ Văn Học đính chính giùm một lầm lẫn trong "Thần, Người và Đất Việt" bản mới do Văn Học vừa phát hành tháng trước. Trang ảnh 352, chú thích Lí Thái Tông, xin đọc thành Lí Nhân Tông.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Đó đây
Tùy bút của Trúc Chi
Dày 230 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Lò cừ
Truyện ngắn của Lâm Chương
Dày 200 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 10MK

Thần, Người và Đất Việt
Biên khảo sử học (bản mới)
của Tạ Chí Đại Trường
Dày 370 trang. Giá 18MK (Mỹ), ngoài Mỹ 20MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., # 123 Westminster CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)
Phone: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

SÁCH MỚI VỀ MÙA XUÂN NĂM 2000:

* *Hậu trường Chính trị Miền Nam* cuốn 2, 1954-75 (770 tr.) của Đặng văn Nhâm $25.00
* *Tôn vinh cuộc chiến đấu thần thánh của Q.L.V.N.C.H.* (225 tr.) của Phạm Kim Vinh $18.00
* *Cách sử dụng Windows 98* (464 tr.) sách thực dụng điện toán, V.N. Guide Ed. $16.00
* *Sống hạnh phúc chết bình an* (198 tr.) bestseller năm 2000 của Đức Đạt Lai Lạt Ma $15.00
* *Văn phạm Anh ngữ Thực hành* (598 tr.) của Trần văn Điền mới soạn lại năm 1999, $20.00
* *Tự học Computer* (2 videos) để học điện toán bằng video cho dễ hiểu dễ nhớ $14.00
* *Tự học Internet 1* (2 videos) bestseller video dạy sử dụng liên mạng dễ dàng $14.00
* *Mùi hương quế* (322 tr.) tập truyện đầu tay xuất sắc của Dương Như Nguyện $14.00
* *Hồ Xuân Hương Tác phẩm* (272 tr.) biên khảo công phu & giá trị của Nguyễn Ngọc Bích $20.00
* *Khoảng tối nhìn lên* (267 tr.) hồi ký chiến trường nóng bỏng của Đào Đức Bảo $15.00
* *Đạo lý cho thiên niên kỷ mới* (281 tr.) của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Linh Thụy phiên dịch $13.00

"Quê hương mến yêu, chốn sanh trưởng thân thiết, tiếng địa phương nghe từ lúc còn nằm võng ẩn náu trong hồn, tuôn ra đúng lúc, phải chỗ. Kiến thức màu mè, ngôn ngữ phô trương, dồn xuống không cho xuất hiện. Những kể lể, dẫn giải, lý luận, đem vào thể loại khác. Đối thoại mua trang, tuyệt đối không có mặt. Vẽ đường mà đi, lối mòn nên tránh, bản sắc nên giữ. Lắng tai nghe người kể chuyện, học tinh tế từ bất cứ ai. Biến thói đời thế thái làm đề tài, không bi quan, rêu rao. Biến khổ sở thất bại làm kinh nghiệm, không oán trách, bỏ cuộc. Viết là sáng tạo cái mới từ chất liệu quanh ta và ở trong ta, phải thấy và nắm bắt ngay chất liệu. Ngưng xúc động trong hồn để ghi lại trên giấy. Ý không lạ nên cho ngòi bút nghỉ. Cố gắng, cố gắng và cố gắng. Thành thật, thành thật và thành thật."

Đây là bài châm Nguyễn văn Sâm viết cho mình, thường nhựt tụng nhưng ông cũng thú nhận là không biết mình có thuộc, có áp dụng được không?

Muốn tìm câu trả lời, hãy tìm đọc tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN VĂN SÂM

KHÓI SÓNG TRÊN SÔNG

(tập truyện)

Tạp chí Văn xuất bản

sách dày 264 trang. Giá 14 Mỹ kim

NHÀ VĂN NGHỆ TỔNG PHÁT HÀNH

Để đánh dấu 40 năm viết văn làm thơ kể từ khi truyện ngắn đầu tay *Nước Mắt Tuổi Thơ* xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa, *Thư ấn quán* xin giới thiệu hai tác phẩm mới nhất của Trần Hoài Thư:

Đại đội cũ & Trang sách cũ

(truyện, tạp văn và phỏng vấn THT) (Giá $12.00 +)

Những bài văn viết về một thời mà mỗi trang viết là một chúc thư.

Qua sông mùa mận chín (thơ) (Giá $8.00 +)

Một tập thơ của một tác giả được bạn đọc từng xem văn là Thơ.

Giá bao gồm cước phí

Bìa màu được in từ máy laser màu tối tân nhất.
Sách do chính tay tác giả tự in, dán, đóng, cắt bằng phương pháp Book on Demand publishing và Perfect binding.
Có được một cuốn sách do chính tay tác giả tự làm quả là một chuyện hiếm. Càng hiếm nữa, và khó tin nữa là sách có một phẩm chất không thua bất cứ một nhà in chuyên nghiệp nào. Chuyện khó tin nhưng có thật.

Sách chỉ được in theo yêu cầu. Xin liên lạc
Trần Hoài Thư
PO BOX 58
South BoundBrook NJ 08880
ĐT: (908)7691718
Email: tht5@juno.com

Nhà Xuất Bản Văn Mới

Tác phẩm phát hành tháng 5 năm 2000:

CÕI NGƯỜI TRONG
VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN

Tác giả: Huỳnh Văn Phú
Bìa: Khánh Trường

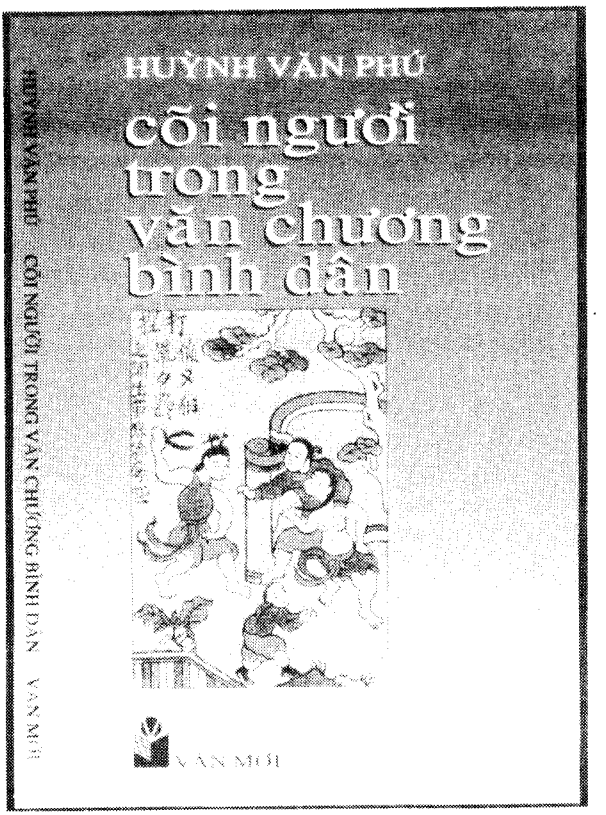

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

Nhà Xuất Bản Văn Mới

Tác phẩm phát hành tháng 6 năm 2000:

****

LỜI TỎ TÌNH ĐÃ CŨ

Tác giả: Hoàng Chính

Bìa và phụ bản: Họa sĩ Nguyễn Thi

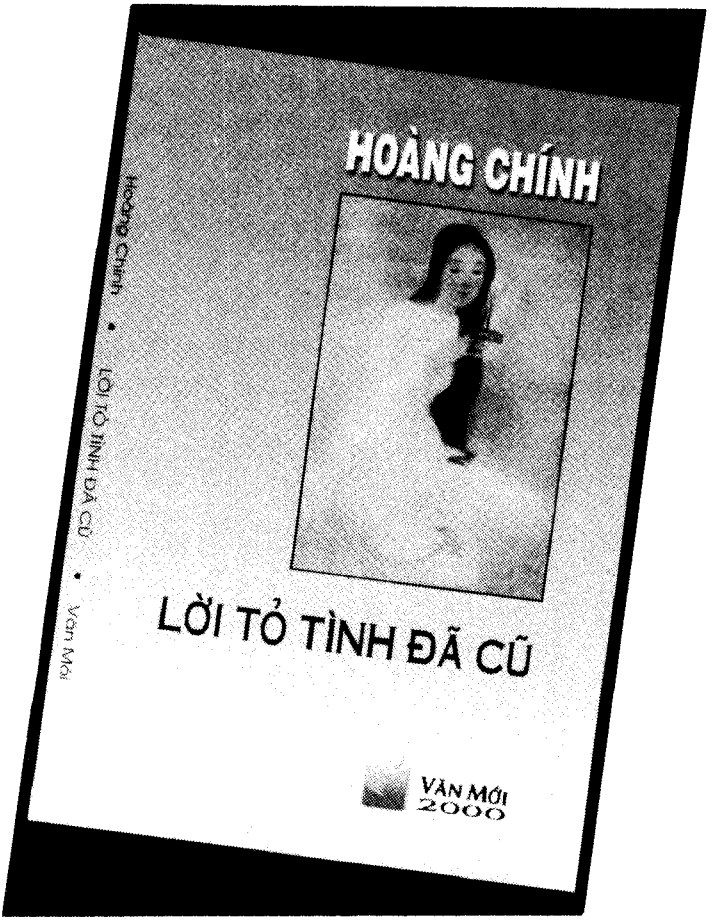

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của nhà xuất bản:
****
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẽo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
Tiến sĩ Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga
Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả
Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú

Sách có bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
Nhà Phát Hành Văn Nghệ:
Điện thoại: (714) 934-8574

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn____năm, từ số____tháng____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627

Xin giới thiệu:

TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỤ 67 TÁC GIẢ

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện

VĂN MỚI xuất bản tháng 4 năm 2000

Bìa Nguyễn Trọng Khôi

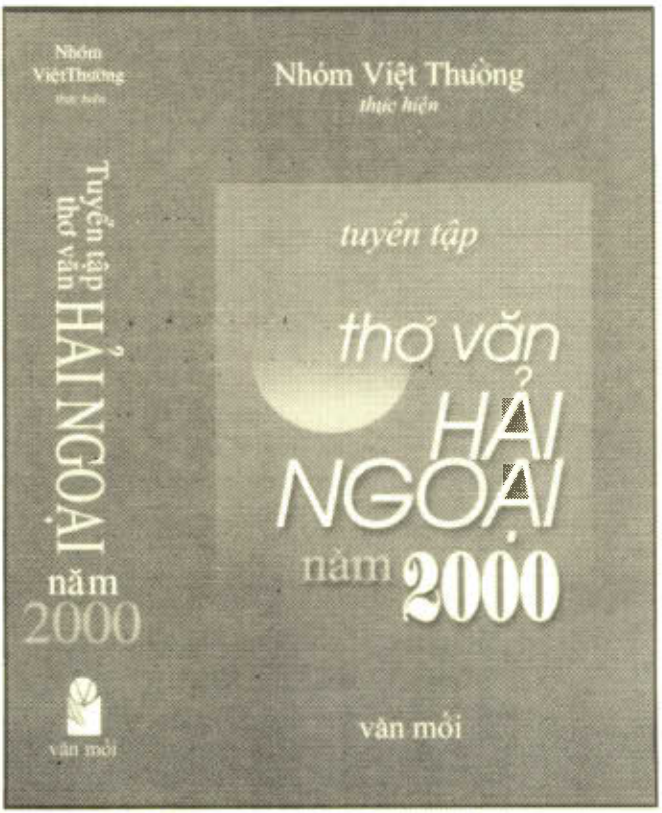

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO
9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel (714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

SÁCH MỚI NĂM 2000

• TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
Hội luận về tôn giáo – Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: triết gia *Jean-Francois Revel* (cha) và nhà bác học-tăng sĩ *Matthieu Ricard* (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. *Linh Thụy* chuyển ngữ.

• CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
tiểu luận *Nguyễn Minh Cần*

• GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
tạp ghi *Hoàng Mai Đạt*

• MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
truyện *Dương Như Nguyện*

• RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
18 chuyện văn nghệ, *Võ Đình*

• MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
Huỳnh Hữu Ủy

• BÔNG HỒNG VÀNG 15MK
Konstantin Paustovsky, *Vũ Thư Hiên* dịch

• GIAI THOẠI THIỀN SƯ 10MK
Lâm Thanh Huyền, *Phạm Huê* dịch

• NHAN SẮC 10MK
truyện *Dương Nghiễm Mậu*

SÁCH MỚI PHÁT HÀNH

• CHUYỆN KỂ NĂM 2000 (toàn tập) 20MK
Ấn bản Thời Mới Canada

Độc giả trong nước Mỹ muốn nhận được CKN 2000 mau trong 3, 4 ngày xin gởi thêm $3.20 + $20 = $23.20.
Sách sẽ gởi theo Priority Mail

Giá:$4.00